



TỦ SÁCH THĂNG LONG
1000 NĂM

ĐOÀN THỊ TÌNH

TRANG PHỤC THĂNG LONG HÀ NỘI



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

TRANG PHỤC
THĂNG LONG - HÀ NỘI

Chỉ đạo thực hiện Dự án:

THÀNH ỦY - ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thường trực Hội đồng Tư vấn khoa học:

GS. VŨ KHIẾU - *Chủ tịch Hội đồng*

PGS. TS. PHẠM QUANG LONG - *Phó Chủ tịch Hội đồng*

PGS. TS. PHẠM XUÂN HẰNG - *Phó Chủ tịch Hội đồng*

Hội đồng khoa học nghiệm thu bản thảo:

TS. NGUYỄN VIỆT CHÚC - *Chủ tịch Hội đồng*

PGS. TS. NGUYỄN VĂN HUY - *Phản biện 1*

PGS. LÊ VĂN LAN - *Phản biện 2*

PGS. TS. NGÔ MẠNH LÂN - *Ủy viên*

NNC. NGUYỄN VINH PHÚC - *Ủy viên*

ThS. NGUYỄN KHẮC OÁNH - *Tổng GD - Tổng BT NXB Hà Nội*

Ông PHẠM QUỐC TUẤN - *Chánh Văn phòng Dự án, Thư ký*

Hội đồng mỹ thuật:

THÀNH ĐÀM - TRẦN HẠY - LÊ HUY VĂN

NGÔ QUANG NAM - VŨ AN CHUÔNG

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Đoàn Thị Tinh

Trang phục Thăng Long - Hà Nội / Đoàn Thị Tinh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2010. - 512tr. : hình vẽ, ảnh ; 24cm. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)

Phụ lục: tr. 403-504. - Thư mục: tr. 505-509

ISBN 9786045500057

1. Trang phục 2. Lịch sử 3. Hà Nội
391.00959731 - dc14

HNB0042p-CIP



TỦ SÁCH THĂNG LONG
1000 NĂM

TS. ĐOÀN THỊ TÌNH

TRANG PHỤC THĂNG LONG - HÀ NỘI



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2010

LỜI GIỚI THIỆU

Nghiên cứu về trang phục Việt Nam là rất khó khăn, về riêng Thủ đô Hà Nội ngày xưa và hôm nay lại càng khó khăn hơn nữa. Những cuốn sách bàn về vấn đề này từ trước đến nay không có bao nhiêu. Sự sách có ghi lại đôi nét về trang phục qua từng thời kỳ nhưng chỉ là mô tả, không có vẽ lại. Tác giả Đoàn Thị Tinh đã căn cứ vào những sự mô tả ấy đồng thời kết hợp với việc đi điều tra thực địa để chụp lại một số tranh vẽ và đặc biệt là những tượng gỗ, tượng đá còn lại ở các chùa đền, đình miếu để từ đó phác họa những kiểu mẫu trang phục qua các thời kỳ.

Từ năm 1987, Tiến sĩ Đoàn Thị Tinh đã cho xuất bản một tập sách về trang phục mang tên: Tìm hiểu trang phục Việt Nam và cuốn sách được tái bản năm 1996. Tôi đã được đọc cuốn sách ấy và đã hoan nghênh công phu sưu tầm nghiên cứu của tác giả.

Viết lại cuốn sách mới này, tác giả đã dành nhiều tâm huyết để tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm thêm tài liệu và đã tạo cho mình một quan niệm đúng đắn về trang phục nói chung và trang phục của Thủ đô Thăng Long nói riêng: quan niệm sau đây đã chi phối quá trình nghiên cứu và biên soạn cuốn sách này.

Theo tác giả đã nêu lên được những đặc điểm của trang phục Việt Nam phải gắn liền với hoàn cảnh địa lý, với thời tiết và khí hậu của đất nước ta, một nước đặt trong vùng nhiệt đới của Đông Nam Á. Chính vì thế mà quần áo phải làm thế nào cho mát mẻ trong mùa hè và ấm áp trong mùa đông và còn phải dựa trên vật liệu mà thiên nhiên Việt Nam mà cung cấp để dần dần dệt nên vải từ bông, đay, gai và tơ lụa từ trồng dâu nuôi tằm.

Căn cứ vào hoàn cảnh sinh hoạt và mức sống khác nhau giữa các tầng lớp nhân dân, phải thấy được tính tất yếu về kiểu dáng ở trang phục cung đình: của vua chúa, của văn quan, võ tướng và kiểu dáng quần áo ở các tầng lớp nhân dân lao động.

Làm thế nào để phát hiện được tính sáng tạo của con người Việt Nam trong việc tạo ra các kiểu quần áo sao cho giản dị trong sinh hoạt gia đình, gọn gàng trong lao động, thoải mái trong lúc đi chơi và trang nghiêm trong ngày lễ hội.

Trình độ thẩm mỹ của nhân dân cần được đi sâu để nêu lên được vì sao: trong bất cứ hoàn cảnh nào, quần áo của người Việt Nam cũng được nghiêm chỉnh với tinh thần “đổi cho sạch, rách cho thơm”, “áo rách khéo vá hơn lành vụng may”. Chính vì thế mà người Việt Nam không chỉ dừng lại ở tình thực dụng của quần áo mà luôn nâng cao chất lượng thẩm mỹ của nó, để cho:

*Tấm áo manh quần, đầu chỉ che thân bằng mảnh vải
Đường kim mũi chỉ, sao cho đẹp dáng ở con người.*

Những quan điểm trên chỉ là lý thuyết mà tác giả đã thực hiện và đạt được những kết quả như sau:

Tác phẩm “Trang phục Thăng Long - Hà Nội” với hơn 500 trang vừa nghiên cứu vừa minh họa bằng hình ảnh là cuốn sách hấp dẫn về cách trình bày và phong phú về nội dung, có ý nghĩa thiết thực đối với người đọc.

Người đọc có thể tìm thấy những dẫn tích thú vị về sự hình thành và phát triển nghề dệt, may, thêu ở Kẻ Chợ, Thăng Long, đất kinh kỳ xưa. Cũng có thể thấy sự ra đời và biến đổi của các kiểu quần áo, giày, dép, mũ và đồ trang sức theo từng thời kỳ và ở các giai tầng khác nhau trong xã hội Thăng Long - Hà Nội theo diễn trình lịch sử. Sự trình bày ấy không chỉ có ý nghĩa thiết thực trong việc đưa thành quả nghiên cứu về trang phục vào thực tiễn hoạt động may mặc mà còn giúp các nhà đạo diễn sân khấu, điện ảnh, các nhà điêu khắc tham khảo để có căn cứ triển khai tác phẩm của mình.

Mặt khác, thông qua trang phục người ta có thể hình dung đời sống vật chất và tinh thần của Thăng Long - Hà Nội qua từng thời kỳ. Diện mạo đất kinh kỳ thông qua trang phục có thể được hình dung từ cảnh sinh hoạt của người dân trong lễ hội, cũng như trong đời sống thường nhật. Sự hưng, vong của một triều đại, các chính sách cai trị của một vị vua cũng có thể hiểu biết thêm thông qua phẩm phục của vua quan, cũng như trang phục, quần áo của người dân thường dùng hàng ngày. Thậm chí, thông qua trang phục còn có thể nhận biết mối bang giao của Thăng Long - Hà Nội với các quốc gia khác.

Cuốn sách cũng đã trình bày lý giải khá thú vị về tác động của chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đến trang phục như thế nào, đồng thời cũng minh chứng đời sống riêng của trang phục trong ý chí, nguyện vọng, lối sống ... tình cảm của người dân Thăng Long - Hà Nội xưa và nay. Đôi khi những chính sách có tính cưỡng chế về trang phục của giai cấp thống trị

không thu được kết quả là bao, nhưng những thay đổi có tính tự nguyện của người dân lại đem đến sự thay đổi đáng kể trong trang phục. Nhà Nguyễn muốn thống nhất trang phục trong cả nước để thể hiện sự thống nhất đất nước không phải là một ý tưởng dở, nhưng lại vấp phải sự kháng cự quyết liệt của người dân: “Tháng tám có chiếu vua ra, cấm quần không đáy người ta hãi hùng”.

Còn người Pháp muốn “Tây hóa” trang phục cũng gặp phải sự chống đối không khoan nhượng của các nhà Nho yêu nước. Tuy nhiên, thông qua trang phục ta còn nhận thấy một khía cạnh khác trong sự dung nạp văn hóa của người dân đất Thăng Long - Hà Nội. Với Âu phục, không phải do ý chí người cầm quyền mà do sự tiện dụng của nó trong sinh hoạt hằng ngày, mà dần dần được chấp nhận. Thanh niên trong Vệ quốc đoàn mặc Âu phục, đội mũ ca - lô đầu phải để ủng hộ chính sách “khai hóa văn minh” của thực dân Pháp, mà là để chống Pháp. Quân phục theo Âu phục vừa gọn nhẹ, khỏe khoắn, tiện dụng và rõ ràng mang yếu tố mới dễ hấp dẫn tuổi trẻ nhập ngũ đánh đuổi thực dân, giải phóng đất nước. Ở đây, ta thấy tính thiết thực cao hơn, vượt lên trên cái cố chấp bảo thủ mang tính hình thức. Cuộc “Âu hóa” trang phục diễn ra trong toàn quân, toàn dân ta cho đến ngày nay như là sự tiếp thu tinh hoa văn hóa trong trang phục một cách tự nguyện, sáng tạo, chứ không vì một sức mạnh cưỡng bức từ bên ngoài và bởi thế nó có sự biến đổi to lớn. Sự mất đi những trang phục không còn thích hợp là một thực tế khách quan trong quá trình cách tân trang phục. Những yếu tố tích cực và tiêu cực của quá trình này đến nay chưa có công trình nghiên cứu chuyên khảo. Tác giả đã một phần nào đề cập đến vấn đề này.

Triều phục của các triều đại phong kiến Việt Nam chịu ảnh hưởng rất lớn của triều phục phương Bắc. Lễ phục thời hiện đại lại chịu ảnh hưởng của “Âu phục”. Việc tìm quốc phục mang bản sắc Việt Nam phù hợp với đời sống hiện đại, quả là việc không dễ dàng. Cuốn sách nghiên cứu rất công phu nhưng cũng chưa hề mở một gợi ý nào cho vấn đề được rất nhiều ngành, nhiều giới quan tâm là quốc phục Việt Nam trong các ngày quốc lễ, hoặc trong đối ngoại thời hiện đại. Việc này rất khó vì quốc phục của ta đã thay đổi qua các thời kỳ lịch sử từ triều phục của Lý Công Uẩn, đến áo dài cán của Hồ Chí Minh, ta sẽ chọn bộ quốc phục nào trước hàng trăm kiểu dáng khác nhau? Chọn bộ quốc phục ấy cho con người ngày nay không phải là phục cổ mà phải thể hiện được tính dân tộc trong thời đại văn minh, trí tuệ.

Điều đáng ghi nhận trong cuốn sách phải kể đến sự trình bày về tiếp biến văn hóa khá thành công chung quanh chiếc áo dài Việt Nam. Chiếc

áo tân thời của Hà thành năm nào không còn hoàn toàn là chiếc áo nũ thân, mớ bu mớ bảy nũ. Rõ ràng nó có sự tiếp nối tự nhiên từ ý tưởng trang phục, từ thị hiếu thẩm mỹ kết hợp nhân tố truyền thống và hiện đại. Cho đến ngày nay, áo dài Việt Nam được thừa nhận như là một trang phục mang bản sắc Việt Nam, không thể lẫn với áo dài Thượng Hải, Hồng Kông hay bất kỳ nơi nào khác. Nó thể hiện nét đẹp truyền thống người phụ nữ Việt Nam dịu dàng, tinh tế, uyển chuyển trong dáng đi điệu đứng, nhẹ nhàng, thanh lịch trong phép ứng xử với người và với cảnh vật xung quanh. Bản bè quốc tế, phụ nữ năm châu mến mộ áo dài Việt Nam thêm cảm tình với con người và đất nước Việt Nam. Nói một cách hình ảnh, tà áo dài Việt Nam đã mang duyên dáng người Việt ra thế giới, để cả cộng đồng quốc tế thừa nhận tính độc đáo và hấp dẫn của nó như là một dấu ấn về bản sắc văn hóa Việt Nam.

Với sự phong phú của ảnh và hình vẽ về trang phục, cuốn sách có thể làm cứ liệu tham khảo tốt cho các nhà tạo mẫu thời trang, các hiệu cắt may trong việc sáng tạo các mẫu trang phục mới vừa mang bản sắc dân tộc, vừa mang dáng vẻ hiện đại đáp ứng được thị hiếu thẩm mỹ đúng đắn trong giới trẻ. Sự hình thành thị hiếu thẩm mỹ đúng đắn là bức tường tự nhiên ngăn chặn một cách hợp lý và hiệu quả xu thế lai căng, phản thẩm mỹ của một bộ phận “sùng bái” mốt ngoại, hàng ngoại, tiếp thu một cách thiếu chọn lọc yếu tố ngoại sinh.

Phần phụ lục của cuốn sách giới thiệu một số làng nghề và sản phẩm dệt may truyền thống, gợi ý một cách tiếp cận mới nhằm gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống trong điều kiện kinh tế thị trường, việc khai thác nó như một sản phẩm du lịch cũng là điều cần được quan tâm.

Từ cuốn sách đầu tiên của mình, tác giả đã dành 10 năm tâm huyết tiếp tục nghiên cứu, biên soạn cuốn “Trang phục Thăng Long - Hà Nội”. Tác giả đã tự nhận xét về sự chưa hoàn chỉnh của cuốn sách là: “chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết”. Nhưng tôi nghĩ đối với bản thân tôi cũng như đối với đông đảo độc giả, cuốn sách của Tiến sĩ Đoàn Thị Tinh đã có những đóng góp rất bổ ích.

Hà Nội tháng 5 năm 2010

AHLĐ. GS. VŨ KHIẾU

MỞ ĐẦU

Vậy là Thăng Long - Hà Nội đã vào tuổi ngàn năm, tuổi của một số ít thành phố trên thế giới có lịch sử, văn hóa lâu đời như thế. Ngàn năm ấy trong long Thăng Long - Hà Nội đã diễn ra biết bao sự kiện hào hùng, bi tráng được ghi trong sử sách như những mốc son không thể phai mờ. Viết về trang phục đất kinh kỳ, góp một nhánh hoa nhỏ vào “Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến” là tâm nguyện nhiều năm nay của chúng tôi. Trang phục không chỉ là chuyện “tắm áo, manh quần” mà nó là văn hóa, là sự kết tinh những giá trị cao đẹp mang đậm bản sắc dân tộc. Nó là tâm hồn, lối sống, nếp nghĩ, bản lĩnh và hành động của con người Việt Nam, con người Thăng Long - Hà Nội vừa có những nét chung, lại vừa có những nét độc đáo của riêng mình. Trang phục Thăng Long - Hà Nội trải qua thăng trầm lịch sử có tinh kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp theo quy luật khá biến trên cơ sở nguồn gốc, nền móng của nó, như cành lá xum xuê, hoa thơm trái ngọt được nuôi dưỡng từ cội rễ vững chắc mà sinh sôi nảy nở. Vậy chuyện trang phục chẳng quan trọng lắm sao?! Người Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân Văn hóa Việt Nam và thế giới Hồ Chí Minh khi viết về văn hóa đã nhấn mạnh: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”⁽¹⁾. Như vậy, chuyện mặc, chuyện trang phục là văn

(1) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập III, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.431.

hóa, nó mang dấu ấn của mỗi vùng, dấu ấn mỗi thời đại, bản sắc mỗi dân tộc. Thông qua trang phục người ta có thể nhận biết người đó tới từ châu Âu hay từ châu Phi, từ vùng Trung Á hay Nam Á, từ Ấn Độ hay từ Trung Hoa... Với cộng đồng các dân tộc Việt Nam chúng ta có thể nhận biết người Dao, người Thái, người Mường, người HMông, người Ê-Đê, Gia-Rai, người Kinh... thông qua trang phục. Thậm chí giữa người Dao đỏ và Dao Tiền cũng có sự khác nhau. Trang phục còn thể hiện sự hưng vong của từng triều đại, những chính sách, tư tưởng, lễ sống, lối sống của con người, thậm chí còn thể hiện cả ý chí của một dân tộc. (Năm 1040, vua Lý Thái Tông đã quyết định dùng gấm vóc do chính dân mình tạo ra, đó là sự tự tôn dân tộc chứ không đơn thuần là chuyện ăn mặc). Khi quân dân thời Trần xâm vào cánh tay hai chữ “Sát Thát” không phải để trang trí mà là để khẳng định quyết tâm tiêu diệt giặc Nguyên Mông. Hoàng đế Quang Trung tuyên bố: “Đánh cho để dài tóc, đánh cho để đen răng” không phải chỉ là chuyện “răng và tóc” mà chính là ý chí độc lập dân tộc! Lời kêu gọi đuổi giặc ngoại xâm, giữ gìn độc lập, nhằm vào thứ thể hiện rõ nét nhất bản sắc riêng của văn hóa Việt Nam đã minh chứng cho ý nghĩa to lớn của trang phục.

Rõ ràng, trang phục như tấm thẻ căn cước để nhận diện một cộng đồng người, nó ghi đậm bản sắc văn hóa từng vùng đất, từng tộc người theo tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của nó. Trang phục Thăng Long - Hà Nội không nằm ngoài quy luật chung đó, đồng thời cũng giàu bản sắc độc đáo của riêng mình.

Thăng Long - Hà Nội nằm giữa đồng bằng Bắc bộ màu mỡ, sớm là nơi hội tụ tinh hoa của văn hóa sông Hồng, mà nền tảng của nó là văn hóa trồng lúa nước. Với nền tảng ấy con người Thăng Long - Hà Nội luôn gắn bó, hòa đồng với thiên nhiên, có đức khoan hòa, tình tế, có lối sống thân thiện, cởi mở với người và cảnh vật xung quanh. Chuộng vẻ đẹp hài hòa, uyển chuyển, mềm mại, linh động, bởi vậy trong cái ăn, cái mặc cũng thể hiện rất rõ điều này. Yếu tố thực vật, sông nước, sản vật từ nuôi trồng cũng như thời tiết nóng ẩm, gió mùa có tác động rất

lớn đến kiểu lựa chọn ăn mặc nói riêng và sinh tồn nói chung. Đất bãi sông Hồng thuận lợi cho việc trồng dâu nuôi tằm. Nghề dệt vải vì thế mà sớm hình thành và phát triển ở đây và các vùng đất xung quanh. Khí hậu nóng ẩm có thể là lý do để con người nơi đây ưa dùng những đồ mỏng, dễ thấm mồ hôi, áo quần thoáng mát. Hơn nữa, nông nghiệp chủ yếu trồng cây, không có chăn nuôi theo đàn gia súc lớn lấy lông, da, thịt nên đồ mặc bằng lông, da không phổ biến như các nước xứ lạnh, văn hóa gốc du mục.

Một điều đặc biệt đáng lưu ý: Kẻ Chợ (Thăng Long xưa) là đô thị đầu tiên của Việt Nam, là trung tâm buôn bán sầm uất nên các sản vật tốt nhất cũng như làng nghề và sản phẩm tinh xảo thường tập trung về đây, từ vải vóc, vàng bạc, nghề may, nghề kim hoàn cũng sớm phát triển. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến trang phục của người dân nơi đây... Đặc biệt so với các địa phương khác đất kinh kỳ là nơi có vua, quan, binh lính, dân thường và nhiều lễ hội lớn nên trang phục cũng có sự khác nhau giữa thường phục cũng như lễ phục. Thêm vào đó Thăng Long là đất kinh kỳ của các triều đại hưng thịnh Lý, Trần, Lê... nên trang phục cũng mang dấu ấn sâu sắc của các triều đại ấy. Chính vì thế mà có người cho rằng có thể tìm thấy sắc màu của triều đại qua sắc màu trang phục. Điều đó có thể chỉ là một cách nói, nhưng có thể khẳng định chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có tác động sâu sắc đến trang phục. Trang phục không bất biến mà thay đổi theo tiến trình lịch sử. Thăng Long - Hà Nội còn là trung tâm của sự bang giao với các nước láng giềng cũng như các nước đến từ Tây phương xa xôi. Sự tiếp xúc, giao lưu văn hóa có cả yếu tố tự nguyện và cả yếu tố cưỡng bức, nhưng dù trong hoàn cảnh nào nó cũng có tác động to lớn cả tiêu cực lẫn tích cực đến trang phục Thăng Long - Hà Nội. Ngày nay trong điều kiện mở cửa, hội nhập, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta đang chứng kiến sự thay đổi tích cực và tiêu cực trong trang phục Thăng Long - Hà Nội với một tốc độ rất đáng quan tâm. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới trong trang phục có lẽ cũng là việc cần nghiên cứu.

Trên thực tế, do nhiều nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan, cho đến nay những công trình nghiên cứu về trang phục Việt Nam nói chung và trang phục Thăng Long - Hà Nội nói riêng cũng chưa nhiều. Đã có một số tác giả nghiên cứu công phu, giới thiệu trang phục Việt Nam trong đó có giới thiệu trang phục Hà Nội. Cũng có một số tác giả cho công bố trên báo và tạp chí một số bài nghiên cứu hoặc dạng ký sự liên quan đến trang phục Thăng Long - Hà Nội. Tuy nhiên, chưa có công trình chuyên khảo nào nghiên cứu có hệ thống về trang phục Thăng Long - Hà Nội ngàn năm lịch sử. Điều này không chỉ hạn chế trong lĩnh vực nghiên cứu, học thuật mà còn gây ra không ít khó khăn trong hoạt động thực tiễn. Việc triển khai các công trình văn hóa, nghệ thuật gặp không ít khó khăn khi động đến trang phục như dựng kịch, dựng phim, tác tượng... Trang phục có ý nghĩa rất sâu sắc. Nhân vật thời Lý lại có trang phục thời Nguyễn, nhân vật là hoàng thân quốc thích Việt Nam lại có trang phục giống như Trung Quốc là điều không thể chấp nhận. Hoặc trong một số lễ hội đã cách tân, cải biến kiểu dáng, màu sắc xa lạ với thẩm mỹ truyền thống. Vấn đề Quốc phục đang được nhiều nhà nghiên cứu và lãnh đạo nước ta quan tâm. Quốc phục là bản sắc, là thể diện và niềm tự hào về văn hóa mặc của mỗi nước trong thời hội nhập.

Xem vậy, việc nghiên cứu và cho xuất bản cuốn sách chuyên khảo về trang phục Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến là việc làm hết sức cần thiết.

Tuy nhiên, để triển khai công trình này chúng tôi gặp không ít khó khăn. Trước tiên là các tư liệu, tài liệu, thư tịch về trang phục Thăng Long - Hà Nội không nhiều, lại nằm rải rác tản mạn ở nhiều nơi, nhiều tác phẩm khác nhau. Có những sách chỉ ghi tên một loại mũ, nhắc đến màu sắc của một kiểu áo, chứ không cho biết cụ thể mũ ấy có kích thước ra sao, hình dáng thế nào, áo ấy dài hay ngắn... Đặc biệt là không có hình vẽ trang phục trong các thư tịch cổ. Như vậy, muốn có đầy đủ thông tin về một loại trang phục nào đó phải tra cứu nhiều tài liệu khác nhau, rồi phân tích, tổng hợp các thông tin, so sánh, suy luận để có một hình mẫu hoàn chỉnh. Những hiện vật bằng đá, bằng đồng, bằng gỗ... các tượng thờ trong

các chùa miếu... cũng là những gợi ý quan trọng cho chúng tôi trong quá trình nghiên cứu. Tuy nhiên cũng phải nhấn mạnh rằng các hiện vật ấy là các tác phẩm nghệ thuật nên trang phục cũng thường được cách điệu. Các căn cứ quý hiếm mà chúng tôi có được phải kể đến một số hiện vật khảo cổ, những đồ tùy táng đã giúp chúng tôi rất nhiều trong quá trình nghiên cứu. Chúng tôi trình bày những vấn đề trên để mong được nhận sự cảm thông, thấu hiểu của độc giả về khó khăn và tâm huyết của chúng tôi.

Về kết cấu, nội dung cuốn sách, chúng tôi trình bày theo sách 3 phần, mỗi phần có 2 chương, dựa trên các mốc lịch sử chính của các triều đại và các thời kỳ. Tuy nhiên, nó cũng gặp phải những hạn chế nhất định vì trang phục không thay đổi một cách hoàn toàn máy móc theo các mốc lịch sử đó. Mặt khác trong lịch sử Thăng Long - Hà Nội có những thời kỳ như thời nhà Hồ, thời nhà Nguyễn, Thăng Long - Hà Nội không phải là kinh đô. Thời nhà Mạc, Lê - Trịnh, Tây Sơn ảnh hưởng không dễ phân biệt. Lại có thời thuộc Minh, thuộc Pháp... Khắc phục những hạn chế đó, chúng tôi có những tiểu dẫn và tiểu kết cho từng phần hy vọng làm cho công trình nghiên cứu về trang phục được liền mạch không bị cắt đoạn bởi các sự kiện lịch sử.

Ngoài các trang viết chúng tôi cố gắng trình bày các tranh, ảnh⁽¹⁾ để người đọc dễ hình dung trang phục Thăng Long - Hà Nội. Hơn thế, có thể làm cơ sở để tạo dựng các trang phục theo yêu cầu của các công trình văn hóa nghệ thuật khác.

Với tấm lòng thành kính các giá trị văn hóa của cha ông trong trang phục Thăng Long - Hà Nội, chúng tôi công bố công trình này như góp bó hoa nhỏ xinh chào mừng Thăng Long - Hà Nội ngàn năm tuổi.

Nhân đây chúng tôi xin chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Hà Nội, Hội đồng tư vấn khoa học dự án “Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn

(1) Các ảnh và hình minh hoạt trong sách chúng tôi ghi rõ nguồn xuất xứ, còn những hình không ghi nguồn là của tác giả.

hiển", cảm ơn các nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa, xã hội, các nhà Hà Nội học... Cảm ơn Phó giáo sư Trần Nghĩa đã đọc và biên dịch một số tư liệu Hán Nôm. Cảm ơn các cơ quan, đoàn thể, các tổ chức và cá nhân đã nhiệt tâm cung cấp tư liệu và giúp đỡ chúng tôi biên soạn cuốn sách này.

Cuốn sách được chúng tôi biên soạn trên tinh thần trách nhiệm trước bạn đọc, nhưng chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Mong được chia sẻ và chỉ giáo, để chính chúng tôi hoặc tổ chức, cá nhân nào khác cho ra đời những công trình nghiên cứu đầy đủ hơn và hoàn chỉnh hơn về trang phục Thăng Long - Hà Nội, đó cũng là tâm thành của chúng tôi khi nghiên cứu vấn đề này.

Hà Nội, năm 2010

TÁC GIẢ

Phần thứ nhất

TRANG PHỤC GIAI ĐOẠN PHONG KIẾN (1010 - 1802)

Chúng tôi chọn khởi đầu từ nhà Lý bởi Lý Thái Tổ định đô ở Thăng Long vào năm 1010, kết thúc khi nhà Nguyễn thiên đô vào Huế, Thăng Long đổi thành bộ phận của tỉnh Hà Nội (1802). Thời kỳ này là thời kỳ độc lập tự chủ của nhà nước Việt Nam quân chủ với các mốc son lịch sử của sự phát triển toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đó là thời nhà Lý, Trần, Lê có sự phát triển rực rỡ trong một thời gian khá dài, tạo nên nền tảng vật chất và tinh thần cho nền độc lập tự chủ của dân tộc Việt Nam và có tác động sâu sắc đến thời kỳ sau.

Trước tiên phải kể đến việc hình thành nhà nước quân chủ phong kiến có vua là người đứng đầu và hệ thống quan lại tương đối thống nhất từ trung ương đến địa phương. Sự tổ chức có tính hệ thống của bộ máy triều đình thể hiện ngay trong việc quy định trang phục của vua và quan chức theo phẩm hàm không chỉ là biểu hiện bên ngoài của quyền lực mà còn khẳng định thực quyền của bộ máy nhà nước phong kiến. Chính vì vậy mà những quy định về trang phục đối với vua, quan từ kiểu cách đến màu sắc của mũ, áo... đều được quy định rõ ràng và được thực hiện một cách nghiêm ngặt. Không có chuyện quan cấp này được sử dụng loại trang phục của quan cấp khác. Sử dụng trang phục của vua là điều cấm kỵ. Quy định này phân biệt rất rõ trang phục của vua quan và tầng lớp bình dân kể cả thường phục và lễ phục. Chính vì vậy trong công trình nghiên cứu này chúng tôi phân chia theo lễ phục và thường phục trong đó có trang phục vua quan và trang phục dân thường. Trong trang phục dân thường có trang phục nam và nữ. Ngoài ra thời kỳ này binh lính cũng đã được tổ chức có

tính chuyên nghiệp hơn. Binh lính sử dụng binh phục theo quy định khác với dân thường nên được xếp vào mục riêng. Về đồ trang sức của các hoàng hậu, cung phi, nữ tỳ cũng có phần khác với dân nữ nhưng nó thường gắn liền với cách mặc nên trong sách không đặt thành mục riêng mà được trình bày cùng với trang phục dành cho các tầng lớp khác nhau trong xã hội.

Thứ hai, thời kỳ này các triều đại kế tiếp nhau đều giương cao ngọn cờ độc lập, khơi dậy niềm tự hào dân tộc nên trong trang phục cũng thể hiện tinh thần này. Các triều đại đều chú trọng việc phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm, dạy nghề dệt, đặc biệt nghề dệt cao cấp tại kinh thành và các vùng phụ cận. Nghề kim hoàn cũng phát triển đáng kể. Những sản phẩm trong nước của trang phục được các vị vua sáng trọng lịch sử dùng như là sự tự tôn dân tộc! Tuy nhiên, Phật giáo và Nho giáo lần lượt thâm nhập và phát triển cũng ảnh hưởng không nhỏ đến xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, trong đó có ảnh hưởng tới trang phục của mọi tầng lớp trong xã hội Việt Nam. Đặc biệt khi nhà nước phong kiến dùng Nho giáo như là phương tiện để tổ chức bộ máy, giáo huấn dân chúng cũng như quan lại, duy trì sự thống trị của vua và trật tự xã hội phong kiến thì những quy định về trang phục càng chi tiết hơn, sự phân tầng xã hội càng rõ nét hơn trong trang phục và nhiều công trình văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc khác. Sự biến đổi và tạo ra những khác biệt nhất định trong trang phục các triều đại Lý, Trần, Lê cũng do những đặc điểm biến động này tạo nên. Mặt khác, sự giao thương với các nước xung quanh, nhất là với Trung Quốc, Ấn Độ... cũng tạo ra những vật liệu mới như vải vóc, tơ lụa... làm cho trang phục cũng phong phú hơn.

Thứ ba, mặc dù với thời gian dài có sự ổn định của các triều đại, nhưng theo quy luật thăng trầm của các triều đại phong kiến, đặc biệt là giao thời giữa Trần và Lê có Hồ và thời thuộc Minh, ngay trong thời Lê cũng có nhà Mạc, Trịnh. Tây Sơn cho nên trang phục cũng có phần ảnh hưởng bởi những gián đoạn đó. Thời Lý - Trần có nhiều sự tương đồng nên chúng tôi xếp cùng chương 1. Nhìn từ nhiều góc độ khác nhau có thể có các cách sắp xếp khác nhau, trong công trình này chúng tôi cố gắng chọn cách tối ưu này để thuận tiện cho việc trình bày một cách hợp lý về

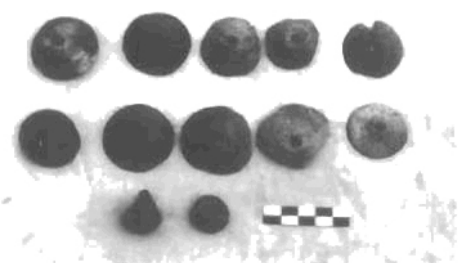
trang phục. Mặt khác, như chúng tôi đã trình bày, trang phục không thay đổi một cách đứt đoạn theo sự thay đổi của các triều đại hoặc các sự kiện chính trị, cho dù sự thay đổi đó có tác động to lớn đến trang phục. Trong trình bày chúng tôi cố gắng phỏng dựng giới thiệu nhiều tranh, ảnh và bản vẽ về trang phục làm cơ sở để đối chiếu, so sánh, góp một phần làm căn cứ cho việc sáng tạo các tác phẩm điêu khắc, hội họa, sân khấu và điện ảnh, cũng như các tác phẩm văn học nghệ thuật khác.

Chương I

TRANG PHỤC THỜI LÝ - TRẦN

1. Trang phục trước thời Lý

Trên đất nước ta, ngành khảo cổ học đã tìm thấy những dọi xe chỉ bằng đất nung, ở di chỉ Bầu Tró, vào giai đoạn hậu kỳ đá mới, giai đoạn Phùng Nguyên, ngoài những dọi xe chỉ còn thấy dấu vết thừng in trên đồ gốm. Những chứng tích này nói lên một loại công cụ đầu tiên từ thời cổ xưa đã được con người sử dụng trong công việc dệt vải⁽¹⁾.



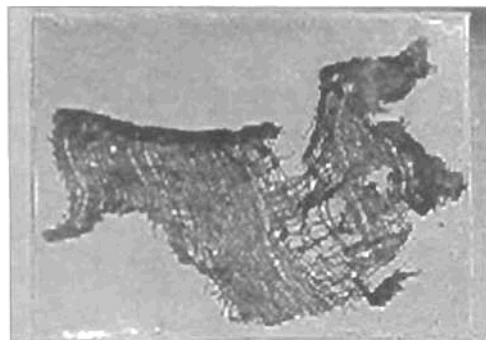
Hình 1: Các loại dọi xe chỉ

Nhiều tư liệu về dân tộc học, khảo cổ học, ngôn ngữ học, văn học dân gian... chứng minh rằng cách đây hàng chục vạn năm, trên mảnh đất này đã có những bầy người nguyên thủy sinh sống. Nhiều hiện vật đồng thau, gốm, đá... có dấu vải và tượng người, hình người chạm khắc cùng với các kiểu trang phục, nằm trong lòng đất từ hàng ngàn năm nay đã được

khai quật, nhắc đến những nền văn hóa lâu đời, cho phép ta khẳng định nhiều vấn đề, trong đó có trang phục của những con người thời xa xưa ấy. Như vậy, *trang phục Việt Nam đã có một lịch sử lâu đời.*

Thực tế cho thấy người Giao Chỉ đã dệt vải bằng sợi cây đay, gai và tơ chuối. Sách *Nam Phương dị vật chí* viết: Họ lấy tơ chuối dệt thành hai loại vải là “hy” và “khích”, đều là vải Giao Chỉ.

(1) Một số báo cáo về khảo cổ học Việt Nam, Bộ Văn hóa - Đội khảo cổ 1966.



Hình 2: Mảnh vãi trong mộ
Châu Can (Phú Xuyên, Hà Nội)

Đầu Công nguyên, người Lạc Việt lại biết trồng dâu, nuôi tằm. Sử đã ghi: “Đất Việt, đất Giao là xứ nóng, thích hợp với sự sinh trưởng của con tằm. Vì tằm là loại dương thích ăn ráo, ghét ẩm thấp”. Tổ tiên ta đã nuôi tằm, chu kỳ thời gian một năm có đến tám lứa với các loại: Bát bối tằm, nguyên trần tằm (ươm vào tháng 3); Thác tằm (tháng 4); Nguyên tằm (tháng 5);

Ái tằm (tháng 6); Hàn trần tằm (tháng 7); Tứ xuất tằm (tháng 9); Hàn tằm (tháng 10). Quý nhất là giống tằm chín hai lần gọi là trần ái.

Bài Ngô đô phú có câu: “*Hương thôn đem cống thứ tơ bát tằm*”.

Nước ta thuộc miền nhiệt đới ẩm, có núi cao, rừng rậm. Có đồng bằng bát ngát phì nhiêu, trung du trù phú. Những điều kiện địa lý khí hậu đó đã thúc đẩy sự phát triển tính đa dạng về trang phục của nhân dân từng vùng, để con người thích nghi và tồn tại.

Nằm trên dải đất này, có một vùng miền khi chưa là kinh đô Thăng Long, thì thiên nhiên nơi đây đã giàu đẹp, nhiều sản vật quý hiếm và con người tự hội sinh tồn đông đúc.

Với địa thế ở vào trung tâm Bắc bộ, vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, gần bộ lạc Dâu cổ xưa của đất bãi ven sông Đuống. Cùng với tín ngưỡng truyền thống của cư dân nông nghiệp. Đã bao đời còn đó các vị thần⁽¹⁾ đã “hóa thân” vào cây dâu để đem lại niềm mong ước mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, để có được câu ca dao: “*Một nong tằm là năm nong kén, một nong kén là chín nên tơ*”.

(1) Các vị thần:

- Pháp Vân: Thần Mây
- Pháp Vũ: Thần Mưa
- Pháp Lôi: Thần Sấm
- Pháp Điện: Thần Chớp

Vùng đất bãi ven sông Hồng được bồi đắp phù sa màu mỡ, nhờ đó có những bãi dâu bát ngát, những cây bông, đay, gai, chuối phát triển. Trong lòng vùng đất Thăng Long cổ xưa, (Nghị Tầm ngày nay), trước thời Lý, là dải đất Tích Ma (đay, gai), là nơi tạo nguồn chất liệu cho trang phục. Những nguyên liệu ấy làm cho nghề dệt phát triển. Từ xưa dân ta đã sản xuất được nhiều loại vải, tạo nên những trang phục phong phú về kiểu dáng, đa dạng về chất liệu.



Hình 3: Hình người với các loại trang phục (khắc trên mặt trống đồng Cổ Loa, Hà Nội)

Như thời Hùng Vương, trong sinh hoạt ngày thường, phụ nữ đã có áo cánh ngắn xẻ ngực, yếm cổ tròn, váy kín, váy mở cùng chiếc đệm váy ngắn, dài, thắt lưng có tua rủ. Đàn ông mặc áo chui đầu hoặc quàng những tấm áo choàng rộng, đóng khố quần một hay hai vòng buông dài về phía trước.



Hình 4: Trang phục phụ nữ trên tượng ở chuôi dao găm



Hình 5: Trang phục phụ nữ trên tượng ở chuôi kiếm ngắn



Hình 6: Người đàn ông búi tóc, đóng khố trên cán muôi ở Việt Khê

Những ngày hội, người dân còn có các loại mũ, áo, váy được kết bằng lông vũ và lá cây cùng đồ trang sức như hoa tai, chuỗi hạt đeo cổ, vòng

tay, vòng chân, nhẫn⁽¹⁾... phong phú về kiểu dáng, đa dạng về chất liệu như đá, đồng, xương, vỏ ốc, v.v....

Tầng lớp trên, thủ lĩnh hay các chiến binh trang bị thêm các loại đai đầu, bao ống chân, ống tay gắn những quả nhạc nhỏ, mảnh giáp hình vuông, hình chữ nhật. Đai lưng đều bằng đồng với các hình trang trí chạm khắc được cách điệu mang tính thẩm mỹ cao.



Hình 7: Các kiểu để tóc và đồ trang sức trên hiện vật khảo cổ

nuôi tằm cũng phổ biến và còn sản xuất được các loại vải bông thô, vải dầy, vải gai, lụa, vải cát bá loại mịn,... Đã biết dùng tơ tre, tơ chuối dệt thành vải⁽²⁾. Vải dệt từ tơ chuối có tên gọi là vải Giao Chỉ⁽⁴⁾. Khăn bông được thêu thùa rất đẹp gọi là bạch điệp. Ngoài ra, còn làm nhiều đồ trang sức bằng vàng bạc (vòng tay, nhẫn, hoa tai, trâm), bằng ngọc (vòng, nhẫn), bằng hổ phách, bằng thủy tinh (chuỗi hạt). Thời thuộc Tề (479 - 502) đã từng phải cống cho triều đình phương Bắc loại mũ đầu mâu hoàn toàn bằng bạc. Khảo cổ học đã phát hiện được một số kiểu khóa thắt lưng, chứng tỏ tục mang thắt lưng khá phổ biến.

Thục Phán dựng nước Âu Lạc, dời đô từ miền núi xuống đồng bằng (miền Cổ Loa). Thời kỳ này trang phục vẫn giữ tục cắt tóc, xăm mình, mặc áo chui đầu, cài khuy bên trái (tả nhiệm) (tục này có từ khi còn chưa sáp nhập hai đất Âu Việt và Lạc Việt)⁽³⁾.

Nghề dệt đã có những bước tiến quan trọng. Nghề trồng dâu

(1) Trần Lâm Biền, *Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*, Sdd, Nxb Văn hóa dân tộc - Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 2001, tr.64.

(2) *Lịch sử Việt Nam*, Sdd, tập I, Nxb Khoa học xã hội, 1971, trang 47.

(3) Phan Đại Doãn - Nguyễn Quang Ngọc, *Những bản tay tài hoa của cha ông*, Sdd, Nxb Giáo dục, 1988, tr.49: "Người ta còn dùng cây dâm trúc loại non đem đập dập rồi ngâm lấy sợi dệt thành vải gọi là trúc sơ bố".

(4) *Lịch sử Việt Nam*, Sdd, tập I, Nxb Khoa học xã hội, 1971, tr.98: "Sách *Nam Phương dị vật chí* viết: "phụ nữ lấy tơ chuối dệt hai loại vải hy và khích đều là vải Giao Chỉ (Giao Chỉ cát)".



*Hình 8: Một đoạn
thắt lưng bằng đồng*
(Bảo tàng Mỹ thuật)

Đầu thế kỷ thứ ba đất nước ta bị nhà Ngô xâm chiếm. Năm 248 đã diễn ra cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu (Triệu Thị Trinh). Theo truyền thuyết, khi ra trận Bà mặc áo vải màu vàng, đi guốc, tóc cài trâm, cưỡi đầu voi, chỉ huy quân tướng đánh giặc.

Nước ta trải qua hơn mười thế kỷ Bắc thuộc, sau chiến thắng Bạch Đằng oanh liệt, năm Kỷ Hợi (939) Ngô Quyền xưng vương, đặt ra các chức quan văn võ, quy định các nghi lễ trong triều và đặc biệt đã quy định về màu sắc phẩm phục quan lại các cấp⁽¹⁾...

Đến triều đại nhà Đinh (968 - 980), về trang phục, sử sách đời sau nhắc đến một số hiện tượng như: (năm 974) quân lính “đều đội mũ chỏm bằng, bốn bên hình vuông. Mũ làm bằng da, bốn cạnh khiu (khâu) lại, trên hẹp dưới rộng, gọi là mũ “tứ phương bình đỉnh”. Đã có áo giáp. Hoặc “năm Thái Bình thứ sáu (975) Đinh Tiên Hoàng định phẩm phục của các quan văn võ”. Hoặc (năm 980) ở một bức thư của nhà Tống gửi cho triều đình ta có nói tới việc nhân dân ta thời đó đều cắt tóc ngắn.

Hoặc có nhắc đến mũ của các đạo sĩ là màu

vàng, áo của các nhà sư là màu thâm, các quan được dùng ấn vàng thì thắt lưng dải tím, được dùng ấn bạc thì thắt lưng dải xanh...

(1) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, Nxb Văn hóa thông tin, 2004, tr.194: Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: “nhà Tiền Ngô nổi lên được, không những chỉ là có công chiến thắng mà thôi, việc đặt trăm quan, chế định triều nghi phẩm phục; có thể thấy được sự quy mô của đế vương”.

Sang thời (Tiền) Lê (981-1009), vua Lê Đại Hành lên ngôi mặc áo long cổn⁽¹⁾, về sau áo mặc thường dùng vóc đỏ, mũ trang sức trăn châu.

Quân đội thường trực của triều đình (gọi là quân túc vệ hoặc thân quân) thích vào trán ba chữ “Thiên tử quân”. Trang bị cho tướng soái và quân cầm vệ mũ đầu mâu, mũ tứ phương bình đỉnh (loại mũ phổ biến của quân đội có từ thời Đinh, các triều đại sau vẫn dùng).

Lê Ngọa Triều năm Ung Thiên thứ 13 (1006) đổi lại phẩm phục cho các quan văn võ và tăng đạo, theo đúng như nhà Tống⁽²⁾.

Dù sao trong vài chục năm trị vì, các vua Ngô, Đinh, Lê cũng đã dành sự quan tâm đến lĩnh vực trang phục để sau này Thăng Long - Hà Nội, với sự ưu đãi của thiên nhiên, đã trở thành một vùng trù phú, với sự siêng năng, tinh khéo của con người: “*Khéo tay nghề, đất lề Kẻ Chợ*”. Trong đó trang phục vừa có cái riêng, lại có cái chung bởi sự nối mạch của văn hóa dân tộc, từ thuở vua Hùng dựng nước sang thời tự chủ Ngô - Đinh - Tiền Lê, cho tới khi nhà Lý định đô và phát triển cho tới ngày nay.

2. Trang phục thời nhà Lý (1009 - 1226)

Lý Công Uẩn lên làm vua, lập ra triều Lý (1009 - 1226). Năm 1010, kinh đô từ Hoa Lư dời về thành Đại La và gọi là Thăng Long. Năm 1054, tên nước được đặt là Đại Việt.

Công việc xây dựng đất nước bắt đầu bước vào quy mô lớn, đặt nền tảng vững chắc và toàn diện cho sự phát triển của quốc gia phong kiến độc lập. Theo đó mà vấn đề trang phục cũng dần dần được hoàn thiện.

Vua đứng đầu triều đình, rồi đến các chức quan cao cấp về văn và võ chia làm chín phẩm cấp và một số cơ quan chuyên trách. Nền kinh tế phát triển mọi mặt, đa dạng và phong phú. Ở thời Lý nghề trồng dâu nuôi tằm

(1) Áo long cổn: áo thêu rồng uốn khúc.

(2) Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Sđđ, tập II, Nxb Sử học, Hà Nội, 1961, tr.105.

dệt lụa được coi như một ngành kinh tế quan trọng. Nhà nước cũng có cơ sở nuôi tằm dệt lụa. Thăng Long có xưởng dệt gấm vóc, có “Quyển khố ty” (kho chứa lụa) để thu lụa của nhân dân⁽¹⁾. Thời kỳ này các thứ thuế cũng đã được đặt ra, trong đó có thuế bãi dâu.

Trên cơ sở nghề trồng dâu nuôi tằm và những sản phẩm vải phục vụ cho việc mặc trong xã hội trước đó, đến thời Lý, nghề dệt đã kế thừa và phát triển cao hơn. Về kỹ thuật, tiếp nhận thêm cách dệt truyền thống của người Chiêm Thành. Công chúa Từ Hoa, con gái vua Lý Thần Tông cùng các cung nữ lập trại tằm tang và chăm lo nghề dệt. Những người thợ đã dệt được đủ các loại gấm, vóc, lụa, đoạn... nhiều màu, có họa tiết trang trí đặc sắc, không những được sử dụng trong nước mà còn làm vật cống phẩm cho triều đình phương Bắc. Sử cũ ghi lại, năm 1156 trong những lễ vật đem cống vua nhà Tống, có 850 tấm đoạn màu vàng thắm, hoa văn rồng cuộn.

Việc thông thương buôn bán được mở rộng, triều đình đã cho mở chợ Tây Nhai⁽²⁾ và các chợ ở cửa ô, rất thuận tiện cho việc đi lại trao đổi sản vật của các tầng lớp cư dân trong, cũng như ngoài kinh thành. Thăng Long có chợ Đông, chợ Tây, chợ Nam. Hàng hóa giữa các miền trong nước và nước ngoài đem đến buôn bán khá sầm uất và phát đạt. Trong các mặt hàng không thể thiếu tơ lụa Đại Việt, gấm vóc phương Bắc, vải Chiêm Thanh..., làm phong phú thêm về chất liệu sử dụng trang phục cho xã hội, cung đình, vua quan, cho nhân dân kinh thành Thăng Long.

Trang phục cung đình

Thời nhà Lý (1010 - 1226) tương đương với thời nhà Tống (960 - 1279) bên Trung Quốc.

(1) Lụa ở giai đoạn này có giá trị như tiền bạc: Triều đình dùng lụa làm lễ vật cống phẩm. Vua chúa lấy lụa ban phát bổng lộc. Nhân dân đem lụa để nộp thuế. Lệ thu thuế lụa tồn tại ở nhiều thế kỷ sau.

(2) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđđ, tập I, Nxb Văn hóa thông tin, 2004, tr.291. Ất Hợi, Thông Thụy năm thứ hai (1035) mở chợ Tây Nhai với hàng lang dài.

Trang phục cung đình ở giai đoạn đầu thời Lý, cũng như thời Tiền Lê đều phỏng theo nhà Tống⁽¹⁾.

Qua tham khảo hình thức trang phục trên bức tượng thờ vua Lý Thái Tổ, đặt tại chùa Kiến Sơ (Phù Đổng, Tiên Sơn, Bắc Ninh)⁽²⁾ ta thấy:

Mũ tượng là loại mũ phước đầu⁽³⁾ phần trên hơi cao, ở giữa mũ có một đường chia cách từ dưới lên trên, hai bên trang trí hai hình mặt trời bốc lửa. Ở giữa trán mũ nhắc lại hình mặt trời bốc lửa, hai bên là hai bông hoa nở. Các đường viền ở mũ đều là những núm nhỏ tượng trưng cho các viên ngọc quý. Đặc biệt hai tai mũ hình cánh chuồn ngắn và mập.

Nhìn chung, đường nét cấu tạo thiên về đường cong, tròn, không có các đường gãy góc, vuông cạnh. Áo bào mở giữa, bả vai, thân áo, đệm xiêm trang trí hình rồng, hình hoa sen, sóng nước... gần gũi với mỹ thuật đương thời nước ta. Tay tượng rất rộng, dài. Chân đi hài mũi hơi cong nhưng lõm giữa. Tay tượng cầm hốt có tua rủ.

Căn cứ vào kiểu dáng mũ đội trên tượng vua Lý Thái Tổ, ta có thể thấy sự khác biệt với mũ cánh chuồn thời Tống (Trung Quốc) có loại được thiết kế quả mũ góc cạnh, hai cánh chuồn rất mảnh và dài, có loại mũ khác, cánh chuồn ngắn nhưng lại quặp xuống sát vai, hoặc qua hình ảnh vua Tống Tuyên Tổ trong sách *5000 năm trang phục Trung Quốc* miêu tả:

Vua đội mũ "Thông thiên quan". Mặt ngoài mũ màu xanh lam ngọc; mặt trong màu đỏ, trên mũ có 24 chiếc nan cong bằng vàng, mỗi chiếc nan cao khoảng 1 xích (33cm) tỏa ra trên một bề mặt rộng cũng một xích chạy từ vành mũ lên đến đỉnh. Trên đỉnh mỗi chiếc nan được gắn một viên ngọc

(1) Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Sđd, tập II, Nxb Sử học, Hà Nội, 1961, tr.106.

(2) Tượng tạc vào thời hậu Lê, nhưng nhiều chi tiết trang phục tương đồng với những quy chế phẩm phục ở thời gian trước đó, nên chúng tôi mạnh dạn đưa vào thời Lý để tham khảo.

(3) Kiểu mũ từ đời Đường, do Ngự Triều Ân là hoạn quan đời Đường Đại Tông (763-779) chế ra. Lúc đầu có bốn góc và bốn tai. Về sau làm hai tai ngang ra, tức như mũ cánh chuồn.



Hình 9: Tượng vua Lý Thái Tổ
(chùa Kiến Sơ, Phù Đồng, Gia Lâm, Hà Nội)



Hình 10: Vua Tống Tuyên Tổ
(trong các triều đại đế vương).

Sách 5000 năm trang phục Trung Quốc

tròn màu xanh, cá thấy 24 viên.
Mặt trước mũ gắn hình một con
ve làm bằng vàng, xung quanh
vành mũ nạm những bông hoa
cũng bằng vàng.

Khi đội, dùng trâm bằng
ngọc tẽ cài mũ vào búi tóc. Hai
bên vành mũ là dây tảo được kết
lại và lỏng những viên ngọc,
huộc ở dưới cằm để giữ mũ định
vị trên đầu.

Bên trong mặc áo lót màu
trắng, ngoài là áo bào màu đỏ
thẫm, cổ chéo (giao lãnh) trên áo
thêu long (rồng), hổ (cọp) bằng
kim tuyến màu hồng. Cổ áo, tay
áo... có đường viền đen, xiêm màu
đỏ và một tấm che gối (tế tất).

Cổ đeo vật trang sức tượng
trưng: Trên tròn, dưới vuông

được gọi là "phương tâm khúc lĩnh". Đai bằng vàng hoặc ngọc, có dây
tơ trang sức. Giày màu đen, mũi cong lõm giữa, tất màu trắng⁽¹⁾.

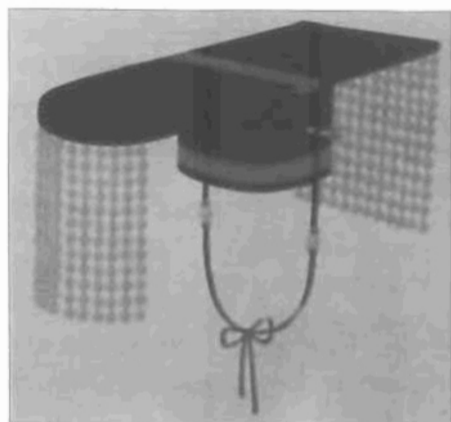
Tham khảo trong sách Chu Lễ có các quy chế trang phục của vua, thì
thấy mũ miện⁽²⁾ và áo cổn⁽³⁾ là tôn nghiêm nhất.

Từ đó có thể tạm hình dung trang phục của vua thời Lý như sau:

(1) PGS. Trần Nghĩa, dịch từ cuốn 5000 năm trang phục Trung Quốc, Sđd, Nxb Hồng
Kông, 1984, tr. 106-126 (tài liệu dịch tay).

(2) Mũ miện được kết cấu: Trên chụp kín đầu, phần đỉnh của mũ có một tấm miện hình
chữ nhật, đằng trước tròn, đằng sau vuông, đằng trước sa xuống, đằng sau hất lên (dài
1 thước 6 tấc), rộng 8 tấc, đằng trước, đằng sau đều 12 tua. Những tua này được xâu
những hạt châu ngọc rủ xuống gọi là "miện lữ".

(3) Áo cổn (là áo thêu rồng uốn khúc).



Hình 11: Mũ miện thời cổ

Lễ phục là loại áo dài mặc ngoài được quy định cho các buổi lễ.

- *Long bào*: Màu đỏ (đỏ tía), cổ đối, thân áo thêu rồng, phượng, cùng họa tiết hoa văn vân mây, sóng nước...

- *Long cổn*: Màu đỏ, thêu rồng uốn khúc.

Hai loại áo trên mặc khi có lễ lớn như triều hội, đăng quang, ban bố sắc lệnh quan trọng.

- *Áo đại cừ* (áo da bằng lông cừu non)⁽¹⁾, đội mũ miện 12 tua, mặc trong lễ Tế Giao. Tế Giao là một đại lễ, có từ thời Lý Anh Tông (1138 - 1175), đặt ra lễ này để tế trời đất. Theo quan niệm đương thời, trời là đáng chí tôn, giữ gìn vận mệnh và ban hạnh phúc cho muôn dân. Vua làm chủ tế, lập đàn viên khấu⁽²⁾ ở phía Nam ngoại thành Thăng Long. Vua ngự xe thái bình khắc gỗ, làm hình bốn mươi vị tiên, mặc áo gấm vóc, ngũ sắc, cầm cờ. Có khi ngự thuyền rồng ở hồ Chu Tước (cửa thành Thăng Long), thuộc phường Bích Câu⁽³⁾, dây kéo thuyền bằng gấm.

- *Hy phục* (là loại áo vải nhỏ, dệt bằng tơ dây sắn)⁽⁴⁾, đội mũ miện năm tua, mặc khi lễ tịch điền. Lễ phục này tương ứng với việc quy định khi tế

(1) Phạm Đình Hổ, *Bị khảo*, Nước ta cũng như miền nam Trung Quốc, mặc áo cừu thường để mặt lông vào trong, mặt bì ra ngoài. Có nhiều loại áo cừu. Như *hổ cừu* (một trăm cái nách con chồn, màu lông trắng, mới may thành một cái áo). *Điều cừu* (áo lột chuột) Tô Tần có một áo điều thủ cừu màu đen. *Dương cừu* (áo lông cừu) cũng còn may bằng lột sơm dương, hải mã, ly lạc; loại áo lông hươu là tốt nhất; Khổng Tử có áo *nhị cừu* tức áo lông hươu non. *Hải mã cừu*, *thất cừu* (lột hải mã, rái cá) che mưa được. Tôn Sĩ Nghị dời Càn Long đánh Tây Sơn có mang áo cừu này, (tờ 49), A.956/TVKHXH.

(2) Viên khấu: Gò tròn.

(3) Nay là phố Bích Câu, nối liền phố Cát Linh với phố Đoàn Thị Điểm thuộc quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

(4) Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Sdd, tập II, Nxb Sử học, Hà Nội, 1961, tr.104.

Theo sách *Tiểu Nhĩ Nhà* của Khổng Phu: Ma, trư, cát (gai, đay, sắn) đều là vải cả.

Thần Xã Thần Tắc⁽¹⁾. Lễ tịch điền được tổ chức nhằm khuyến khích nhân dân chăm lo phát triển cây cấy. Ở nước ta, lễ này có từ thời Tiền Lê, tổ chức đầu tiên vào năm Thiên Phúc thứ tám (987). Đến thời Lý, vào năm Thông Thụy thứ năm (1038), được tổ chức trọng thể hơn.

Sau khi các quan đã chọn đất, đắp đàn, vua vào tế Thần Nông, cầu cho được mùa lúa tốt. Vua tự cầm cày để cày ruộng và còn thường ra các hành cung để xem nhân dân cày cấy và gặt lúa, biểu hiện sự quan tâm tới nông nghiệp, vì đây là nền tảng kinh tế quan trọng của nước ta⁽²⁾.

- Áo gấm vóc ngũ sắc mặc trong lễ sinh nhật (vua Lý Thái Tông 1028 - 1054). Là lễ sinh nhật nhưng lại được gọi là tiết Thiên Thánh, các đời vua đều tổ chức long trọng ở ngoài cửa Quảng Phúc (phía Tây Hoàng Thành).

Vua cũng ngự xe thái bình, chạm bốn mươi vị tiên, do voi kéo, hành voi lam theo kiểu Chiêm Thành, trang sức bằng vàng, có đội long quân theo hầu, các quan đi kiệu hình chim phượng hoàng, hoặc chim anh vũ sơn thên⁽³⁾.

Thường triều: Áo màu vàng, cổ giao lãnh, quần tía, búi tóc cài trâm vàng⁽⁴⁾.

Khi ra trận: Vua đội mũ đầu mâu, mặc chiến bào, giáp trận, đai lưng, đi hia cao cổ.

Về phẩm phục của các quan văn võ:

- Quan nhất phẩm, nhị phẩm: Đội mũ tiến hiền có năm cầu⁽⁵⁾.

- Quan tam phẩm ở các ty và tam phẩm Ngự sử đài, quan ngũ phẩm ở hai sảnh: Đội mũ điều thiên có hai cầu.

(1) Thần Xã Thần Tắc: Xã: là thần thổ địa, Tắc: là thần lúa.

(2) Đỗ Bằng Đoàn - Đỗ Trọng Huề, *Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam*, Sđd, Nxb Hoa Lư, Sài Gòn 1968, tr.96.

(3) Đỗ Bằng Đoàn - Đỗ Trọng Huề, *Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam*, Sđd, Nxb Hoa Lư, Sài Gòn 1968, tr. 157.

(4) Theo Trần Quốc Vượng - Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội nghìn xưa*, Sđd, Nxb Hà Nội, 1998, tr.205.

(5) Theo Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*: Sđd, Nxb Sử học, Hà Nội, 1961, tr.106.

- Quan tứ phẩm, ngũ phẩm, lục phẩm trở xuống: Đội mũ giải trãi có hai cầu.

Về màu sắc:

- Tam phẩm trở lên: Mặc áo màu tía
- Ngũ phẩm trở lên: Mặc áo màu đỏ
- Thất phẩm trở lên: Mặc áo màu lục
- Cửu phẩm trở lên: Mặc áo màu xanh

Những người có công đi đánh Chiêm Thành, từ lục phẩm trở lên áo bào bằng gấm, từ thất phẩm trở xuống, áo bào bằng lụa.

Về thể chế:

Cổ áo bè, tay rộng, dưới có đường lan can ngang, thắt đai da, đi hia đen, đeo túi ngư đại.

Theo tư liệu để lại, đa số các quan triều Lý một thời gian vẫn đeo cái túi thêu hình cá (ngư đại)⁽¹⁾. Màu tía thêu cá vàng, màu đỏ trở xuống thì thêu cá bạc, ít nhiều còn ảnh hưởng lối trang sức của nhà Tống. Lối trang sức này có từ đời Đường (Trung Quốc). Đời Tống cũng dùng. Ở nước ta, từ thời Tiền Lê và đến đầu thời Lý, vẫn sử dụng.

Đeo túi ngư đại không chỉ đơn thuần là đồ trang sức, mà còn có ý nghĩa làm tiêu chí cho quan chức, nó vừa như tín hiệu, vừa như nhắc nhở trách nhiệm của người được đeo nó (quan niệm cho rằng, mất cá suốt ngày đêm không nhắm, nên hàm ý luôn luôn thường trực với trách nhiệm không ngơi nghỉ của quan chức nhà nước). Khi có việc công, mặc phẩm phục, túi ngư đại được đeo vào đai để phân biệt cao thấp.

(1) Lê Quý Đôn - *Văn Đai loại ngữ* Sđd, tập II, Nxb Văn hóa - Viện Văn học, 1962, tr.137: Ngư đại là túi hình con cá, hay có hình con cá. Xưa kia, nó là cái túi đựng cái ngư phù, cái dấu hiệu hình con cá. Sau cái ngư phù không còn nữa, người ta thấy cái túi ấy tiện, nên vẫn dùng và vẫn gọi là ngư đại nhưng chỉ thêu hay vẽ con cá.



*Hình 12: Túi ngư đại
(phỏng dựng)*

Như vậy, từ giai đoạn này nhà Lý đã định hình về bộ máy tổ chức cũng như trang phục, để phù hợp với lễ nghi mang bản sắc riêng của một nước độc lập tự chủ.

Khi bộ máy quan quân được tổ chức lại thì trang phục cũng có những thay đổi, triều phục khi vào chầu vua các quan đội mũ phước đầu, mặc áo bào, thắt đai, đi hia⁽¹⁾.



*Hình 13: Quan nhất phẩm
(phỏng dựng)*

(1) Ngô Sĩ Liên - Phạm Công Trứ, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd (quyển 3, tờ 2): Tháng tám mùa thu. Vua ngự điện Thủy tinh để trăm quan vào chầu. Truyền các quan phải đội mũ phước đầu và đi hia mới cho vào chầu. Đội mũ phước đầu và đi hia bắt đầu có từ đây. VHv 2330/TVKHXH.

Trang phục quân đội

Quân đội cũng được tổ chức chặt chẽ, năm 1059, vua Thánh Tông định lại quân hiệu gồm có các vệ: Ngự long, Vũ thắng, Long dực, Thần điện, Phụng thánh, Bảo thắng, Hùng lược, Vạn tiết. Các vệ chia ra làm tá hữu..., tất cả là 18 vệ⁽¹⁾.

Qua sử sách cũng như hình ảnh khắc họa trên thạch gấm, tượng đá còn lại, có thể hình dung được phần nào một số mẫu hình của trang phục quân lính như các bộ võ phục gồm có mũ đầu mâu trùm kín tai, áo dài đến đầu gối, cánh tay áo được may gọn gàng, bó sát cổ tay. Toàn thân áo được phủ lên bằng những mảnh giáp hoặc những điểm vải trang trí hình xoắn ốc lớn⁽²⁾ hay hình bông hoa nhiều cánh to⁽³⁾ ở ngực. Rất nhiều đường viền song song⁽⁴⁾ hình cong hoặc hình xoắn ốc, tiếp dưới là những quả nhạc nhỏ hoặc những tua rủ rồi mới đến hàng quả nhạc.



*Hình 14: Tượng Kim Cương
(chùa Phật Tích, Bắc Ninh)*

(1) Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Sđd, tập. 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1960, tr.267: Nhà Lý có một tổ chức quân đội chặt chẽ. Theo Chu Khứ Phi, tác giả *Lĩnh ngoại đại đáp*, và Ngô Thì Sĩ, tác giả *Đại Việt sử ký*, thì binh chế thời Lý theo phép quân phủ vệ đời Đường và quân cấm sương đời Tống.

(2) Tượng Kim Cương ở chùa Long Đọi (Đọi Sơn, Duy Tiên, Hà Nam).

(3) Tượng Kim Cương ở chùa Phật Tích (Tiên Sơn, Bắc Ninh).

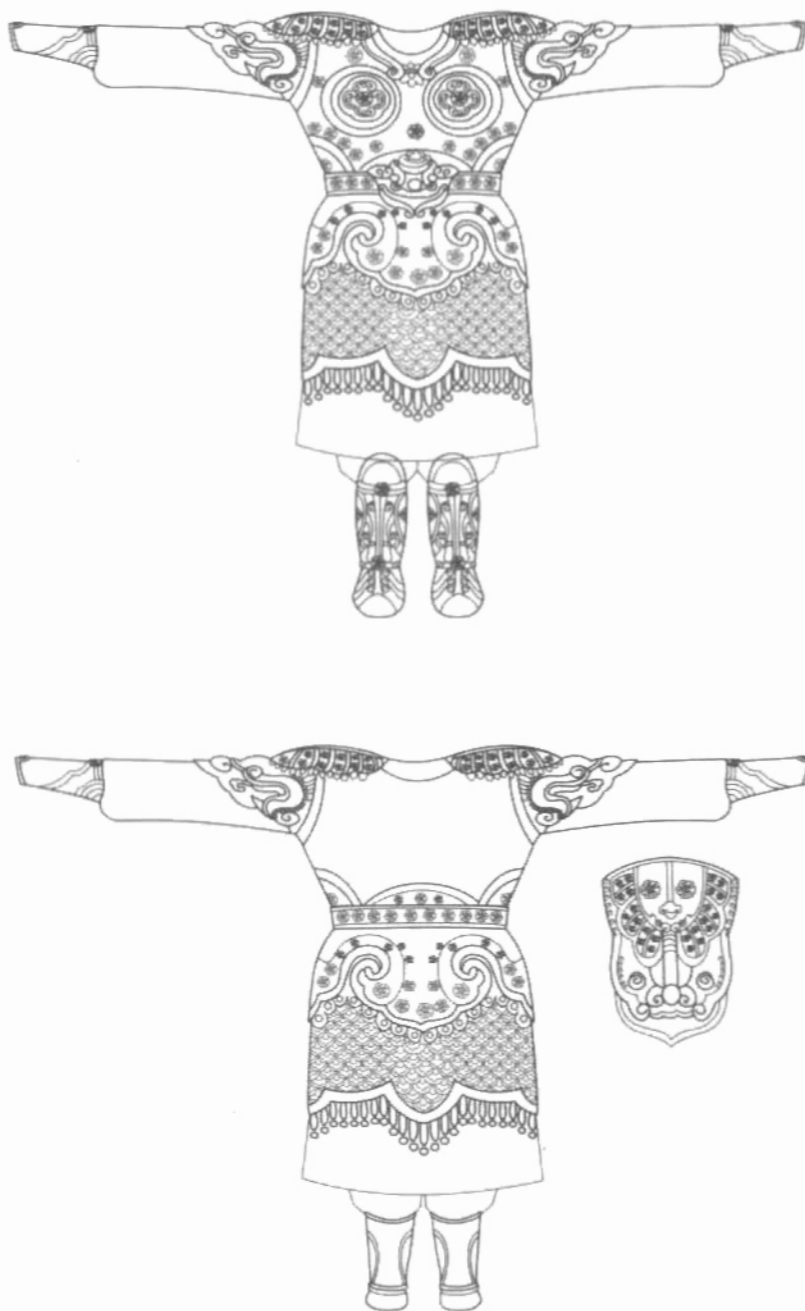
(4) Tượng ở chùa Long Đọi.



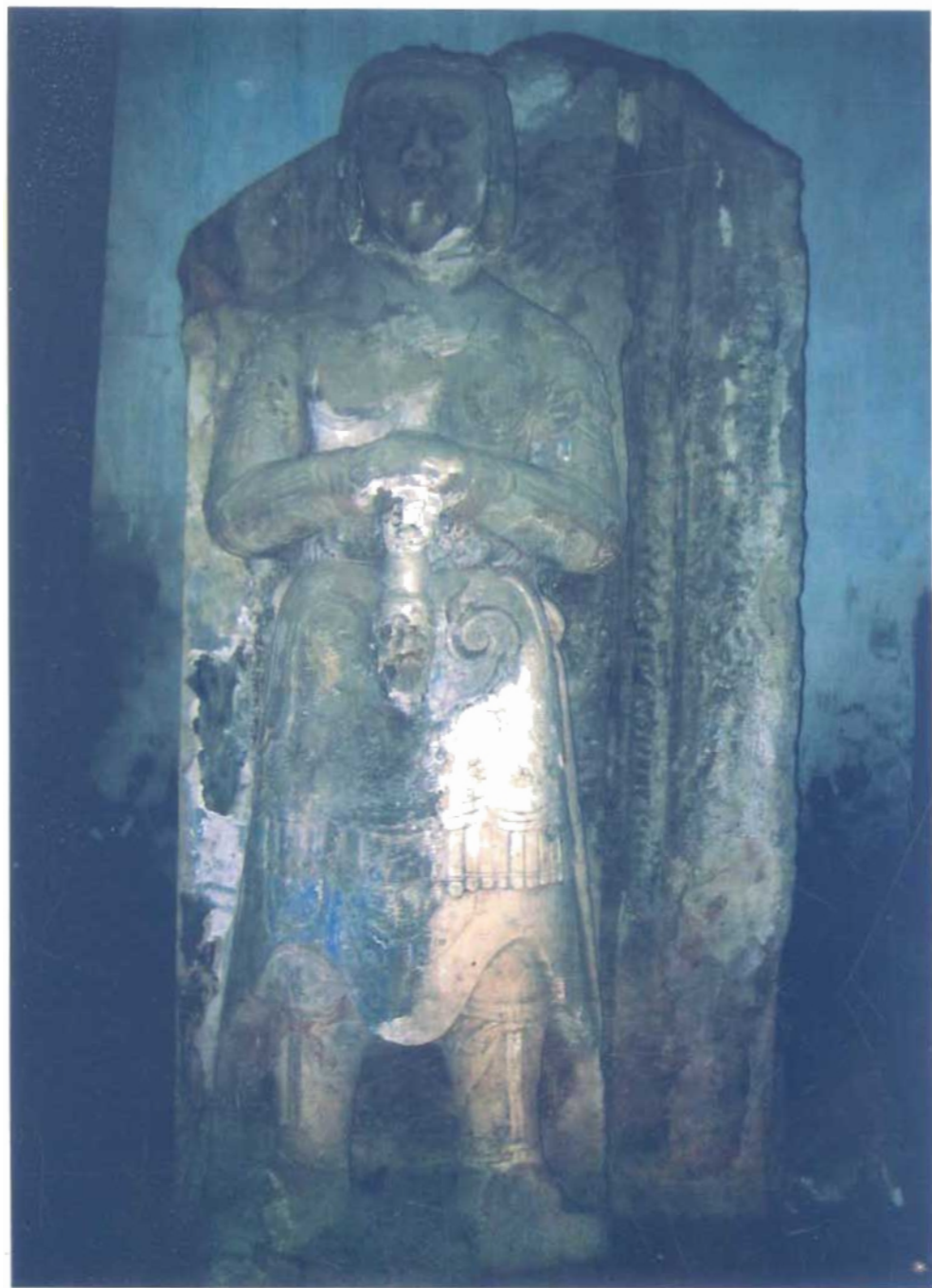
Hình 15a: Tượng Kim Cương
(chùa Long Đọi, Đọi Sơn, Duy Tiên, Hà Nam)



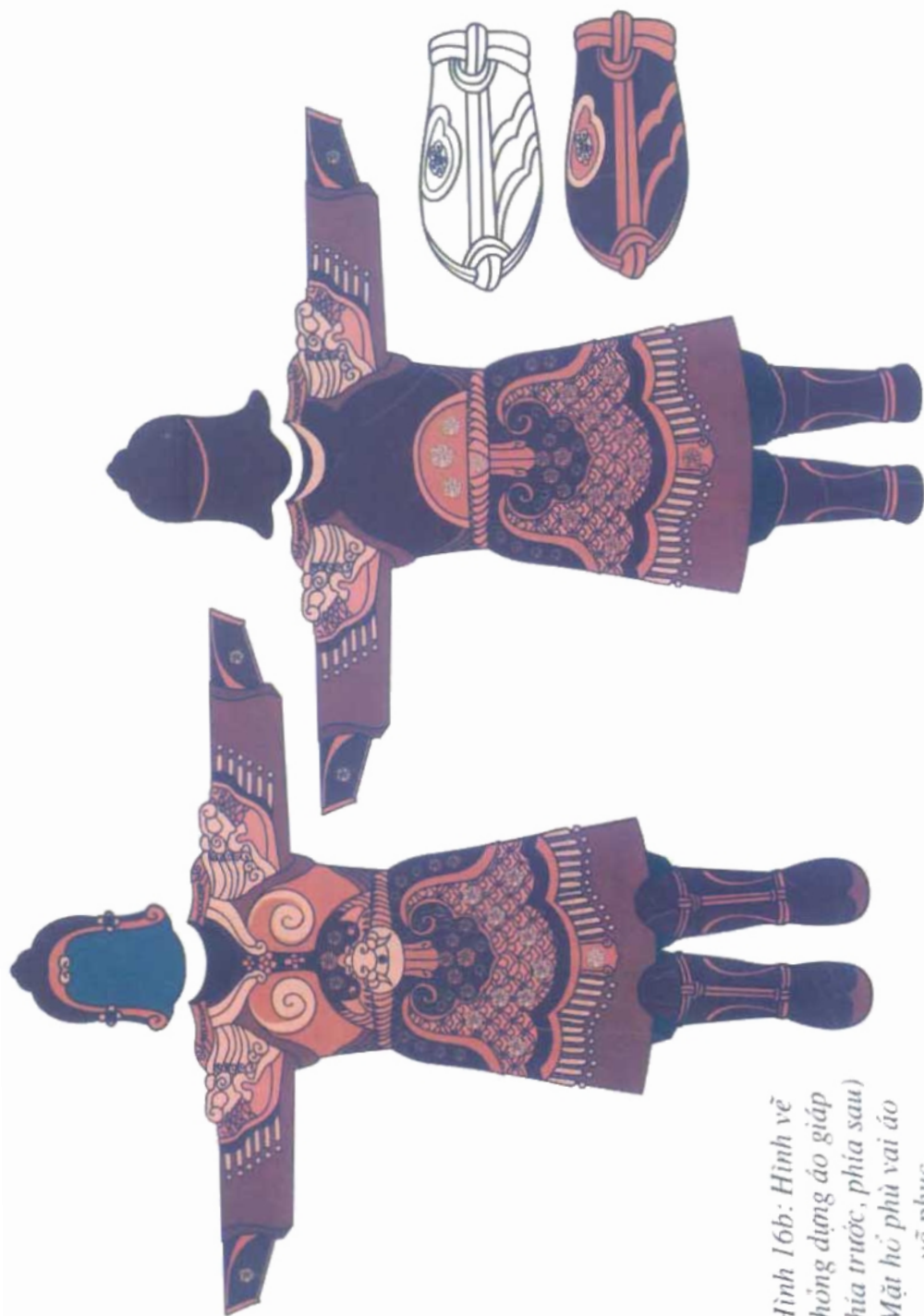
Hình 15b: Hình vẽ phông dựng áo giáp (phía trước, phía sau)



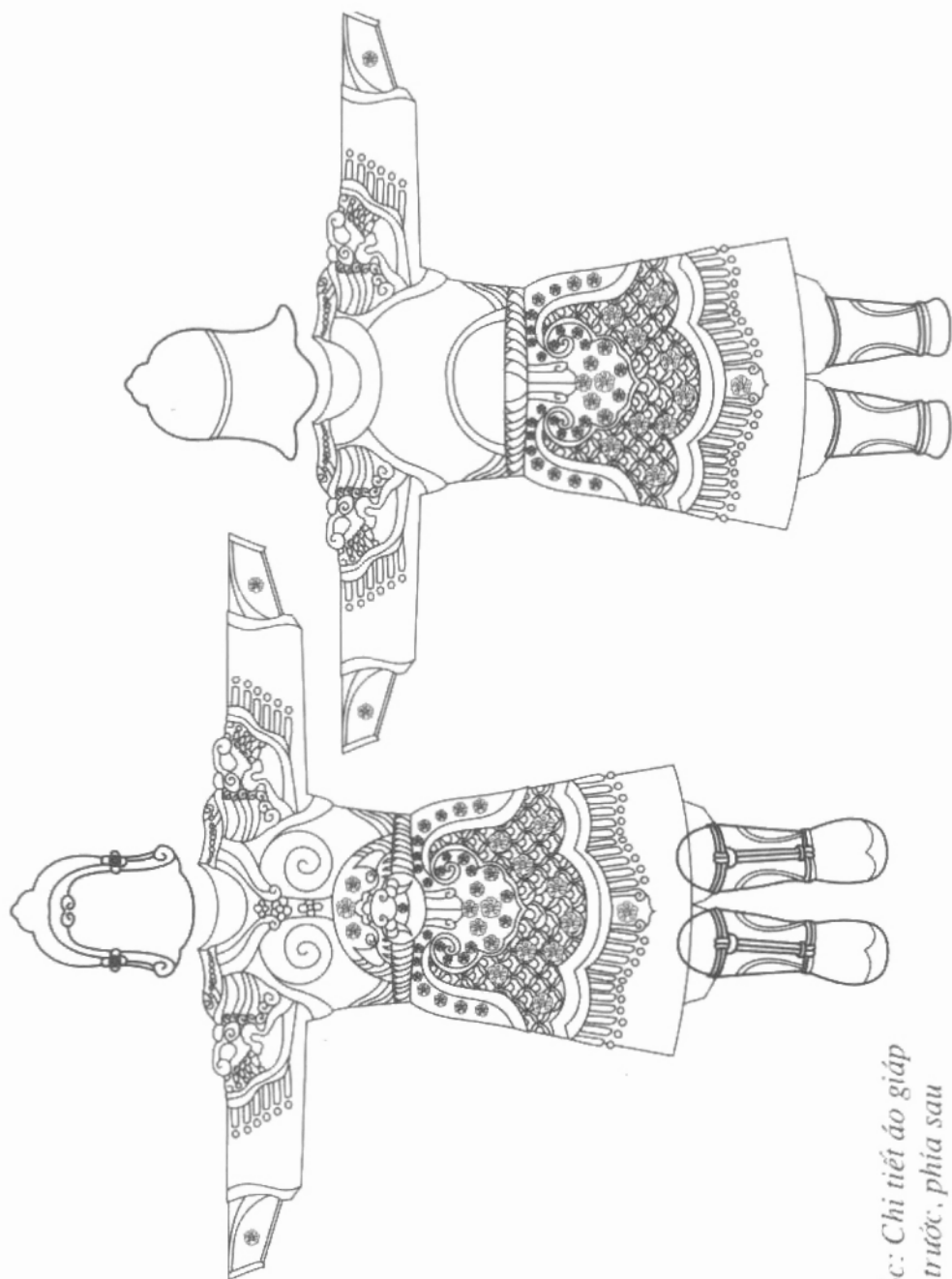
Hình 15c: Hình vẽ phỏng dựng áo giáp
(phía trước, phía sau) - chi tiết



Hình 16a: Tượng Kim Cương
(chùa Long Đọi, Đọi Sơn, Duy Tiên, Hà Nam)



Hình 16b: Hình vẽ
phong dạng áo giáp
(phía trước, phía sau)
Mặt hổ, phủ vai áo
võ phục



Hình 16c: Chi tiết áo giáp
phía trước, phía sau

Có loại áo có cầu vai cũng gắn quâ nhạc, hai vai áo, ở đai bụng con có hình hổ phù... Rải rác khắp thân áo là hình những bông hoa nhỏ nhiều cánh nổi trên nền vải. Nền vải lại được trang trí bằng những họa tiết như hình ngói xếp hay vẩy cá (có thể do thêu hay đó là loại vải dệt hoa nổi).

Dây lưng nếu bằng vải thì buông rủ hai đầu xuống phía trước. Nếu là đai lưng bằng da thì thắt sát vào bụng, đều làm nổi lên đường nét khỏe, đẹp của cơ thể.

Đôi hia ở dưới chân cao đến gần đầu gối và được trang trí đơn giản.

- Các chiến sĩ đang tập luyện võ nghệ, tay cầm giáo, tay giơ khiên, đầu đội mũ đầu mâu, đóng khố, mình trần với thân hình cường tráng, bắp chân xăm hình rồng.

Tuy hình ảnh tư liệu ít ỏi còn lại, nhưng là những cơ sở quý báu để nghiên cứu và phục dựng trang phục quân đội thời Lý.

Các tướng lĩnh chỉ huy đội mũ đầu mâu, mặc giáp, cổ có vân kiên phủ một phần trên ngực và vai. Giáp thường được làm bằng da hay kim loại để bảo vệ ngực, bụng và lưng, đồng thời còn có hai miếng dài ở bên hông để bảo vệ đùi (giáp vế). Cấu tạo cơ bản của giáp gồm có hai phần: Một là, những miếng cố định ở trước ngực và sau lưng. Hai là, miếng giáp hoạt động ở bả vai, cổ và eo lưng. Thắt đai lưng, đi hia cao.

Giáp của ta đơn giản, không nhiều lớp như giáp của Trung Quốc. Tuy nhiên cũng tùy cấp bậc mà được trang trí nhiều hay ít các họa tiết, hoa văn như mặt hổ phù, vẩy cá...

Thân quân (cấm quân), đội mũ đầu mâu, trên trán thích ba chữ “Thiên tử quân”. Áo tứ thân, dài quá đầu gối hoặc ngắn chấm mông, cổ tròn. Tay áo rộng, nơi cổ tay áo có một miếng da hoặc vải dày huộc ra ngoài (như hình thức bao tay của chiến binh thời Hùng Vương).

Áo giáp hai mảnh⁽¹⁾, làm bằng da mềm, mặt sau một lớp, mặt trước hai lớp. Cạnh thân trước và sau khâu liền lại, một bên có dây huộc. Mặt trước

(1) Theo *Tám nang thư*, mục cổ kim khí dụng đồ, Sdd (AB.607 - TVKHXH).

áo giáp thường được sơn và vẽ hình, hoặc ở lưng, ngực có gắn miếng bảo vệ hình tròn bằng kim loại và được mặc ra ngoài áo ngắn. Có trường hợp thay vì chất liệu da, áo giáp được may bằng vải dày, kiểu áo dài tứ thân viền nẹp, không tay, gài nút hoặc buộc trước ngực. Thắt lưng da hoặc vải hay lụa to bản ôm sát vào bụng. Quần ống rộng, quần xà cạp, chân đi hia hoặc dép da⁽¹⁾.

Quân đội riêng của các vương hầu có kim bài để phân biệt và làm hiệu lệnh.

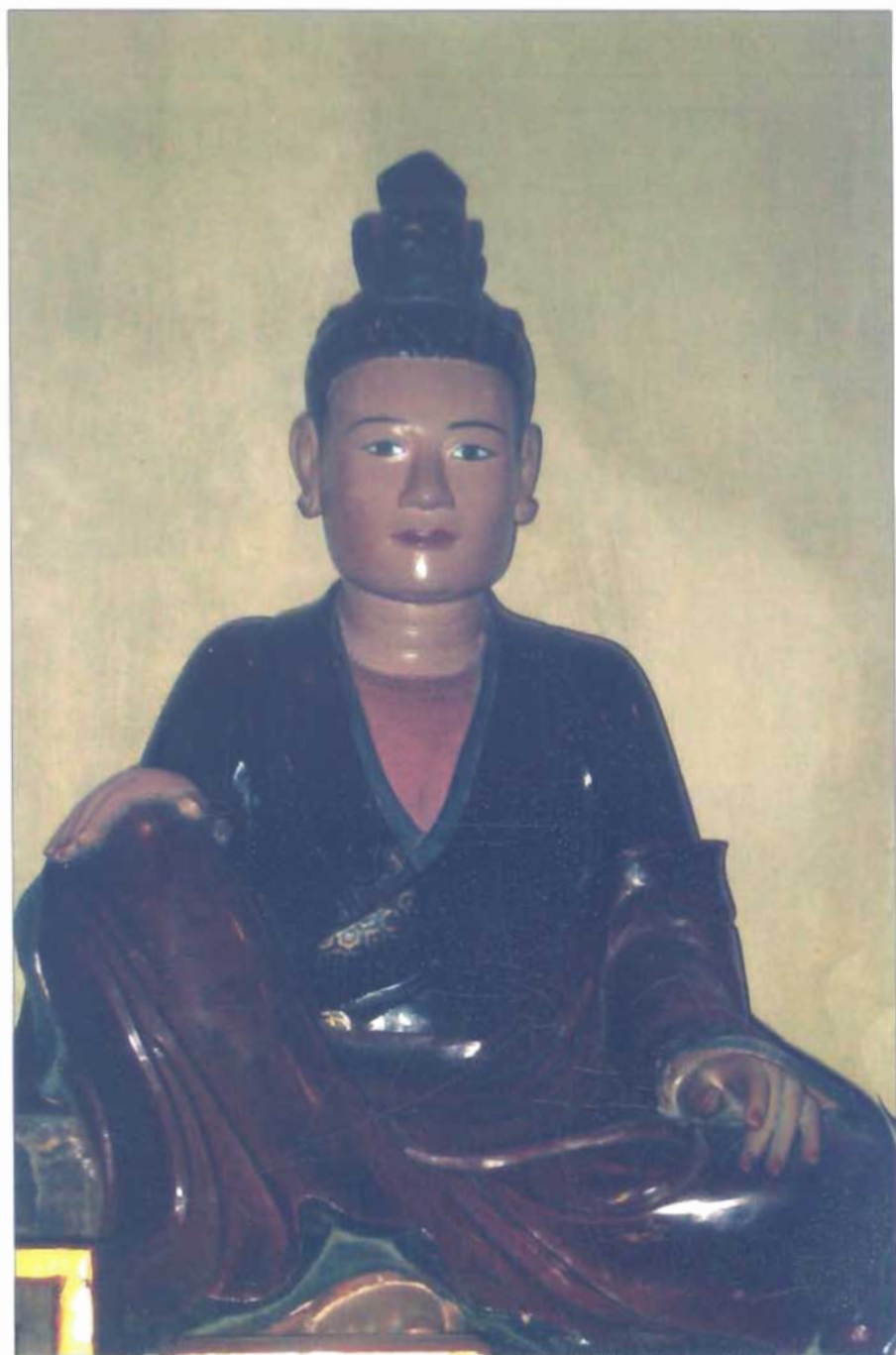
Sương binh (quân các địa phương), dân binh: Mũ tứ phương bình đỉnh, áo tứ thân dài hoặc ngắn, áo cổ tròn. Ở bả vai, phần cổ, hai mép tà thân trước và cửa tay áo thường đắp vải khác màu, khuy vải tèt đồng màu với áo.

Ngoài ra, còn có trường hợp quân lính khi thì đội mũ, lúc thì quấn khăn hoặc để đầu trần, mặc quần hay đóng khố... hoặc có khi được trang bị thêm các phụ trang khác, để thích ứng với môi trường, hoàn cảnh chiến đấu cũng như đặc thù của từng đội lính như quân bộ, quân kỵ, quân thủy. Quân của triều đình tham gia lễ hội, mặc nhung phục (đồng phục). Từ vua đến quân sĩ ai cũng xăm mình. Quân cấm vệ xăm vào ngực và chân những dấu hiệu riêng và được phép xăm hình rồng lên người. Trên trán mỗi người lính vẫn có thếp ba chữ “Thiên tử quân” (như ở thời Tiền Lê).

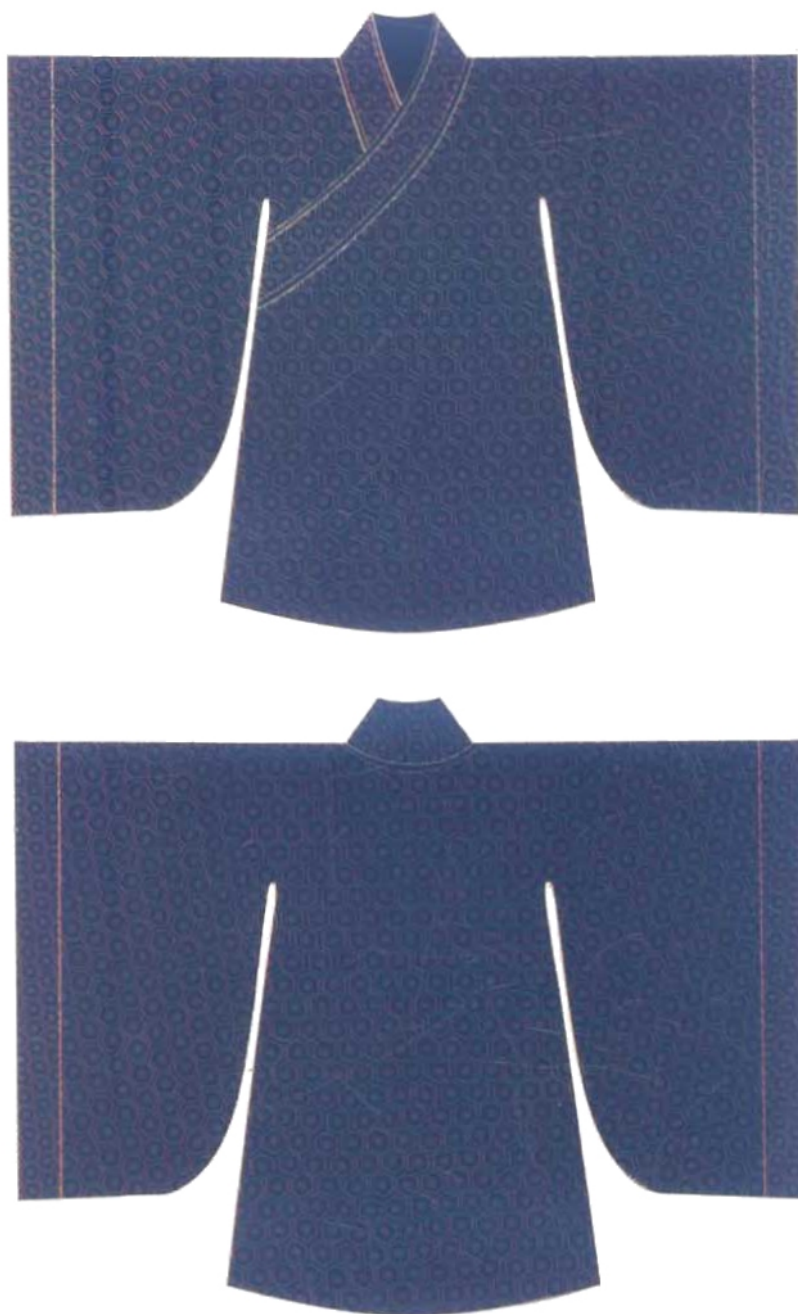
Nữ phục: Qua những bức tượng, phù điêu chạm khắc, ta thấy được phân nào trang phục của những người phụ nữ trong cung đình như tượng các công chúa thời Lý, ở chùa Lý Quốc Sư, Hà Nội, cho dù được tạc vào thời gian sau này⁽²⁾, nhưng chúng tôi thấy lối trang phục gắn với những quy định phổ biến ở giai đoạn thời Lý. Nhìn chung các bức tượng có cùng một lối phục sức:

(1) Da thuộc xếp hai lớp, trong cắt hình bàn chân, ngoài rộng, cắt hình cánh hoa, đầu cánh hoa dài lỗ, khâu dây mềm, khi xỏ chân thì rút dây cho cánh hoa chum vào cổ chân.

(2) Đây là những pho tượng Hậu, mà theo một số nhà nghiên cứu mỹ thuật cho rằng là bốn tượng công chúa và ba quan đại thần nhà Lý, được tạc vào lần trùng tu lớn thứ hai của đền Thiên Thị, vào năm 1855.



*Hình 17a: Công chúa thời Lý (tượng gỗ thế kỷ XIX) -
chùa Lý Quốc Sư, Hà Nội*



Hình 17b: Hình vẽ phẳng dựng: áo phía trước, phía sau

Búi tóc cao lên đỉnh đầu, có khăn, mũ nhỏ phủ bao tóc, bên trong mặc yếm, ngoài là hai chiếc áo dài mặc lồng với nhau, cổ áo giao lãnh, cài chéo vạt sang phải, nhưng tràng vạt áo ngoài có nẹp cổ to hơn, được trang trí họa tiết hoa văn đẹp, tay dài, rộng hơn áo bên trong. Khăn trùm vai buông lơ lửng ngang lưng, đầu khăn vắt nhẹ vào cánh tay. Váy dài, rộng, phủ kín dưới chân, toàn bộ trang phục như gọi cho chúng ta về chất liệu gấm, lụa của đương thời, cũng như gọi cho chúng ta về chất liệu mềm mại của trang phục.

Trang phục các vũ nữ: Tóc thường búi cao lên đỉnh đầu, trên trán có một điểm trang trí, mái tóc điểm những bông hoa⁽¹⁾, cổ đeo những chuỗi hạt, tay đeo vòng. Mặc yếm, vân kiên phủ bờ vai, váy ngắn có nhiều nếp⁽²⁾, thắt lưng lụa và dây tơ tết, phía trước có hàng tua buông rủ. Trang phục của nhạc công cũng khá độc đáo. Mũ trùm kín tóc, phía trên mũ được làm cao lên và trang trí các điểm uốn lượn. Áo cánh trong tay dài và chít ở cổ tay, bên ngoài là một chiếc áo cộc tay. Quanh cổ áo có tấm vân kiên⁽³⁾. Quanh bụng đeo những dải xiêm, có trang trí nhiều đường thêu đẹp. Bụng chân quấn xà cạp và chân đi giày vải mũi nhọn⁽⁴⁾.

Trang phục nhân dân

Pháp luật thời Lý có tinh chất cũng có chế độ đẳng cấp. Quý tộc, quan liêu được hưởng nhiều đặc quyền, trong đó có phần trang phục để phân biệt với nhân dân.

Dưới thời Lý, đời sống kinh tế được phát triển, trong xã hội đã có nhiều thành phần như: nông dân canh tác nông nghiệp, thợ thủ công, người đi buôn, nhà sư, đạo sĩ và học sinh...

Trong việc mặc, để thích ứng với ngành nghề, phù hợp với khả năng kinh tế, mối quan hệ xã hội của các thành phần sĩ, nông, công, thương, đã

(1) Như tượng đá đầu người mình chim chùa Phật Tích.

(2) Như tượng đá chạm nổi ở thành bậc tháp Chương Dương (Ỗ Yên, Nam Định), như tượng đất nung chùa Long Đọi (Hà Nam).

(3) Vân kiên: Tấm vải trang trí đẹp, có loại có tua, trùm một phần ngực, lưng và vai.

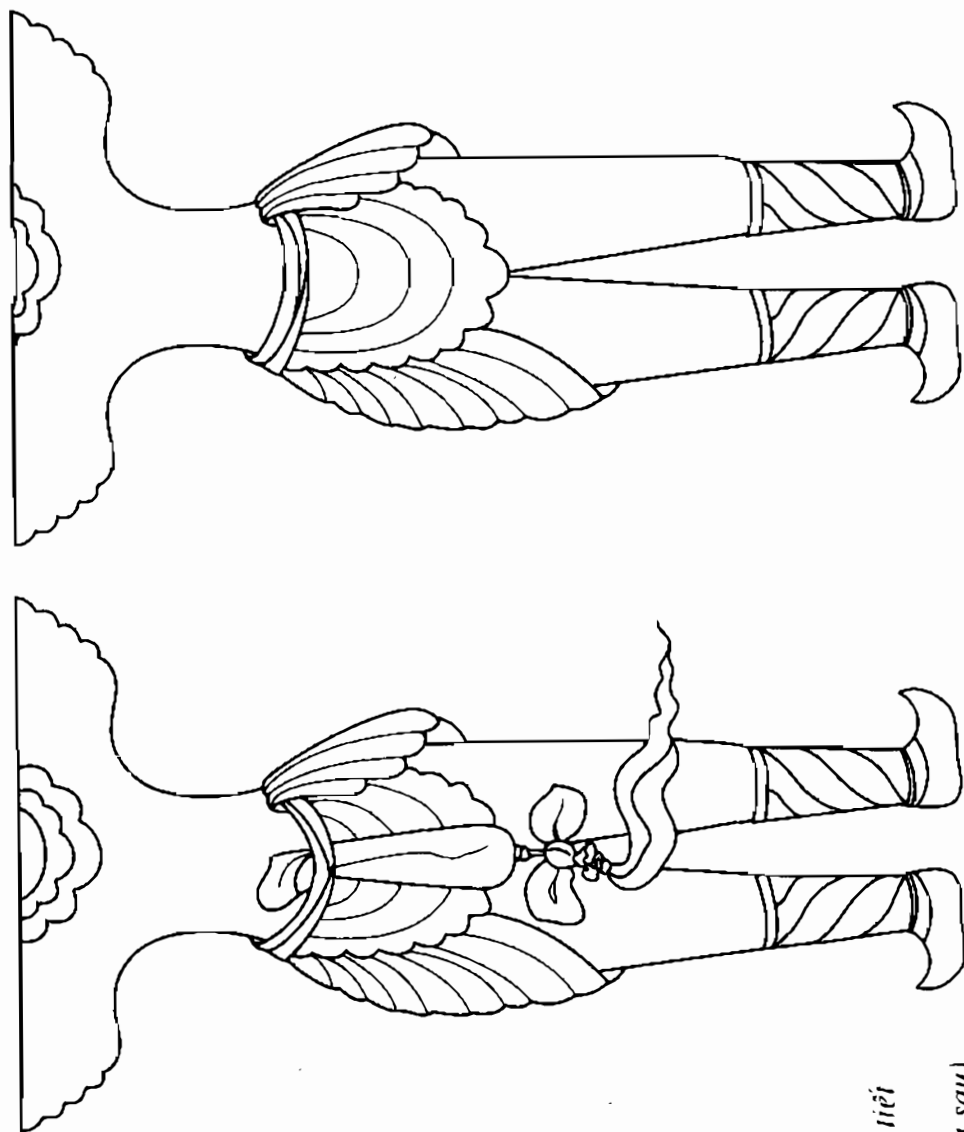
(4) Như hình chạm ở tảng đá kê chân cột chùa Phật Tích (Bắc Ninh).



Hình 18a: Vũ nữ tháp Chông Sơn, tỉnh Nam Định (đá 1108 - 1117)



Hình 18b: Hình vẽ
phông dạng trang phục
(phía trước, phía sau)



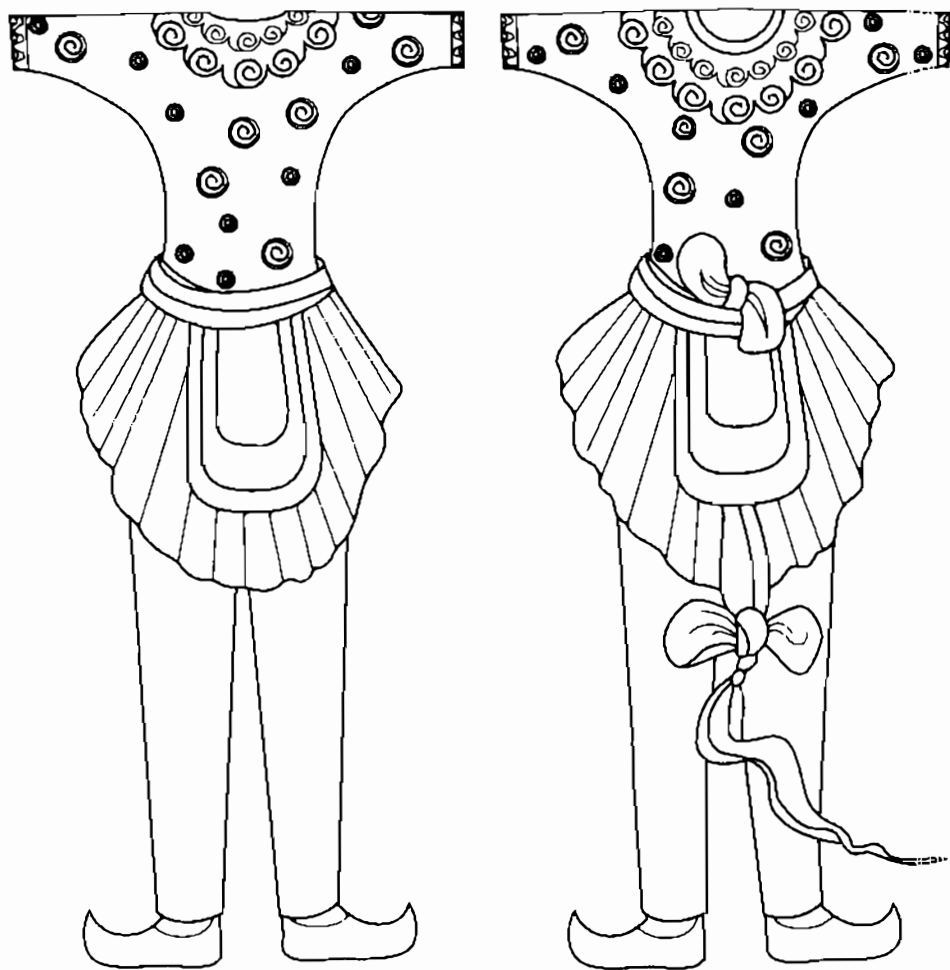
Hình 18c: Chi tiết
trang phục
(phía trước, phía sau)



Hình 19a: Vũ nữ chùa Long Đọi, tỉnh Hà Nam (đất nung 1121 - Bảo tàng tỉnh Hà Nam)



Hình 19b: Hình vẽ phông dựng trang phục (phía trước, phía sau)



Hình 19c: Hình vẽ phỏng dựng trang phục (chi tiết)



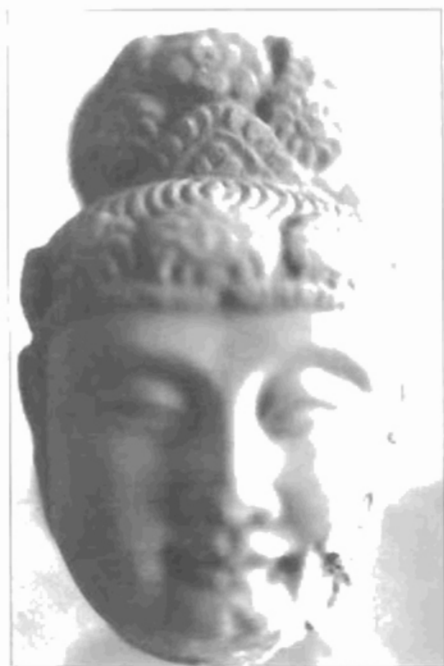
Hình 20: Nhạc công - Đá chạm (tầng kê chân cột chùa Phật Tích)



Hình 20b: Hình thức để đầu, tóc và trang phục các nhạc công thời Lý
(hình vẽ phỏng dựng)



Hình 21: Tượng đầu người mình chim



Hình 22: Một hình thức để đầu, tóc thời Lý



*Hình 23: Hình vũ nữ - Đá chạm thành bậc tháp Chương Sơn,
(Yên Lợi, Ý Yên, Nam Định)*

tạo nên sự đa dạng của trang phục đương thời cả về màu sắc cũng như chất liệu.

Ngoài một số ít tư liệu thành văn chỉ nói về trang phục triều đình, còn đối với áo quần của nhân dân, ngày nay ta đành tham khảo những hiện vật như tượng tròn, tượng nổi, thư tịch của thời này để biết được những thông tin tối thiểu về quy cách may mặc hoặc về chất liệu vải.



Hình 24: Tượng Phật A Di Đà (Tượng đá 1057 - chùa Phật Tích, Bắc Ninh)

Tượng Phật A Di Đà (có nhà nghiên cứu cho rằng là tượng Phật Thế Tôn)⁽¹⁾, (từ năm 1057) đây là bức tượng duy nhất còn nguyên vẹn của nền

(1) Chu Quang Trứ, *Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc*, Nxb Mỹ thuật, 2001, tr.59; học giả Trần Trọng Kim gọi là tượng đức Phật Thế Tôn.

nghệ thuật thời Lý tại chùa Phật Tích là một tác phẩm bằng đá tuyệt đẹp mà phần trang phục đã được quan tâm thể hiện khá tinh xảo.

Tấm áo pháp khoác ngoài có những đường cong, đường thẳng, gấp khúc hay buông rủ rất sinh động. Nếp áo nổi lên như những đường gân của tấm lá sen, dính sát thân thể, khi thì dồn dập chảy xuôi, chỗ thì vắt chéo mềm mại hay chạy vòng như sóng lượn, chỗ thì nhẹ nhàng vài đường nằm ngang, cho thấy tấm áo vừa rộng, vừa gợi tả được chất liệu vải mỏng và mịn, dù tượng được tạo bằng đá.

Lớp áo trong là loại áo dài, cổ áo rộng có nếp, bắt chéo. Hai tay áo thụng khá rộng.

Dây lưng thắt ra ngoài áo này, buộc múi thành hình số 8 nằm ngang, hai dải buông rủ xuống phía trước.

Trên thực tế sử sách đã ghi lại ở thời Lý, không những các cung nữ dệt lụa chần tằm mà nhân dân các phường, các làng⁽¹⁾ cũng theo nghề tằm tang dệt ra các loại vải, gắn với địa danh ở đất Thăng Long như những làng dâu tằm, vải lụa Nghi Tàm, lĩnh Nghĩa Đô, the Trích Sài...

Tương truyền, vào mùa xuân năm 1011, sau khi đã định đô ở Thăng Long, Lý Công Uẩn đi thuyền trên sông Tô Lịch, đến thăm vùng Bưởi ở phía Tây bắc kinh thành. Được tin vua ngự giá, nhân dân đã chuẩn bị một tấm lĩnh lớn, có vẽ hình rồng, căng bên bờ để nghênh đón vua. Tấm lĩnh này cũng nói lên nghề dệt và sự tài hoa của người thợ⁽²⁾. Như vậy trong buổi nghênh tiếp trọng thể nhà vua, người dân Thăng Long có thể cũng đã mặc những bộ quần áo đẹp bằng vải lụa do chính tay mình dệt lên. Từ những hình thức trang phục trên các tác phẩm nghệ thuật và sự phát triển của nghề dệt, chúng tôi đưa ra một số hình thức trang phục của nhân dân:

(1) Làng Thổ Lỗi gắn với câu chuyện cô thôn nữ đi hái lá dâu chần tằm..., rồi làm vợ vua và trở thành Nguyên Phi Ý Lan.

(2) Phan Đại Doãn - Nguyễn Quang Ngọc, *Những bàn tay tài hoa của cha ông*, Sđd. Nxb Giáo dục, 1988, tr.51.

Trang phục đàn bà

Tóc để dài, búi cao, hoặc buộc, tết, mặc yếm, áo cánh dài tay, cộc tay. Khi lao động mặc váy ngắn, còn váy dài mặc lúc không lao động. Thất lưng buông phía trước.

Tầng lớp trên hoặc nhân dân ở thành thị còn có loại áo dài tứ thân⁽¹⁾. Sở dĩ gọi là áo tứ thân, vì nó được may bằng bốn khổ vải (khổ vải xưa chỉ rộng khoảng 40cm). Hai khổ vải để may thân sau được nối liền theo dọc giữa thân, còn hai khổ trước buông lơi, tạo thành hai vạt.

Lễ phục, loại áo tràng vạt, tay rộng khi mặc cài chéo vạt, cổ giao lãnh, có loại cổ đối, tay và vạt rộng, có loại tay hẹp, hai vạt trước đối nhau⁽²⁾, không đính khuy, cúc hay buộc gì cả. Trên mái tóc gài bông hoa hoặc buộc diềm hoa trên đầu, tai đeo vòng khuyên và cổ đeo chuỗi hạt.



Hình 25: Áo bốn thân (Sách 5000 năm trang phục Trung Quốc)

(1) Theo sự đoán định của chúng tôi, kết cấu áo dài tứ thân cũng giống như áo ngắn của phụ nữ thời Hùng Vương, chỉ kéo dài vạt sau và hai vạt trước.

(2) Đối chiếu lịch đại: Thời Lý cũng thời gian với nhà Tống, Trung Quốc. Thăm khảo trang phục ở giai đoạn này, ta thấy phụ nữ nhà Tống mặc một loại áo dài gọi là “Bồi tử”, phía trước có hai vạt đối nhau, không cài khuy, không dùng dây buộc, áo này có nhiều nét tương đồng với chiếc áo dài tứ thân của phụ nữ Việt.

Trang phục đàn ông

Đàn ông khi lao động thường cởi trần, đóng khố (loại đồ mặc này có từ thời Hùng Vương). Khố là một dải vải dài, khổ hẹp, được quấn vòng quanh bụng, có một đoạn quặt xuống bọc lấy hạ bộ, rồi lại kéo lên buộc múi. Đầu khố thả về trước che phía ngoài, hoặc một đầu khố buông phía trước, một đầu buông sau mông. Mặc khố không đơn thuần là do điều kiện kinh tế eo hẹp, mà chính là để thuận tiện cho việc lao động. Đặc biệt là khi phải tiếp xúc nhiều với môi trường sông nước như làm công việc trên thuyền bè, đánh đập, cày bừa...

Ngoài tấm khố, đàn ông còn có loại áo thân ngắn, gọi là áo cánh⁽¹⁾. Áo cánh tứ thân, cổ tròn cài khít hoặc cổ giao lãnh, tay dài hoặc không có tay. Áo cộc tay, ngắn đến cạp quần, bằng vải dày, gai.

Ngoài ra còn có loại áo choàng làm bằng cỏ khô hay lá cây kết lại để khoác ngoài tránh mưa rét. Tóc thường búi hoặc để xỏa, có người buộc khăn chéo, khăn dài để giữ tóc cho gọn.

Quan liêu, sĩ phu, mặc áo dài thâm bốn vạt, cổ cài khít, quần thâm, búi tóc, cài trâm sắt, đầu quấn khăn sa đen, đội nón chóp, đi dép da, tay cầm quạt lông hạc⁽²⁾. Ở thành thị, tùy từng tầng lớp, vị trí trong xã hội mà búi tóc, cài trâm, quần khăn lượt, mặc áo dài tứ thân cổ tròn, hoặc áo cổ giao lãnh, mặc quần, chân đi dép da...

Khi tham gia hội đua thuyền (bơi chải), để có sự phân biệt giữa các đội đua, thủy thủ mỗi bên dùng khăn, hoặc mũ đội đầu bằng vải khác màu nhau. Người ngồi lái điều khiển, đầu chít khăn, mặc áo nẹp xanh, đỏ, thắt lưng nhiễu xanh, bó moi về bên trái. Các thủy thủ đều mình trần, đóng khố bao, quấn một mảnh vải dài màu nâu, từ vai bên phải qua hông bên trái, đầu mỗi được dắt vào trong khố bao. Trong mảnh vải này, có để cơm nắm, muối vừng, trầu cau, tất cả gói vào lá chuối đã được hơi lửa, để phòng khi rơi xuống sông, nước không ngấm ướt.

(1) Kết cấu là loại áo tứ thân, nhưng một số chi tiết có khác áo của dân Hà như thường may rộng rãi, khi mặc thì cài khuy hoặc dây buộc khít hai vạt với nhau.

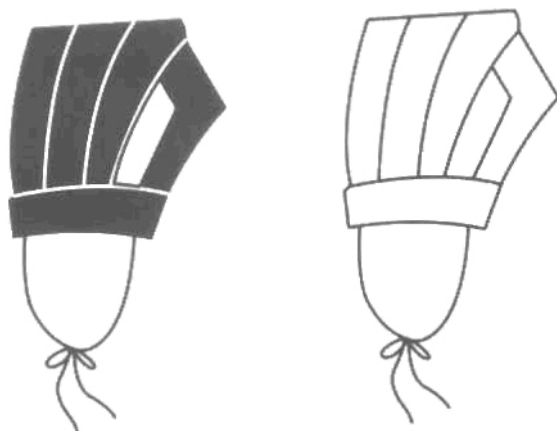
(2) Theo Trần Quốc Vượng - Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội nghìn xưa*, Sđd, Nxb Hà Nội, 1998, tr.205.

Nhân dân vẫn xăm mình nhưng chỉ được xăm hình rắn, hình các lối hoa văn như hình khắc trên trống đồng. Có lệnh cấm những kẻ nô bộc ở các nhà nội ngoại thành thích dấu mực vào bụng, ngực và chân như kiểu cấm quân, cấm thích hình rồng trên mình.

Cấm người dân mặc áo màu vàng, con gái nhà thường dân không bắt chước kiểu búi tóc như cung nhân.

Thời kỳ này, tục nhuộm răng và ăn trầu rất phổ biến.

Cùng với những hoa văn, họa tiết trang trí trên trang phục, những hoa văn, họa tiết thời Lý ở các hiện vật khác không chỉ là yếu tố trang trí nghệ thuật, mà còn có nhiều ý nghĩa tượng trưng như những hình dạng xoắn ốc đôi. Đó chính là ký hiệu mây mưa mà ông cha ta vẫn cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt. Như hình tượng con rồng thời Lý là “rồng rắn”, một đồ án trang trí đẹp và độc đáo, tượng trưng cho nguồn gốc lịch



Hình 26: Một số loại mũ thời Lý

Theo Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*

Xét: Trong Tống Chí, về triều phục có ba thứ mũ (đều là mũ tiến hiền cả), chỉ có đính thêm đuôi con diều thừ hoặc sừng con giải trãi, vì thế mà có tên gọi khác nhau.

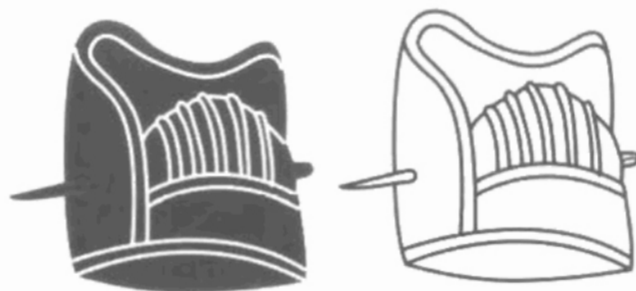
Những thứ mũ trên trong thư tịch của ta chỉ miêu tả bằng con chữ. Chúng tôi giới thiệu hình vẽ và miêu tả dựa trên những tư liệu của Trung Quốc để độc giả có thể hình dung và so sánh.

26.1a. Mũ tiến hiền (theo Từ Hải từ điển):

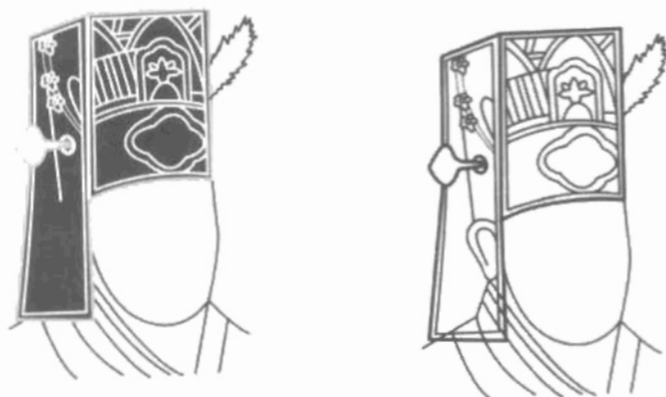
Tên mũ được chép trong *"Hậu Hán thư"*, mũ ngày xưa làm bằng vải thêu, là mũ của nho sĩ, phía trước cao 7 tấc, phía sau cao 3 tấc, dài 8 tấc.

sử dân tộc. Vòng uốn lượn mềm mại của thân rồng, tượng trưng cho nguồn nước, mây mưa và là niềm mơ ước của cư dân lúa nước.

Với ý nghĩa như trên, ta thấy nó đã phản ánh được mối tương quan trong đời sống kinh tế, văn hóa... của xã hội thời đó khá rõ nét.

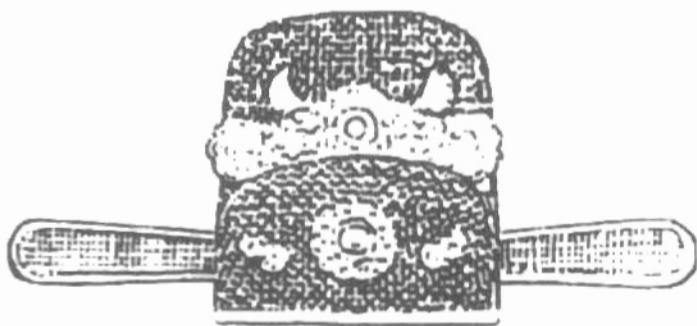


26. 1b. Mũ tiến hiến - đời Tống (Hình vẽ trong tranh kể chuyện về Vân Cơ quy Hán)



26. 2. Mũ điều thiên (điều thiên lưỡng cân)

Tranh vẽ theo Phạm Mộng Lân tượng, hiện lưu giữ ở Viện Bảo tàng Nam Kinh. Trên mũ có hình con ve vàng, trang sức bằng đuôi con điều thứ và được coi là biểu tượng của sự thanh cao. (Đuôi con chồn cắm vào mũ với sắc màu thanh nhâ, gọi là sập điều vĩ. - ND).



26. 3. Mũ giải trãi: (Theo Từ Hải từ điển)

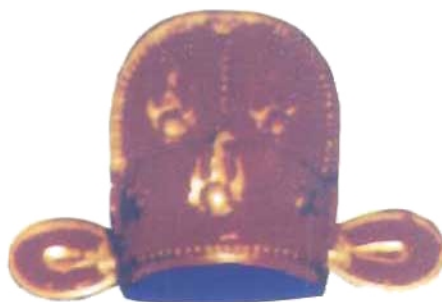
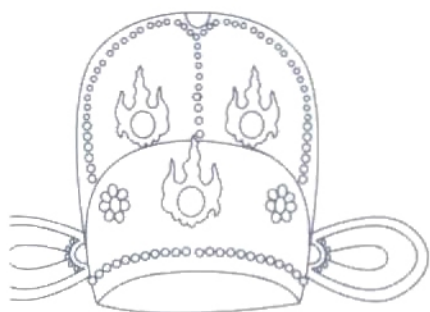
Thấy chép trong Quảng Nhã, Thích kim Vương Niệm Tôn: Mũ xuất xứ từ sách "*Hoài Nam Tử*". Sở Văn Vương thích dùng mũ này, Cao Tú chép: "Mũ giải trãi ngày nay là mũ của quan ngự sử". Dựa trên thực tịch, *Lịch triều hiến chương loại chí* và sự giải thích trong sách của Trung Quốc, Cũng như sau này, triều Nguyễn của Việt Nam, mũ quan gián sát - Đô Ngự sử là mũ giải trãi cũng làm bằng sa đen, có hai sừng bằng bạc.



26. 4. Mũ phốc đầu cánh chuồn thời Tống (Trung Quốc)



26. 5. Mũ phốc đầu thời Minh (Trung Quốc)



26. 6. Mũ phốc đầu cánh lá đề (thời Lý)



26. 7. Mũ tứ phương bình đỉnh

LTHCLC - Tập IV, mục Binh chế chí, tr. 24: Đầu nhà Đinh, Đinh quân Thập đạo đều bắt đội mũ tứ phương bình đỉnh, Mũ lam bằng da, góc khâu giáp nhau. Trên hẹp, dưới rộng (mũ bốn góc vuông, phía trên bằng).

ĐVSKTT (tr. 210): Giáp Tuất năm thứ 5 (974), Đinh đạo quân... đều đội mũ bình đỉnh bốn góc vuông, (mũ bằng da). Mũ này đến thời Lê vẫn còn dùng. (Hình vẽ phỏng dựng) phía trước, nghiêng.



Hình 27: Rồng, phượng



Hoa cúc be dĩa Thời Lý, Phật Tích



Sóng nước vòm Bạch Thảo



Hoa sen thời Lý, Chương Sơn



Sóng nước Phật Tích



Hoa cúc, Chùa Phật Tích



Hình 28: Một số họa tiết hoa văn

3. Trang phục thời nhà Trần (1226 - 1400)

Triều Lý suy vong, triều Trần nối tiếp (1226 - 1400). Ngày làm lễ nhường ngôi, hai bên sân điện, có mặt đầy đủ đồ tướng các đội Kim Ngõ, Vũ Vệ, Vũ Tiệp, Vũ Lâm, Phụng Quốc... cầm khí giới đứng giàn hầu. Thái úy Trần Thủ Độ mặc võ phục, đeo gươm đứng bên tả điện. Lý Chiêu Hoàng đội mũ miện, mặc áo long cổn, ngự trên bảo tọa, sai tuyên đọc tờ chiếu nhường ngôi. Bài chiếu đọc xong, Chiêu Hoàng đứng lên nâng mũ miện từ đầu mình, đội cho Trần Cảnh, đồng thời cởi áo bào khoác lên người Trần Cảnh. Trần Cảnh phụng chiếu bước lên bảo tọa nhận ngôi hoàng đế.

Đất nước Đại Việt thời nhà Trần, với ý chí sắt đá tự lập tự cường của triều đình và của toàn dân, xây dựng trên nền tảng truyền thống dân tộc, trên những chiến công ba lần chống quân xâm lược Nguyên - Mông, đã phát triển mạnh mẽ nhiều mặt, công thương nghiệp, giao thông...

Ngoài các chợ lớn ở kinh thành Thăng Long, các vùng nông thôn ven đô thị cũng hình thành nhiều chợ nhỏ. Ngoại thương được tăng cường, thuyền buôn các nước Trung Quốc, Gia Va (thuộc In-đô-nê-xi-a ngày nay), Xiêm (tức Thái Lan ngày nay), Lô Hạc⁽¹⁾... vào thương cảng của ta trao đổi hàng hóa rất sầm uất. Đặc biệt ở ngoại thành Thăng Long, vựa dầu của nhân dân được mở rộng. Nhà nước khuyến khích phát triển nghề dệt và các hàng thủ công mỹ nghệ khác. Sản vật làm ra vừa là nghĩa vụ đóng góp cho nhà nước, vừa là nguồn tự cung tự cấp cho chính mình.

Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi: Đầu thế kỷ XV, đất nước Đại Việt đã có gần hai mươi làng, ấp, phường, huyện, lộ nổi tiếng về nghề dệt. Thời gian này nhân dân ta đã có nhiều loại vải bông, vải gai, lụa, lĩnh, sa, the, nái, sồi, đoạn, gấm, vóc... phong phú cả về màu sắc.

(1) Trần Quốc Vương - Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Sđd. tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1960, tr.378 : "*Lô-hạc, hân lu nước Lô-lạc chép ở đơn Lý (thuyền buôn lô lạc đến Vạn Đồn năm 1149), tức là nước La-hộc ở hạ lưu sông Mê-nam (vùng Lopburi). Năm 1305 có sứ nước La-hồi dâng cống (Toàn thư, q.6, tr.20a). La-hồi cũng như Lô-lạc, chỉ là tên phiên âm của nước La-hộc (Mareo Polo, trong sách du ký của ông chép là "Locac").*

Nghề thêu cũng phát triển, trong sản vật mà vua Trần Nhân Tông tặng vua nhà Nguyên năm 1289, có đệm vóc thêu chỉ vàng, thảm gấm viền nhiều, sứ thần nhà Nguyên là Từ Minh Thiện, không khỏi ngạc nhiên nhận thấy trên đất Đại Việt có lụa sợi nhỏ, có chiếu gấm dệt màu và có lĩnh ngũ sắc là những sản phẩm hoàn toàn bản địa⁽¹⁾.

Trang phục cung đình

Ở giai đoạn đầu nhà Trần, trang phục triều đình vẫn theo nhà Lý, nhưng khi nhà Trần củng cố và phát triển chế độ trung ương tập quyền, đặt thêm nhiều cơ quan chuyên trách và các chức quan để đảm nhận công việc của nhà nước, thì trang phục cũng được quan tâm.

Lễ phục của vua:

Đại triều mặc áo cổn, tràng áo cong, cổ áo đính là trắng, đội mũ bình thiên, mũ quỳn vắn, hay mũ phù dung; có khi quần khăn kết tua vàng, ngọc châu, tay cầm ngọc khuê, đeo đai lưng kim long⁽²⁾.

Những trường hợp nghi lễ thường, vua còn mặc áo giao lĩnh (áo tràng vạt, áo cổ tràng) bằng sa màu vàng, đội mũ có thao rủ. Ngoài ra còn có loại mũ gọi là mũ tế đằng (đan bằng mây chuốt nhỏ), khảm ngọc thạch bích nê.

Lúc thường ngày nhà vua búi tóc, dùng the bọc và buộc lại, trông như khăn nhà đạo sĩ, chỉ rộng hơn một ít, còn tóc hai bên thì vẫn để lộ ra và xoa xuống.

Khi ra trận, vua mặc áo giáp màu đen cưỡi ngựa Nê Thông (lông sắc trắng và đen xen nhau)⁽³⁾.

(1) Trần Quốc Vương - Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Sđd, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1960, tr.375.

(2) Lê Tấn, *An Nam chí lược*, Sđd, Nxb Thuận Hoá - Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, 2002, tr.255: Chương phục (áo mào phẩm phục).

(3) Trần Quốc Vương - Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I, Sđd, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1960, tr.451: Trong một trận đánh, vua tự nói: "Ta mặc áo giáp bên, cầm vũ khí sắc...".

Lễ phục của tước vương:

Khi đại lễ, các tước vương đội mũ cùng thân (có trang trí con ong, con bướm bằng vàng, nhiều ít, to nhỏ tùy theo cấp bậc). Thân vương mặc áo tiêu kim tử phục (áo màu tía thêu kim tuyến). Hầu, Minh tự mặc áo phượng ngư tử phục (áo thêu chim phượng, cá). Một số tước phẩm khác đội mũ miện như kim ngân gián đạo (vàng xen bạc), hoặc bằng bạc. Đai lưng bằng da dê hay bằng vàng tùy theo phẩm trật, hốt đều bằng ngà voi.

Lễ thường triều chỉ đội khăn và mặc áo tía.

Các nội quan hầu cận, bậc cao mặc phẩm phục: Đội mũ dương thương đính con ong, con bướm vàng.

Bậc trung thì áo mũ sắc chế hơi giảm, bậc dưới mặc áo màu tía, đội mũ dương thương màu tía.

Đai đeo ngang, xung quanh khảm ngọc, vàng, đồi mồi...

Khăn đội lúc thường của quan bậc cao hay dùng nhung màu tía xen màu biếc, có 6 tua kết sau khăn.

Bậc trung kết tua tía, bậc dưới tua đen.

Chánh chương, nội nhân các cục chỉ hậu và thị vệ nhân bách tác... đội mũ bốn hoa.

Đến năm Thuận Tông thứ tám, ra lệnh cấm các quan không dùng áo tay rộng, chỉ cho dùng áo tay hẹp (sử liệu để lại không nói rõ kích thước cụ thể rộng, hẹp đến đâu). Năm sau, lại qui định mũ áo của các quan văn, võ:

Màu áo được quy định như sau:

- Nhất phẩm: Màu tía.
- Nhị phẩm: Màu đại hồng.
- Tam phẩm: Màu hồng điều.
- Tứ phẩm: Màu lục.

- Ngũ, lục, và thất phẩm: Màu biếc.

- Bát, cửu phẩm: Màu xanh.

Người không có phẩm hàm và hạng sủng nô (người hầu được vua sủng ái) màu trắng. Nội thị mặc quần hai ống, không dùng xiêm.

Các quan theo hầu, chức văn từ lục phẩm trở lên được đội mũ cao sơn.

- Chánh lục phẩm: Mũ màu đen.

- Tòng lục phẩm: Mũ Màu xanh.

- Chánh lục phẩm được mang đai, đi hia.

- Người tôn thất đội mũ phương thắng màu đen.

- Chức võ, lục phẩm đội mũ chiết xung, tước cao mà không có chức được mang đai và đội mũ giác đỉnh.

- Thất phẩm: Đội mũ thái cổ.

- Tòng thất phẩm: Đội mũ toàn hoa.

- Vương hầu: Đội mũ viễn du.

- Ngự sử đài: Đội mũ khước phi.

Các quan được mặc áo bào và cầm hốt. Có những trường hợp đi chân đất⁽¹⁾. Như vậy, ở giai đoạn này, các quan nhà Trần không đeo túi ngư đại nữa⁽²⁾. Thay vì túi ngư đại, vào năm Duê Tông lại quy định: các quan văn võ đều mang khăn tay và túi đựng con toán, trong đó đựng các đồ vật thứ yếu dùng cho sinh hoạt như con dao, đá lửa, đồ để đeo, sách (thiếp điệp

(1) Trần Phu tả lại trong *An Nam tức sự*: việc hàng trăm viên quan triều Trần, đi đón tiếp sứ giả, mặc áo bào, cầm hốt nhưng đều đi chân đất. Có lẽ hình thức này diễn ra là để biểu hiện sự kính trọng, cũng như người dân đi giày vào cung vua, đều cởi giày ra.

(2) Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Sđd, tập II, Nxb Sử học, Hà Nội, 1961, tr.107: Phẩm phục triều Trần, không có cái túi thêu hình cá mà có cái hốt. Anh Tông dùng Trần Thời Kiến làm hành khiển, cho một cái hốt có khắc bài minh rằng: "Thái Sơn chót vót, hốt ngà oai nghiêm, linh trái dâng sùng, làm hốt khó gầy", cũng là theo quy chế nhà Đường nhà Tống.

thất sự)⁽¹⁾. Về màu của túi, chức quan mặc áo bào tía thì màu vàng. Chức quan mặc áo bào hồng mang túi màu bạc.

Để biểu hiện sự phân chia cấp bậc trong các ban, ngạch cho rõ chức phận, triều đình định lại quy chế về mũ, áo, các loại vải và màu sắc cho các quan. Quan văn, đội mũ kiểu chữ đinh (𡗗)⁽²⁾ màu đen. Tụng quan⁽³⁾, đội mũ toàn hoa (mũ hoa thùng có hai vòng vàng đính ở hai bên), màu xanh như kiểu cũ và quy định tụng quan không được mặc xiêm. Cờ tay áo các quan văn, vớ rộng từ 9 tấc đến 1 thước 2 tấc (khoảng từ 30cm - 40cm), kiểu hẹp từ 8 tấc (khoảng 27cm) trở xuống thì không được dùng.

Sau đó năm Tân Sửu, Hưng Long (1301), lại cho phép các quan đội mũ chữ đinh, thêm miếng lụa bọc tóc màu tía pha màu biếc (bịt lên đầu dùng để buộc tóc lại, bỏ thừa về đằng sau).

Vương hầu nào tóc dài thì đội mũ triều thiên, người nào tóc ngắn thì đội bao cân.

Ngày nay, quan sát một pho tượng quan hầu bằng đá ở lăng vua Trần Hiến Tông còn lại (lăng xây khoảng giữa thế kỷ XIV), ta thấy người đó mặc áo đại triều rủ xuống gần sát đất. Dải lưng thất hình số 8 ở phía trước, hai đầu có tua thả so le. Do chỗ thất lưng chẹn lại, phần dưới tà áo xộc ra, phủ gần kín chân và từ hai khuỷu tay trở ra, tay áo được xếp nhiều nếp,

(1) Thiếp diệp thất sự: đồ để đeo sách. Lê Quý Đôn, *Văn đài loại ngữ*, tập I, Nxb Văn hóa - Viện Văn học, 1962, tr.202.

(2) Theo bản dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*. Còn ở bản dịch *Lịch triều hiến chương loại chí* lại viết: các quan văn võ đều đội mũ kiểu chữ đinh (tục gọi là mũ nhà Minh)". Xét thấy không đúng, vì nhà Minh (Trung Quốc) bắt đầu từ 1368, trong khi mũ chữ đinh đã được nhắc tới ở nước ta trước đó (ít ra là từ 1300), sao lại gọi là mũ nhà Minh được? Ngoài ra, *Vũ trung tùy bút* lại có đoạn viết: "Thời Đinh Tiên Hoàng mới chế ra loại mũ tứ phương bình đỉnh, là mũ hình vuông, đỉnh bằng, làm bằng da... về sau mới biến đổi thành hình lục lăng... và gọi là mũ bình đỉnh. Rồi lại thay hình vuông thành hình tròn, uốn chỗ thẳng thành cong, làm một loại mũ thông dụng khi vào triều, gọi là: mũ chữ đinh". Mặt khác, tìm hiểu các loại trang phục Trung Quốc, chúng tôi chưa tìm thấy có loại mũ nào tên gọi là mũ chữ đinh, nhất là ở thời nhà Minh.

(3) Tụng quan là quan hầu cận vua. Ở sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, bản dịch Nxb Sử học lại viết là thuộc quan.

biểu hiện tấm áo được may với qui cách dài và rộng. Đầu tượng đội mũ bao trùm cả tóc¹⁾ (một kiểu mũ chữ đỉnh).



Hình 29:
Quan hầu (Tượng đá thế kỷ XIV),
Lăng Trần Hiến Tông
(An Sinh, Đông Triều, Quảng Ninh)



Hình 30:
Chi tiết đầu tượng quan hầu

(1) Tượng quan hầu, Lăng Trần Hiến Tông (An Sinh, Đông Triều, Quảng Ninh).

Trang phục quân đội

Thời Trần lực lượng quân đội được tổ chức như thời Lý, nhưng về kỹ thuật chiến đấu, việc luyện tập binh pháp, huấn luyện quân sĩ phát triển cao hơn. Đặc biệt thủy quân là một trong những lực lượng quan trọng, đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thắng lợi của đất nước ta.

Những cuộc diễn tập quy mô như thao diễn thủy, bộ năm 1283, cuộc đại duyệt ở Vạn Kiếp vào năm 1284, với những chiến thuyền Kim phượng, Nhật quang, Nguyệt quang... và đoàn đội Trạo nhi đã chứng minh sự hùng mạnh và thiện chiến của quân Đại Việt.

Ngoài quân đội của nhà nước như Cẩm quân, Lộ quân, còn có các quân đội riêng của Vương hầu, Thái ấp, khi cần thiết thì cả hai lực lượng này cùng ra chiến trận.

Chưa có sách nào ghi đầy đủ về trang phục quân đội thời Trần, nhưng với những dòng sử liệu như Ngự Câu Vương Húc (đi cùng vua ra trận) mặc áo trắng, cưỡi ngựa trắng⁽¹⁾. Hay trong một cuộc duyệt cấm quân ở Long Trì, vua cho Trung Ngạn mặc chiến bào, đội mũ võ, đeo bài gỗ vuông bịt vàng⁽²⁾. Hoặc vua Trần Thái Tông, đã dùng voi cõ lính cưỡi để đàn trận. Và theo tương truyền, quân lính thường đi một loại dép làm bằng cỏ gianh, se thành sợi rồi bện lại gọi là dép cỏ. Tướng Yết Kiêu cùng quân lính vào thành Thăng Long, đến chợ cỏ mua cỏ gianh và vải dầy để về làm trang phục cho quân sĩ.

Việc xăm mình, thích chữ đã rất phổ biến từ đầu thời Trần. Ngoài tục xăm mình, quân đội thời Trần đều thích chữ “Sát Thát” vào cánh tay để biểu hiện lòng quyết tâm giết giặc xâm lược Nguyên - Mông, xăm hình rồng ở bụng, lưng và hai đùi.

(1) *Dại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tập I, Nxb Văn hóa Thông tin, 2004, tr.673.

(2) *Cương mục* chú rằng: Bài này đeo bằng da, dùng để ghi chép. *Dại Việt sử ký toàn thư*: Sđd, tập I, Nxb Văn hóa Thông tin, 2004, tr.633.

Quân lính các đồ cấm vệ⁽¹⁾ thích những chữ quân hiệu trên trán như: Chân thượng đô; Thủy dạ xoa đô; Chân kim đô... Quân túc vệ xăm hình hoa trên trán.

Trang phục của quân lính thường chỉ mặc một áo xanh rộng tay, trời nóng thì cởi trần, đóng khố, có khi mặc quần, cũng không có áo giáp, mũ trụ.

Nô tỳ thuộc nhà quan thích lên trán ba chữ “Quan trung khách”. Nô tỳ hầu cận vua thích trên trán ba chữ “Tọa thượng nô”.

Gia nô các vương hầu, công chúa đều phải thích chữ vào trán để phân biệt.

Quân khiêng kiệu, cầm tàn quạt cho vua thường để mình trần (dù trời rét), chỉ dùng một đoạn vải xanh quấn từ hông lên đến rốn⁽²⁾...

Một số tài liệu cho biết, thời kỳ kháng chiến chống Nguyên lần thứ hai và thứ ba (1281 - 1288) đã thấy xuất hiện một loại đồ đội gọi là nón Ma Lôi. Nón này được đan bằng cật tre, trúc thanh bì nên rất cứng và được làm ra từ hương Ma Lôi, (thuộc địa phận huyện Mỹ Văn (Mỹ Hào và Văn Giang), tỉnh Hưng Yên hiện nay)⁽³⁾.

Trần Khanh Dư, nguyên là tướng trấn giữ Vân Đồn (Quảng Ninh), thấy trong quân dân ta chưa có sự phân biệt trang phục với lính địch, nên ra lệnh cho mọi người phải đội nón Ma Lôi, để khi đánh nhau không bị nhầm lẫn⁽⁴⁾ (Chi tiết này còn cho ta biết thời đó có thể chưa có sự đồng nhất trong trang phục toàn quân...).

Qua một số nét ghi lại của thư tịch, ngày nay có thể đòi chiến liên ngành để phục dựng trang phục quân đội như giáp trụ của vua và tướng lĩnh cũng như quân lính thời đó.

(1) Đời Anh Tông niên hiệu Hưng Long năm thứ 6 quy định.

(2) Cao Hùng Trưng, *An Nam chí nguyên*, tr.30, P' 1093, TV VSH.

(3) Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Sđd, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1960, tr.374.

(4) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tập I, Nxb Văn hóa Thông tin, 2004, tr.520.

Trang phục của những người hát, múa: Đàn ông, mặc quần gấm nhưng vẫn cởi trần, làm vui cho các tiệc yến trong triều. Trang phục của những vũ nữ và nhạc công thì có kiểu áo may sát người, tay áo chít⁽¹⁾. Có kiểu cửa tay áo chít gọn, nhưng ống tay áo phồng rộng, thắt dây lưng ngoài vạt áo, buộc mũi sỏ s, váy mặc dài và rộng⁽²⁾, được thấy qua những hình chạm nổi trên gỗ, mang đậm phong cách nghệ thuật thời Trần. Có hình thức quây quanh bụng những dải lụa dài đến tận đầu gối như chiếc váy xòe ngợ nghĩnh, làm ta liên tưởng đến hình thức mặc váy của trai gái Việt cổ làm bằng lông vũ, hay kết bằng lá cây trong ngày hội thời Hùng Vương xưa⁽³⁾. Có loại áo ngoài may rộng rãi, mở ngực. Thắt lưng bằng vải mềm buộc mũi trước bụng. Đầu búi tóc thành cuộn gọn gàng, đeo chuỗi hạt to khít cổ, hoặc vòng trang sức có những hình tròn to nhỏ tỏa ra như tia mặt trời. Những người diễn trò (sân khấu) mặc áo gấm, áo thêu... Những đồ trang sức thường đeo như vòng tay, chuỗi hạt đeo cổ... bằng đôi môi, xương, sừng...

Trang phục nhân dân

Triều đình nhà Trần đã có những quy định cụ thể về chế độ mũ áo cho các quan văn, quan võ, còn đối với các tầng lớp khác trong cung cũng như nhân dân, chỉ được biết là những người không có phẩm hàm, người hầu (nguyên văn: làm tội tở) được mặc màu trắng⁽⁴⁾. Các màu xanh, đỏ, vàng, tía, cũng không được dùng. Ngoài ra, triều đình còn xuống chiếu cho quần dân không được mặc áo kiểu người phương Bắc⁽⁵⁾.

Trang phục đàn bà, thường ngày mặc yếm, áo hôn thân màu đen, cổ tròn, trong lót vải trắng may viền vào cổ áo, rộng khoảng 13cm và mặc váy.

Tóc cắt ngắn rồi buộc túm lên đỉnh đầu, xong uốn cong đuôi tóc và buộc lại lẫn nửa hình giống như cây bút. Không để tóc mai, không búi tóc

(1) Hình vũ nữ trên ván bưng, chùa Thái Lạc (Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên).

(2) Hình các nhạc công trên cốn, chùa Thái Lạc (Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên).

(3) Hình vũ nữ trên gạch, chùa Hang (Núi Uç, Đông Tâm, Lạc Yên, Yên Bái).

(4) Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Sđđ, tập II, Nxb Sử học, Hà Nội, 1961, tr.170.

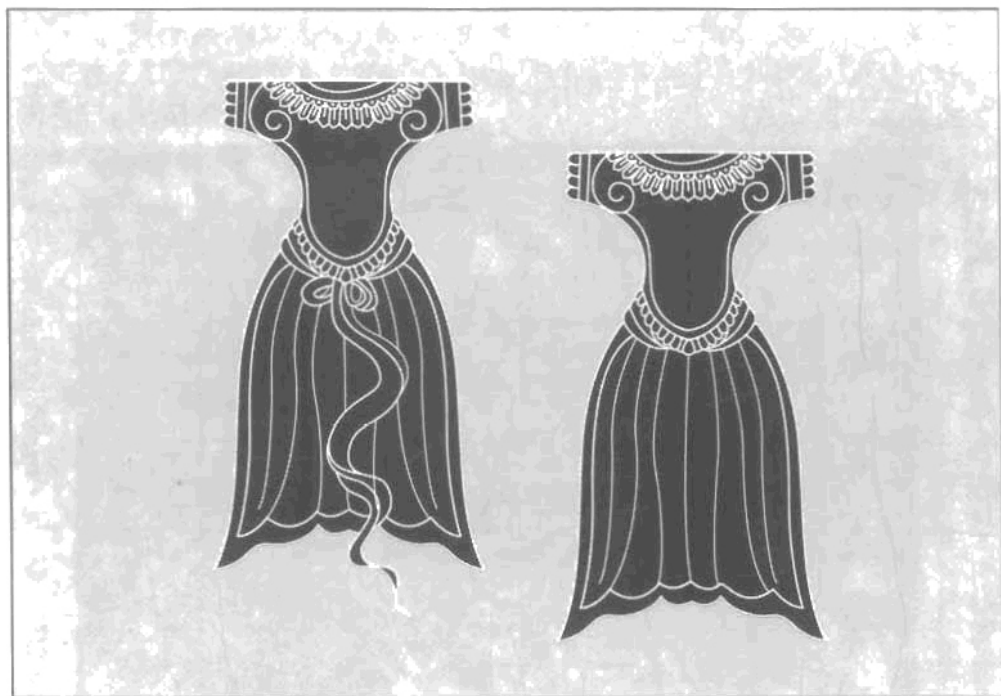
(5) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđđ, tập II, Nxb Văn hóa Thông tin, 2004, tr.670.



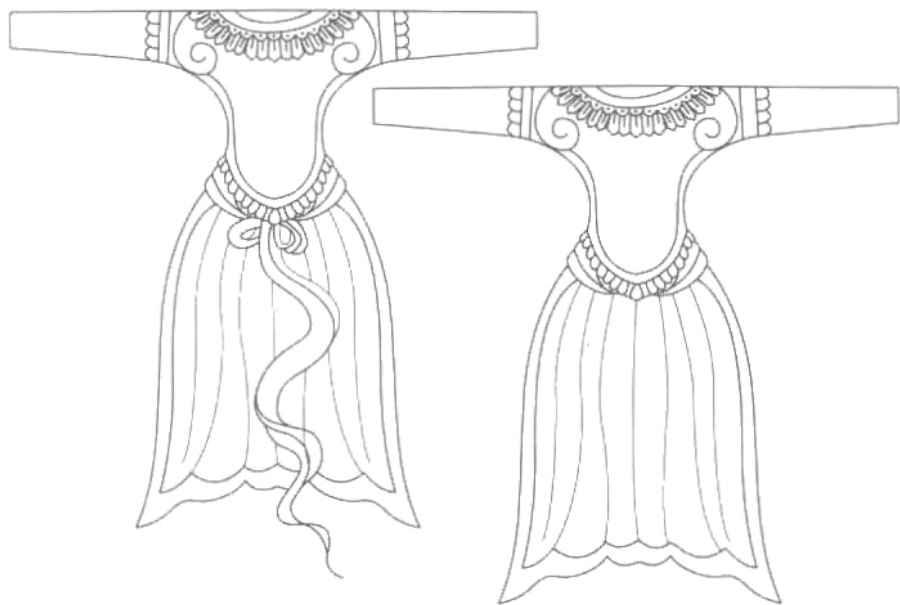
*Hình 31: Hình nhạc công kéo nhị trang trí trên lá để bằng đất nung,
(chùa Báo Ân, Hà Nội)*



Hình 32a. Vũ nữ múa lụa. Mảng gạch ốp trang trí, thế kỷ XIII - đầu thế kỷ XIV, (chùa Báo Ân, Hà Nội)



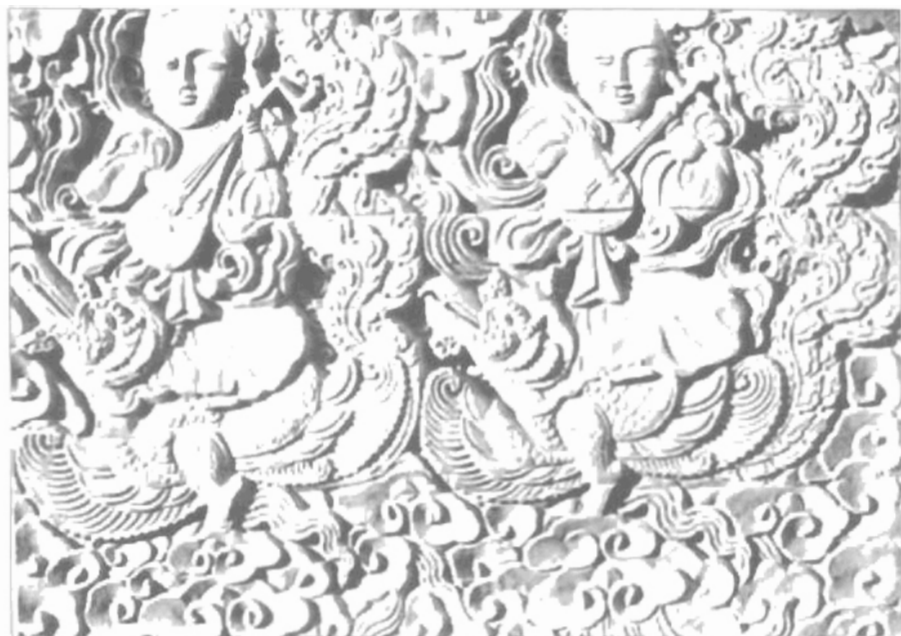
Hình 32b. Hình vẽ phông dựng trang phục (phía trước, phía sau)



Hình 32c: Hình vẽ phông dựng trang phục (phía trước, phía sau) - Chi tiết



*Hình 33: Vũ nữ múa, cuối thế kỷ XIV
(bệ đá chùa Hoa Long tỉnh Thanh Hóa)*



Hình 34a: Hình nhạc công trên cốn - Chùa Thái Lạc, tỉnh Hưng Yên



Hình 34b: Hình thức để dấu tóc và trang phục của các nhạc công, vũ nữ thời Trần (phỏng dựng)



Hình 35: Vũ nữ dâng hoa trên gạch, thế kỷ XIV (chùa Hang, tỉnh Yên Bái)



Hình 36: Hình người đỡ, di chỉ Cồn Thịnh



*Hình 37: Người quỳ đỡ tòa sen (tượng gỗ) trụ dấu,
(chùa Thái Lạc, Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên)*



Hình 38: Trần Nhân Tông (Đệ nhất Tổ Trúc lâm -
tháp Huệ Quang, Yên Tử, Quảng Ninh)

phía sau đầu. Những người giàu cài trâm đôi mối, còn thì cài trâm bằng xương hoặc sừng, không đeo vòng khuyên, không dùng phấn sáp hay vàng ngọc gì cả⁽¹⁾.

Trang phục dân ông thường cỡi trần, đóng khố hoặc mặc áo tứ thân màu đen, có thể ngắn hoặc dài, cổ áo bằng the, có trường hợp mặc quần. Đại đa số cạo trọc đầu (kể cả trẻ em). Có người trùm đầu bằng khăn lụa. Ngày thường ở nhà, chỉ để đầu trần, khi tiếp khách hoặc ra đường mới đội khăn. Đầu đi đất, cũng có người đi dép da, nhưng khi vào cung vua thì cỡi ra. Trong nhân dân vẫn phổ biến tục nhuộm răng đen và ăn trầu.

Nơi chùa chiền, nhà sư mặc kiểu áo gọi là áo lục thủ.

Tục xăm mình thời Trần rất phổ biến, đạt đến trình độ nghệ thuật và đã có thợ chuyên vẽ hình. Trong khi quân đội thời Trần đều thích lên cánh tay hai chữ “Sát Thát”, thì nhân dân Đại Việt, nhiều người, dù là người đã có con cháu, cũng xăm lên bụng những chữ “Nghĩa dĩ quyền khu, hình vu báo quốc” (tinh thần vì việc nghĩa mà liều thân, thể hiện ở sự báo đền ơn nước). Xăm mình, thích chữ vừa là truyền thống, vừa là thi hành lời thề thiêng liêng, vừa thể hiện một tinh thần thượng võ. Đồng thời, đó cũng là một hình thức trang điểm trên thân thể, phản ánh quan niệm về cái đẹp của người đương thời⁽²⁾.

Đất nước Đại Việt trải qua những cuộc chiến tranh xâm lược, kẻ thù đã phá hủy biết bao công trình kiến trúc, hội họa ở nước ta. Về hình thức trang phục của nhân dân dưới thời Trần, đến nay còn rất ít tài liệu để khảo cứu.

Ngày nay chúng ta đành bằng lòng căn cứ trên một tượng đá (chỉ còn một tượng duy nhất là tượng quan hầu ở lăng vua Trần Hiến Tông), một số bức chạm nổi bằng gỗ, bằng đất nung... còn lại, để có thể ít nhiều hình dung được cách thức trang phục thời đó.

(1) Trần Phu (TQ) *An Nam tức sử*, tr.113, Tạp chí Văn học, 1/1972, Trần Nghĩa dịch.

(2) Đến đời vua Trần Anh Tông bỏ không xăm mình.

Nhìn nhận chung, trang phục thời Trần có những sắc thái đặc biệt, nó không tách rời ảnh hưởng của một nguyên lý thẩm mỹ xuất phát từ tinh thần thượng võ Đông A, bắt nguồn từ truyền thống dựng nước, giữ nước oanh liệt của dân tộc.

Ở thời Trần, trong cung đình cũng như ở ngoài dân gian, màu sắc đã được sử dụng khá phong phú, đa dạng, gần gũi với các màu của thiên nhiên, như màu vàng, màu đỏ, màu xanh, màu đen và đặc biệt là màu nâu...

Người nghệ sĩ xưa đã khắc họa trên những tượng phù điêu hình các nhạc công, vũ nữ, những bộ trang phục duyên dáng, cùng những bức cốn, trạm khắc với họa tiết long, ly, quy, phượng, sen, cúc, trúc, mai... là hình tượng “thanh cao” chôn cung đình. Bên cạnh còn có hình ảnh con nai, con cá, rong, rêu, cây cỏ, mây nước... rất gần gũi với nhân dân. Tuy có sự giao thoa ảnh hưởng của Trung Hoa và Chiêm Thành, nhưng nghệ thuật thời Trần ở Thăng Long, vẫn mang nhiều tính chất dân tộc.

Những họa tiết trên gốm, hình hoa dây mềm mại tinh tế, họa tiết sóng xô, nước cuốn chạm khắc trên đá, gỗ⁽¹⁾... tất cả đã toát lên đặc điểm phẩm chất con người và đất nước Đại Việt thời Trần.

(1) Hình các loại hoa văn trên hệ đá chùa Phổ Minh (xa Lộc Vượng, ngoại thành Nam Định). Hình rồng ở cốn gỗ chùa Dầu (xa Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh), hình sóng nước trên hệ đá tháp Trần Nhân Tông (chùa Hoa Yên), hình hoa trên tháp gốm đào được ở cạnh đồng Cửa Triều, khu Thiên Trường (Lộc Vượng, Mỹ Lộc, ngoại thành Nam Định) v.v...



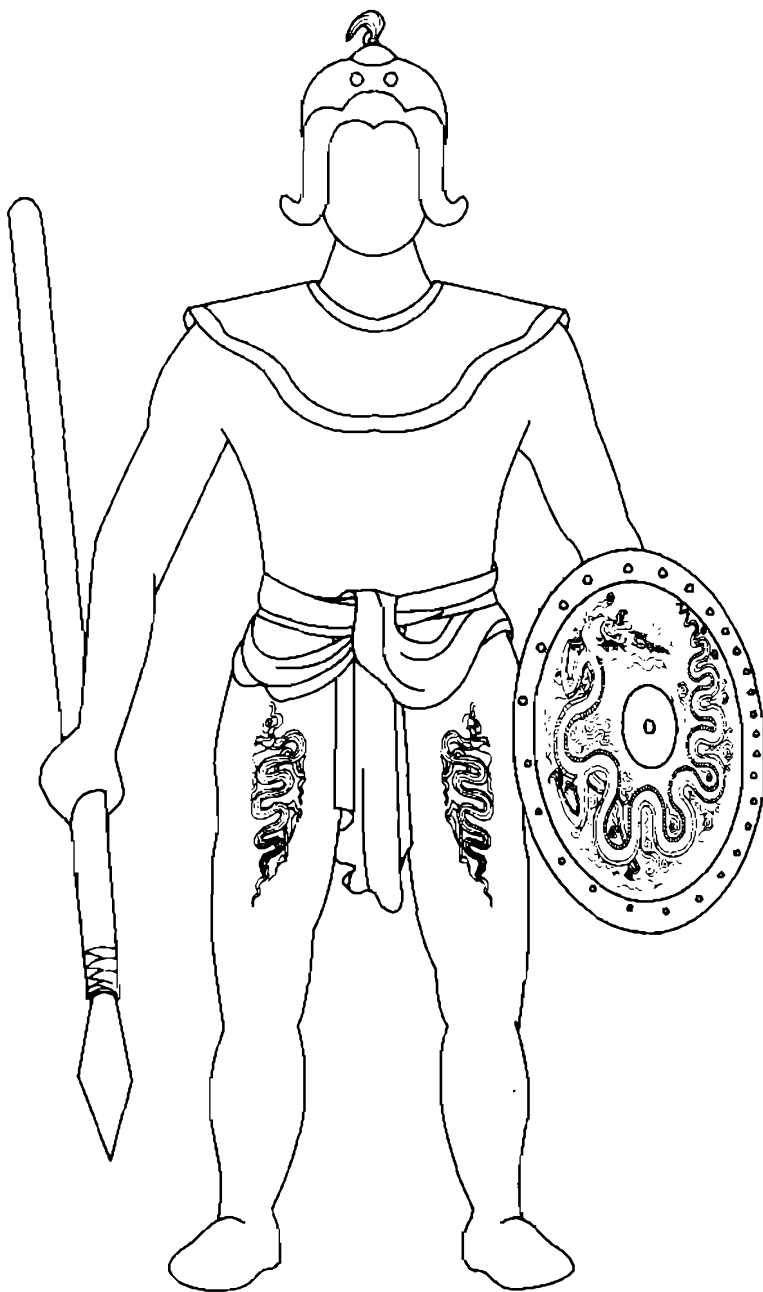
*Hình 39: Một số hình thức quần khăn thời Trần
(hình vẽ phỏng dựng theo mô tả của Lê Tắc, trong An Nam chí lược)*



Hình 40a: Võ sĩ luyện tập (hình trên thạp gốm) thời Lý - Trần



Hình 40b: Hình vẽ phỏng dựng



Hình 40c: Hình vẽ phỏng dựng - chi tiết



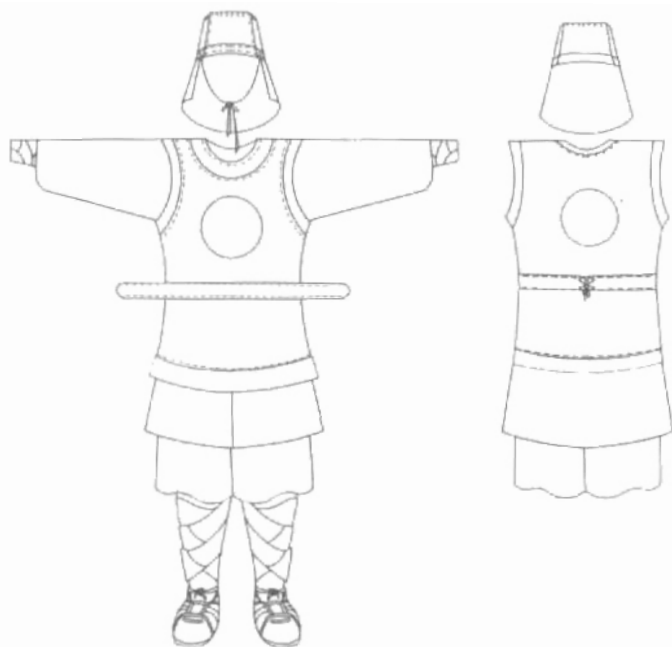
Hình 41: Quân sĩ đội mũ
tứ phương bình đỉnh
(hình vẽ phỏng dựng)



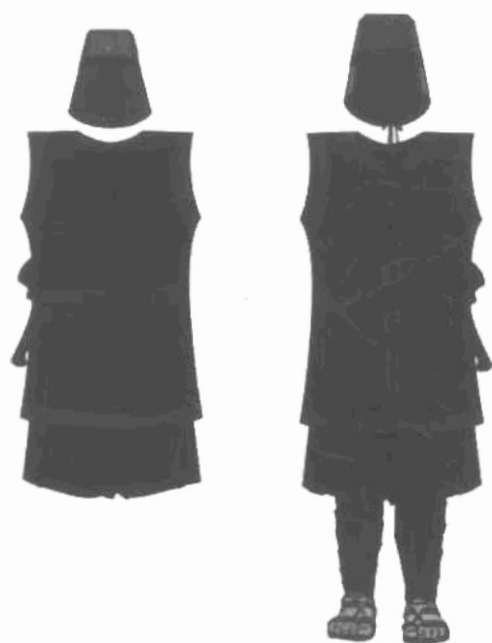
Hình 42: Mũ đầu mâu
(hình vẽ phỏng dựng).
Quân cấm vệ thịch trên trán
chữ Thiên Tử quân



Hình 43a: Trang phục quân sĩ Lý - Trần, áo đính hộ tâm kính
(hình vẽ phỏng dựng)



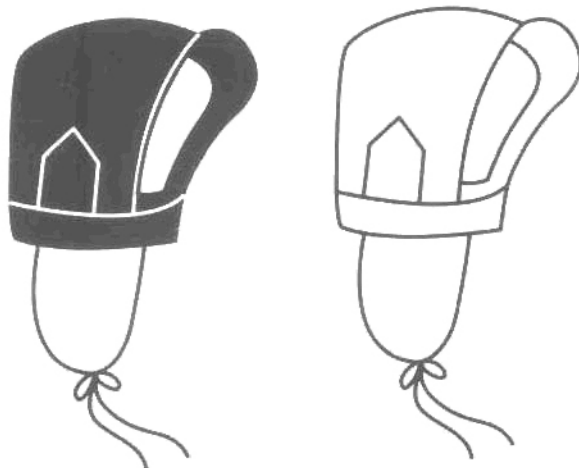
*Hình 43b: Trang phục quân sĩ Lý - Trần, áo đính hộ tâm kinh
(hình vẽ phỏng dựng) - chi tiết*



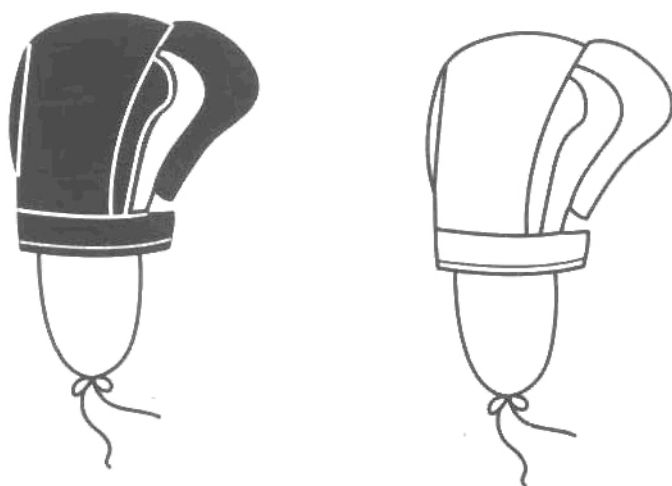
*Hình 44a: Trang phục
quân sĩ Lý - Trần
(hình vẽ phỏng dựng)*



Hình 44b: Trang phục quân sĩ Lý - Trần (hình vẽ phỏng dựng) - chi tiết



45a. *Mũ cao sơn* (theo *Từ Hải từ điển*): Mũ cao sơn cũng giống như mũ thông thiên. Đỉnh mũ không xéo mà thẳng đứng, không loe ra hai bên. Mũ này vốn là mũ của Tể Vương, khi nhà Tần diệt Tể mới ban mũ này cho các cận thần. Theo "*Hậu Hán thư*", thời Hán, các quan đều đội mũ này.



45b. *Mũ viễn du* (theo *Từ Hải từ điển*): Trong "*Hậu Hán thư*" có ghi: "Mũ viễn du chế như mũ thông thiên, phía trước rộng nhô ra, không có chân, là mũ của các chư vương". Từ thời Ngụy Tấn trở về sau, thời nào cũng dùng mũ này. Đến thời Nguyên, mũ này được dùng rộng rãi hơn.

Hình 45: Hình một số mũ thời Trần

Chương II

TRANG PHỤC THỜI LÊ

(HỒ - MAC - TRINH - TÂY SƠN)

Kể từ ngay nhà Lý định đô ở Thăng Long (từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV), khoảng thời gian giữa bốn thế kỷ với hai triều đại Lý - Trần, nơi đây dân chúng bốn phương tụ cư ngày càng đông đúc, cùng chung sức dựng xây, mở mang mọi mặt về đời sống tinh thần cũng như vật chất, đã tạo nên hình ảnh tươi đẹp cho Thăng Long của đất nước Đại Việt một thời thịnh vượng.

Cuối thế kỷ XIV cho đến đầu thế kỷ XV, quân ngoại bang lại đến xâm chiếm, thiêu đốt. Hết quân nhà Nguyên, không những chỉ một, hai lần, mà quân Chiêm Thành có tới bốn lần chiếm đoạt, tiêu hủy các thành quả do bàn tay của nhân dân lao động đã đổ mồ hôi và xương máu bồi đắp lên.

Trong tình cảnh giặc giã ngoại bang hoành hành, kinh thành tan hoang, cũng là lúc nhà Trần đang suy yếu, nền kinh tế trong xã hội, mối quan hệ giai cấp giữa lãnh chúa, nông nô bị khủng hoảng trầm trọng, cơ hội thuận lợi để nhà Hồ giành ngôi. Năm 1397, Hồ Quý Ly đã đưa vua nhà Trần dời triều đình ở Thăng Long về đất Thanh Hóa dựng kinh đô mới.

1. Trang phục thời nhà Hồ (1400 - 1407)

Năm 1400, Hồ Quý Ly phế truất vua nhà Trần lập vương triều nhà Hồ, tự xưng là Quốc tổ chương hoàng đế. Lấy quốc hiệu là Đại Ngu xây dựng kinh đô mới ở An Tôn (Vĩnh Lộc, Thanh Hóa) gọi là Tây Đô, kinh thành Thăng Long lúc này đổi là Đông Đô.

Trên thực tế, Tây Đô chỉ là một đô thành quân sự, không thể thay thế vị trí trung tâm chính trị của cả nước.

Về trang phục ở Thăng Long - Đông Đô, lịch sử không ghi chép gì nhưng có một số nét quy định của nhà Hồ, chúng tôi cũng tập hợp để tham khảo chung.

Hệ thống trang phục của triều đình không thay đổi nhiều, chỉ có một vài quy định mới để phù hợp với hoàn cảnh xã hội lúc đó mà thôi.

Sử chép rằng Hồ Quý Ly lúc tự xưng là Quốc tổ chương Hoàng đế, mặc áo màu hổ hoàng (màu vàng như nhị hoa cây xương bồ). Cùng năm, ông truyền ngôi cho con là Hồ Hán Thương, tự mình làm Thượng Hoàng.

Năm 1401, Hồ Hán Thương ra lệnh cho các quan viên không được đi hia, chỉ cho đi giày gai sống (Lệ cũ đời trước, quan từ lục phẩm trở lên thì được đi hia), cấm người trong nước không được dùng lụa phẩm kỹ may áo, chỉ cho nện qua thời⁽¹⁾. Tháng 8-1402, Hồ Hán Thương sai đắp đàn ở Đồn Sơn để làm lễ tế Giao. Nhà vua ngồi kiệu Vân Long, các cung tần, mệnh phụ, triều thần văn võ thứ tự theo hầu. Mũ áo của vợ phải dùng kém chông một bậc, người nào bản thân là tôn quý thì không phải kém.

Tướng sĩ nhà Hồ ra trận đều mặc áo giáp bằng da. Đã có trường hợp trên đường đi đánh Chiêm Thành, hết lương ăn, phải nướng áo giáp để ăn.

Đến năm 1403, có lệ quân lính ở các châu nào phải thích chữ tên châu ấy vào hai cánh tay để làm dấu hiệu.

Các gia nô đều thích những hình khác nhau vào trán để phân biệt:

Quan nô thì thích hình hóa châu (ngọc có tia sáng tỏa ra như tia lửa). Gia nô của công chúa thì thích hình dương đường (cây dương và cây đường). Gia nô của đại vương thì thích khuyển đồ. Gia nô của quan nhất nhị phẩm đều thích một khuyển đen. Gia nô của quan tam phẩm trở xuống thích hai khuyển đen.

Nhà Hồ tồn tại được 7 năm, dời bỏ Thăng Long về đóng đô ở Thanh Hóa, riêng đối với trang phục cũng có những thay đổi để phù hợp với triều đình mới, còn kinh thành Thăng Long, theo đà phát triển chung của xã

(1) Đại Việt sử ký toàn thư, tập I. Sđd, Nxb Văn hóa Thông tin, 2004, tr.742.

hội, khu vực của nhân dân ở vẫn tồn tại và Thăng Long vẫn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của nước ta thời đó.

** Tinh thần đấu tranh chống đồng hóa trang phục*

Nhà Hồ không đoạn kết được toan dân, không phát huy được sức mạnh của dân tộc để chống giặc, giữ nước. Vì vậy, vào năm 1406, nhà Minh (Trung Quốc) phái quân sang xâm chiếm nước ta, nhưng mãi đến năm 1414 chúng mới đặt được bộ máy cai trị.

Trong thời gian đô hộ (1414 - 1427), nhà Minh đổi nước ta thành quận Giao Chỉ, kinh thành Thăng Long gọi là thành Đồng Quan.

Nhà Minh tuyên bố “phong tục có liên quan đến việc trị đạo”. Do đó chung nghiêm khắc hạn định trong một tháng, tất cả quan lại, kỳ chính, giám thủ, quan lang, đầu mục, binh lính, đàn bà... đều phải có sự phân biệt về y phục, nhất thiết phải thay đổi theo chế độ hiện hành, nếu trái lệnh sẽ bị trị tội.

Quan lại và sinh viên đều đội mũ có cánh, mặc áo dài vạt, cổ áo viền tròn, đi giày ủng có dây thắt. Áo của quan lại bằng tơ lụa, áo của sinh viên màu xanh lam.

Đàn bà lấy chồng làm quan, khăn áo phải theo đúng thể lệ qui định. Người nào lấy chồng là thường dân thì mặc áo rộng, váy dài, phải búi tóc, trùm khăn lụa đen, trâm thoa, khuyên mím tùy nghi sử dụng, còn giày dép làm bằng vải hay bằng da. Cấm cắt tóc, cấm để lộ chân. Cấm mọi người dùng các màu huyền, vàng, tía. Trước đó đàn ông nước ta thường vẫn cạo trọc đầu, đàn bà cũng thường cắt tóc ngắn, nay “con trai, con gái không được cắt tóc, đàn bà, con gái phải mặc áo ngắn, mặc quần dài, hóa theo phong tục phương Bắc”⁽¹⁾.

Ngay từ những ngày đầu, nhân dân ta nói chung, trong đó có nhân dân ở Thăng Long, không chịu khuất phục. Người dân Thăng Long vẫn ăn mặc theo truyền thống, quân khởi nghĩa đội mũ tứ phương bình đính, loại mũ được dùng từ thời nhà Đinh, Tiền Lê.

(1) *Dại Việt sử ký toàn thư*, tập 1. Sđd, Nxb Văn hóa Thông tin, 2004, tr.794.

Nhân dân ta biểu thị sức chống đối mãnh liệt nên nhiều lần chúng đã phải ra thông cáo, bắt nhân dân ta thay đổi cả phong tục tập quán cho đến cả cách ăn mặc cũng theo lối phương Bắc⁽¹⁾.

Trong cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của nhà Minh, nhân dân ta không ngừng vùng lên khởi nghĩa, tiêu biểu lúc bấy giờ là phong trào “áo đỏ” của nghĩa quân vùng Thái Nguyên (quân Minh gọi là giặc Hồng y). Đội nghĩa quân thường mặc áo đỏ và chiến đấu dùng kiếm, linh hoạt, phong trào “áo đỏ” lan rộng nhanh, khắp các vùng Việt Bắc, Tây Bắc, vào các vùng Thanh-Nghệ ngày nay, đã gây cho cho quân địch nhiều tổn thất.

Sau hơn mười năm bị phong kiến phương Bắc (nhà Minh) đô hộ và sau những năm kháng chiến oanh liệt giành được thắng lợi, đất nước Đại Việt lại đi vào cùng cố dưới triều đại nhà Lê, đứng đầu là Lê Lợi.

2. Trang phục thời nhà Lê (hậu Lê 1428 - 1527) - Lê - Trịnh (Lê Trung hưng 1593 - 1787)⁽²⁾

Khi lên ngôi vua, Lê Thái Tổ vẫn lấy tên nước là Đại Việt, định đô ở kinh thành Thăng Long, lúc này gọi là Đông Đô, rồi đổi tên là Đông Kinh. Nhà Lê đưa Nho giáo thành hệ tư tưởng chính thống để củng cố chế độ phong kiến theo mẫu “khuôn vàng thước ngọc”. Nhà Lê tồn tại được 99 năm (1428 - 1527) thì bị lật đổ, thay thế bằng nhà Mạc với 65 năm trị vì (1527 - 1592), rồi ngai vàng lại giành về nhà Lê (Lê Trung hưng 1593 - 1787). Tình trạng vua Lê, chúa Trịnh phía Bắc, chúa Nguyễn ở phía Nam kéo dài cho đến khi Tây Sơn khởi nghĩa giành thắng lợi (1788 - 1802), kinh đô ở Phú Xuân (Huế), thành Thăng Long là trấn thành miền Bắc (Bắc Thành).

(1) *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb Khoa học xã hội, 1971, tr.237.

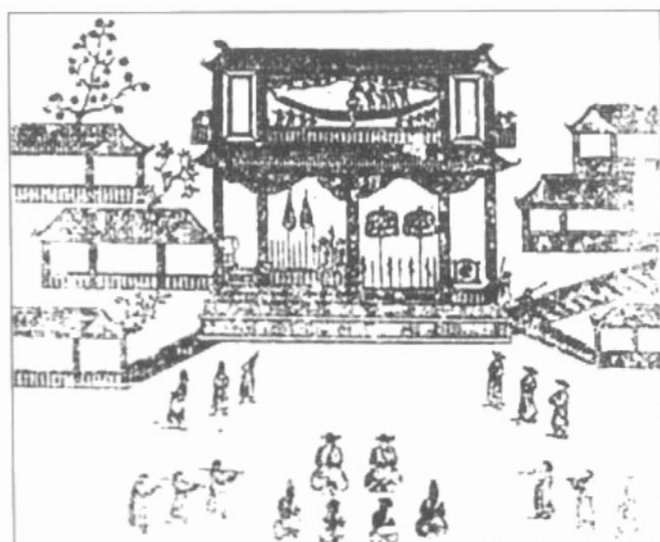
(2) Để có sự liên mạch về trang phục, ở giai đoạn đầu nhà Lê và Lê Trung hưng, chúng tôi gộp lại không cắt theo biên niên sử.

- Thời nhà Mạc trong thư tịch không có gì về trang phục, chúng tôi sẽ giới thiệu một số tượng thờ để có thể tham khảo một phần nào về mũ, áo thời Mạc trong phần trang phục qua các tác phẩm nghệ thuật.

Sau khi giành lại được kinh thành Thăng Long, Lê Lợi và các đời vua sau này đã quan tâm phục hồi, phát triển nhiều mặt, nhằm dựng xây lại Thăng Long đã bị hoang tàn.



Hình 46:
Triều đình vua Lê



Hình 47:
Phủ chúa

Kể từ đây, không những trong hoàng thành, cung điện, lầu gác của vua và hoàng tộc mà cả khu vực của nhân dân ngoài thành cũng được xây dựng, phát triển mở rộng nhiều hơn trước.

Do sự mở rộng đó mà phố phường rất sầm uất, công thương nghiệp ở Thăng Long phát triển mạnh mẽ. Nhà nước có quan xưởng (Cục Bách tác), ngoài ra còn có các phường chuyên nghiệp về nghề thủ công. Nhân dân các nơi trong nước đến kinh thành sản xuất, buôn bán... sông ngòi, đường sá được thông thương. Những thuyền buôn bán từ Thanh-Nghệ và các trấn ở miền Nam ra kinh thành cũng như các thuyền buôn từ mạn ngược về kinh thành dễ dàng, thuận tiện. Quang cảnh sinh hoạt của Thăng Long, trên bến dưới thuyền nhộn nhịp, tấp nập ở sông Hồng, sông Tô Lịch. Nơi đây hội tụ các mặt hàng, sản vật về kinh đô rất phong phú. Sự phát triển của các thành thị trên quy mô cả nước về mặt kinh tế, hàng hóa và sự mở rộng quan hệ ngoại thương, thế kỷ XVII - XVIII là giai đoạn hưng thịnh ở thời kỳ này được so sánh: “Thứ nhất Kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến”, đứng đầu các thành thị ấy là Thăng Long với tên gọi quen thuộc là Kinh kỳ hay Kẻ Chợ⁽¹⁾.

Kinh thành cũng thu hút nhiều thương nhân nước ngoài qua lại buôn bán như: Hà Lan, Bồ Đào Nha, Anh, Tây Ban Nha, Pháp... Trong những mặt hàng của họ mang đến có cả vải, dạ khổ rộng. Họ mua các sản vật quý, hàng hóa của ta trong đó có cả tơ lụa và còn đặt những thương điếm, các cửa hiệu buôn bán ở Thăng Long.

Thăng Long lúc này được chia lại thành 36 phường, gồm các khu vực buôn bán, các xã thôn của nhân dân ta cũng như người nước ngoài đến sinh sống và truyền đạo... Nơi đây có mạng lưới chợ lớn, nhỏ cố định có tên như: chợ Cửa Đông, chợ Cửa Nam, chợ Ông Nước (gần Ngọc Hà), chợ Yên Thái (Bưởi)... Ngoài ra, còn một loại chợ không tên, buôn bán di động ở trong và ngoài thành dân cư nhóm họp lại để mua bán, mạng lưới chợ lớn, nhỏ dày đặc đó làm cho Thăng Long mang tên là “Kẻ Chợ”, tên gọi đó sau này trở thành quen thuộc chỉ về một địa danh là đất kinh kỳ của nhân dân ta với danh từ kép “Thăng Long - Kẻ Chợ”.

(1) Trần Huy Liệu (chủ biên), *Lịch sử Thủ đô Hà Nội*, Sđd, Nxb Sử học - Viện Sử học, Hà Nội, 1960, tr.73.

Trang phục cung đình (vua chúa, hoàng tộc)

Thăng Long trong suốt 400 năm, ở thời gian này đã có bốn lần thay đổi triều đại và mỗi triều đại lại có những điều lệnh mới để tương thích với nếp sống trong xã hội và mối quan hệ giữa người với người được quy định bằng các thứ luật lệ chặt chẽ, trong đó trang phục được đề ra khá tỉ mỉ.

Lễ phục: Trong mỗi nghi thức tế lễ, tùy theo mức độ tôn nghiêm, đội mũ miện lại phải mặc một loại áo khác nhau:

Đời Lê Thái Tông: Từ 1434, những khi đại lễ như lễ tế trời, tế tôn miếu, lễ lên ngôi, lễ thánh tiết, tết Nguyên đán..., vua mặc áo long cổn, đầu đội mũ miện⁽¹⁾.

- Áo đại cừu (áo lông cừu non), mũ miện đính 12 tua.
 - Khi mặc Cổn phục (áo thêu rồng phượng), mũ miện đính 12 tua.
 - Khi mặc Miết phục (áo thêu hình chim trĩ), mũ miện đính 9 tua.
 - Khi mặc Xuế phục (áo dệt bằng lông cừu và lông chim trĩ), mũ miện đính 7 tua.
 - Khi mặc Hy phục (áo dệt bằng tơ dây sắn), mũ miện đính 5 tua.
 - Khi mặc Huyền phục (áo không có hoa văn), mũ miện đính 3 tua.
- Các tua đính ở phía trước và phía sau. Mỗi tua là một dây tảo (dây tơ nhiều màu) xâu 12 viên ngọc, được gọi là ngọc tảo. Sau này đại lễ, vua cũng chỉ mặc hoàng bào, đội mũ xung thiên, mang đai ngọc. Còn những lễ thường như ngày mồng một, ngày rằm hàng tháng, thì mặc hoàng bào⁽²⁾, hoặc bào màu huyễn, đội mũ xung thiên⁽³⁾. Khi lên triều: đội mũ tam sơn,

(1) Mũ miện của vua Việt Nam từ xa xưa không thấy nói đến, nhưng theo *Lịch triều hiến chương loại chí*, mũ miện được làm ra từ đời vua Lê Thái Tông (1434 - 1442), song cũng không dùng liên tục. Ở Trung Quốc, đến đời nhà Chu, mũ miện là thứ mũ cao quý nhất được đội trong các dịp tế lễ quan trọng (như tế trời, tế ngũ đế, cúng tiên vương....).

(2) Hoàng bào: Áo bào màu vàng của nhà vua.

(3) Mũ xung thiên là mũ phác đầu có hai cánh trỏ lên trời.

mặc áo màu xanh huyền. Ngày giỗ kỵ: ở nhà Thái Miếu chỉ đội mũ bình đỉnh⁽¹⁾, mặc áo thanh cát.

Lễ Tế giao:

- Vua: Đội mũ xung thiên, mặc áo bào vàng, đeo đai ngọc, ngồi kiệu long ý.

- Chúa: Đội mũ xung thiên, áo bào tía, đai ngọc, ngồi kiệu kim long.

- Tiết chế Phủ: Đội mũ dương đường, hai cánh mũ bằng vàng, mặc áo bào tía, bỏ tử thêu hình con kỳ lân, đai đính mặt đá bít vàng, ngồi kiệu rồng.

Lễ Tấn phong Nguyên súy cho Trịnh Tạc:

Năm Khánh Đức thứ tư (1652), vua Lê Thần Tông tấn phong Tiết chế Tây quốc công Trịnh Tạc lên chức nguyên súy Tổng quốc chính, tước Tây Định Vương.

Tiết chế Phủ đội mũ bình đỉnh bằng the đen, mặc áo thanh cát màu hoa quý, đeo dây thao đen, đầu dây bằng sừng tê giác, đi hia bằng vóc màu đen ra phủ đường làm lễ xin tiếp nhận sắc phong. Tiết chế Phủ được ban mũ xung thiên, áo bào màu tía, đai bằng vàng, ấn vàng, cờ tiết mào thắt nút 6 chao, dây kim tuyến và một bản sao kim sách bằng giấy kim tiền vẽ rồng⁽²⁾.

Lễ phục của chúa Trịnh:

- Trong các đại lễ mặc áo bào tía, đội mũ xung thiên, mang đai ngọc.

Khi lễ thường (như lễ thị chính, triều hội và yết kiến⁽³⁾) đều đội mũ tam sơn, mặc áo màu tía. Khi yết hầu kính thiên hoặc lễ sinh nhật ở Thái

(1) Mũ bình đỉnh là từ mũ tứ phương bình đỉnh (dùng trong quân đội thời Đinh Tiên Hoàng, bằng da, hình vuông, trên bằng phẳng). Đời sau đổi ra hình lục lăng, hạ thấp bớt phần trên, chế bằng lụa bồi sơn, chuyên dùng khi tế lễ, gọi là mũ bình đỉnh.

(2) Đỗ Bằng Đoàn - Đỗ Trọng Huề, *Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam*, Nxb Hoa Lư, Sài Gòn, 1968, tr.225.

(3) Yết kiến: Các quan gặp vua ngày thường.

miếu thì đội mũ bình đỉnh, mặc áo thanh cát màu hóa mình. Lễ kỵ nhật các vị đời gần thì dùng mũ bình đỉnh, mặc áo vải thām.

Về thể thức lễ phục của chúa Trịnh cũng gần giống lễ phục của vua Lê, chỉ khác nhau về màu sắc (vua dùng màu vàng, chúa dùng màu tía).

Lễ phục của con cháu vua chúa:

Hoàng Thái tử: Là con sẽ nối ngôi vua, mặc áo xanh, đội mũ dương đường⁽¹⁾. Vương Thế tử: là con sẽ nối ngôi chúa, mặc áo đỏ, đội mũ dương đường cánh chuồn dát vàng, bổ tử hình kỳ lân thêu kim tuyến, mang đai đỉnh đá quý bịt vàng. Khi châu ở phủ chúa mới mặc áo thanh cát có dây thao kếp (giáp thao)⁽²⁾, xâu hạt ngọc, dát vàng, đội mũ ô sa⁽³⁾, có chỉ thām đội nổi.

Thường phục: Đông cung Thế tử, mặc quần áo lụa đỏ.

Trang phục của các quan, quân⁽⁴⁾

Sau khi lên ngôi một năm (1429), vua Lê Thái Tổ đã quan tâm đến trang phục của các quan chức văn võ: Quan võ từ Thượng tướng tước Trí tự (có ba bậc: thượng trí tự, đại trí tự, trí tự). Quan văn từ chức nhập nội, (đại) hành khiển, và quan phục hầu trở lên đều cho mặc áo lụa màu đỏ.

Đến đời Lê Thái Tông: Chức giáo thụ ở Quốc Tử Giám và giáo chức các lộ, huyện được đội mũ cao sơn (trước kia đội mũ thái cổ). Các quan võ đội mũ cao sơn như quan văn (trước kia quan võ đội mũ chiết xung) và mặc triều phục khi làm lễ dâng biểu chúc mừng.

Không cho phép con trai, con gái các đại thần và các quan văn, quan võ mặc màu huyền, màu vàng; còn màu xanh thì không cấm.

(1) Mũ dương đường là mũ phắc đầu nhưng phía sau cao lên.

(2) Dây thao kếp là dây thao chập đôi để thắt áo.

(3) Ô sa: Sa màu đen, loại đặc biệt; còn sa thường, màu đen thì gọi là hắc sa.

(4) Vì Quy chế phẩm phục triều Lê rất chi tiết, cho nên chúng tôi chỉ trích dịch tóm lược một phần nào như tên các chức vụ của ngạch bậc, còn chủ yếu là giới thiệu về trang phục. Độc giả cần tìm hiểu, xin tra cứu tư liệu: Phan Huy Chú - *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, Nxb Sử học, 1961, tr.107, mục: Quan chức chí, Lễ nghi chí.

Sau này đời vua Lê Thánh Tông quy định màu phẩm phục cho các quan trong triều: võ từ nhất phẩm đến tam phẩm: áo màu hồng. Tứ, ngũ phẩm: áo màu lục. Ngoài ra đều mặc áo màu xanh.

Vào năm Hồng Đức thứ 2, ban mẫu họa đồ về hoa dạng của bỏ tử:

Văn vẽ loài cầm; võ vẽ loài thú. Chức tước là công, hầu, bá, phò mã, và quan đường thượng⁽¹⁾ ở Ngự sử đài đều vẽ một con. Quan văn võ hàng chính phẩm thì vẽ hai con. Hàng tòng phẩm thì vẽ một con. Các chi tiết trên bỏ tử như mây, núi, nước, hoa, cây, tùy ý chế tác. Các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, kim, biếc, lục tùy nghi thêu thùa, không nhất thiết phải thêu vàng gấm cả, có thể dùng kim tuyến cũng được. (Tuy nhiên, không thấy sử sách nêu tên những loài cầm, loài thú cụ thể trên bỏ tử của các chức phẩm trong thời gian này).

Trang phục thường triều cho các quan văn võ: Áo cổ tròn mặc trong một số ngày nhất định như từ biệt hay ra mắt... Sau đó triều đình lại định kiểu mũ châu của các quan văn võ là mũ ô sa, hai cánh chuồn phải nhất luật hơi hướng về đằng trước, không được tự ý làm ngang hay lệch. Triều phục, gấu áo dài cách đất 2 tấc (khoảng 7cm), tay áo rộng 1 thước 3 tấc (khoảng 43cm). Triều đình lại định thể thức trang phục khi tiếp sứ nhà Minh theo một thể thức trang phục ngoại giao cũng là biểu hiện lòng tự tôn dân tộc.

Các công, hầu, bá, phò mã và các quan văn phải may sẵn áo có cổ bằng gai, tơ, sa, là sắc xanh, dài cách đất 1 tấc (khoảng 3,3cm), tay rộng 1 thước 2 tấc (khoảng 40cm). Còn quan bàn bạc thì dùng chế y, dài cách đất 9 tấc (khoảng 30cm), tay hẹp như kiểu cũ. Đều phải dùng bỏ tử, đi hia, phải dùng màu tươi sáng, không được dùng thứ đã cũ, xấu.

Đời Lê Hiến Tông: Định rõ chất liệu may trang phục theo mùa: thường triều từ tháng 10 trở đi, mặc áo là, tơ gai, từ tháng 2 trở đi, mới mặc áo sa, nếu gặp ngày mưa gió mặc áo vải bông, vải gai, để thuận khí hậu từng mùa. Ngày quốc kỵ, mặc áo vải sa, không mặc áo bằng là, vóc hoa. Bỏ tử dệt màu tối, không dùng ngũ sắc.

(1) Quan đường thượng: Còn gọi là Đường quan, chức quan cao cấp.

Lễ phục của các công hầu bá, phò mã, các quan văn từ tam phẩm trở lên, đội mũ phác đầu, hai cánh bằng sa đen, hơi dài và to hơn của các quan văn khác, không dùng kiểu mũ dương đường nam hai cánh. Còn các quan khác vẫn theo như kiểu cũ⁽¹⁾. Các quan từ tứ phẩm đến ngũ phẩm, về hàng võ: đội nón màu trắng (chóp bạc); về hàng văn: đội mũ tiểu phác đầu, cánh chuồn trang sức đồng bạch.

Hoàng thân và quan văn, quan võ từ tam phẩm trở lên có tước công đội mũ phác đầu, cánh chuồn trang sức bằng vàng; không có tước công đội mũ phác đầu, cánh chuồn, trang sức bằng bạc.

Chức quan từ tứ phẩm đến ngũ phẩm về hàng văn: đội mũ tiểu phác đầu, cánh chuồn trang sức đồng bạch; về hàng võ: đội nón màu trắng (chóp bạc).

Chức quan từ lục phẩm trở xuống, về hàng võ: đội nón sơn đỏ về hàng văn: đội mũ tiểu phác đầu, không trang sức.

Quy định về bố tử :

Các tước công trong hoàng thân dùng hình con kỳ lân. Chức quan nhất, nhị phẩm về hàng văn: dùng hình con tiên hạc. Về hàng võ: con sư tử. Quan tam phẩm về hàng văn: hình con cấm kê (một thứ chim giống chim trĩ, lưng và đuôi lông màu vàng). Về hàng võ: con bạch trạch. Quan tứ phẩm về hàng văn: dùng hình con công. Về hàng võ: con hổ. Quan ngũ phẩm về hàng văn: dùng hình con vân nhạn. Về hàng võ: con báo. Chức quan từ lục phẩm trở xuống về hàng văn: hình con bạch nhạn. Về hàng võ: con voi. Các pháp quan đều dùng hình giải trãi.

Đai lưng:

Hoàng thân: trang sức bằng vàng. Quan văn, võ chức tam phẩm: trang sức sừng con tê hoả. Quan võ hàm nhất, nhị phẩm: trang sức bằng bạc. Tam phẩm: dùng đồi mồi trang sức bằng bạc, bao lưng dùng lụa đỏ. Quan văn, quan võ từ tứ phẩm đến ngũ phẩm đều dùng đồi mồi, trang sức bằng

(1) Đại Việt sử ký toàn thư, Sdd, tập II, Nxb Văn hóa Thông tin, 2004, tr.467.

thau, bao lưng lụa đỏ. Quan văn, quan võ từ lục phẩm trở xuống đều dùng tốc hương, chung quanh viền thau, bao lưng bằng đoạn thâm.

Màu áo lễ phục mặc khi đại triều: Hoàng thân và quan văn, quan võ từ tam phẩm trở lên màu đỏ tía. Tứ, ngũ phẩm: màu lục. Từ lục phẩm trở xuống: màu xanh.

Khi thường triều, quan hàm nhất, nhị phẩm trở lên dùng hàng gấm vóc eo dẹt hoa lá sắc sỡ. Tam phẩm đến ngũ phẩm cũng được dùng hàng gấm vóc. Lục phẩm trở xuống dùng hàng tơ lĩnh. Mệnh phụ⁽¹⁾ đều theo với phẩm trật của chồng (tức là được dùng mũ áo của bậc quan kém bậc quan của chồng một bậc). Người đàn bà nào chính bản thân làm nên sang hiển, thì không phải kém mũ áo của chồng một bậc. Giám sinh, nho sinh, học sinh, sinh đồ, lại điển và quan viên tử, quan viên tôn đều dùng các hàng lĩnh, lụa, hoặc vải lụa.

Đời Lê Thần Tông: Định mẫu y phục trong nước, dài rộng khác nhau. Quan văn từ khoa đạo, quan võ từ quân công mặc áo vải thanh cát⁽²⁾, đều dùng lá phũ đằng sau. Người khác không được mặc kiểu áo đó.

Đời Lê Chân Tông: Mũ áo của hoàng thân, vương tử, văn võ trăm quan dùng khi vào chầu vua Lê: Mũ ô sa, áo thanh cát của hoàng thân vương tử, văn võ trăm quan khi vào hầu phủ Chúa. Định rõ áo thường mặc của các quan bằng vải thanh cát, tay rộng 9 tấc 5 phân (khoảng 31cm), nách rộng 8 tấc 2 phân (khoảng 27cm). Những người thấp bé có thể cho hẹp bớt đi. Triều phục thì không theo quy chế này.

Đời Lê Dụ Tông: Quy định về việc dùng áo mũ bằng vải thanh cát. Loại vải này (và mũ chữ đình) trước kia được dùng phổ biến trong tất cả các tầng lớp sang hèn, trên dưới, nay hạn định phải theo kích thước dài, ngắn, rộng, hẹp, để phân biệt thứ bậc.

(1) Mệnh phụ là người đàn bà được vua phong hiệu cho. Có hai hạng, nội mệnh phụ là những người được phong hiệu ở trong cung (như phi tần), ngoại mệnh phụ là công chúa, vợ tước vương và đàn bà như chồng mà được phong.

(2) Vải thanh cát là vải nhuộm màu xanh chàm rồi nhuộm nâu đem hồ qua, lấy chày đập, vò kỹ, phơi khô.

Khi đại triều, các quan văn, võ thường dùng là mũ phắc đầu, áo vân cẩm cổ tròn. Áo bằng gấm, có hoa văn và đính bồ tử, (do đó còn gọi là áo bổ phục). Khi thường triều, như lúc ra thị sự và vào hầu: Quan văn đội khăn lương (lang cấn), quan võ đội khăn đuôi én (yến vĩ), mặc áo thanh cát có tấm che đũng sau, rồi đến hạng chít khăn (hay đội mũ chữ đỉnh). Những thứ ấy đều do ông Nguyễn Công Hãng, tể tướng nhà Lê chế ra.



Hình 48: Áo thanh cát có lá phủ. (Hình vẽ phóng dựng)

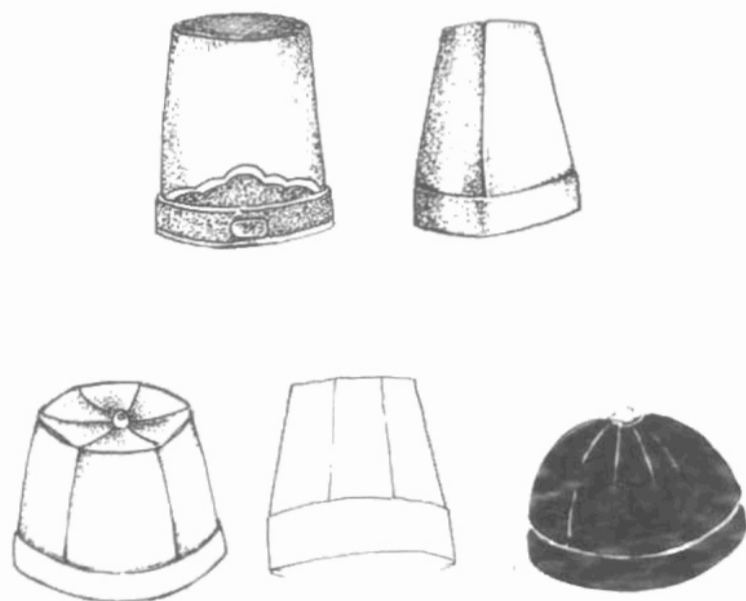


Hình 49: Áo vân cẩm đính bồ tử (bổ phục). (Hình vẽ phóng dựng)

Chính ông Nguyễn Công Hãng (1679 - 1732) là người đã phân biệt các loại mũ. Mũ chữ đình chia làm ba loại: Loại một hình tròn, đỉnh mũ bằng phẳng, dệt bằng lông đuôi ngựa, nạm vàng bạc ở phía trước để phân biệt thứ bậc, vua và chúa khi thường cũng dùng, con vua, con chúa khi vào hầu mới đội. Thứ hai, hình lục lăng, đỉnh mũ trũng xuống, làm bằng sa nam, dành cho các quan nội giám. Thứ ba, là mũ hình tròn, làm bằng vải thanh cát may trùm lại, để cho kẻ sĩ thứ, quân lính và thợ lại thường dùng.

Như vậy, dù vẫn gọi là mũ chữ đình nhưng không còn giữ được hình dáng như kiểu mũ ban đầu mô phỏng chữ đình nữa.

Mũ bình đỉnh được thông dụng từ quan cao cấp cho tới kẻ lại sĩ, nhưng tùy cấp bậc mà làm mũ cao, thấp. Vua cũng đội mũ bình đỉnh nhưng thêu chỉ kim tuyến.



Hình 50: Các loại mũ chữ đình (丁). (Hình vẽ phỏng dựng)

Theo Nguyễn Công Hãng, cũng là mũ chữ đình, nhưng phân làm ba hạng:

1. Hình tròn: Đỉnh đầu phẳng, dệt bằng mã vĩ (lông đuôi ngựa) nạm vàng, bạc để phân thứ bậc.
2. Mũ lục lăng: Đỉnh trũng xuống, làm bằng sa nam, quan nội giám đội khi vào hầu.
3. Hình tròn: May thun lại, bằng vải thanh cát (màu xanh thẫm), quan lại, sĩ thứ được đội.

Đến năm 1720 đổi, định lại: Áo của hoàng thân, vương thân⁽¹⁾, mùa xuân, mùa hạ dùng sa tâu, đội mũ lông đuôi ngựa, mùa thu, mùa đông dùng đoạn tâu, màu trầm hương, mũ bằng đoạn màu huyền. Áo của các quan văn võ: từ nhất phẩm đến tam phẩm, mùa xuân, mùa hạ dùng sa tâu, mùa thu, mùa đông dùng đoạn tâu, đều màu huyền. Mũ bên văn là mũ lá kép, bên võ dùng mũ lá đơn. Áo của tứ phẩm thì dùng sa đoạn Nam. Chức thị nội giám đội mũ bình đỉnh, hình sáu cạnh.

Các quan văn võ và nội giám khi chấp sự hành lễ, khi hầu ở nội các và khi trông coi việc công đều mặc áo thanh cát, đội mũ ô sa.

Sau đó, vào năm 1721 lại quy định chi tiết phẩm phục cụ thể hơn cho con vua, con chúa, cho các chức quan trong Ban võ, Ban văn, khi đại triều ở cung điện vua Lê và khi chầu ở phủ chúa Trịnh⁽²⁾.

Ban võ nước quân công: Con vua, con chúa, làm ba chức *thai*, ba chức *thiếu*. Chức Thái sư, Thái phó, Thái bảo, vào chầu vua đội mũ phước đầu, áo màu đỏ tía. Bồ tử thì ba chức thái hình kỳ lân, ba chức thiếu thêu hình bạch trạch đều bằng chỉ kim tuyến, đai gắn đá quý bít vàng, đi hia và bít tất. Thiếu bảo, Thiếu phó, Thiếu sư, khi hầu ở phủ chúa đội mũ ô sa có chỉ đen đột nổi, áo thanh cát có lá phũ sau, dây thao kép khâu hạt ngọc và dát bạc.

- Hoàng tử, vương tử, xưng chức tả hữu đồ đốc vào triều đội mũ phước đầu, áo màu hồng, bồ tử thêu hình sư tử, đai đính sừng tê bít bạc, đi hia và tất. Chức Đô điểm kiểm, Đề đốc, Tham đốc, Đồ vệ sự vào chầu vua đội nón chóp bạc, có gài lông đỏ, áo màu hồng, cổ đứng, lót toàn thân, bồ tử dùng hình sư tử, dây thao kép khâu hạt ngọc, đeo gương. Hầu phủ chúa đội mũ ô sa có chỉ đen đột nổi. Áo thanh cát có lá phũ phía sau lưng. Dây thao kép khâu hạt ngọc, cầm gương.

(1) Hoàng thân là thân thích nhà vua. Vương thân là thân thích nhà chúa.

(2) Những quy định về trang phục ở phần này chúng tôi trích lược theo *Lịch triều hiến chương loại chí*, Sđđ, tập II, Nxb Sử học, 1961, tr.109 làm thành bảng biểu đưa vào phần phụ lục sách.

- Chức Đô hiệu điểm, Đề đốc, Đề lĩnh, Tham đốc, phó Đô đốc, Thị vệ sự vào triều châu vua: đội nón có gài lông đỏ, áo màu hồng cổ đứng, lót toàn thân, bỏ tử hình con hổ, báo (cọp, beo), dây thao kép, đeo gươm. Hầu phủ chúa: Đội mũ ô sa, áo thanh cát có lá phủ sau, dây thao kép, cầm gươm.

- Hoàng tử, vương tử khi châu ở triều, đội mũ ô sa, có chỉ đen đột nổi, áo màu hồng cổ đứng, bỏ tử hình con hổ, báo, dây thao kép khâu hạt ngọc, đeo gươm.

- Các chức cai quản, cai đội, châu ở triều: đội mũ ô sa, áo màu hồng, cổ đứng, bỏ tử theo hình con voi bằng chỉ màu, dây thao kép, đeo gươm. Hầu phủ chúa: Đội mũ ô sa, áo thanh cát có lá phủ sau, dây thao kép, cầm gươm.

Tước hầu: Các chức Đô hiệu điểm, Đề đốc, Tham đốc, Phó đề đốc, Lãnh thị vệ, Tả hữu hiệu điểm, châu ở triều: đội nón chóp bạc, gài lông đỏ, áo màu hồng cổ đứng lót toàn thân, bỏ tử theo hình voi bằng tơ, dây thao đơn, đeo gươm. Hầu phủ chúa, đội mũ ô sa, áo thanh cát với áo lót không có lá phủ sau, dây thao đơn, cầm gươm. Các chức Đô chỉ huy sứ, tư Đô chỉ huy đồng chỉ đến Thiêm Tổng chỉ vào châu vua đội nón sơn son, áo màu hồng, bỏ tử theo hình voi màu, dây thao đơn, đeo gươm. Hầu phủ chúa, đội mũ ô sa, áo thanh cát có lót, dây thao đơn, cầm gươm.

- Các chức Đô lễ cao nhất từ Trấn điện quân tướng quân cho tới bậc cuối của ngạch là phó trung úy (gồm 24 chức). Vào châu vua: đội nón sơn son, chóp cài lông đỏ, áo màu hồng cổ đứng, dây thao đơn; chức Trấn điện cầm kiếm và dùi đồng, các chức còn lại cầm roi và kiếm. Hầu phủ chúa: Mũ, áo thanh cát có lót, dây thao kép.

- Con vua, con chúa tham dự vào việc quản lý quân lính, nhưng chưa có chức thì dùng mũ, áo thanh cát, không có lót nhưng được cầm gươm.

- Những người hầu lễ Biểu, lễ Bài giữ chức Đô tổng binh sứ, Tổng binh đồng chỉ, Tổng binh thiên sự, vào châu vua: đội mũ phác đầu, áo màu hồng, bỏ tử theo con voi, đai đính gỗ kỳ lam hương, bít thau, đi hia và bít tất bằng lụa. Nếu chưa có chức tước, thì áo màu xanh hoặc màu lục.

Ban văn:

Ba chức thái, ba chức thiếu vào châu vua: đội mũ phác đầu, áo màu tía, bồ tử thêu con tiên hạc, đai đính sừng tê bạc. Hầu ở phủ chúa, đội mũ ô sa, áo thanh cát có lá phủ sau, dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc.

- Các chức thượng thư, khi vào châu vua: đội mũ phác đầu, bồ tử thêu con tiên hạc. Đồ ngự sử đội mũ giải trãi, bồ tử thêu con giải trãi. Về áo mặc của hai chức trên và các thứ khác đều giống nhau: áo màu hồng, đai đính những miếng sừng tê bịt bạc, đi hia và tất. Hầu ở phủ chúa: đội mũ ô sa, áo thanh cát có lá phủ sau, dây thao kép, xâu hạt ngọc và sức bạc.

- Các chức Tả hữu thị lang, khi vào châu vua: mũ, áo, hia, tất giống như các cấp ở trên, nhưng bồ tử thì thêu con sa kê, đai chỉ được đính đôi mối, bịt bạc. Khi hầu ở phủ chúa cũng vậy, duy chỉ có dây thao là giả, không được sức bạc.

- Các chức Thừa chi từ phó Đô ngự sử đến Thị độc thêm đồ, khi vào châu vua: đội mũ phác đầu, áo màu hồng (nếu có tước), chưa có tước vị thì dùng màu xanh, bồ tử thêu con công. Chức ngự sử đội mũ giải trãi, bồ tử thêu con giải trãi, đai đính gỗ kỷ lam hương, bịt thau, đi hia, tất. Khi hầu ở phủ chúa: đội mũ ô sa, áo thanh cát có lá phủ sau, dây thao kép.



*Hình 51: Quan phục màu xanh.
(Hình vẽ phỏng dựng)*

- Các chức Tự khanh, khi vào châu vua: đội mũ phác đầu, áo màu hồng, chưa có tước vị thì màu xanh, bồ tử thêu con công. Riêng chức Đề hình: đội mũ giải trãi, bồ tử thêu con giải trãi, đai đính gỗ kỷ lam hương, bịt thau, đi hia, tất. Hầu phủ chúa, trang phục như các chức trên.

- Các chức là cấp sự khi vào chầu vua, đội mũ phác đầu, áo màu hồng, chưa có tước vị dùng màu xanh hay màu lục, bổ tử thêu mây, chim nhạn. Chức Hiến sứ: đội mũ giải trãi, bổ tử thêu con giải trãi. Còn lại như đai, hia, tất giống nhau. Hầu phủ chúa, trang phục như cấp trên.

- Các chức Hàn lâm hiệu lý, Hiệu thảo, Giám sát ngự sử các đạo, khi vào chầu vua, nếu là Hàn lâm thì đội mũ phác đầu, áo màu hồng. Nếu chưa có tước thì màu xanh, màu lục, bổ tử thêu con nhạn trắng. Chức Cai đạo, đội mũ giải trãi, bổ tử thêu con giải trãi. Đai, hia, tất giống nhau. Khi hầu phủ chúa: được mặc giống như các cấp ở trên.

- Các chức Thông chính sứ, tư Tham nghị cho đến Thiếu khanh, khi vào chầu vua: đội mũ phác đầu, áo màu xanh hay màu lục. Chức Hiến phó: đội mũ giải trãi, bổ tử thêu con vệt, đai đính sừng trâu, bịt thau, đi hia, tất. Hầu ở phủ chúa: đều đội mũ ô sa, áo thanh cát có lót, không có lá phủ sau, thắt dây thao đơn.

- Các chức Tu soạn gồm hơn hai mươi chức, từ Giáo thụ đến Huấn đạo, khi vào chầu vua: đội mũ phác đầu, áo màu xanh, màu đen, bổ tử thêu chim thuận am, đai đính sừng trâu, bịt thau, đi hia, tất. Hầu ở phủ chúa: đội mũ ô sa, áo thanh cát, có lót.

- Các chức thái giám, khi vào chầu vua: đội mũ phác đầu, áo màu hồng nếu chưa có tước thì áo màu lục, bổ tử thêu mây nhạn, đai đính đôi mồi, bịt thau, đi hia, tất. Hầu ở phủ chúa: đội mũ ô sa, áo thanh cát có lá phủ sau, dây thao kẹp. Các chức tả hữu thái giám, khi vào chầu vua: đội mũ phác đầu, áo màu hồng, nếu chưa có tước vị thì áo màu xanh, có thể dùng màu lục và màu đen, bổ tử thêu chim nhạn trắng, đai đính gỗ kỳ lam hương, bịt thau, đi hia, tất. Hầu ở phủ chúa, đội mũ ô sa, áo thanh cát có lót, không có lá phủ sau, dây thao đơn.

- Các chức Phụng ngự, Giám hạ, khi vào chầu vua: đội mũ ô sa, áo thanh cát, có lót, không có lá phủ sau. Các chức xá nhân (có 10 chức), từ Giám sinh trở lên, khi vào chầu vua hay lúc hầu ở phủ chúa: đội mũ ô sa đơn, áo thanh cát có lót, không có lá phủ sau.

- Các chức hoa văn học sinh từ án lại đến thông lại, khi vào chầu vua hay hầu phủ chúa, đội mũ, áo thanh cát.

Đồng thời cũng quy định cả trang phục mặc lúc thường, ở làng xã đội mũ ô sa, áo thanh cát cổ lót. Khi không làm việc công, trang phục được dùng các thứ the, là, lụa, vải và những thứ đồ đội như:

- Mũ trại quan, mũ bao đỉnh (làm bằng lông đuôi ngựa), kiểu tròn, đỉnh phẳng, cao độ một thước (khoảng 33cm).

- Khăn bát tiên làm bằng đoạn huyền hay sa the, chít vòng quanh dần dần lên, dài buộc quanh trán, buông về phía sau, hai bên mang tai có điểm, phía trên có gài mấy bông hoa cúc.

- Bức cân là loại khăn dùng cả khổ lụa gấp xếp nếp lại để bịt tóc...

- Những nho sinh đội mũ ô sa, áo thanh cát cổ lót, không có lá phủ sau, thắt dây thao đơn. Con vua, con chúa, con, cháu các quan văn, võ được phong ẩm trở lên thì đội mũ ô sa đơn, áo thanh cát cổ lót, có lá phủ hoặc không có lá phủ, chưa có tước vị gì, khi vào nội cung, đội mũ lương, áo sa đen, lúc thường trang phục dùng các thứ gấm vóc có hoa.

Tuy cũng có những trường hợp cho phép các quan văn, võ linh động mặc áo vải bông hay gai vào chầu, nếu gặp ngày mưa, nhưng trong những ngày sóc vọng (rằm, mồng một) và đại lễ mà các quan văn võ không mặc triều phục, chỉ mặc áo thường trốn tránh ngoài cửa, điểm mục thiếu thì phải xung vào quân đội.

Trong suốt giai đoạn nhà Lê, việc học được quan tâm, đẩy mạnh và ngày càng phát triển. Kinh thành Thăng Long là nơi hội tụ, chiêu tập, đào tạo nhân tài tri thức của cả nước. Hội Tao Đàn ra đời, do chính Lê Thánh Tông làm nguyên sủy, gồm “28 ngôi sao thơ” (nhị thập bát tú) - “Tao Đàn nhị thập bát tú”...

Trên cơ sở trường đại học đầu tiên ở Thăng Long là Quốc Tử Giám, được xây dựng vào thời Lý (thế kỷ XI), đến thời Lê được mở mang thêm, đồng thời tổ chức quy mô hơn trước.

Trung tâm kinh thành không chỉ có những trường học do nhà nước đứng ra tổ chức xây dựng, mà còn có cả trường tư, do các danh sĩ, danh nho nổi tiếng đương thời lập nên để truyền dạy và đào tạo.

Mỗi trường lại có tính chất “chuyên” như nhận đối tượng đào tạo là con của các cấp quan trong triều:

- Nhà Quốc Học được lập vào năm 1427, vào học là con của các quan văn, quan võ, hàm từ nhất phẩm trở lên.

- Quán Chiêu Văn, nhận vào học là con của các quan hàm nhị phẩm và con trưởng của quan tam phẩm.

- Cọc Tú Lâm, lại nhận con các quan từ tam phẩm đến bát cửu phẩm.

Các khoa thi và chế độ thi trong thời kỳ này được mở ra rộng rãi. Những kỳ thi cao cấp cũng được tổ chức tại kinh thành Thăng Long.

Nhà Lê coi trọng khoa cử và bổ nhiệm các chức quan khá rộng rãi, vì vậy việc đi học, đi thi, phấn đấu đỗ đạt để được bổ nhiệm một chức quan nào đó đã trở thành một trào lưu ở Thăng Long lúc bấy giờ.

Đặc biệt, dưới triều Lê Thánh Tông, việc trọng khoa thi, trọng những người đỗ đạt được biểu hiện bằng những buổi lễ xướng danh, được tổ chức rất long trọng.

Sau khi thi đình, đỗ tiến sĩ, các tân khoa được ghi tên trên bảng vàng. Triều đình ban mũ áo, được cưỡi ngựa, có long che đầu và được dự yến tiệc vua ban. Cấp cờ biểu cho vinh quy về làng (thành lễ từ đây).

Tam khôi (trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa) và hoàng giáp được đội mũ phác đầu hai cánh, lá đề tam sơn bằng thau. Đồng tiến sĩ đội mũ phác đầu nhưng không có cánh mà có dải, sau lại bỏ dải đi.

Dai của trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa đều làm bằng gỗ tặc hương, bọc lụa màu tím than, trang trí bạc, nhưng cấp cao hơn thì được sử dụng lượng bạc nhiều hơn. Áo chầu đều bằng đoạn huyền hoa liên vân; đai của đồng tiến sĩ làm bằng sừng trâu bọc lụa màu tím than, trang trí thau. Mũ, áo chầu đều bằng ô sa.

- Giám sinh ở Quốc Tử Giám và sinh đồ ở huyện, giáo thụ Quốc Tử Giám cùng giáo chức các lộ huyện, đội mũ Cao Sơn.

- Giám sinh, nho sinh, học sinh, sinh đồ, lại điển và quan viên từ, quan viên tôn đều dùng các hàng lĩnh, là, hoặc vải lụa.

- Còn các học trò thường dùng áo màu thanh cát (xanh lam).

Triều phục của các khoa thi hội:

Theo *Lê triều hội điển*, trang phục của tân khoa do Bộ Lễ làm dự án, chuyển sang Bộ Công để đưa sang Bộ Hộ lấy kinh phí, sau đó giao cho các thợ chuyên làm mũ, nhuộm vải, chế tác may áo, làm cảnh hoa..., số lượng hoặc giá trị được quy định theo cấp bậc:

- *Trang phục Trạng nguyên:*

+ Mũ: vương, có hai tai, tam sơn và lá bồ đề làm bằng thau.

+ Áo: bằng đoạn, màu huyền hoa liên vân.

+ Đai: bằng gỗ tước hương, tre xanh, lụa huyền và thau gò, dát bạc (nặng 1 dật, bằng 10 lạng).

+ Một cây hoa bạc 9 cành nặng 9 đồng cân.

- *Trang phục Bảng nhãn:*

+ Mũ: vương có hai tai, tam sơn và lá bồ đề bằng thau.

+ Áo: bằng đoạn, màu huyền, hoa liên vân.

+ Đai: bằng gỗ tước hương, tre xanh, lụa huyền và thau gò, dát bạc (nặng 8 lạng).

+ Cây hoa bạc: 8 cành nặng 8 đồng cân.

- *Trang phục Thám hoa:*

+ Mũ: vương có hai tai, tam sơn và lá bồ đề bằng thau.

+ Áo: bằng đoạn màu huyền hoa liên vân

+ Đai: bằng gỗ tước hương, tre xanh, lụa huyền và thau gò, dát bạc, (nặng 6 lạng).

+ Cây hoa bạc: 7 cành nặng 7 đồng cân.

- *Trang phục Hoàng giáp:*

+ Mũ: vương có hai tai, tam sơn và lá bồ đề bằng thau.

+ Áo: bằng đoạn huyền hoa liên vân.

+ Đai: bằng gỗ tước hương, tre xanh, lụa huyền và thau gò, dát bạc.

+ Cây hoa bạc: 6 cành nặng 6 đồng cân.

- *Trang phục Đồng Tiến sĩ:*

+ Mũ: có hai tai (không có tam sơn).

+ Áo: bằng sa đen.

+ Đai: bằng sừng trâu, tre xanh, lụa huyền và thau gò, dát thau.

+ Cây hoa bạc: 5 cành nặng 5 đồng cân.

- *Trang phục các viên Đề điệu:*

+ Một cây hoa bạc 11 cành (nặng 1 lạng 1 đồng cân).

- *Trang phục các viên Giám thí Tri cống cử và các quan Bộ Lễ:*

+ Một cây hoa bạc 10 cành (nặng 1 lạng)

- *Triều phục các sứ bộ thân phụng mạng đi sứ:* Mỗi viên đều được:

+ Mũ: vương, như tam khôi.

+ Áo, đai như tiến sĩ. Áo may bằng sa đen.

+ Một cây hoa bạc hoặc hốt bạc.

- *Triều phục của khoa thi đông các* (thủ tục tiến hành cũng như các khoa thi hội). Tân khoa được ban các thứ:

+ Mũ: vương, như tam khôi.

+ Đai bạc và hoa thì đệ nhất: như trạng nguyên.

+ Áo bằng đoạn màu quan lục.

- Đệ nhị trúng cách được: như bằng nhãn.

+ Áo: bằng đoạn màu huyền.

- Đệ tam trúng cách: như thám hoa.

+ Áo: bằng đoạn màu huyền.

- *Triều phục các khoa thi: Tào sĩ - võ cử* (thủ tục cũng theo như các khoa thi hội, thi đình).

+ Mũ: Sơn đỏ, hai cánh dát thau (mỗi chiếc mũ dùng hết 3 lạng lông đỏ).

+ Áo: Bằng sa hoặc bằng là màu xanh biếc (hai chiếc).



*Hình 52: Quan văn đội mũ
phốc đầu.
Gốm màu thế kỷ XVII - XVIII
(Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam)*



Hình 53a: Quan văn vinh quy.
Thế kỷ XVIII (Bảo tàng Lịch sử)



Hình 53b: Quan võ vinh quy.
Thế kỷ XVIII (Bảo tàng Lịch sử)



Hình 54: Vinh quy - (Tranh dân gian)



Hình 55: Tiến sĩ - (Tranh dân gian)

Trang phục quân đội

Dưới triều Lê, về binh chế được củng cố, xây dựng rất nghiêm ngặt. Có thân binh hay cấm binh để bảo vệ kinh thành và ngoại binh trấn giữ các xứ...

Việc tuyển quân, chọn những người tài giỏi xung vào quân đội, được quan tâm. Đời Dụ Tông, Bảo Thái năm thứ tư (1723) mở ra các khoa thi võ, đối tượng rộng rãi cả trong quân đội cũng như ngoài nhân dân, đều có thể tham gia.



Hình 56: Luyện tập võ nghệ



Hình 57: Trò vui ngày tết

Những người dự thi phải trình diễn, sát hạch những môn: múa gươm, múa mộc, múa đao, cầm giáo cưỡi ngựa phi.

Năm 1731 lại bổ sung thêm một số môn theo bài bản huấn luyện của Trung Quốc và áp dụng vào các kỳ thi:

- Đệ nhất trường: kéo dây cung, múa đao.
- Đệ nhị trường: cầm giáo cưỡi ngựa, múa đao, gươm, bắn cung...

Cuộc thi này nếu ai đỗ cao được gọi là Cống sĩ, đỗ trung bình gọi là Biễn sĩ, ai trúng cả hai trường gọi là sinh viên.

Khoa thi về kiến thức có ba môn: võ kinh, võ nghệ, chiến thuật - chiến lược. Nếu đạt được hai môn thì gọi là tạo toát; đỗ cả ba môn được gọi là tạo sĩ.

Tạo sĩ thì được vua ban mũ, áo, đai, hia... (tạo sĩ võ tương đương với tiến sĩ văn). Trang phục được dùng mũ, áo sắc xanh, đai bằng tơ dệt, dát sừng tê, nón sơn đỏ.

Trong hệ thống trang phục quân đội, có thấy nói đến loại nón làm bằng da, hơn ba trăm năm sau thời Tây Sơn còn dùng.

- Đời vua Lê Thánh Tông, quy định chỉ có thân quân⁽¹⁾ mới được dùng nón thủy ma⁽²⁾ và nón sơn đỏ.

- Đời Hồng Đức, quân sĩ ở các vệ thuộc 5 phủ, quân kiêu dũng đội mũ màu tía, quân già yếu (phi kiêu dũng) đội mũ màu đen.

Đặc biệt là áo mũ của binh lính thị hậu được may bằng loại gai là (một mặt hàng dệt quý của nước ta, có thứ màu đỏ, có thứ màu xanh, thường dùng làm lễ vật tặng sứ giả Trung Quốc)⁽³⁾. Áo mũ của ngoại binh có loại làm bằng da trâu sơn đỏ.

(1) Thân quân: Quân túc trực bảo vệ kinh thành.

(2) Nón thủy ma: Nón đan bằng gai nước.

(3) Theo Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, tr. 114- "Là gai đỏ". Theo PGS. Trần Nghĩa, gọi là: "Đa la" cũng được vì cũng là loại vải dệt bằng gai mà thành thứ lụa quý đó, dùng để may áo, mũ.

Năm Thiệu Bình thứ tư (1437) đặt quy chế Lỗ bộ⁽¹⁾, đại giá của vua mỗi khi vua ra ngoài cung dự lễ. Các cấm quân nội điện, đội mũ bằng lá gai đỏ⁽²⁾, mặc áo vải thanh cát, một tay rộng, một tay hẹp, viền đỏ, nẹp trắng. Các quan quân cũng tham dự trong đó có các hiệu cấm quân nội điện như Thị Kiệu, Thị Nội, Kim Ngô, Cẩm Y v.v... đều đội mũ đỏ, mặc áo thanh cát viền đỏ, nẹp trắng, cầm cờ quạt, nghi trượng... hai mươi viên trấn điện đội mũ đỏ, mặc áo gấm xanh, bồ tử thêu con voi, tay cầm dùi đồng.



Hình 58: Ngựa hồng, ngựa bạch cùng những người vác cờ, lọng với trang phục: Đấu đội nón có chóp gắn tua, mình trần, đóng khố. Thế kỷ XVIII. Đến Độc Lôi, Nghệ An (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam)

- Cho đến năm 1781, về trang phục quân lính ở các trấn khác nhau vẫn được trang bị theo kiểu cách riêng, mang dấu hiệu khác nhau.

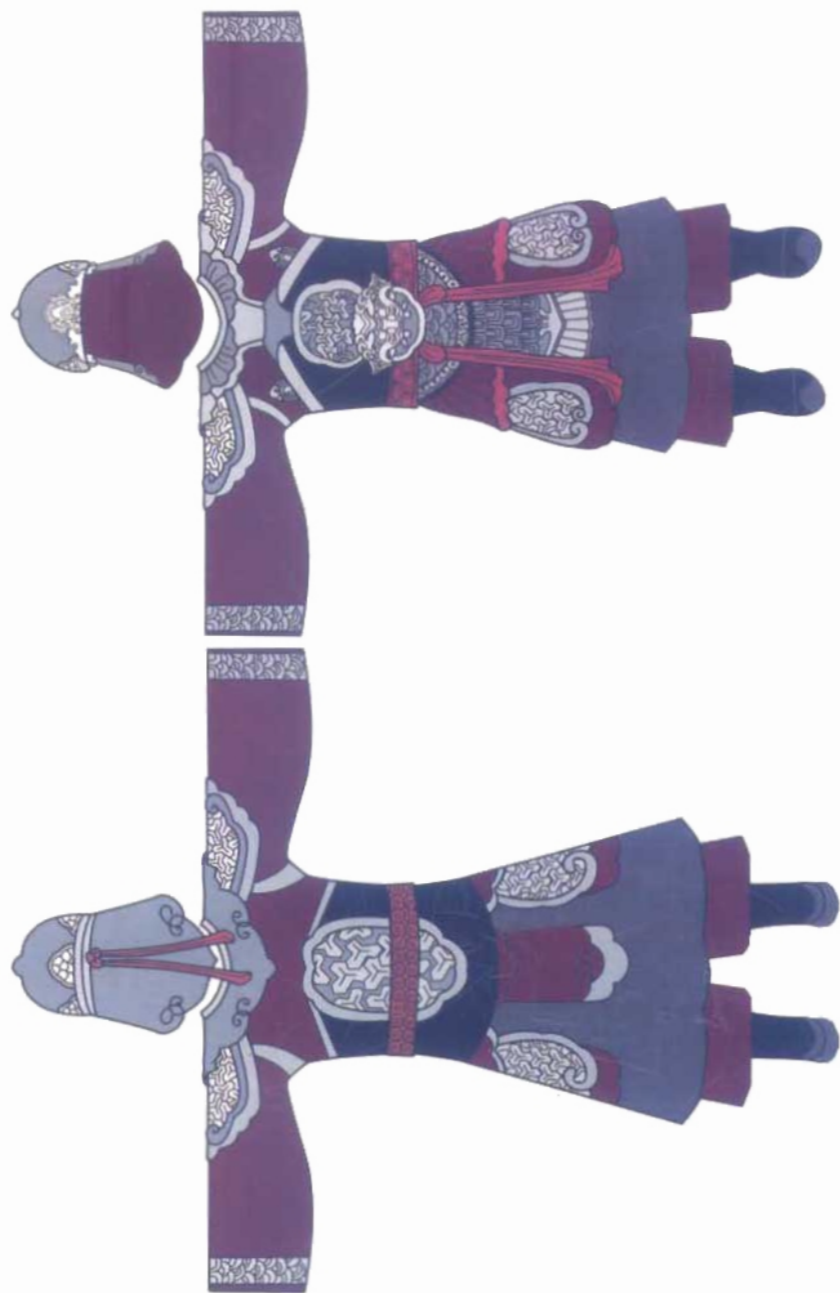
Những người phục vụ trong cung, vẫn búi tóc gọn lên đỉnh đầu như ở thời Trần và thời Lê. Đến đời vua Lê Hiến Tông (1497 - 1504) cho phép cung nhân khi hầu thường được búi tóc lệch, lúc ra tấu nhạc thì đội mũ chữ đinh tròn, đeo đồ trang sức như vòng tay tròn dẹt, hoa tai hình quả bầu, hình hoa sen hay khuyên tròn.

(1) Lỗ bộ: Xa giá của vua đi, cũng có nghĩa là đồ nghi vệ, gồm những thứ binh khí, huy chương...

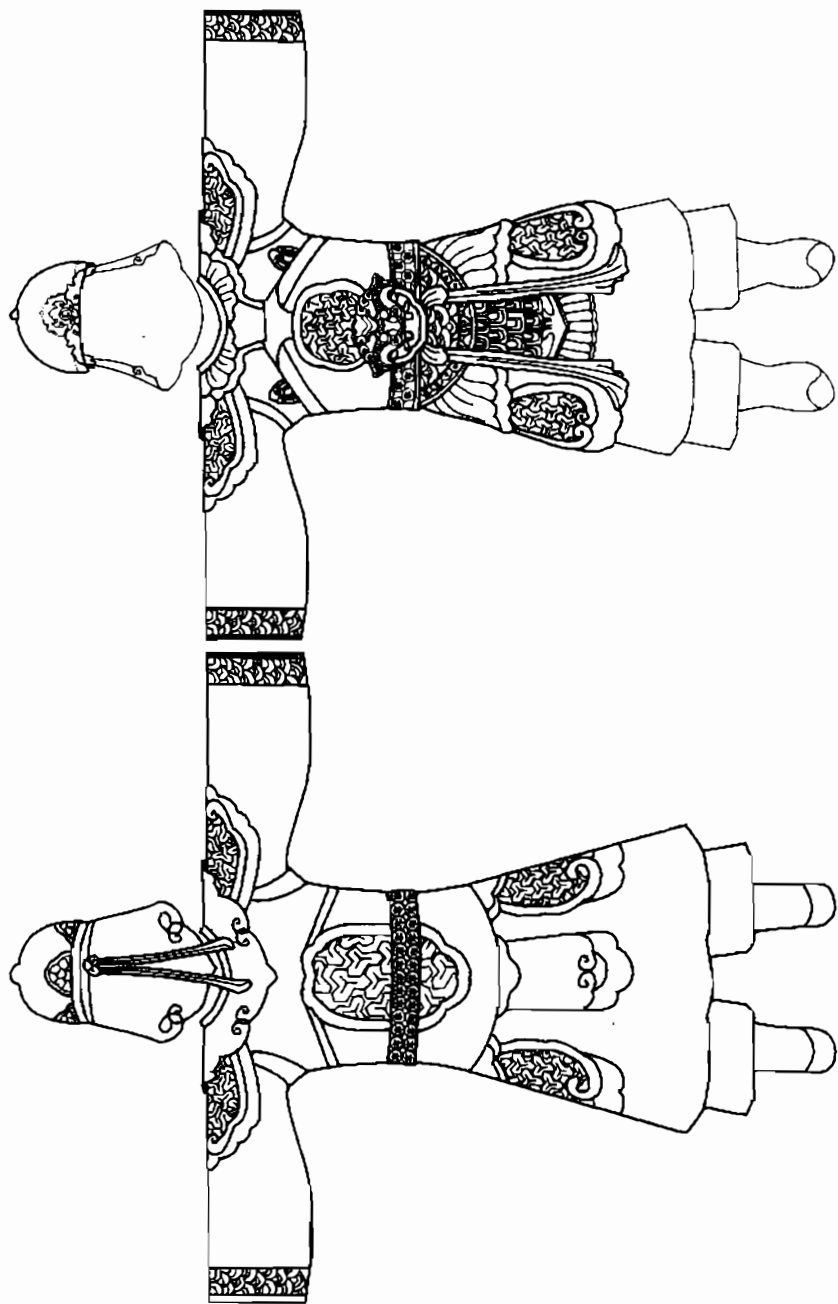
(2) Lá gai đỏ: Một loại vải, hàng dệt quý của nước ta.



*Hình 59a: Võ sĩ mặc áo giáp, đội mũ đầu mâu có lá phủ, thế kỷ XVII,
(Quốc Tử Giám, Hà Nội)*



Hình 59b: Hình vẽ phông dựng trang phục (phía trước, phía sau)



Hình 59c: Hình vẽ phong dịnh trang phục (phía trước, phía sau) - chi tiết

Trang phục lễ tang

Khi vua Lê Thánh Tông mất (1497) trang phục quốc tang được thực hiện nghiêm túc. Dân gian trăm họ phải để tóc dài⁽¹⁾, mặc áo xô trắng 100 ngày. Các quan để tóc dài, mặc áo xô trắng 3 năm, nhưng ở nhà có thể mặc áo xanh. Ngoài 100 ngày, được mặc áo xanh hay áo đen, không được dùng các màu hồng, màu lục.

Đến năm 1601, vua Lê Thế Tông mất, lễ tang lại được qui định cụ thể hơn. Thương phụ (chúa Trịnh) để tang 100 ngày. Khi ra làm việc ở vương phủ thì mặc áo trắng, dây thao trắng, mũ trắng. Các thân vương và các quan văn võ tướng quân công trở lên mà vẫn thường được dự chầu, các quan tư ngũ phẩm trở lên không thường xuyên vào chầu và các quan cai trị ở địa phương để tang hai năm⁽²⁾, mặc áo trắng vén gấu, dây thao trắng, mũ trắng. Sau 27 ngày, khi vào chầu hay khi làm việc có thể mặc áo đen, dây thao đen, mũ đen.

Hàng võ, từ lục phẩm trở xuống hàng văn, bát, cửu phẩm triều yết, để tang 9 tháng, mặc áo trắng vén gấu. Các hộ vệ hiệu sĩ, án lại, hoa văn (học sinh) để tang một năm⁽³⁾. Khi vào chầu hay đứng hầu mặc áo đen, gươm vỏ đen, dây thao đen, mũ đen, không được dùng trang sức vàng bạc. Vợ các quan là mệnh phụ để tang một năm, không là mệnh phụ để tang 100 ngày, không được trang sức.

Các án quan, thuộc viên và tạp lưu để tang 5 tháng, mặc áo trắng vén gấu, sau 100 ngày, khi vào chầu hay đến nha môn làm việc thì mặc áo, dây thao, mũ màu đen.

Các xá lại, văn thuộc, quan viên tử tòn, nha lại, xã trưởng, thổ tù, phụ đạo, nhân dân ở làng nhà vua và ở trong đô thành để tang 100 ngày. Nhân dân các xứ để tang 27 ngày, đều cấm âm nhạc và đồ mặc, đồ dùng màu sắc lòe loẹt và đồ châu ngọc, vàng bạc.

(1) Có lẽ là để xổ tóc.

(2) Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*. Về chi tiết này, *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi là 3 năm.

(3) Phan Huy Chú, *Sổd*. Về chi tiết này, *Đại Việt sử ký toàn thư* viết là 5 tháng.

Nhìn chung, nếu gặp quốc tang thì vương, công, khanh, sĩ đều mặc màu quì sắc. Những người có tang thường mặc áo vải thô, đi đầu nôi nón, râu tóc che miệng, vào cửa công mặc áo quì sắc, áo thanh cát. Người có tang từ một năm trở xuống, mặc áo trắng, để xõa tóc đến khi hết trở, không dám đi uống rượu chè nhà ai.

Năm 1786, vua Lê Hiển Tông mất, triều đình lại yết bảng, các hoàng thân và trai gái họ nhà vua đều để tang theo gia lễ. Các quan văn võ được dự châu trở lên, các quan nội giám từ chức thiên giám trở lên, để tang ba năm, khi châu (vua) thi mũ, áo, đai, đều màu đen, khi hầu (chúa) mặc áo thanh cát màu hoa quì, đội mũ sa đen, dây thao đen. Ra công đường làm việc mặc áo vải đen. Hàng văn từ viên ngoại lang và tri phủ trở lên, hàng võ từ lục phẩm trở lên, nội giám từ chức tả hữu đề điểm trở lên, để tang một năm. Khi vào hầu, mặc áo thanh cát màu hoa quì, đội mũ sa đen, dây thao đen. Ra công đường làm việc đều mặc áo vải đen. Vợ các quan văn, quan võ, người nào là mệnh phụ để tang một năm, người nào chưa là mệnh phụ để tang 5 tháng. Hàng văn từ tự thừa, đồng tri phủ trở xuống, để tang 9 tháng. Hàng võ từ thuộc viên có chức trở xuống, nội giám từ chức phụng ngự trở xuống, để tang 9 tháng. Áo mũ vào châu đều dùng sắc đen. Khi vào hầu mặc áo thanh cát màu hoa quì, đội mũ sa đen, dây thao đen. Ra công đường làm việc, mặc áo vải đen.

Các ẩm chức⁽¹⁾, nho sinh trúng thứ⁽²⁾, giám sinh⁽³⁾, biễn bình hợp thứ⁽⁴⁾, nho sinh, sinh đồ⁽⁵⁾, quan viên tử tôn, nhiều nam⁽⁶⁾, học sinh, sinh viên đều để tang 5 tháng. Khi vào hầu phủ chúa, mặc áo thanh cát màu hoa quì, ngày thường đều dùng áo vải đen. Xã dân các huyện xứ Thanh Hoa và nhân dân trong đô thành để tang 1 tháng, nhân dân các xứ để tang 27 ngày. Phàm màu sắc lòe loẹt, châu ngọc vàng bạc đều cấm cho đến hết hạn để tang.

(1) Ẩm chức: con cháu các quan từ ngũ phẩm trở lên được tập ẩm bổ quan.

(2) Nho sinh trúng thứ: con các quan viên được vào học Chiêu Văn quán và Tú Lâm cục, thi hội trúng 1, 2 kỳ.

(3) Giám sinh: thi hương đỗ 4 kỳ không được vào học Quốc Tử Giám.

(4) Biễn bình hợp thứ: con các quan thi khoa bác cử đỗ 3 kỳ.

(5) Sinh đồ: thi hương đỗ 3 kỳ.

(6) Nhiều nam: con quan được miễn thuế và tập dịch.

Trang phục nhân dân

Đời sống kinh tế xã hội ngày càng phát triển, sự giao lưu trong và ngoài nước được mở rộng, thành phần nhân dân cũng nhiều lên, mọi mặt về đời sống tinh thần cũng như vật chất đòi hỏi sự cung cấp tương thích, trong đó có việc mặc. Mũ, khăn, áo, quần và đồ trang sức... ngày càng hoa lệ hơn.



Hình 60: Một cảnh sinh hoạt biểu diễn nghệ thuật với các loại trang phục thế kỷ XVIII ở Thăng Long

Giai đoạn thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII, việc trồng dâu, nuôi tằm nhằm đáp ứng nhu cầu về cái mặc cho xã hội nói chung và nhân dân Thăng Long nói riêng được triều đình và nhân dân rất quan tâm. Nghề dệt ngày càng phát triển, trên cơ sở truyền thống, đồng thời tiếp thu kỹ thuật mới đã tạo nên những sản phẩm đẹp. Nhà nước có những cơ sở tàng trữ, 36 phường ở kinh thành Thăng Long, nhiều khu vực sản xuất thủ công nghiệp liên quan đến trang phục như phường Nghi Tàm dệt lụa và vải nhỏ.



*Hình 61: Từ Hoa công chúa. Tượng gỗ thế kỷ XVIII
(chùa Kim Liên, Hà Nội)*

Phường Hàng Đào nhuộm điều, phường Đường Nhân bán áo diệp y, phường Tàng Kiếm làm kiêu, áo giáp, dù, lọng... Trong lòng Thăng Long cũng như ngoài ven đô có các làng, các phường dệt, thêu phát triển. Nhiều địa danh được đặt tên do sản xuất ra những thứ vải vóc nổi tiếng. Có nhiều di tích thờ những người có công đóng góp cho sự phát triển của nghề dệt như:

Hoàng Phủ Thiệu Hoa (tổ nghề dệt Cổ Đô), bà là con gái Hùng Định Vương. Sau khi học được nghề chần tằm, dệt lụa, bà về làng Cổ Sát truyền dạy nghề cho dân, để rồi dân làng có được sản phẩm lụa nổi tiếng đã đi vào ca dao truyền tụng cho mãi đến mai sau:

*Lụa này là lụa Cổ Đô
Dich danh lụa cống các cô ưa dùng.*

Phùng Khắc Khoan - ông Trạng Bùng (tổ sư nghề dệt lụa), tuy ông không phải là người đầu tiên truyền nghề, nhưng ông là người có công dạy cho người dân cũng như những người thợ làng Bùng biết và áp dụng kỹ thuật dệt lụa của phương Bắc. Để rồi lụa Bùng vừa đẹp vừa bền, được sử dụng làm khăn quàng, đội đầu. Tấm khăn lụa đã là một phần trang phục không thể thiếu và được mọi tầng lớp nhân dân Thăng Long ưa thích. Tên ông đã được đặt thành tên phố mà hiện nay tại phố Phùng Khắc Khoan, Hà Nội, là nơi chuyên buôn bán các mặt hàng vải lụa...

Phạm Thị Ngọc Đô, được gọi là Bà chúa Thiên Niên (tổ nghề dệt lĩnh), bà đã truyền nghề cho nhân dân vùng Bưởi, để rồi Thăng Long có sản vật nổi tiếng: the La, lĩnh Bưởi, sồi Phùng... đã đánh dấu một bước tiến trong kỹ thuật dệt lĩnh hoa. Tấm lĩnh vùng Bưởi đã là một tiêu chí về chất liệu để may trang phục của các cô gái xưa kia:

*Nhấn ai thấy chợ kinh thành
Mua em tấm lĩnh hoa chanh gửi về.*

Tại chùa Thiên Niên, làng Trích Sài (Nghĩa Đô ngày nay) là nơi thờ bà, để tỏ lòng tưởng nhớ ghi ơn công lao của bà, hàng năm nhân dân làng xã đều tổ chức tế lễ rất long trọng với lời ca:

*Nhờ đức thiên tôn dạy nét cừu canh.
Chân giày tay dệt đã nhanh...*

Vải lụa, gấm vóc của Đại Việt trong thời gian này đã là những vật phẩm ngoại giao như: năm 1437, vua Lê Thái Tông gửi tặng vua và hoàng hậu Xiêm La (Thái Lan) nhiều tấm lụa màu.

Vua Lê Nhân Tông (1448), tặng sứ thần Ai Lao (Lào) lụa và đoạn màu hồng...

Sử sách còn ghi lại, những năm 70 của thế kỷ XV (đời Lê Thánh Tông), ở xứ Tam Giang có một số thợ thủ công làm được nhiều mặt hàng dệt cao cấp khá kỳ lạ.

Theo sự mô tả của nhà bác học Lê Quý Đôn, “Tam Giang là một trung tâm vải lụa quan trọng vào bậc nhất của cả nước”. Ông cũng viết: “Huyện Từ Liêm và Đan Phượng thuộc phủ Quốc Oai (nay thuộc ngoại thành Hà Nội), có nhiều bãi dâu, nhân dân chăm về việc chăn tằm, dệt cửu”.

Các xã Hà Hội, Thiên Mỗ, Ý La, Trung Thụy và Đại Phùng có tài dệt lụa, trù, lĩnh, là và các loại lụa dày (tục gọi là lĩnh hoặc lảng). Xã Mật Cầu làm được thứ nụy đoạn (tục gọi là thung thúc), với đủ các màu: xanh, tím, biếc, vàng, không kém gì của Trung Quốc.

Có nhiều mặt hàng quý như quyển, sa lảng, ngũ ti, hoàng ti, lảng tử, sa mộc miên hoa, lĩnh trắng... của các nơi trên khắp đất nước hội tụ về Thăng Long. Vải lụa, lĩnh... của Thăng Long lại tỏa đi muôn nơi ngày càng phong phú, đáp ứng cho thể chế quan phục trong triều và nhân dân cả nước cũng như người Thăng Long - Kẻ Chợ.

Dưới thời Lê, triều đình rất quan tâm đến vấn đề trang phục, không những đối với quan, quân mà cả đối với nhân dân lao động, trên cơ sở quyền lợi của giai cấp thống trị.

Để phân biệt đẳng cấp và để đề phòng những hiện tượng tiếm lãn, triều đình ra lệnh yết biểu cấm dân gian mặc áo màu vàng, đi hài, mang giày và dùng đồ đạc chạm rồng, về phượng.

Cấm dệt mũ mát⁽¹⁾ vì cho rằng nhiều người cất trộm lông đuôi ngựa của triều đình để làm mũ này. Cấm nhân dân dùng nón thủy ma và nón

(1) Mũ mát còn gọi là mũ lương, mũ mã vĩ, làm bằng lông đuôi ngựa.

sơn đỏ là các đồ đội của quân lính bảo vệ kinh thành. Lại cấm làm và bán thứ nón sắc trắng như phấn. Hiện tượng cao trọc đầu trong nhân dân đã bị hạn chế, chỉ có sư sãi mới được gọt tóc. Lệnh của triều đình: người không phải sư sãi không được gọt tóc. Cấm quan viên và nhân dân làm mũ bằng ngọc, thủy tinh. Quí định kích thước tay áo của nhân dân rộng 9 tấc (khoảng 30cm), hẹp hơn kích thước áo các quan, với các chất liệu gai, the, vải lụa, không có lót. Cấm nhân dân ở ven biên giới mặc theo kiểu trang phục phương Bắc.

Năm 1776, Lê Quý Đôn ở chức Hiệp trấn tham tán quân cơ tại Thuận Hóa cũng nhắc nhở: "...chính trị và phong tục phải nên thống nhất. Nếu còn có người mặc quần áo kiểu người khách thì nên đổi theo thể chế nước nhà..., mà thông dụng vải lụa, duy quan chức mới cho dùng xen the là trừu đoạn, còn gấm vóc và các thứ hoa rỗng phượng thì nhất thiết không được dùng cần. Thường phục đàn ông, đàn bà dùng áo cổ đứng, ngắn tay, cườm ống tay rộng, hẹp tùy theo cho tiện. Hai bên nách áo trở xuống phải khâu liền cho kín, không được để hở hang. Đàn ông muốn mặc áo cổ tròn và hẹp tay cho tiện làm việc cũng được. Lễ phục, dùng áo cổ đứng, tay dài, vải xanh chàm, vải đen hay vải trắng, tùy nghi"⁽¹⁾.

Một thời kỳ, kẻ sĩ, thứ dân đi việc công hay mặc áo màu xanh thanh cát, lúc thường mặc áo màu thâm (truy y). Dân quê mặc áo vải mộc. Đến giai đoạn sau ít người mặc màu thâm và trắng mộc, mà hầu như chỉ mặc áo xanh thanh cát. Áo thanh cát có màu hỏa minh (màu xanh đậm), màu vi minh (màu xanh nhạt) và màu quí, tục gọi là màu sừng. Người sang mặc màu hỏa minh, hạng thứ mặc màu vi minh, hạng hèn mặc màu sừng. Nhưng nếu có quốc tang thì vương công khanh sĩ đều mặc màu sừng. Song lại đến giai đoạn người sang kẻ hèn đều chuộng màu sừng và cho rằng hai màu kia là quê mùa nên không dùng.

- Trang phục đàn bà tầng lớp lao động vẫn kế thừa các loại trang phục truyền thống: mặc yếm cổ xây, cánh tay để trần, mặc váy ngắn, thắt lưng

(1) Theo Lê Quý Đôn, *Phù biên tạp lục*: Sđd, tập I, Nxb KHXH, H, 1977, tr.334.

thả mái phía trước⁽¹⁾. Hoặc mặc yếm, ngoài khoác áo cánh, dài tay, ngắn tay, cổ đứng. Khi đi việc công, mặc áo dài tứ thân. Đầu thường dùng khăn lượt để cuốn tóc, lúc yết kiến bậc tôn trưởng lại xõa tóc xuống để làm kính lễ⁽²⁾.

- Đàn ông khi lao động thường cời trần, đóng khố. Ngoài ra còn có áo cánh cổ tròn, tay hẹp, màu nâu, màu thâm hay vải trắng thô. Về sau nhiều người mặc áo vải thanh cát màu xanh.

Tương truyền thời tiền khởi nghĩa ở Lam Sơn, Lê Lợi là một hào trưởng nhưng vẫn thường mặc áo nâu ngắn đi cày, đi bừa, lao động, sinh hoạt như những người nông dân trong vùng.

Hình thức búi tóc vẫn phổ biến. Có thời gian khi đi việc công, ra đường mặc áo màu quỳ, búi tóc, đội nón. Nhưng rồi bất cứ lúc nào người ta cũng mặc áo màu quỳ, đầu không đội nón mà búi tóc trần đi ra đường, làm nhiều nhà nho nghiêm khắc lên án cho là một biểu hiện không hay.

Về mùa lạnh, ngoài những thứ áo chống rét thông thường, được biết còn có áo cừu. Mặc áo cừu thường để mặt lông vào trong, mặt bì ra ngoài. Áo cừu chủ yếu là của các tầng lớp giàu sang.

Các nhà tu hành, thường dùng loại áo tràng vạt rộng, thoáng mát. Y phục của sư sãi khi hành lễ cũng đã được triều đình qui định. Hòa thượng mặc áo màu lục, cà sa bào màu đỏ, mũ cũng màu đỏ. Tăng chính, tăng phó mặc áo xanh, cà sa bào và mũ màu lục. Chúng tăng có độ điệp (chúng chỉ cấp cho tăng ni, đạo sĩ) thì áo đen, cà sa bào và mũ màu xanh. Lúc trụ trì bình thường thì hòa thượng mặc áo xanh, tăng chính, tăng phó áo đen, chúng tăng áo mặc lan màu đen xám.

Đối với tượng thờ các vị thần, cũng có sự quy định, trừ một số vị vào hạng tột linh vẫn để như cũ, còn lại đều phải theo như sau: Các vị thần không được dùng mũ hợp xí xung thiên mà chỉ được đội mũ phước đầu, nhưng nếu là thần thượng đẳng thì trang sức bằng vàng, trung đẳng chỉ quán vàng.

(1) Tượng cô gái (gỗ) ở đình Hương Lộc (Nghĩa Hưng, Nam Định).

(2) Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*, Sđd, Nxb Văn hóa - Viện Văn học, 1960, tr.52.

Áo bào không được dùng màu vàng mà may bằng đoạn màu hồng, thằn thượng đẳng thêu hai con rồng, trung đẳng một con rồng, hạ đẳng: cá hóa rồng. Cấm thêu rồng năm móng và đại hội đoạn⁽¹⁾. Bổ tử: Thượng đẳng dùng hình long mã, trung và hạ đẳng: hình kỳ lân. Đại: Dùng hồng đa la hoa tề⁽²⁾. Thằn thượng đẳng trang sức bằng vàng, trung và hạ đẳng quần vàng, tất màu đen.

Thời Lê, trong xã hội đã thấy có nhiều loại nón: đàn ông, đàn bà thôn quê đội nón xuân lôi tiểu lập, tục gọi là nón sọ nhỏ. Còn có loại nón liên điệp, tục gọi là nón lá sen, người lớn và trẻ con đều dùng. Tuy nhiên trẻ con có riêng loại nón tiểu liên điệp, tục gọi là nón nhỏ khuôn. Người già đội nón ngoan xác, tục gọi là nón miễn giải hay là nón tam giang. Con nhà quan và học trò đội nón phương đầu đại, tục gọi là nón lá. Người lớn tuổi thuộc họ hàng nhà quan đội nón cổ châu, tục gọi là nón dẫu. Lính tráng đội trạo lập, tục gọi là nón chèo vành. Người hầu và vợ con lính tráng đội nón viên đầu, tục gọi là nón khua. Nhà sư đội nón cầu diện, tục gọi là nón mặt lờ (Về sau nhiều nhà sư gọi là nón tu lờ). Người có tang đội nón xuân lôi đại, tục gọi là nón cạp. Người có trở một năm trở xuống đội nón cổ châu, quai bằng mây. Nhà quan và nhà quyền thế có tang đội nón cầu diện để phân biệt với thường dân. Người trong Thanh, Nghệ đội nón viên cơ, tục gọi là nón Nghệ... Có thời gian ở thôn quê theo dáng nón ngoan xác mà làm thấp phần trên đi, gọi là nón toan bì, tục gọi là nón vỏ bửa⁽³⁾...

Trang phục qua tác phẩm nghệ thuật:

Đất nước ta đã trải qua các cuộc chiến tranh cả ngoại xâm và nội chiến, do đó việc lưu trữ sách vở, hiện vật để nghiên cứu cũng gặp không ít khó khăn. Những dòng văn tự để lại, miêu tả về trang phục không có hình ảnh cụ thể. Vì vậy, chúng tôi giới thiệu một số tác phẩm nghệ thuật như tượng, tranh, các bức phù điêu... còn lại của đương thời hay các nghệ

(1) Hoa tiết rồng trong tổ hợp hoa văn hình tròn.

(2) Hoa tề: Sừng tề có hoa. Lê Quý Đôn, *Văn Đài loại ngữ*, Sđd, tập I, tr. 202.

(3) Theo Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*, Sđd, Nxb Văn hóa - Viện Văn học, 1960, tr.62-63.

sĩ đời sau phỏng dựng, để từ đó có thể nghiên cứu, đối chiếu, nhận biết thêm về trang phục trong triều đình hay ngoài nhân dân.

Quan sát bức tranh chân dung vợ chồng vua Lý Nam Đế, được vẽ màu trên gỗ ở Thái Bình, ta thấy kiểu áo hoàng bào có đường viền chạy quanh chân cổ áo, đến giữa cổ người mặc, đầu hai đường viền này chập nhau kéo xuống nối với một hình chữ nhật rộng. Đây là kiểu cổ phương tâm khức đã được biết đến trên triều phục của hoàng đế nhà Tống (Trung Quốc) (thế kỷ X - XIII). Như vậy, kiểu cổ áo này phải xuất hiện sau thời tiền Lý Việt Nam.



Hình 62: Vợ chồng Lý Nam Đế - Tranh vẽ màu trên gỗ, cuối thế kỷ XVIII (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam)

Các nhà nghiên cứu mỹ thuật cho biết bức tranh đã được vẽ vào cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX nên hiện tượng trên cũng không có gì đáng ngạc nhiên.

Cũng như vậy, đối chiếu với một số pho tượng ở các chùa Phật Tích, Bắc Ninh (có từ thời Lý), chùa Bối Khê (niên đại tượng 1527) ở Hà Nội... Tượng các Đào mẫu đền Kim Liên, Hà Nội... kiểu cổ phương tâm khức đã được thể hiện giản lược, không có hình chữ nhật rộng, trên bề mặt của



Hình 63a, b: Đào Mẫu - Đền Kim Liên, Hà Nội

đường viền lại trang trí những hình tròn hơi nổi, có cảm giác như các viên châu ngọc, với các khoảng cách đều nhau. Như vậy hình thức này đã được Việt hóa.

Tượng Mạc Đăng Dung đặt tại chùa Trà Phương - Hải Phòng (1562), bằng đá, được coi là tượng chân dung Hậu Phật. Đầu tượng đội mũ hình



Hình 64: Mạc Đăng Dung (tượng Hậu Phật đá 1562, chùa Trà Phương, Hải Phòng)

trụ đứng, đỉnh bằng (giống kiểu mũ có chữ vương của tượng Ngọc Hoàng chùa Trung Hành - Hải Phòng (1583) (có thể là loại bình thiên). Thành mũ của tượng Mạc Đăng Dung khá cao, giữa trán mũ tạc nổi hình chim đang chúc đầu, xòe cánh bay xuống (cũng giống như ở tượng Ngọc Hoàng làm bằng gỗ tại chùa Ngo - Hà Nội (1589). Hai bên hình chim, có những đường song hành cách xa nhau khắc xiên lên theo hướng phải, trái. Phía dưới mũ là một gờ viền, rộng bằng một phần năm chiều cao mũ, chạy quanh trên đó có nhiều chấm tròn nhỏ biểu thị cho những viên ngọc quý được đặt sát cạnh nhau hình thành một đường trang trí nửa. Áo ngoài của tượng rộng, dài, cổ tròn;

phần trên ngực, vai, lưng có chạm chìm hình vân kiên, chính giữa trang trí một nửa bông hoa to mãn khai. Phía dưới vân kiên là một bố tử hình vuông chạm rỗng.

Thời Mạc, ở các chùa đều có thờ nhiều tượng Phật. Nghiên cứu về trang phục, ta thấy một số nét có sự tương đồng với trang phục ngoài xã hội như tượng Quan Âm tọa sơn (chùa Hoa Liễu, Hải Phòng). Tượng Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay (chùa Cập Nhật, Hải Hưng), chùa Thượng Trung (Vĩnh Phú).

Nhìn chung, các tượng Quan Âm đều đội mũ. Mũ thường gồm một vành ngoài, có khi trang trí các hình tượng Phật nhỏ (như ở chùa Bối Khê, Hà Nội). Ba hình tượng Phật nhỏ (Tam Thế) ngồi trên tòa sen, ở chính



Hình 65: Tượng Ngọc Hoàng chùa Bối Khê, Thanh Oai, Hà Nội

giữa trán mũ là một hình, hai bên mũ ngay trên hai tai tượng là hai hình. Có khi số lượng đến mười đầu Phật đặt cạnh nhau ở hai bên một hình lá để nơi chính giữa trán mũ (chùa Thượng Trung, Vĩnh Phúc). Mũ nào không có hình tượng Phật nhỏ thì có những hình ba khối u tròn đặt chồng lên nhau, dưới to, trên nhỏ dần. Ngoài ra cũng có khi là những hình hoa cúc, hoa sen (chùa Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội), hoa dây (chùa Hòa Liễu, Hải Phòng), các núm tròn, hình mây (chùa Thượng Trung, Vĩnh Phúc)... Ở đỉnh mũ thường có một bộ phận nhỏ lên để che búi tóc. Tấm che búi tóc ở tượng Quan Âm (chùa Bối Khê) là năm hình cánh sen, trên mặt từng cánh sen là một hình mặt Phật. Phía sau mũ là tấm khăn phủ xuống lưng...

Áo mặc trên mình các tượng Quan Âm gồm nhiều lớp, áo ngoài thụng, mở giữa, hai vạt dài, nếp to, được buộc lại với nhau, áo trong và yếm cổ tròn. Bao lưng thắt cao ở khoảng giữa bụng và ngực, buộc mũi, buông hai đầu hòa lẫn với các vạt áo.

Trong giai đoạn này, ở các chùa, ngoài tượng Phật, còn nhiều loại tượng khác nhau, như tượng Ngọc Hoàng, tượng Đức Ông, tượng Hộ Pháp, tượng Hậu v.v... Dù ở loại nào, việc tạo hình khăn, mũ, áo... cũng ít nhiều mang kiểu dáng của trang phục các tầng lớp nhân dân đương thời. Do đó, với quan niệm Ngọc Hoàng là vua trên trời thì người ta vẫn có thể cho pho tượng mặc như vua trần thế.

- Tượng Ngọc Hoàng chùa Bối Khê - Hà Nội, đội mũ có một miếng ván gỗ mỏng hình vuông đặt trên đỉnh mũ, bốn góc có đỉnh bốn tua rủ. Thân mũ ở đây không chỉ là một khối hình trụ mà chia làm hai nấc cao thấp và có chạm khắc trang trí rất đẹp. Ở trán mũ, nổi lên trên các hình mây hoa..., là bảy hình vành khăn mà vành ngoài ở mỗi hình là những núm nhỏ tượng trưng cho những viên đá quý. Riêng hình trên cùng được chạm khắc thêm những lưỡi lửa bao quanh bốc cao. Ở mặt bằng nấc thấp, có miếng che nhô lên, trên đó nhắc lại ba hình vành khăn cùng nền mây. Phía trong cùng là thành của nấc trên mũ khắc hình các cuộn mây làm đường viền cho phía trên đỉnh mũ. Dưới các cuộn mây này là những đường song hành chạm nổi kéo dài xuống nấc mũ phía dưới. Hai cuộn mây to ốp toàn bộ phía sau thân mũ. Tượng Ngọc Hoàng mang long bào, gần như được chạm khắc ở khắp thân áo (vải, ngực, lưng, vạt, tay áo...)



*Hình 66: Tượng quan chùa Bối Khê, Thanh Oai, Hà Nội
(chi tiết cổ áo phương tâm khúc)*



Hình 67: Tượng vua Lê Thánh Tông, đội mũ xung thiên, mặc long bào (thế kỷ XVIII) - chùa Huy Văn, Hà Nội



*Hình 68: Vua Lê Thần Tông, đội mũ xung thiên, mặc long bào
(1619 - 1643), Tượng gỗ - Chùa Mật, Thanh Hóa*

hình rồng, phượng, mây, hoa, núi, sóng nước... cách điệu. Cổ áo viền nẹp to. Bổ tử vuông mang hình rồng. Vạt áo phủ gần kín cả bàn chân nên ta chỉ thấy hai mũi hài cong nhọn. Hai bên cạnh đùi còn được đeo trang trí những miếng dẹt với các hình đa giác để kết thúc bằng những tua, những dải vải mũi nhọn nổi chồng lên nhau (như ở những dải phướn nhà chùa), buông xuống đến bàn chân.

- Tượng chân dung vua Lê Thánh Tông, tại chùa Huy Văn, Hà Nội. Tượng tọa thiền trên ngai vàng, mặc long bào, đội mũ xung thiên, trang trí hình rồng, mây, hỏa châu, ngọc. Hay tượng vua Lê Thần Tông bằng gỗ ở chùa Mật - Thanh Hóa. Tượng tọa thiền trên tòa sen, mặc long bào, đội



*Hình 69: Đầu tượng vua Lê Hy Tông, đội mũ tam sơn.
Niên hiệu Chính Hòa (1681 - 1705) - Chùa Hòe Nhại, Hà Nội*



*Hình 70: Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm (1767 - 1782)
Chùa Kim Liên, Hà Nội*

mũ xung thiên có trang trí các hình châu ngọc, mây lửa. Tượng vua Lê Hy Tông, đội mũ tam sơn, phía trước được trang trí những cánh hoa sen...

- Về tượng chúa Trịnh, có thể nhắc đến tượng chúa Uy Nam vương Trịnh Giang thờ ở chùa Kim Liên, Hà Nội. Tượng đội mũ, mặc áo văn linh, mây râu phong nhã, tay cầm hốt, đặc biệt là hai chân để trần. Có lẽ là do nhớ công ơn trùng tu chùa của chúa Trịnh Giang nên nhân dân tạc tượng để thờ.



Hình 71: *Trịnh Đơ vương Trịnh Sâm - phía trước (1767 - 1782)*
Chùa Kim Liên, Hà Nội

Hiện nay ở chùa Kim Liên vẫn có một tượng nhưng có ý kiến cho rằng đó là tượng Tĩnh Đơ vương Trịnh Sâm. Tượng cao to, bằng người thật, đội mũ hình trụ đứng (có lẽ là mũ thông thiên cải tiến), phía sau hơi cao hơn phía trước. Giữa trán mũ tạc một hình bầu dục nổi nằm ngang (tượng trưng cho viên ngọc lớn) đặt trên một đường viền rộng (khoảng 4cm) chạy quanh chân mũ. Sát trên đường viền có trang trí những hình mây xoắn. Nhiều cụm mây kiểu này kích thước to hơn, được nhắc lại ở quanh phần trên thân mũ giáp với đỉnh mũ. Từ mỗi cụm mây là một hàng núm tròn nhỏ tượng trưng cho những viên ngọc quý nổi nhau cùng hai gờ nhỏ ở hai bên chạy dọc xuống đường viền chân mũ. Mặt trước mũ là một hình mũi mác chạm nổi nhô lên từ đám vân mây. Sau thân mũ là hình hai cuộn mây lớn ốp đối xứng. Áo tượng là loại áo thụng, ống tay áo rất rộng buông dài xuống gần cổ chân. Chân đi hia và chỉ để lộ ra phần mũi hia cong, trang trí những họa tiết hoa văn đẹp.



Hình 72: Quan hành khiển Nguyễn Trãi - tranh lụa, thế kỷ XVIII
(Bảo tàng Lịch sử)



Hình 73: Hoàng thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc, vợ vua Lê Thần Tông.
Thế kỷ XVII, chùa Đại Bi, Thanh Hóa (Bảo tàng Mỹ thuật)



Hình 74: Vợ vua Lê Thần Tông (chùa Mật, Thanh Hóa)



Hình 75:
Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc,
(Tượng gỗ - giữa thế kỷ XVIII
chùa Bút Tháp, Bắc Ninh)



Hình 76:
Công chúa Lê Thị Ngọc Duyên,
(Tượng gỗ - giữa thế kỷ XVIII
chùa Bút Tháp, Bắc Ninh)



Hình 77: Hiền phi Trương Thị
Ngọc Lân - Bà chúa Mường
(vợ của Thế tổ Minh Khang Thái
vương Trịnh Kiểm). (Tượng gỗ
tại chùa Trạch Lâm, Thanh Hóa)



Hình 78:
Chiêu nghi Vũ Thị Ngọc Xuyên,
vợ Tây vương Trịnh Tạc.
Thế kỷ XVII. Cung Quế phủ,
Xuân Tào, Xuân La, Hà Nội

Qua tranh *Quan văn vĩnh quy*, tranh *Chân dung Nguyễn Trãi* (dù có thể là vẽ sau mới vẽ), ta thấy nhiều hình ảnh rất gần với chi tiết trong sách đã ghi về phẩm phục triều Lê: mũ cánh chuồn, hai cánh hướng về phía trước, tay áo rộng, ngực có bồ tử thiêu, mang đai, chân đi hia.

Trang phục của phụ nữ trong cung đình, vương phủ, cũng được phản ánh trên những tượng chân dung hay ở các bức chạm gỗ, như tượng các vợ vua Lê, tượng người hầu trong cung...

Trong hệ thống tượng chân dung các bà mẹ, vợ vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) tại chùa Huy Văn, Hà Nội; tượng vua Lê Thần Tông (1607 - 1660) tại chùa Mật (Đông Sơn, Thanh Hóa); tại chùa Trạch Lâm (Bỉm Sơn, Thanh Hóa); tại chùa Bút Tháp, (Bắc Ninh); tượng Chiêu Nghi, vợ Tây vương Trịnh Tạc, tại Xuân Tào, Xuân La, Hà Nội, ta thấy có những nét chung là hầu hết đều mặc yếm cổ tròn ở trong cùng.

Ngoài yếm là lớp áo tràng vạt có nếp to bất chéo (giao lãnh), vạt bên trái đè lên vạt bên phải, được một dải thắt lưng buộc giữ không cho buông xuống.

Ngoài cùng là tấm áo thụng mở giữa, loại áo tứ thân cổ đối (có tràng vạt), tay thụng, nếu có nếp thì nếp viền hai tà cũng rất rộng, vòng qua cổ chạy xuống đến gấu áo, có trang trí hoa văn hoặc không.

Tất cả các tượng đều mặc váy, ở tư thế ngồi xếp bằng, các tấm áo đều rộng và dài.

Một vài tượng đeo vân kiên⁽¹⁾ thêu đẹp. Tiếp dưới là những dải vải thêu (hoặc bằng gấm?), xếp cạnh nhau, thành mấy lớp chõm nối lên nhau phủ kín phần bụng, dài xuống đến đùi người mặc. đều có trang trí hoa văn đẹp.

Mũ ở mỗi tượng có những khác biệt (có lẽ là để nói lên ngôi thứ). Như mũ ở tượng mẫu hậu Ngô Thị Ngọc Dao (mẹ vua Lê Thánh Tông); Trường Lạc Hoàng hậu (vợ vua Lê Thánh Tông), chùa Huy Văn, Hà Nội.

(1) Vân kiên: Tấm vải trang trí đẹp, có loại có tua, trùm một phần ngực, lưng và vai.



Hình 79a: Hoàng hậu Trường Lạc, vợ vua Lê Thánh Tông,
(Tượng gỗ tại chùa Huy Văn, Hà Nội)



Hình 79b: Trang phục phía trước, phía sau (phỏng dựng)



Hình 79c: Trang phục phía trước, phía sau
(hình vẽ phỏng dựng), chi tiết

Hay mũ của Chính cung Hoàng Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc (ở chùa Mật, Thanh Hóa) và tượng của một vài bà hoàng khác, có hình Phật tọa thiền giữa vòng vân mây xoắn (hay hình ngọn lửa?) bay lên, trong khi ở các tượng khác thì không có. Phần đỉnh mũ cũng không giống nhau. Dù vậy, tất cả các mũ đều được chạm khắc tinh vi cho ta cảm giác là được làm bằng vàng, đính trên châu bảo ngọc sang trọng. Các mũ đều có hai dải lụa từ sau tai buông xuống hai bên vai. Trường hợp mũ không có hai dải lụa thì ở tượng ấy có một dải lụa rộng bản buộc lấy búi tóc ở đỉnh đầu rồi buông xuống cùng mớ tóc dày và dài xõa kín lưng rất đẹp.

Có tượng không đội mũ kiểu vương miện mà đội mũ bịt ốc hoặc để đầu trần, phù hợp với kiểu trang phục giản dị của nhà tu hành (tượng ở chùa Bút Tháp, Bắc Ninh).

Tất cả những mũ trên tượng của phụ nữ cung đình, hoàng tộc, tuy không phải là vương miện triều phục quy định, song những chi tiết chạm khắc lại gần gũi với mỹ thuật đương thời và kết hợp những biểu trưng mang yếu tố Phật giáo, nên rất thuần Việt, khác với loại mũ triều phục của các hoàng hậu, phi tần Trung Hoa.

Trên những bức tượng ta thường thấy các đồ trang sức như đôi vòng tay, hoặc là một chuỗi tràng hạt đeo ở cổ hay những dây anh lạc⁽¹⁾ đeo trước ngực.

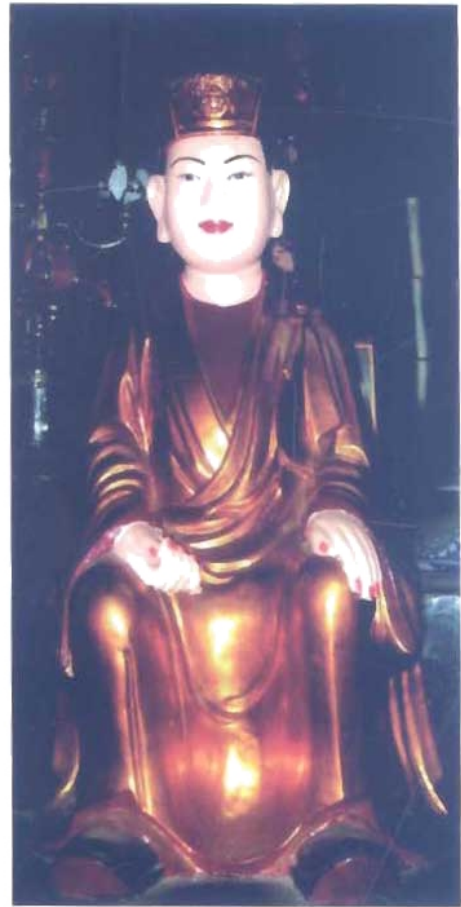
Ngoài tượng các hoàng hậu, công chúa, quận chúa, phi tần, thời này còn để lại những tác phẩm điêu khắc chân dung mà phần trang phục được thể hiện khá chân thực như: tượng Nguyễn Trãi với mũ, áo đại triều, co bó tử, tượng Nguyễn Thị Lộ (vợ Nguyễn Trãi), ở chùa Huy Văn, Hà Nội, cũng vẫn tấm yếm và áo tràng vạt, tay thụng của các phụ nữ trong cung đình.

(1) Dây anh lạc: dây đeo đồ trang sức.

(2) Theo sử sách đã ghi và qua sưu tầm thơ văn của Nguyễn Trãi, thì vua Lê Thánh Tông, là người đã giải án oan cho Nguyễn Trãi. Có lẽ vì vậy mà ở chùa Huy Văn, bên cạnh tượng vua Lê Thánh Tông còn có cả tượng Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ, cũng là để ghi nhớ bậc danh nhân văn hóa lớn của nước nhà ở Thăng Long - Hà Nội.



Hình 80: Nguyễn Trãi
đội mũ triều thiên
(Tượng gỗ, chùa Huy Văn, Hà Nội)



Hình 81: Nguyễn Thị Lộ,
vợ Nguyễn Trãi
(Tượng gỗ, chùa Huy Văn, Hà Nội)

Hoặc hai tượng thị nữ đứng hầu bên Chiêu Nghi, vợ Tây vương Trịnh Tạc, bên trong mặc yếm cổ xẻ, váy dài, có tấm phủ. Thất lung buộc múi trước bụng, áo dài tứ thân buông vạt. Đây là hình tượng khá rõ nét về người phụ nữ thời Lê có những chi tiết áo, váy gần gũi với hình thức nữ phục các thời đại sau đó cho tới ngày nay.

Còn có thể kể đến một số tượng hậu ở các chùa để giới thiệu cung cách trang phục của một lớp người phụ nữ. Như tượng hậu Phật ở chùa Bối Khê, Hà Nội: tượng được chạm trực tiếp vào một khối đá lớn (như



Hình 82, 83: Thị nữ - Cung Quế phủ, Hà Nội

kiểu phù điêu). Đầu đội một điểm trang trí hình hoa lá và thắt một dải có nổi lên những nùm tròn ngay phía dưới. Tai đeo nụ hoa tròn. Áo dài mặc, mặc rộng rãi, hai vạt trước có nếp to nơi ngực vòng qua cổ, buông phủ xuống phần váy. Bên trong áo, mặc yếm cổ xây. Thắt lưng buộc mũi thả hai dải dài trước bụng.



Hình 84: Tượng hậu Phật (chùa Bối Khê, Hà Nội)

Tương tự như tượng hậu trên, tượng hậu ở chùa Trà Phương (Hải Phòng) (cũng bằng đá tạc kiểu phù điêu) là tượng bà Nguyễn Thị Ngọc Toàn, vợ vua Mạc Đăng Dung. Là tượng vợ vua, nhưng tượng hậu này vừa biểu thị một tinh thần hướng thiện, vừa nói lên sự gần gũi giữa đạo và đời qua những nét trang phục giản dị: đầu không đội khăn, không đội mũ; mặc áo hai vạt trước có viền nếp to, buông dài cùng hai ống tay áo rộng phủ kín cả đầu gối. Do hai vạt áo không khép kín nên trên ngực tượng để lộ tấm yếm và trước bụng là dải thắt lưng quen thuộc của người phụ nữ Việt Nam. Tai đeo hoa. Những hàng chữ được khắc ở mặt sau tượng cho biết tượng được làm vào năm Tân Hợi (1551).



Hình 85:

Nguyễn Thị Ngọc Toàn - Hoàng thái hậu nhà Mạc, vợ Mạc Đăng Dung, chùa Trà Phương, Hải Phòng (1551)



Hình 86: Bà chúa Mạ,
(chùa Mật, Đông Sơn,
Thanh Hóa)

Hoặc tượng bà Chúa Mạ, chùa Phổ Minh, Nam Định (thế kỷ XVI), tọa thiền trên tòa sen. Cạp váy cao lên ngang ngực, đệm bụng cùng dải thắt lưng buộc mũi, tạo hình hoa, buông rủ phía trước. Áo khoác có nếp, tay rộng, trên thân áo trang trí họa tiết hoa lá, vân mây...

Những tượng trên có thể là những tượng hậu Phật được biết đến khá sớm ở nước ta, phần nào cho thấy loại áo dài mở giữa này đã được kế thừa và phổ biến rộng rãi cho tới cả thời gian về sau này nữa.

Qua bức tượng thờ Thái sư Trần Thủ Độ, tượng Linh từ quốc mẫu Trần Thị Dung (chùa Cầu Đông, Hà Nội) và một



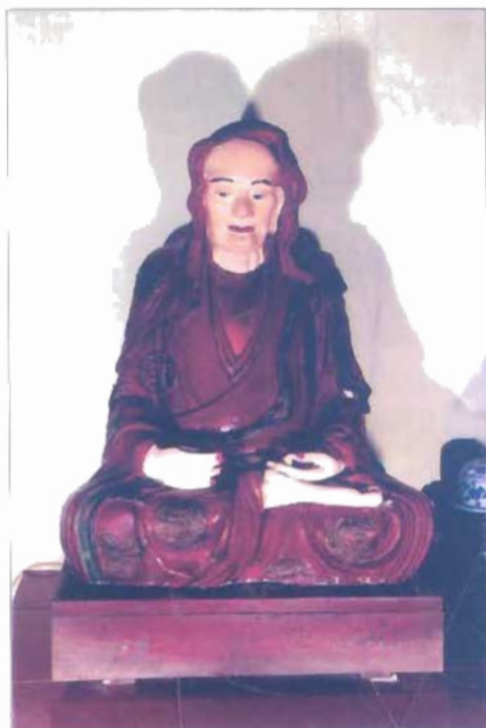
Hình 87: Bà chúa Mạ với
cô hầu quạt. (Đền Bà chúa Mạ,
Diên Hồng, Kim Động, Hưng Yên,
thế kỷ XVII)



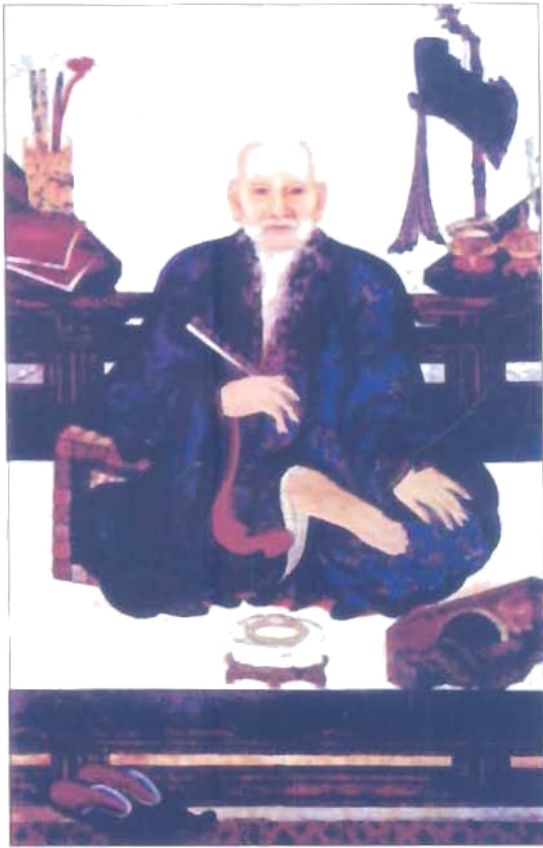
Hình 88:
Bà chúa Mạ,
(chùa Phổ Minh, thế kỷ XVI)

số tranh chân dung, được tạo tác ở vào khoảng thế kỷ XVIII ta thấy: Thụy Trung hầu (Trịnh Đình Kiên), quan Hữu Tư Giảo (Nguyễn Quý Cảnh), phu nhân Minh Nhãn... ngoài kiểu dáng áo, giày..., còn cảm nhận được chất liệu, màu sắc của trang phục, cũng như những quy chuẩn họa tiết, hoa văn trong phong cách mặc của người đương thời.

*Hình 89: Thái sưTrần Thủ Độ,
tượng gỗ cuối thế kỷ XVIII
(chùa Cầu Đông, Hà Nội)*



*Hình 90: Linh từ quốc mẫu Trần
Thị Dung, tượng gỗ cuối thế kỷ
XVIII (chùa Cầu Đông, Hà Nội)*



Hình 91: *Tham tụng Nguyễn Quý Kính - tranh vẽ thế kỷ XVIII, (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam)*

tượng quan hầu đặt tại lăng Lê Thánh Tông (Thanh Hóa) cuối thế kỷ XV không khác gì kiểu mũ tượng chạm gỗ cảnh trai gái tình tự, hay ở tượng *Chống người* tại đình Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội (thế kỷ XVI).

Hoặc như kiểu mũ hình tròn theo khuôn đầu, có vành hẹp chạy quanh ở phía trước, trên đỉnh mũ có chũm dẹt, rộng, ở pho tượng *Người cầm chùy* đặt ở lăng Đình Hương, Hiệp Hòa, Bắc Giang (thế kỷ XV) phải chăng là tiền thân của loại mũ *Người cười báo* ở tượng gỗ (nửa sau thế kỷ XVII), đình Chu Quyến, Ba Vì, Hà Nội, cũng là loại mũ được vẽ trong tranh *Quan võ* thuộc thế kỷ XVIII ở đền Độc Lôi, Nghệ An. Có sự phát triển là thân mũ được làm thêm chóp tròn cao và có những mũi dọc từ đỉnh xuống vành mũ trông như hình quả bí ngô và đỉnh mũ được trang trí ngũ đồ...

Tim hiểu về đồ đội qua một số pho tượng ở thế kỷ XVII, còn thấy phổ biến một kiểu mũ hai bên thành kéo dài ra phía sau (trước đó có thể là loại khăn) như trên bức chạm *Vô sĩ ôm kiếm* bằng đá ở trước lăng Nguyễn Công Triều (Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội. Trên bức chạm gỗ *Người cười voi* ở đình làng Hoàng Xá, Hà Nội. Hay trên bức chạm gỗ *Một điệu múa* ở đình Cổ Mỹ, Bắc Ninh. Xa hơn nữa vào tận đình Hoành Sơn, Nghệ An, trên bức chạm gỗ *Vinh Quy, Ngũ tử đồng khưu* (thế kỷ XVIII)... là cùng dáng kiểu mũ ngày nay ta thấy trên đầu các chàng trai đóng vai chiến binh diễn lại tích theo Ông Gióng đánh giặc Ân từ thời vua Hùng thứ 6 trong các ngày hội Gióng (Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội)...

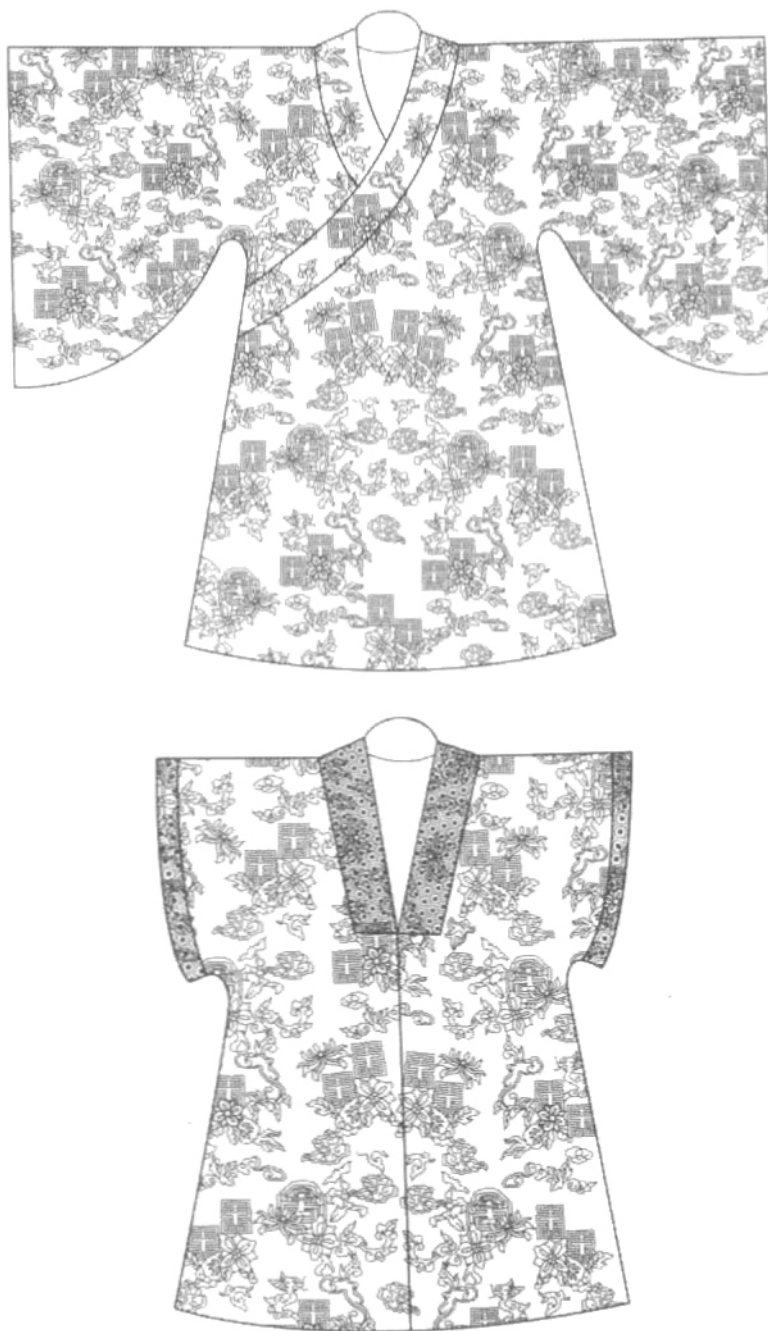
Hoặc như kiểu mũ chồm nhọn ôm sát đầu được thấy ở



Hình 92a: Phu nhân Minh Nhân - tranh vẽ thế kỷ XVII - XVIII
(Viện Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam)



Hình 92b: Trang phục phía trước, phía sau (hình vẽ phỏng dựng)



Hình 92c: Trang phục phía trước, phía sau (hình vẽ phỏng dựng)
chi tiết áo khoác gấm hoa, trong lót lụa bạch liên vân



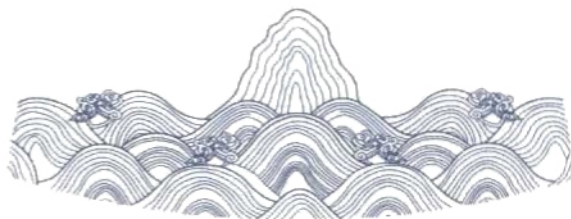
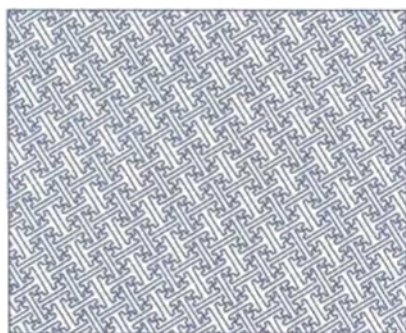
Hình 93a: Thụy trung hầu Trịnh Đình Kiên - tranh lụa (1725 - 1786)



Hình 93b: Trang phục phía trước, phía sau (hình vẽ phỏng dựng)



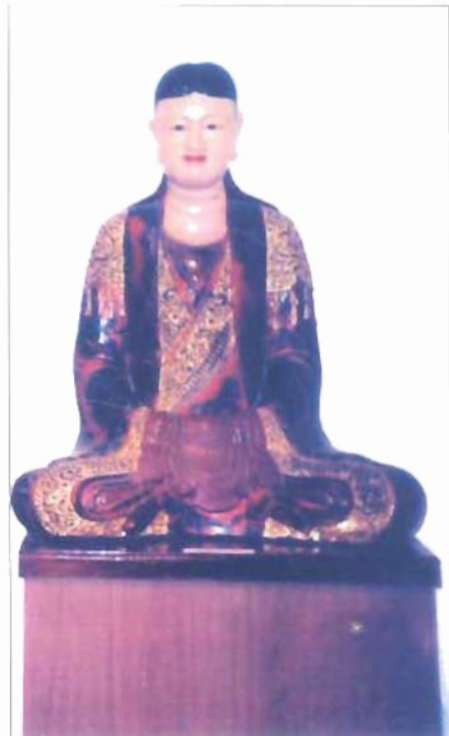
Hình 93c: Trang phục phía trước, phía sau
(hình vẽ phỏng dựng), chi tiết



Hình 93d: Hình vẽ phỏng dựng, chi tiết họa tiết chữ vạn, rồng mây đoàn hội, sóng nước



Hình 94: Quận công Nguyễn
Thế Mỹ, tượng gỗ thế kỷ XVII
(chùa Đông Dương, Hải Dương),
Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam



Hình 95: Phu nhân Quận công
Nguyễn Thế Mỹ, tượng gỗ
thế kỷ XVII (Bảo tàng Mỹ thuật
Việt Nam)



*Hình 96: Quan văn, quan võ ở Lăng đá Vũ Hùng Lương - 1660,
(Phù Ủng, Ân Thi, Hưng Yên)*



Hình 97: Hai quan văn đội mũ bình đỉnh, thế kỷ XVI - XVII,
(chùa Bút Tháp, Bắc Ninh)



Hình 98: Quan võ Lãng Đĩnh
Hương, thế kỷ XVIII,
(Hiệp Hòa, Bắc Giang)



*Hình 99: Tượng quan hầu
lăng Lê Thánh Tông,
cuối thế kỷ XV (Thanh Hóa)*

Khoảng gần bốn trăm năm trị vì, riêng trong lĩnh vực trang phục của quan quân và của nhân dân, triều đình đã trên hai mươi lần quy định, nhắc nhở. Ví như vua Lê Thánh Tông, trong khoảng từ năm 1466 đến năm 1488 đã có tới sáu lần ra chiếu, ra chỉ dụ về trang phục. Vua Lê Dụ Tông có thời kỳ cứ trung bình hai, ba năm lại nói đến vấn đề trang phục.

Trong thế kỷ XVI - XVII những cuộc nội chiến giữa các tập đoàn quý tộc Mạc với Lê, Trịnh và những cuộc khởi nghĩa của nhân dân chống lại triều đình phong kiến tập quyền chuyên chế đã suy yếu, đó là một trong những cơ sở tạo điều kiện cho dòng nghệ thuật dân gian phát triển mạnh mẽ. Từ những tác phẩm nghệ thuật dân gian, như các bức chạm gỗ ở đỉnh chùa thời đó còn lại, ta thấy cảnh đi cày, đốn gỗ, bơi thuyền, đánh vật, đá cầu, cảnh trai gái vui chơi v.v... thể hiện hết sức sinh động cuộc sống bình dị, lành mạnh, lạc quan của nhân dân lao động.

Dưới thời này, ta thấy ngoài những bộ phẩm phục đại triều, thường triều sang trọng, từ những bức chạm gỗ đơn giản, còn có những mở tóc dài, vành khăn tròn lẫn, chiếc yếm vuông, dải thắt lưng, tấm váy,... của người phụ nữ; mảnh khố quen thuộc của các võ sĩ, của chàng trai nông dân... đậm đà tính chất dân tộc, dân gian.

Những nét độc đáo của trang phục thời đồ có sức sống mãnh liệt, cho tới ngày nay, ta vẫn tìm thấy vẻ đẹp trong cách ăn mặc của dân gian thuở ấy.



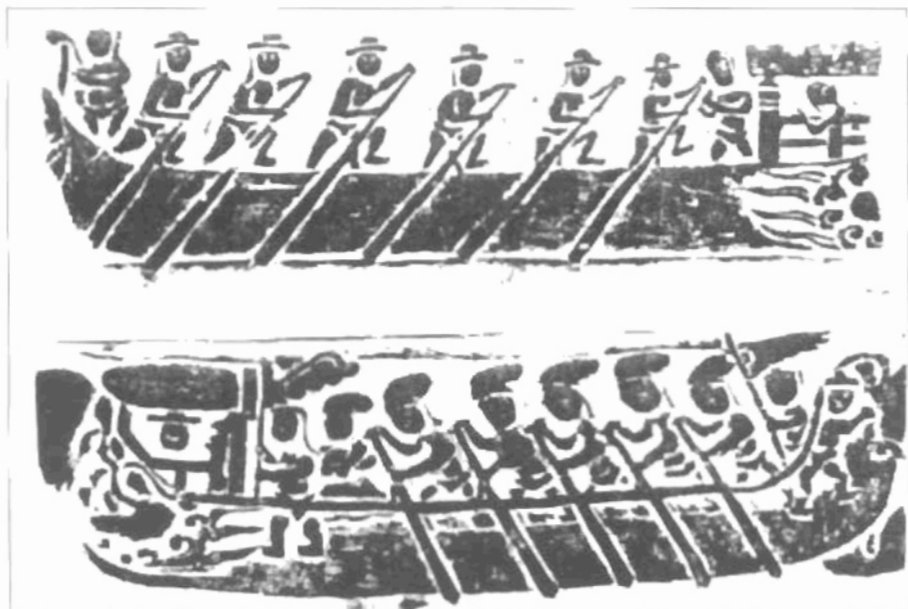
Hình 100: Trò chơi chông người. Gỗ, thế kỷ XVI. Đình Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội. (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam)



Hình 101: Uống rượu. Tượng gỗ 1663. Đình Liên Hiệp, Hà Nội



Hình 102: Người cưỡi báo.
Tượng gỗ. Nửa sau thế kỷ XVII.
Đình Chu Quyên, Ba Vì, Hà Nội
(Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam)



Hình 103: Chèo thuyền



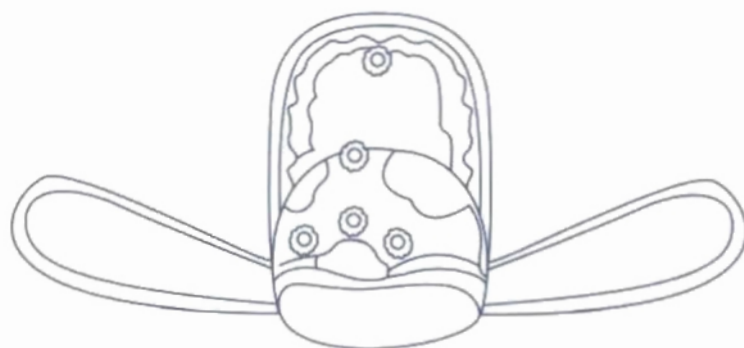
Hình 104a: Quan uống rượu, đội mũ chữ Đinh. Tượng gỗ. Nửa sau thế kỷ XVII. Đình Ngọc Canh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam)



Mũ chữ đinh

Hình 104b: Hình vẽ phỏng dựng theo
Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ (tr. 52)

Lại có thứ mũ đội kiểu vương ra kiểu tròn, uốn bẻ thẳng làm
bể cong, làm thứ mũ thông dụng khi vào chầu, gọi là mũ chữ đinh



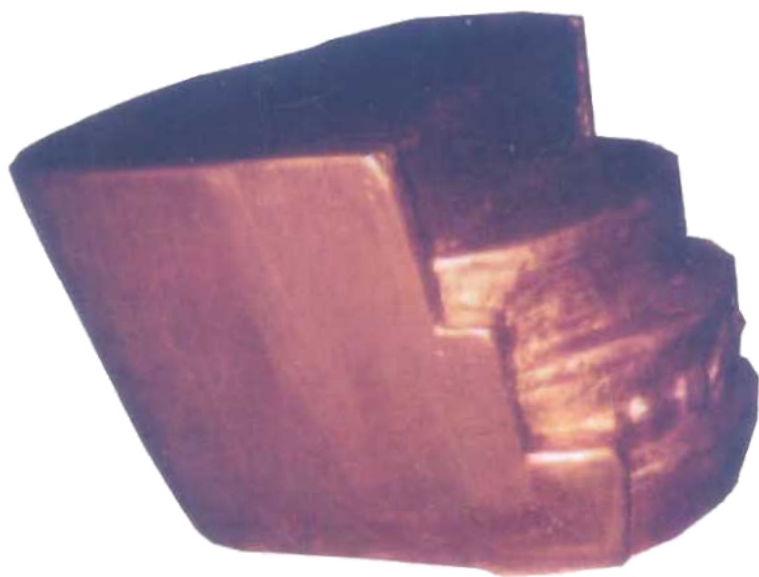
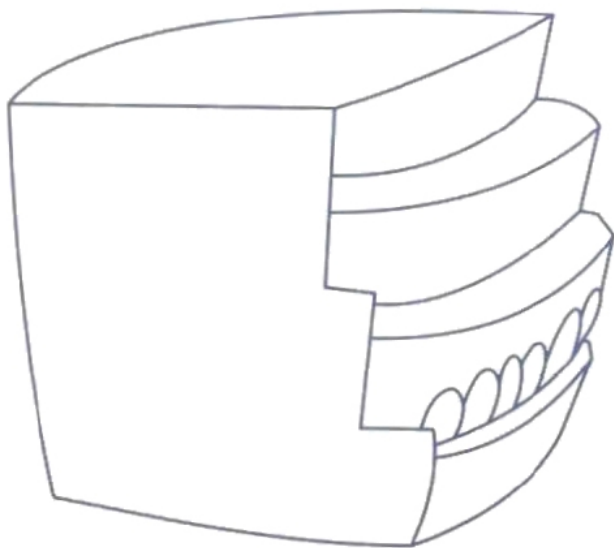
Hình 105: Một số loại mũ thời Lê:
1 Mũ dương đường



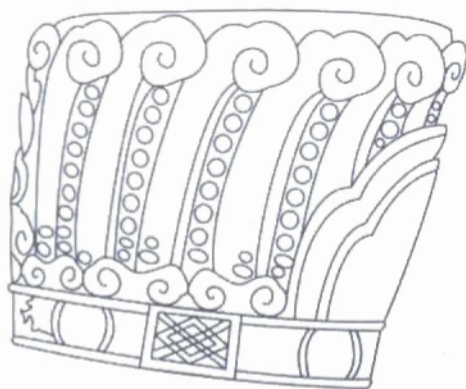
2. Mũ phốc đầu (ô sa)



3. Mũ xung thiên



4. Mũ tam sơn



5. Mũ thông thiên

3. Trang phục thời nhà Tây Sơn (1786 - 1802)⁽¹⁾

Chế độ quân chủ chuyên chế dẫn đến cuộc xung đột phe phái cầm quyền với nhau và mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị phong kiến với các tầng lớp nhân dân, nhất là nông dân bị áp bức bóc lột. Thế kỷ XVIII là đỉnh cao của nông dân khởi nghĩa trong đó có phong trào Tây Sơn. Sau khi lật đổ chính quyền chúa Nguyễn (chúa Nguyễn ở phía Nam, tuy xưng là chúa nhưng thực ra vẫn chỉ là tước Thái Bảo quận công của nhà Lê), đánh tan quân xâm lược Xiêm. Quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy “thừa thắng tiến ra Đàng Ngoài, lật đổ chế độ chúa Trịnh, xóa bỏ tình trạng chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài kéo dài hơn hai thế kỷ, lập lại nền thống nhất quốc gia”.

Quang Trung trả lại chính quyền cho vua Lê, rút khỏi Thăng Long, đóng đô ở Phú Xuân (Huế) và vào những năm cuối nhà Tây Sơn mới thiết lập triều đình ở Thăng Long. Thăng Long thời này là thủ phủ của Bắc Thành (Bắc Bộ ngày nay).

Vào cuối năm 1788, Thăng Long và đất nước Đại Việt phải đương đầu với một cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn của đế chế Mãn Thanh. Được tin quân Thanh sang xâm lược, Quang Trung đã làm lễ xuất quân tại Phú Xuân (Huế ngày nay), chỉ huy đại quân lên đường ra Bắc đuổi giặc, đã giải phóng đất nước, chấm dứt được nạn xâm lược của phong kiến phương Bắc trên đất nước ta từ hàng ngàn năm trước.

Trang phục của nhà Tây Sơn, sử sách chỉ có ghi lại một ít tư liệu: năm 1775 Việp quận công ban khởi giáp cho Nguyễn Nhạc, mũ và áo chiến cho Nguyễn Huệ. Ngày 22 tháng 12 năm 1788 trong buổi lên đàn làm tế lễ cáo trời đất lên ngôi hoàng đế, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ mặc áo long cổn, đội mũ miện do chính mình vẽ kiểu. Hôm ấy Quang Trung ban chiếu đề xuất năm điểm quan trọng, trong đó có một điểm nói về trang phục: “Y phục của nhân dân Nam Hà, Bắc Hà, vẫn theo như cũ. Duy mũ áo các quan triều thần sẽ thay đổi mới”.

(1) Triều Tây Sơn (1778-1802) còn (1786-1802) là trong thời kỳ nhà Tây Sơn tiến vào cố đô Thăng Long.

Tương truyền khi làm trận, Nguyễn Huệ thường chít khăn đỏ, mặc chiến bào, cưỡi voi. Ngày 30 tháng 1 năm 1789 (tức ngày mừng năm tháng giêng năm Kỷ Dậu), ngày quét sạch quân xâm lược Mãn Thanh, giải phóng thành Thăng Long, chiến bào của vua Quang Trung đã nhuộm đen khói súng.

Nguyễn Nhạc, Trung ương Hoàng đế, khi tiếp khách ngoại giao tại cung điện, mặc áo dài bằng lụa vàng sẫm, có thêu rồng và các trang trí khác bằng kim tuyến. Vua đội một cái mũ nhỏ phía sau cao, phía trước cài ngọc và một viên đá quý lớn được gắn lơ lửng bằng dây vàng, dài 5 đôi tay. Mỗi khi lắc đầu, viên đá quý rung rinh tỏa sáng. Ở tư dinh, khi đã cởi bỏ mũ áo lễ nghi, Hoàng thượng chỉ mặc một áo ngắn có bộ khuy nhỏ bằng kim cương, đầu chít khăn nhiễu đỏ⁽¹⁾.

Hay về trang phục của quân khởi nghĩa Tây Sơn, khi xung trận chống quân chúa Nguyễn, họ thường đội khăn đỏ, cỡi trần. Trong ngày Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lính túc vệ đội mũ đỏ, mặc áo vóc, vác gươm giáo dàn xung quanh dàn lễ tế cáo trời đất.

Khoảng giữa năm 1788, người ta thấy những người lính Tây Sơn phục vụ cho Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn, “mặc sắc phục bằng dạ màu xanh thẫm, đội nón da hoặc bằng giấy sơn dầu có cài hoa ghi chữ bằng sắt giống ở chuôi kiếm hoặc vỏ kiếm”⁽²⁾.

Lịch sử nhà Tây Sơn tuy ngắn ngủi, nhưng Thăng Long trong thời chính quyền Tây Sơn, với những chính sách khuyến nông, phát triển công thương nghiệp và nhiều cải cách tiến bộ khác của Quang Trung đều có ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân dân, nên Thăng Long thời này vẫn là một thành thị đô hội. Một số di tích lịch sử, chùa, tượng... được tu bổ, tôn tạo. Những địa danh làng, xã trong đất Thăng Long - Hà Nội còn lưu lại

(1) Theo Nguyễn Đình Đầu lược dịch từ *B.S.E.I: Relation d' un voyage en Cochinchine en 1778* của M. Chapman.

(2) Dẫn theo Nguyễn Đình Đầu, lược dịch từ *B.S.E.I: Relation d'un voyage en Cochinchine en 1778* của M.Chapman.

dấu tích gắn với trận Đống Đa lịch sử. Ở chùa Bộc⁽¹⁾ có một bức tượng, tương truyền là tượng Quang Trung, sau bệ ngai của tượng khắc chữ “Bính Ngọ tạo Quang Trung tượng” (tượng thờ vua Quang Trung, tạc năm Bính Ngọ năm 1846).

Đối với trang phục, chỉ có ít dòng nêu trong chiếu khi lên ngai “y phục của nhân dân Nam Hà, Bắc Hà vẫn theo như cũ”.

Việc nêu vấn đề trang phục trong chiếu lên ngai, cũng như tôn trọng phong tục tập quán về trang phục của nhân dân, là một biểu hiện nhận thức và ý thức dân tộc của vua Quang Trung trong lĩnh vực văn hóa này.

Dấu ấn lịch sử rực rỡ Tây Sơn trên những trang sử vẻ vang của dân tộc và trong lòng người Thăng Long - Hà Nội còn mãi từ thừa đó cho đến mai sau.

* Với nền độc lập tự chủ của Nhà nước phong kiến Việt Nam, trong đó có ba triều đại phong kiến với ba lần phục hưng dân tộc Lý, Trần, Lê đã để lại dấu ấn rực rỡ trong trang sử phát triển của đất nước. Trong trang sử phát triển rực rỡ ấy chúng ta thấy hình bóng và ý nghĩa của trang phục cũng hiện lên rõ nét. Trang phục thời kỳ này không chỉ đa dạng về kiểu dáng, phong phú về màu sắc, tinh xảo trong chế tác mà nó còn thể hiện khá rõ nét ý chí độc lập tự cường của dân tộc Việt Nam, sự phồn vinh kinh tế, ổn định xã hội của một thời kỳ khá dài thái bình thịnh trị, đồng thời cũng thể hiện sự tiếp thu tinh hoa văn hóa của khu vực đặc biệt từ văn hóa Trung Hoa. Qua trang phục thời kỳ này chúng ta có thể đưa ra những nhận định khái quát sau:

Thứ nhất: trang phục màu đỏ, vàng được tôn dùng, hình tượng rồng được tôn thờ. Quan niệm này đã trở thành truyền thống và có ảnh hưởng sâu sắc đến ngày nay trong dân gian cũng như trong quan niệm chính thống mang tính nhà nước. Trong ngôn ngữ màu vàng son cũng để chỉ những gì tốt đẹp nhất: thời kỳ vàng son, mốc son lịch sử...

(1) Chùa Bộc: ở Khương Thượng, nay thuộc quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Thứ hai: suốt thời gian dài từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX, Thăng Long với tư cách là Kinh đô của nước Đại Việt tuy cũng có gián đoạn ngắn, nhưng lúc nào cũng là một đô thị lớn nhất nước Việt, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, và bởi thế trang phục Thăng Long hội tụ tinh hoa bốn phương trong nước cũng như khu vực tạo nên sự phong phú, đa dạng, đồng thời vẫn mang bản sắc riêng của văn hóa châu thổ sông Hồng, gốc văn hóa trồng lúa nước của vùng đồng bằng Bắc bộ. Với vị trí như vậy, trang phục Thăng Long có ảnh hưởng trực tiếp ra các vùng xung quanh, đặc biệt là vùng đồng bằng Bắc bộ. Trang phục cũng góp phần tạo nên cốt cách con người Việt Nam truyền thống mà những nét đặc trưng tốt đẹp vẫn còn được lưu giữ đến ngày nay.

Thứ ba: những bài học lịch sử thông qua trang phục thời kỳ này vẫn còn giá trị cho chúng ta hôm nay về thái độ ứng xử với sản phẩm quốc nội. Nhà vua truyền dạy nghề trồng dâu nuôi tằm, nghề dệt vải... và tự mình dùng những sản phẩm do dân làm ra, chẳng những nêu gương sáng, cụ thể về lòng tự tôn dân tộc mà còn là chính sách khuyến khích hữu hiệu cho sự phát triển kinh tế đất nước.

Hơn tám thế kỷ độc lập tự chủ, các triều đại phong kiến Việt Nam nối tiếp nhau trị vì đất nước, tuy có lúc mạnh yếu khác nhau, nhưng Thăng Long vẫn luôn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước. Nhiều sự kiện lịch sử đã được nghiên cứu, nhưng cũng còn nhiều điều cần được nghiên cứu một cách sâu sắc hơn, trang phục Thăng Long là một trong những vấn đề như thế. Mặt khác có nghiên cứu kỹ thời kỳ này mới có đủ cơ sở nghiên cứu thời kỳ sau đó, bởi lịch sử trang phục có mạch nối riêng của chính nó.

Phần thứ hai

TRANG PHỤC GIAI ĐOẠN NỬA PHONG KIẾN - NỬA THUỘC ĐỊA (1802 - 1945)

Thăng Long - Hà Nội với thăng trầm lịch sử ngàn năm thì thời kỳ này là thời kỳ Thăng Long không còn là kinh đô nữa, mà chỉ là tỉnh Hà Nội. Tính đến khi triều Nguyễn dời đô về Huế, Thăng Long đã là kinh đô trải qua ba triều đại vàng son Lý, Trần, Lê, ngay năm 1887 dưới con mắt của học giả người Pháp, De la Liraye thì Hà Nội: “Dù không phải là kinh thành nữa, Kẻ Chợ (tức Hà Nội) vẫn là thành phố đứng đầu trong cả nước về nghệ thuật, về công nghiệp, về thương nghiệp, về sự phong phú, về dân số, về lịch thiệp và văn hóa... đấy chính là trái tim của dân tộc”⁽¹⁾. Tuy nhiên, với trang phục Thăng Long ít nhiều cũng chịu sự tác động trực tiếp của sự thay đổi này. Ngay năm 1806 vua Gia Long đã ban chiếu quy định phẩm phục đại triều, thường triều kèm với chỉ định kiểu dáng, chất liệu, màu sắc cho từng cấp cụ thể. Điều đó thể hiện triều đình Nguyễn quan tâm đến trang phục như thế nào. Không bàn đến bản chất chính trị, chúng ta còn thấy rõ ý đồ của nhà Nguyễn muốn thống nhất quyền lực trên toàn cõi Việt Nam thông qua trang phục. Chính vì thế không chỉ đối với vua quan có những quy định cụ thể mang tính bắt buộc mà ngay đối với đầy tớ trong các nhà quyền quý, dân thường cũng có những quy định cụ thể và biện pháp trừng trị những người không theo quy định về trang phục. Đặc biệt, chỉ trong mười năm (1827 - 1837) thời

(1) *Lịch sử Thủ đô Hà Nội*, Sdd, Nxb Sử học Hà Nội, 1960, tr.85.

Minh Mệnh, vị vua này đã có tới bốn lần ra chỉ dụ về trang phục. Đặc biệt đáng lưu ý là chỉ dụ bắt người dân miền Bắc phải thay đổi trang phục theo kiểu người dân từ Quảng Bình trở vào Nam với lý do “cõi đất hợp làm một, văn hóa cùng nhau”, ăn mặc thống nhất là “vâng theo văn hóa”, “vâng theo phép vua”. Tuy nhiên, như chúng tôi đã trình bày ở phần trên, sự thay đổi của chính trị, kinh tế, xã hội có tác động đến trang phục, nhưng trang phục vẫn có lịch sử riêng của nó. Ngay cả những chỉ dụ có ý nghĩa “phép vua” của Minh Mạng cũng không hoàn toàn cưỡng ép được dân chúng về trang phục, vì trang phục là lẽ sống, lối sống, nếp quen tạo nên cốt cách con người không dễ gì thay đổi, nhất là đối với đất kinh kỳ như Thăng Long - Hà Nội. Nhân dân phản kháng, chế giễu sự thay đổi, cấm không cho mặc váy:

*Tháng tám có chiếu vua ra
Cấm quần không đậy người ta hãi hùng*

Hay:

*Cò quần ra quán bán hàng
Không quần ra đứng đầu làng xem quan!*

Dù có sự phản kháng nhưng những quy định của triều đình có tác động không nhỏ đến trang phục, nhất là phẩm phục vua quan. Ở Hà Nội lúc bấy giờ đứng đầu là quan Tổng đốc, ngang hàm chánh nhị phẩm văn giai, nên trang phục được quy định cụ thể chi tiết từ mũ, áo, cân, đai, tất, hia... trong triều phục cũng như thường phục.

Thời kỳ này có một sự kiện quan trọng tác động khá sâu sắc đến sự thay đổi trang phục, đó là việc Hà Nội bị đặt dưới quyền bảo hộ của người Pháp. Các tầng lớp mới xuất hiện như tư sản, thầy thông, thầy phán, dân phu xe, bồi bếp, con sen... người nước ngoài vào làm ăn buôn bán... tất cả đều ảnh hưởng tới nếp sống Hà Nội và đương nhiên ảnh hưởng đến trang phục Hà Nội. Việc buôn bán các loại vải vóc từ nước ngoài không chỉ có Trung Quốc, Ấn Độ mà có cả vải từ các nước Pháp, Anh... mà dân ta thường gọi là vải Tây đã làm cho hàng dệt của ta bị chèn ép mạnh, nhưng cũng làm cho sản phẩm may mặc phong phú hơn về chất liệu. Đặc biệt, việc các hiệu may Tây với máy khâu thay cho khâu tay đã làm thay đổi

khá sâu sắc phong cách trang phục Hà Nội. Trang phục thời kỳ này có nhiều thay đổi mang màu sắc cách tân rõ rệt. Thoạt đầu cũng gặp sức phản kháng của dư luận, nhất là những kẻ mặc đồ Tây, theo gót Tây với cái quần “thuồn trơn” của kẻ tay sai ngoại bang bị chê bai sâu cay. Tuy nhiên, nếp sống thành thị có nhiều biến đổi, quan niệm phương Tây về bình đẳng nam nữ có những tiến bộ nhất định so với quan niệm phong kiến, thêm vào đó chính sách “khai hóa văn minh” có chủ đích của người Pháp thông qua trang phục tân thời phù hợp với cuộc sống đô thị đã tạo ra môi trường thuận lợi cho sự thay đổi. Trước tiên trong hàng ngũ công chức, viên chức, sau đó đến trí thức, thương nhân... với các kiểu mới mới từ áo, quần đến giày dép. Kiểu áo Lơ - mua (Le mur) nổi tiếng Hà Nội lúc bấy giờ tiếp thu tinh hoa trang phục Âu Tây đã được phụ nữ tân tiến cả ba miền hưởng ứng. Rõ ràng trang phục có đời sống riêng, nên là cái đẹp dễ được chấp nhận, tồn tại và phát triển không phụ thuộc vào mục đích tốt xấu ban đầu. Bộ com-lê (complet) đối với nam giới gồm quần tây, áo sơ mi, áo vét tông, cà-vạt, giày tây đã được chấp nhận từ thời kỳ này, tồn tại và phát triển cho đến ngày nay, được chúng ta chấp nhận như lễ phục đối với quan chức nhà nước. Một lần nữa chứng minh sự khoan hòa, dễ dung nạp cái hay, cái đẹp không phân biệt xuất xứ của người Thăng Long - Hà Nội nói riêng và người Việt Nam nói chung trong giao lưu, tiếp biến văn hóa với thế giới.

Chương III

TRANG PHỤC THỜI NHÀ NGUYỄN (1802 - 1883)

Triều đại Tây Sơn bị thất bại, năm 1802, Nguyễn Ánh giành chính quyền lập nên chế độ quân chủ chuyên chế của triều Nguyễn trên phạm vi cả nước.

Nhà Nguyễn đóng đô ở Phú Xuân, Thăng Long vẫn là thủ phủ của Bắc Thành, nhưng đến năm 1831, Minh Mạng đã cải tổ bộ máy hành chính, hợp kinh thành Thăng Long cũ cùng mấy phủ huyện: Từ Liêm, phủ Ứng Hòa, phủ Lý Nhân, phủ Thường Tín lập thành tỉnh Hà Nội, khu vực kinh thành Thăng Long cũ là tỉnh lỵ của Hà Nội. Như vậy dưới triều Nguyễn, Thăng Long - Hà Nội không những mất vị trí kinh đô của cả nước, mà còn bị hạ thấp từ trấn thành xuống tỉnh thành.

Tuy có sự đảo lộn về đời sống xã hội, chuyển đổi từ kinh thành Thăng Long sang tỉnh lỵ của Hà Nội, để xây vào đó một tỉnh thành nhỏ hẹp hơn thì khu vực kinh thành nhân dân vẫn duy trì cuộc sống, dựng thêm nhiều công trình kiến trúc văn hóa có giá trị tiêu biểu như: Đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc, tháp Bút, đài Nghiên ở hồ Hoàn Kiếm⁽¹⁾, mở rộng buôn bán, thành lập phường, phố, trong *Đại Nam nhất thống chí* đời Nguyễn ghi nhận: “ở quanh phía đông-nam tỉnh thành gồm 21 phố, nhà ngói như bát úp, tụ họp các mặt hàng, nhân vật cũng phần thịnh”. Vùng quanh hồ Hoàn Kiếm trở thành khu dân cư đông đúc với phố Hàng Thêu (Hàng Trống) khu buôn bán, nghề thủ công phát triển hơn trước cả về quy mô và dân số, trở thành bộ mặt tiêu biểu thành thị của Thăng Long - Hà Nội.

(1) Nhà văn Nguyễn Văn Siêu, người Hà Nội đứng ra sửa chữa, tu bổ, xây dựng.

Chợ Hà Nội, tức Thăng Long xưa, cứ sáu ngày có một phiên. Chợ họp ở trong những phố chính, dài hàng cây số, ngày phiên chợ, người bán, kẻ mua, tứ phương đổ về, nhộn nhịp đông đúc.

Theo Paul Bourde, một người nước ngoài thời đó nhận xét: “Ngày phiên chợ, thành phố Hà Nội trở thành một cái chợ lớn”. Trong *Đại Nam nhất thống chí* cũng ghi: “Chợ mới ở phía Đông tỉnh thành, mỗi tháng sáu phiên, nhiều người họp chợ, buôn bán đủ các mặt hàng, là một chợ lớn trong tỉnh”⁽¹⁾.

Riêng mặt hàng vải thì... “cứ sau hôm chợ Cầu Đơ (ở Hà Đông, huyện Thanh Oai, Hà Nội) một ngày, tức các ngày mùng 1 và mùng 6 thì đến phiên chợ hàng tơ. Hàng Đào hôm ấy nhộn nhịp. Người các làng La Cả, La Khê ra bán the. Người Đại Mỗ bán cấp, lụa, đũi. Muốn mua các loại gấm vóc thì phải thừa ở Vạn Phúc, làng Tây Hồ, làng Bưởi đem linh đến...”⁽²⁾.

Hà Nội 36 phố phường, gần một nửa tên phố có liên quan đến buôn bán, hoặc sản xuất các mặt hàng để làm ra các loại trang phục như: Hàng Vải: bán vải nâu, còn gọi là Hàng Vải Thâm. Tuy vậy ở đây còn bán cả vải tằm⁽³⁾, vải mộc, vải hồ trắng, vải sô màn... Hàng Nón bán các loại đồ đội: nón, ô. Ngõ Hà Nội, Hàng Lược, Hàng Da bán phụ liệu trang phục. Hàng Đào nơi nhuộm vải màu đỏ, bán vóc, nhiễu, lụa. Hàng Vôi bán vải dệt thủ công. Hàng Bút bán vải vụn (còn gọi là Hàng Mụn). Hàng Giày: sản xuất các loại đồ đi và bán giày, dép, guốc...

Nghề dệt thủ công đã có thêm nhiều mặt hàng mới, riêng Hà Nội có tơ, bông, lụa trắng, lụa vân, trứu nam, lĩnh hoa, là, the hoa, the mình bằng, sa hoa nhỏ..., với nhiều màu sắc. Sản phẩm này là thứ hàng hóa may mặc được người tiêu dùng trong cả nước cũng như người Hà Nội rất ưa

(1) *Đại Nam nhất thống chí*, tập III, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr.189.

(2) Hoàng Đạo Thúy, *Phố phường Hà Nội xưa*, Sđd, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội 2000, tr.107.

(3) Vải tằm: Khố vải nhỏ, khoảng hai gang tay gần 40cm, gấp lại đều nhau. Khi bán người ta đếm lá, không đo bằng thước.

chuông, vì chất liệu vải đã góp phần làm nên vẻ đẹp nền nã, khoe thắm trong trang phục của người Kinh Kỳ - Kẻ Chợ.



Hình 106: Quay sa, kéo sợi

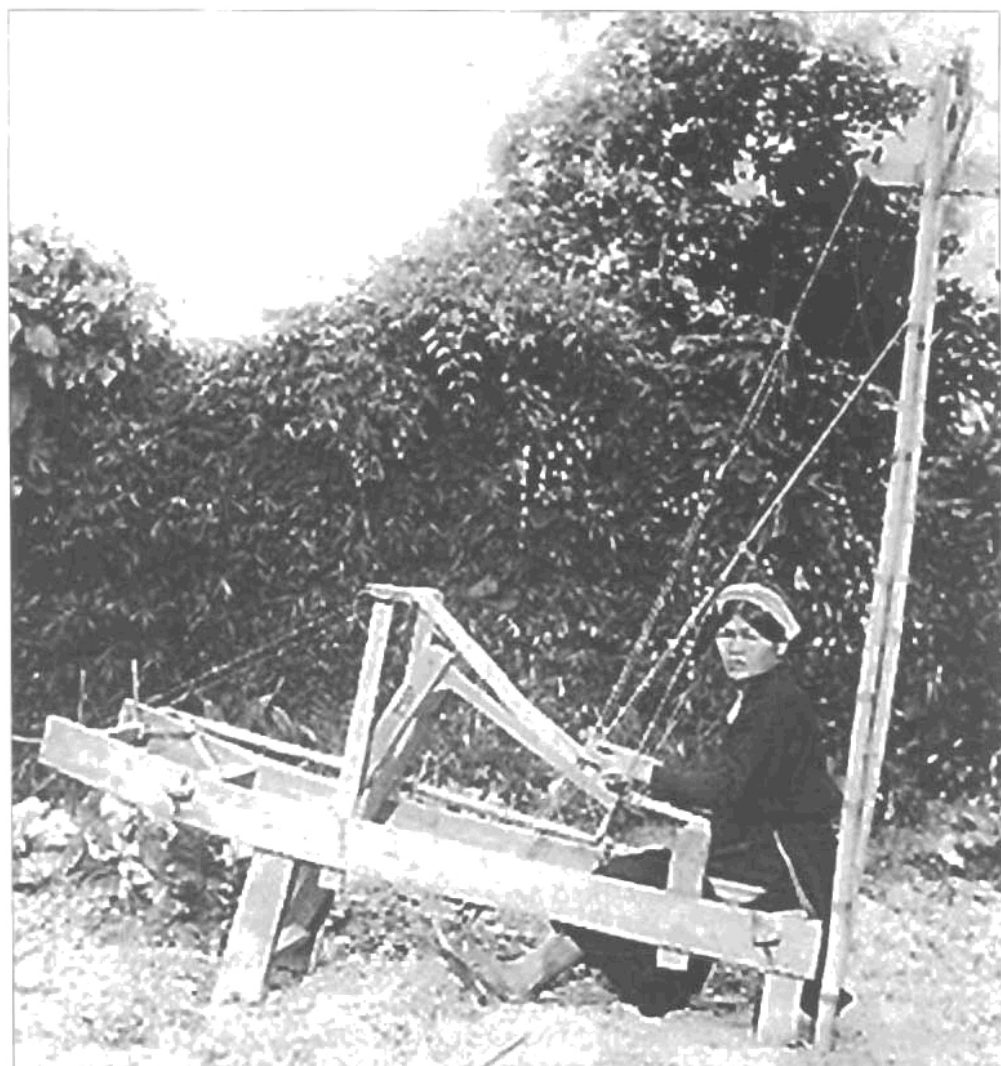
Trong lòng Thăng Long - Hà Nội, vẫn còn đó các địa danh như làng dâu tằm Nghi Tàm, hồ giặt lụa Trúc Bạch....

Trong “*Tụng Tây Hồ phủ*” của Nguyễn Huy Lượng đã vẽ nên cảnh vật đương thời:

*“Chày Yên Thái nện trong sương chênh choảng,
Lưới Nghi Tàm ngăn ngọn nước quanh co,
Liều bờ kia bay tơ biếc phát phơ,
Thoi oanh nọ ghẹo hai phường dệt gấm...”*

Để đáp ứng nhu cầu về cái mặc của con người trong xã hội ngày càng cao, vào giữa thế kỷ XIX, khắp mọi nơi trên đất nước ta nói chung và Hà Nội nói riêng, nghề dệt vải lụa khá phát triển. Đặc biệt để cung ứng cho triều nghi cũng như hệ thống phẩm phục của vua, quan các cấp trong hoàng tộc, triều đình nhà Nguyễn đã đặt ra Bộ Công, thành lập xưởng dệt, xây dựng cơ sở chần tằm, dệt lụa ở ngay trong hoàng cung. Đồng thời thu nạp các thợ giỏi chuyên dệt lụa, là, gấm vóc... để làm ra những loại vải đặc biệt, có chất lượng cao, đẹp và đa dạng về màu sắc, phong phú về họa tiết hoa văn, theo quy định của triều đình.

Ngoài ra các làng nghề thủ công trong cả nước, hàng năm cũng đem những loại vải cao cấp - đặc sản của địa phương cung tiến vua như gấm Vạn Phúc, đã được vua khen ngợi và ban thưởng⁽¹⁾.



Hình 107: Dệt vải

(1) Ngoài ra gấm Vạn Phúc còn nhận được những giải thưởng: Nam Long Bội Tinh, Bằng khen và Mề đay Vàng ở Triển lãm các nước thuộc địa tại Pháp và Indônèsia...

Trang phục cung đình⁽¹⁾

Triều đình dời Thăng Long vào Huế, đặt kinh đô ở Phú Xuân. Đầu thời Nguyễn, trang phục của vua quan cũng được quy định tỉ mỉ như ở những triều đại phong kiến trước và được đặt dưới sự quản lý của Bộ Lễ.

Năm 1806, vua Gia Long ban chiếu quy định phẩm phục đại triều, thường triều cho các hàng văn giai, võ giai, trong đó có mũ, áo măng bào, đai, hia, tất, bốt tử... mỗi loại được chỉ định kiểu dáng, chất liệu, màu sắc... tùy theo cấp bậc.

Năm 1831, vua Minh Mạng cho nhập phủ Hoài Đức, phủ Thường Tín, phủ Ứng Hòa, phủ Lý Nhân thành tỉnh Hà Nội. Đứng đầu tỉnh Hà Nội là một viên quan Tổng đốc.

Trang phục một số quan chức

Tổng đốc ngang với chức Thượng thư, hàm chánh nhị phẩm văn giai, như người đại diện triều đình, chỉ đạo mọi mặt ở Hà Nội.



Hình 108: Triều phục của Tổng đốc

(1) Hệ thống trang phục của vua, hoàng tộc trong triều đình ở Huế, chúng tôi không giới thiệu ở đây mà chỉ đề cập đến trang phục của một số quan chức được triều đình bổ nhiệm phụ trách phần việc ở Hà Nội.



Hình 109: Lễ phục của quan Tổng đốc

Phẩm phục đại triều: mũ cánh chuồn tròn (viên phác đầu)⁽¹⁾, phía trên mũ có bộ phận gọi là kim bác sơn, hai bên là hai kim khóa giản. Phía trước có một bông hoa vàng, hai con giao long vàng, phía sau có hai bông hoa vàng. Hai cánh chuồn viền vàng, trên bề mặt mỗi mặt của cánh chuồn đều trang trí hình con giao long vàng, có hai đường chỉ vàng chạy bao quanh⁽²⁾. Áo măng bào màu cam bích, cổ tròn, may bằng vải đoạn bát ty, thêu tứ linh (long, ly, qui, phượng) bằng chỉ ngũ sắc pha sợi kim tuyến. Phía sau có hai cánh cứng gọi là cánh điều dính ở hai bên lưng chỗ cao hơn vòng đai. Xiêm thường may bằng loại sa mỏng, thêu hình chim tiên hạc xen hoa màu đỏ bằng chỉ ngũ sắc pha sợi kim tuyến. Đai lưng, thân bọc vải đỏ, trên thân đính 18 miếng trang trí. Mặt trước và hai bên phải trái có mười ba miếng, bảy miếng bao vàng (tử kim) xen kẽ sáu miếng bao bạc, phía

(1) Có tài liệu gọi là phát đầu. Theo chúng tôi gọi là phác đầu, đồng nghĩa với tên gọi thời Gia Long là: phước đầu (tức là mũ cánh chuồn tròn).

(2) Giao long: Rắn, rồng, nếu làm bằng vàng còn được gọi là kim giao.

sau có năm miếng bao bạc, trên mặt đều khảm đôi mối. Hia màu đen, mũi vuông. Tất viền gấm.

Phẩm phục thường triều: đội mũ văn công dát vàng. Có hai cái dải trang sức hoa vàng, nạm hạt ngọc. Áo cổ chéo (giao lãnh) màu trắng, thân may bằng sa đoạn, màu xanh, lục, lam, đen tùy ý. Bỏ tử nền màu vàng, thêu hình chim tiên hạc. Xiêm, hia, tất như ở bộ đại triều.

Trang phục thường ngày: đầu quấn khăn, mặc áo dài gấm tam thể, có họa tiết hoa văn chữ thọ, chữ phúc, hoa cúc... trong tổ hợp hình tròn, quần nhiều trắng, đi giày kinh, đội nón lông, quai nón bằng lụa bạch. Trong điều kiện đặc biệt như khi tham gia trận mạc, Tổng đốc cũng có thể ăn mặc giản dị.



Hình 110: Trang phục thường ngày của Tổng đốc và những người hầu

Người ta cho biết khi đốc quân giữ thành Hà Nội, chống giặc Pháp tấn công, Tổng đốc Hoàng Diệu đã mặc áo the dài, thắt lưng nhiều hồng, đầu quấn khăn nhiều xanh, xông xáo nơi hòn tên mũi đạn rất dũng cảm. Không giữ được thành, ông đã treo cổ lên cành đa tuần tiết ở Võ Miếu.

Dưới quyền Tổng đốc, có quan Bố chính, quan Án sát, Tuần phủ. Ngoài ra còn có Thông phán kinh lịch và nhiều viên chức khác nữa giúp việc...

Bố chính là quan lo việc hộ, hàm chánh tam phẩm văn giai

Phẩm phục đại triều: mũ cánh chuồn tròn, cũng có kim bác sơn, kim khóa giản, mặt trước, mặt sau mũ đều đính một bông hoa vàng, và hai con giao long vàng. Hai cánh chuồn viền vàng, hai miếng đế cánh kim như ý, hai đường chỉ vàng chạy quanh. Áo bào và xiêm cũng như cấp nhị phẩm,

riêng áo bào nhuộm màu lam. Xiêm màu đỏ thêu hình con cầm kê. Đai lưng có mười tám miếng trang trí đều bọc bạc, mặt khảm đổi mỗi. Hia màu đen mũi vuông, tất viền gấm.



Phẩm phục thường triều: đội mũ văn công dát vàng, hai dải đều trang sức hoa vàng, nạm hạt ngọc. Áo cổ chéo (giao lãnh) màu trắng, thân may bằng sa đoạn, màu xanh, lục, lam, đen tùy ý. Bỏ tử nền đỏ, thêu hình con cầm kê. Xiêm, hia, tất như ở bộ đại triều.

Thường ngày đầu quần khăn, áo dài gấm, quần trắng, đi giày kinh hoặc hài.

Án sát là quan lo việc hình, hàm chánh tứ phẩm văn giai.

Phẩm phục đại triều: có mũ cánh chuồn, phía trên mũ là ngân bác sơn, hai bên là hai kim khóa giản. Mặt trước mặt sau đều đính một bông hoa vàng. Hai cánh

Hình III: Triều phục quan Án sát - Wikipedia.org.

chuồn viền vàng, hai miếng đế cánh ngân như ý (bạc), hai đường chỉ bạc chạy quanh.

Áo hào hoa màu quan lục, cổ tròn, may bằng nhiều thêu chỉ ngũ sắc pha sợi kim tuyến. Xiêm may bằng sa mỏng, màu lam đậm, thêu bằng chỉ ngũ sắc pha sợi kim tuyến. Đai lưng màu đỏ, có gắn 18 miếng trang sức trong đó có 13 miếng ở phía trước và hai bên phải trái, đều bọc bạc, 5 miếng phía sau bọc đồng. Trên mặt mỗi miếng đều khảm hoa bằng sừng.

Phẩm phục thường triều: đội mũ Đông pha, mũ được trang trí ở phía trước một hoa vàng, phía sau một hoa vàng. Các hoa khác và hình con giao long đều bằng bạc. Áo cổ chéo (giao lãnh), cùng màu với áo, may bằng sa đoạn, màu lam hay màu đen tùy sở thích. Bổ tử nền đỏ được thêu hình con công. Xiêm màu xanh lục có hoa to bông tròn, trong đó ấn tròn.

Về phần quân sự của tỉnh Hà Nội: Tổng đốc kiêm luôn cả chức Đề đốc, chỉ huy chung (về sau giao cho Lãnh binh). Giúp Tổng đốc về việc quân là phó Đề đốc.

Phó Đề đốc: là quan võ có hàm tòng nhị phẩm võ giai.

Phẩm phục đại triều: đội mũ cánh chuồn vuông, (phương phác đầu), mặt trước mũ không dát con giao long vàng. Áo bào, xiêm cũng như chánh nhị phẩm. Áo bào màu quan lục, đai lưng có ba miếng được trang trí phía trước bọc vàng (tử kim) còn lại mười bốn miếng bọc bạc trên mặt đều khảm đôi mồi. Hia, tất như của chánh nhị phẩm.

Phẩm phục thường triều: đội mũ hỏ đầu dát vàng. Áo cổ chéo (giao lãnh) màu lam hay lục. Bỏ tử thêu hình con bạch trạch.

Quân phục:

Quân lính gồm có năm binh chủng: Bộ binh, Ky binh, Thủy binh, Pháo binh, Tượng binh. Trang phục của binh sĩ theo sự tương thích của từng binh chủng mà có những quy định khác nhau:

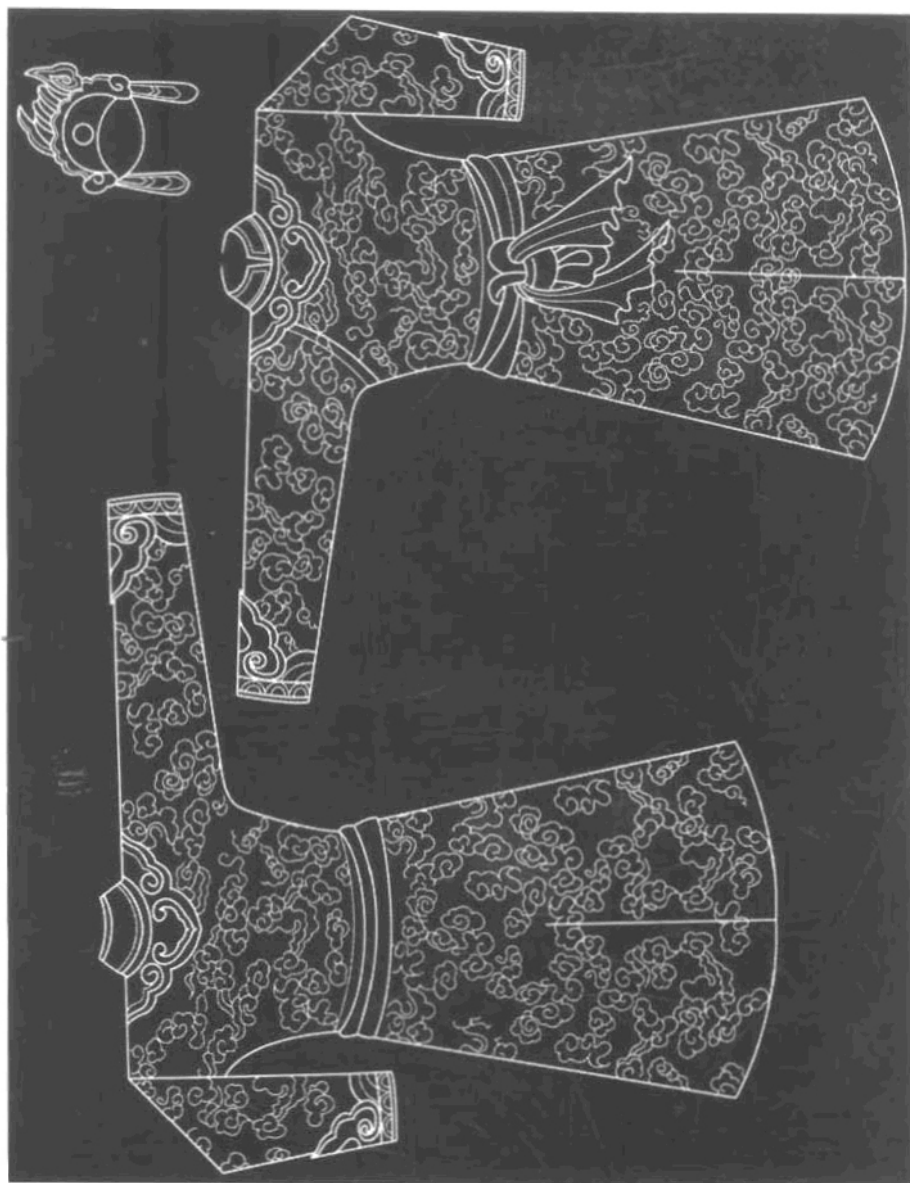
- *Tiến sĩ võ:* mũ hỏ đầu. Áo chiến nằm thân bằng gấm, tay chèn, vạt áo xẻ giữa, bên trong vạt áo có tấm che, chân đi giày da cao cổ, thắt lưng buộc múi buông gọn phía trước.



Hình 112a: Tiến sĩ võ (tạo sĩ)



Hình 112b: Trang phục phía trước, phía sau (hình vẽ phỏng dựng)



Hình 112c: Trang phục phía trước, phía sau (hình vẽ phỏng dựng), chi tiết

- *Cử nhân võ*: mũ tròn có vành, thân tạc thành mũi, trên chỏm có núm. Áo chiến năm thân, tay chèn, vạt áo xẻ giữa, bên trong có tấm che, chân đi giày da cao cổ, thắt lưng buộc mũi buông gọn phía trước.



Hình 113a: Cử nhân võ



Hình 113b: Trang phục phía trước, phía sau (hình vẽ phong dựng)



Hình 113c: Trang phục phía trước, phía sau (hình vẽ phỏng dựng), chi tiết

- *Cấp đội*: mũ tròn có vành. Áo dài tứ thân, cổ đứng, có họa tiết nẹp viền quanh cổ và vai, ngực, mép tà, gấu áo, tay chèn. Thắt lưng vải buộc múi buồng gọn phía trước. Giữa thân áo trước có đính một miếng tròn thêu chữ để phân biệt cơ đội, đạo binh khác nhau. Quân ta.



Hình 114: Quân phục thời Nguyễn

(theo cuốn *Từ Đà Nẵng đến Điện Biên Phủ*, sdd, Hà Nội 1994)

1. Đội, 2. Linh kinh dò, 3. Linh kỹ thuật, 4. Linh thượng tứ (ky binh), 5. Linh thượng tứ (cung nỏ), 6. Bộ binh(1), 7. Linh tiên phong, 8. Bộ binh(2), 9. Mổ Binh (hàm số 1), 10. Mổ binh (hàm số 2), 11. Linh giữ thành

- *Lính kinh đô*: mũ tròn có vành, mũi, trên đỉnh mũ gắn ngù. Áo tứ thân, tay dài, cổ đứng, hai bả vai, hai vế đùi có miếng giáp che. Thắt lưng vải buộc mũi buông gọn phía trước, giữa thân áo có đính một miếng tròn thêu chữ để phân biệt cơ đội, đạo binh khác nhau. Bắp chân quấn xà cạp. Quần ta.

- *Lính kỹ thuật*: nón dẫu, chóp nón đính ngù, bên trong quấn khăn buông dài phía sau. Áo dài tứ thân cổ đứng, tay chèn, có nẹp ở quanh cổ, vai, ngực, mép tà, gấu. Thắt lưng vải buộc mũi buông gọn phía trước, giữa thân áo có đính một miếng tròn thêu chữ. Bắp chân quấn xà cạp. Quần ta.

- *Lính thượng tứ (kỵ binh)*: mũ tròn có vành, mũi, đỉnh mũ có núm. Áo tứ thân cổ đứng, tay chèn, hai bả vai và hai vế đùi có miếng giáp che. Thắt lưng vải buộc mũi buông gọn xuống phía trước, giữa thân áo có đính một miếng tròn thêu chữ. Bắp chân quấn xà cạp. Quần ta.

- *Lính thượng tứ (cung nữ)*: nón dẫu. Áo dài tứ thân cổ đứng, tay chèn, có nẹp trang trí ở quanh cổ, ngực, bả vai, mép tà, gấu áo. Thắt lưng vải buộc mũi buông gọn phía trước. Giữa thân áo có đính một miếng tròn thêu chữ. Bắp chân quấn xà cạp.

- *Bộ binh*: nón dẫu, trong quấn khăn buông dài phía sau. Áo dài tứ thân cổ đứng, tay chèn (có loại bộ binh mặc thêm áo dài ngoài cộc tay) có trang trí nẹp ở quanh cổ, vai, ngực, mép tà, gấu áo. Thắt lưng vải buộc mũi buông gọn xuống phía trước, giữa thân áo có đính một miếng tròn thêu chữ. Chân trần.

- *Lính tiên phong*: như bộ binh, chỉ khác chữ trong miếng tròn trước ngực.

- *Mộ binh*: nón dẫu, trên có ngù. Áo ngắn bên trong, áo dài tứ thân cổ đứng cộc tay mặc ngoài, thắt lưng vải buông gọn phía trước, giữa thân áo trước có miếng tròn thêu chữ. Chân trần.

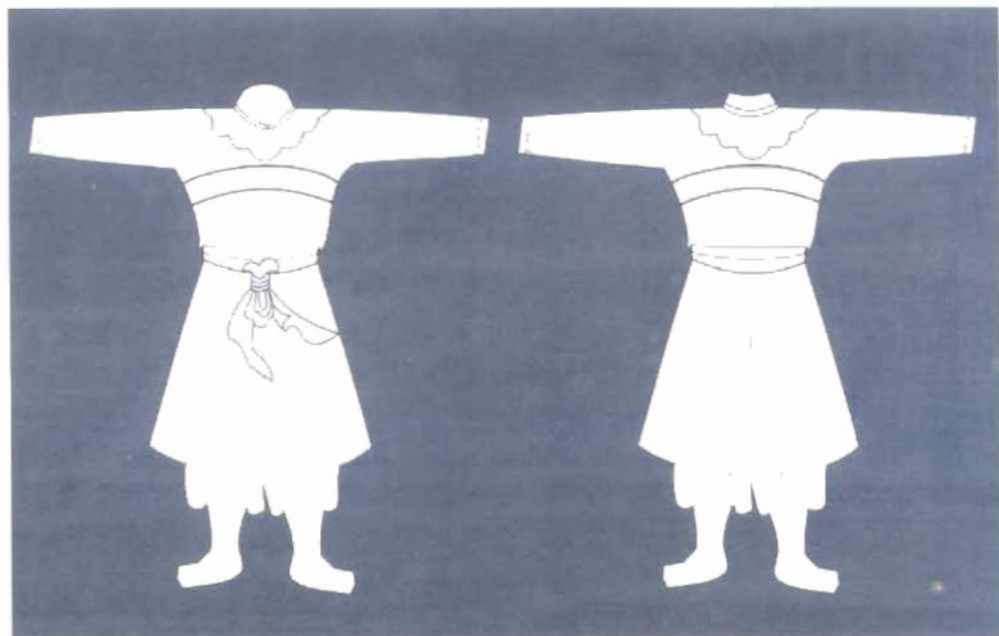
- *Lính giữ thành*: quấn khăn. Áo năm thân ngắn, thắt lưng vải. Quần ngắn, chân trần...



*Hình 115a:
Trang phục cấp đội*



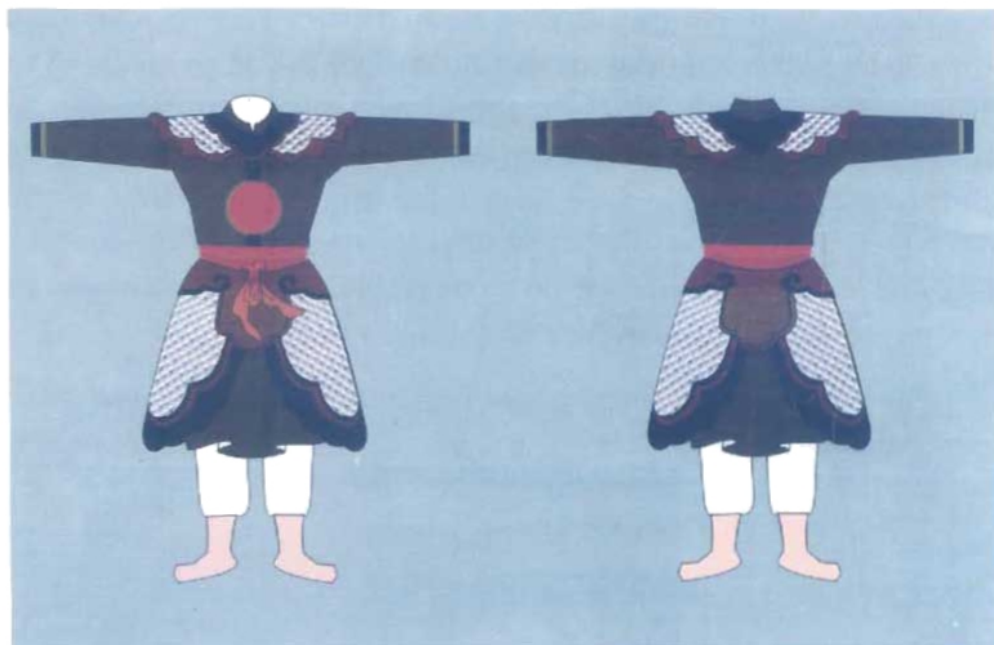
Hình 155b: Trang phục cấp đội (phỏng dựng)



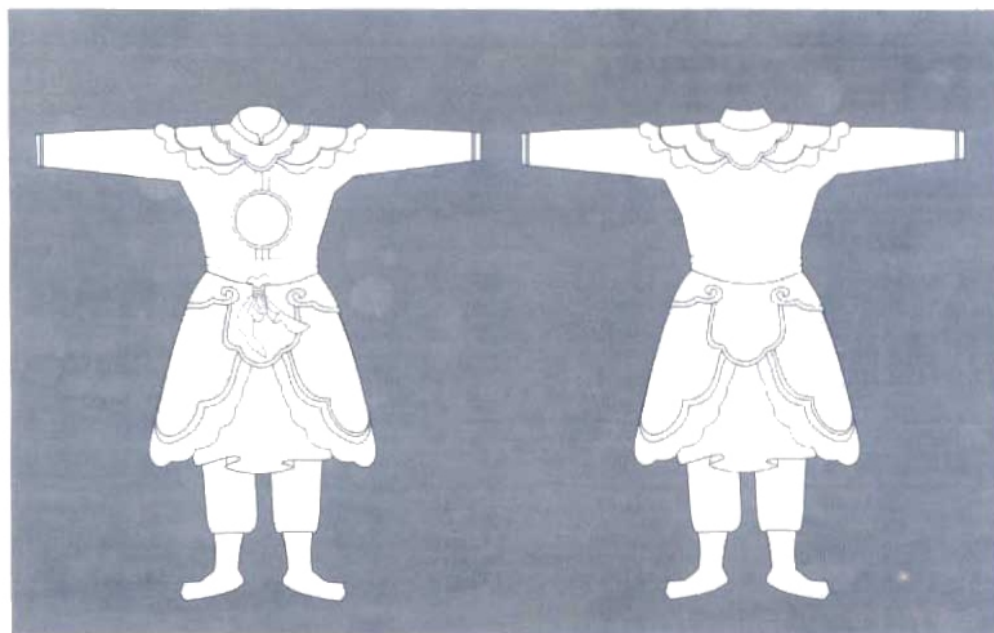
Hình 155c: Trang phục cấp đội (phỏng dựng), chi tiết



Hình 116a:
Trang phục lính kinh đô



Hình 116b: Trang phục lính kinh đô - Phía trước, phía sau
(hình vẽ phẳng dựng)



Hình 116c: Trang phục lính kinh đô (hình vẽ phẳng dựng), chi tiết

Theo mô tả của tác giả Tiên Đàm Nguyễn Tường Phượng trong *Lược khảo binh chế Việt Nam qua các thời đại* thì dưới thời Minh Mạng, về võ phục các hàng lính, các đội, chánh phó quản cơ đều mặc áo chèn bằng nỉ hay bằng dạ màu đỏ hay màu thiên thanh. Cổ áo và bấp tay áo có viền kim tuyến, dạ xanh đỏ hay thiên thanh. Ngực áo có thêu hoa cúc, hoa mẫu đơn hay đám mây v.v... và thêu chữ để phân biệt cơ đội và các đạo binh từng tỉnh. Đầu đội nón tròn sơn đỏ có chóp gọi là nón dẫu, chân quần xà cạp, những chánh phó quản được dùng giày chiến bằng da.

- Từ *lãnh binh* (tam phẩm) trở lên được mặc áo chiến năm thân bằng gấm, đội mũ hổ đầu.



Hình 117:
Thường phục các
quan võ (áo tứ thân)



Hình 118:
Thường phục quan võ
(áo năm thân)

Trên đây là những hình thái chủ yếu về trang phục ở những giai đoạn nhất định của triều Nguyễn, cũng như các triều đại trước đó, các qui định còn đi sâu đến các chức sắc, các nhân vật chỉ tiết nhiều hơn nữa. Nhưng ngay trong thời Nguyễn, nhiều qui định cũng không thực thi được, mặt khác do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan, lại có nhiều hiện tượng trang phục mới xuất hiện. Như trên thực tế, đã có những hình ảnh như vua Khải Định: áo dài đến đầu gối, cổ đứng cao. Áo mở giữa nhưng bó lấy người bằng một thắt lưng to bản và một dải vải vắt chéo thân người. Áo thêu rồng, mây, sóng nước. Cổ tay chèn lại bằng miếng đắp như “măng

sét” áo sơ mi. Hai vai đeo ngù. Đầu đội nón chóp đính nhiều vàng ngọc. Chân đi giày da đen bóng và ống chân được bó lại như kiềng đi “ghệt” nhưng ghệt lại thêu rồng. Trên nón, trên áo, trên thắt lưng... đều có đính rất nhiều châu báu. Ngực đeo thẻ bài, khánh... bên cạnh các loại “mề đay” to nhỏ. Có cái “mề đay” đeo xuống tận đùi. Đeo kiếm Tây nhưng vỏ kiếm lại chạm các hình hoa lá phương Đông... Mười ngón tay đeo dây nhẫn vàng. Vua Khải Định còn rất thích đánh phấn, bôi môi son, kẻ lông mày...

Hoặc về cuối triều Nguyễn, có hình thức vấn khăn đặc biệt ở trong cung: tóc rẽ đường ngôi giữa (về sau cũng có trường hợp rẽ lệch), toàn bộ tóc được bọc kín trong một khăn dài rồi quấn vòng quanh đầu. Sau đó dùng một khăn (thường là màu lam, hăn hữu có màu vàng) dài hàng chục mét, khổ rộng 30cm được gấp nếp trùn ra ngoài tạo thành chữ nhân trên đầu ngôi giữa. Tiếp tục lần lượt quấn nhiều vòng với bản rộng 6cm, số vòng càng nhiều, bề dày càng lớn có thể từ 6 - 7 vòng cho đến 20 - 30 vòng, trông như một vành hào quang bao lấy khuôn mặt người đội. Kiểu đội khăn này về sau được phổ biến ra ngoài nhân dân cho tới nay, được gọi là kiểu khăn Nam Phương hoàng hậu, được dùng trong các dịp lễ nghi trang trọng.

Hay là trang phục của binh lính thị vệ trong triều, thường mặc áo thân dài mở giữa, cài khuy. Loại quan ở cấp bậc trên, áo được may bằng vải tốt, có họa tiết hay trơn. Áo có nẹp khác màu ở quanh vai, mép tà, cửa tay. Lính hầu các quan mặc áo bốn thân dài đến đầu gối cài cúc giữa, có nẹp cửa tay áo, gấu áo, hai bên tà từ ngực đến suốt chiều dài của thân áo, thắt lưng vải buộc ngoài áo dài. Mặc quần ta, dưới chân bó xà cạp, hoặc không. Chân đi dép da trâu hoặc đi đất. Đầu đội nón chóp sơn đỏ, khăn theo phẩm trật⁽¹⁾.

Thời này, tỉnh Hà Nội gồm 4 phủ: phủ Hoài Đức (có các huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận, Từ Liêm); phủ Thường Tín (có các huyện Thượng Phúc, Thanh Trì, Phú Xuyên); phủ Ứng Hòa (có các huyện Sơn Minh,

(1) Bảng biểu phẩm phục các quan triều Nguyễn, là sự tương ứng với các cấp bậc được bổ nhiệm ở Hà Nội.



Hình 119:

Áo dài tứ thân của thị vệ



Hình 120:

Áo dài tứ thân của cận vệ

Hoài An, Chương Đức, Thanh Oai); phủ Lý Nhân (có các huyện Nam Xương, Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm, Bình Lục).

Quan Tri phủ cai quản một phủ. Nhưng trong chức Tri phủ cũng có sự phân biệt tri phủ hạng nhất, hạng hai, hạng ba, hạng tư... Quan Tri huyện cai quản một huyện cũng có nhiều thứ hạng khác nhau. Thông thường, quan Tri phủ hạng nhất hàm chánh tứ phẩm văn giai, quan tri huyện hạng nhất hàm chánh ngũ phẩm văn giai. Thời Bảo Đại, yêu cầu Tri huyện hạng hai cũng phải có hàm chánh ngũ phẩm v.v... Như vậy là người có phẩm hàm cao được xếp vào thứ hạng cao và đương nhiên được sử dụng trang phục tương ứng.

Khi hội triều hay khi có công vụ quan trọng, Tri phủ, Tri huyện mới mặc triều phục, còn trong sinh hoạt xã hội bình thường, các viên quan này chỉ mặc áo dài bằng sa tanh, gấm, sa, đoạn..., mặc quần lụa trắng, đi hài, đi giày tào, giày Gia Định. Đầu búi tóc quấn khăn nhiễu, đội nón dứa, nón lông có chóp đồng. Đặc biệt là các viên quan này thường đeo tấm thẻ bài vào cúc thứ hai của áo dài trên ngực bên phải.

Thẻ bài là một thẻ nhỏ hình chữ nhật làm bằng ngà, dài 8 phân, rộng 4 phân, trên mặt có khắc chức tước người được đeo và địa danh đang tại vị bằng chữ Nho.



Hình 121: Quan huyện Thọ Xương - Triều phục, mũ viên phắc đầu

Ở Hà Nội, mỗi huyện cũng gồm nhiều tổng như huyện Thọ Xương (nay tương đương với quận Hoàn Kiếm và quận Hai Bà Trưng) thời đó gồm 8 tổng. Đứng đầu mỗi tổng là một chánh tổng do các lý trưởng bầu lên (Nguyễn Bá Kim, người xây Tháp Rùa ở Hà Nội là Chánh tổng Đông Thọ thuộc huyện Thọ Xương). Mỗi tổng gồm nhiều phường, làng. Đứng đầu mỗi phường, làng là một lý trưởng do dân cử.

- Chánh tổng, lý trưởng đều được phong hàm:

Chánh tổng thường chỉ hàm tòng cửu phẩm văn giai. Chánh tổng giàu có thường mặc áo dài, áo cánh may bằng loại vải tốt. Còn



Hình 122: Quan văn huyện
Thọ Xương, thường triều mũ
văn công



Hình 123: Thẻ bài ngà

lý trưởng hàm cử phẩm bá hộ. Về trang phục thường mặc áo dài the, quần trắng, quần khăn lượt.

Về mặt học chính: Tỉnh Hà Nội có một quan Đốc học được hàm chánh tam phẩm văn giai.

Phẩm phục đại triều, thường triều của đốc học giống phẩm phục quan Bố chính.



Hình 124: Đốc học



Hình 125:
Thầy Nguyễn Siêu
dạy học (1799-1872).
Họa sĩ Trung Hoa
vẽ trên lụa, 1868

Hình 126: Trang phục
quan Giám khảo (1897) -
nguyentl.free.fr

Đầu triều Nguyễn vẫn duy trì việc thi cử. Năm 1808 thi hương, 1867 thi võ ở Hà Nội. Trường thi hương của Thăng Long xưa kia đặt ở Quảng Bá, gần hồ Tây. Đến thời Nguyễn, lại đưa về khu vực Trường Thi, gần Bờ Hồ - Hoàn Kiếm, có quan ở Kinh ra chấm thi, trường thi có quan chủ khảo, phó chủ khảo, quan giám sát, quan trường...

Phẩm phục của các quan vào trường thi:

Mũ cánh chuồn tròn, áo bào gấm màu xanh, gấu áo thêu thủy ba. Bổ tử thêu chim công. Đai đột chỉ vàng, xiêm màu xanh, đi hia đen. Tùy cấp bậc mà phẩm phục được gia giảm các họa tiết, hoa văn, vàng bạc...



Trang phục các thí sinh đỗ đạt được ban theo quy định:

- Tiến sĩ đệ nhất giáp, đệ nhất danh được dùng mũ áo lục phẩm.

- Đệ nhị danh, đệ tam danh, đệ nhị giáp, đệ tam giáp đội mũ văn tú tài, áo giao lĩnh.

- Về sau lại cho đệ nhất giáp, đệ nhất danh mang mũ sa cân có hai hoa bạc, áo bằng đoạn sa nồn màu lam, màu lục, bỏ từ nền đỏ thêu mây, đai bọc đồng... Cử nhân được ban mũ văn tú tài, phía trước, phía sau mũ đính một bông hoa bạc. Áo giao lĩnh bằng sa lót lụa trắng, xiêm, vớng cân, hia, tất đầy đủ.

- *Giám sinh:* được đội mũ văn tú tài bằng sa có một hoa bạc, áo giao lĩnh sa nam lót lụa trắng, xiêm lụa xanh...

- *Học sinh tôn thất:* được đội mũ tứ phương bình đính, áo giao lĩnh bằng sa hoa lam thẫm, lót lụa trắng, xiêm bằng trùu...

- *Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ nhất danh* (tương đương trạng nguyên trước kia): mũ cánh chuồn bằng sa đen, hai cánh viền bạc, phía trước gắn một hoa bằng vàng, phía sau một hoa bằng bạc. Áo bào màu lục bằng đoạn, hoa to. Bỏ từ nền đỏ thêu bạch nhàn. Đai màu đỏ thẫm trang sức mười mảnh hình vuông bọc vàng, bọc bạc, bọc đồng, khảm đồi mồi, sừng đen. Xiêm bằng sa màu lam, dệt hoa. Hia, tất... đầy đủ.

- *Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ nhị danh* (tương đương bằng nhàn), đệ nhất giáp tiến sĩ, đệ tam danh (tương đương thám hoa): mũ cánh chuồn bằng sa đen, hai cánh chuồn viền bạc, phía trước gắn một hoa bằng bạc mạ vàng, phía sau một hoa bằng bạc. Áo bào màu lục dệt hoa. Bỏ từ thêu bạch nhàn. Xiêm bằng sa màu lam. Đai, mặt trước ba miếng bọc bạc, còn các miếng khác cũng như đệ nhất giáp đệ nhất danh.

- *Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp):* mũ cánh chuồn sa đen, đính hoa bằng bạc phía trước, phía sau, cánh chuồn viền bạc, các thứ khác như đệ nhất giáp, đệ tam danh.

- *Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân (tiến sĩ):* mũ cánh chuồn sa đen, phía trước và sau đều gắn một bông hoa bằng bạc, hai cánh chuồn không



Hình 127a: Mũ áo tiến sĩ

viên gì. Bỏ tử nền đỏ thêu con cò. Dai, ba miếng mặt đất sừng đen học bạc, bảy miếng bạc đồng còn các thứ khác như đệ nhị giáp.

- *Phó bảng*: không cho mũ áo. Đến năm 1900, khoa Tân Sửu, mới ban mũ áo như mũ áo cử nhân. Định kiểu mũ võ cử (cử nhân võ) kiểu tròn sắc đen, mặt trước đính hoa bạc và một hình quả bầu bằng bạc; áo mã đề bằng vải trêu màu lam hoa to. Bỏ tử tròn, trước sau thêu hai chữ “võ cử”.

Đến thời Tự Đức lại quy định:

- Đệ nhất giáp, đệ nhất danh lại được coi như tòng tứ phẩm.

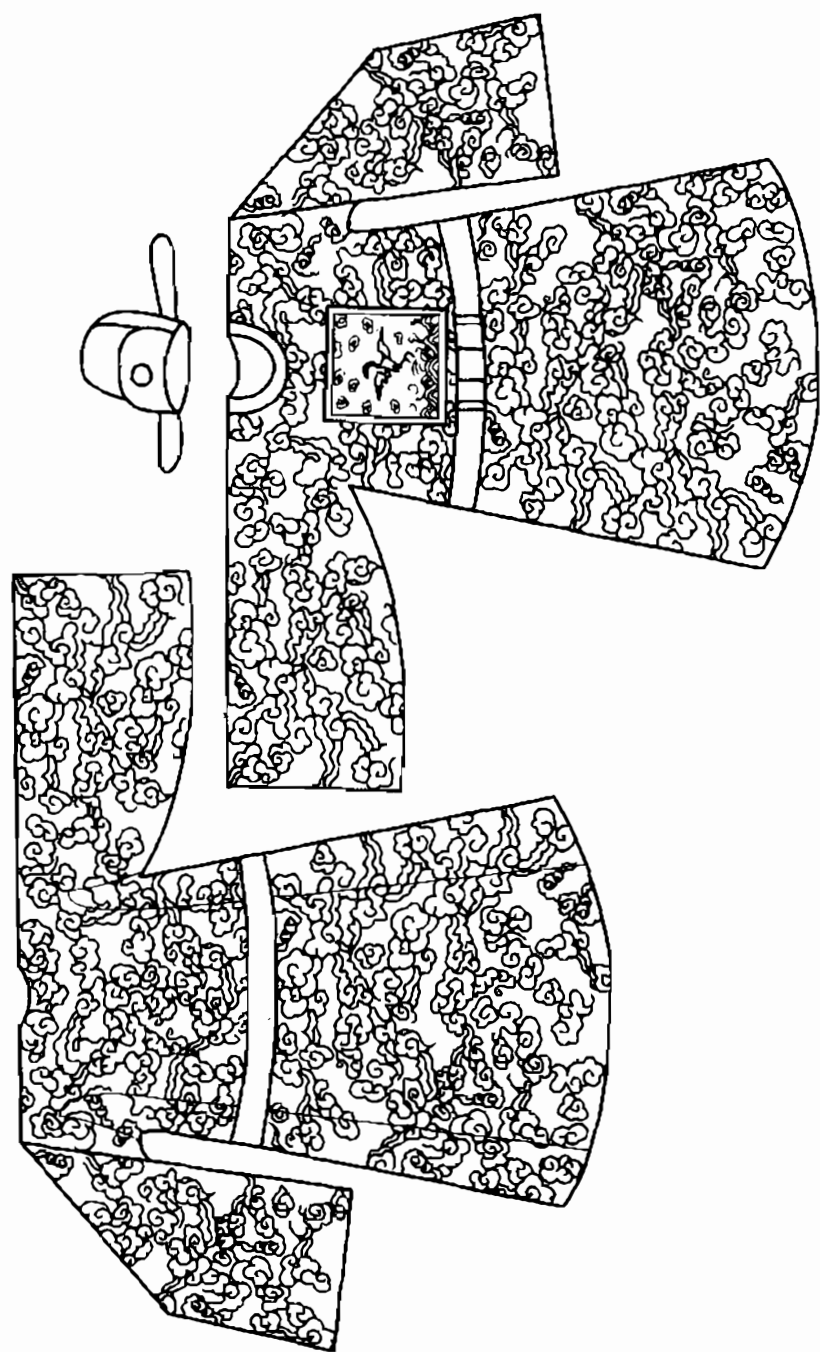
- Đệ nhị danh như chánh ngũ phẩm.

- Đệ tam danh như tòng ngũ phẩm.

- Đệ nhị giáp được coi như chánh lục phẩm để ban mũ áo.



Hình 127b: Trang phục phía trước, phía sau (hình vẽ phỏng dựng)



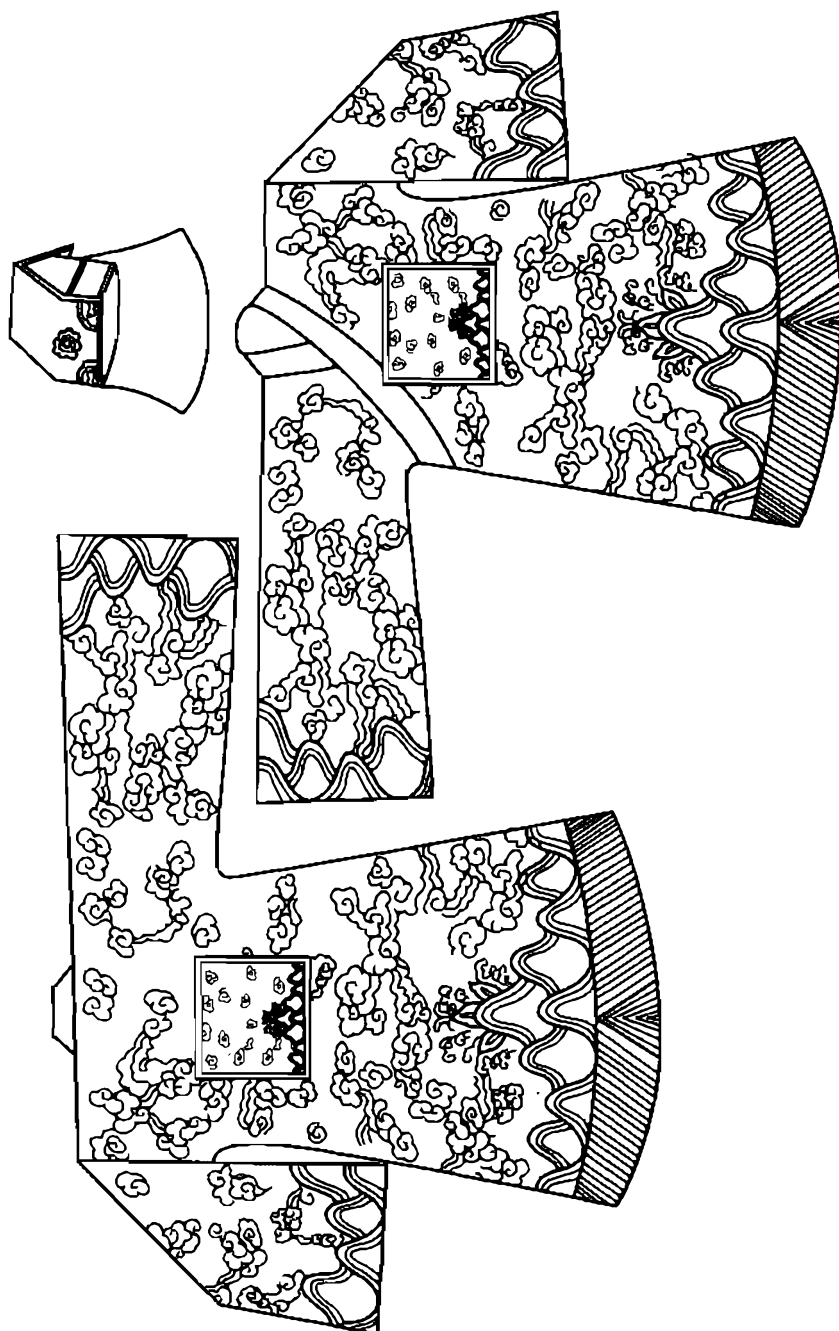
Hình 127c: Trang phục phía trước, phía sau (hình vẽ phỏng dựng), chi tiết



Hình 128a: Mũ áo cử nhân



Hình 128b: Trang phục phía trước, phía sau (hình vẽ phỏng dựng)



Hình 128c: Trang phục phía trước, phía sau (hình vẽ phỏng dựng), chi tiết

Theo tục lệ, những người đậu tiến sĩ sẽ về làng làm lễ vinh quy bái tổ, vì đó là niềm vinh dự cho hàng tổng, làng, xã, nên lễ này được tổ chức rất long trọng, nhân dân nô nức như một ngày hội.

Đi đầu đám rước là một người trang phục chỉnh tề, cầm lá cờ đỏ thêu bốn chữ “Nhất giáp tiến sĩ”. Tiếp đến là tám biển sơn son, ở giữa đề bốn chữ “Ân tứ vinh quy”, xung quanh có điểm nhiều điều phũ. Đi bên cạnh tám biển là bốn người, tay cầm bốn lọng vàng để che. Rồi đến ông thủ hiệu trống, đội mũ tế, mặc áo tế màu đỏ, quần đỏ, chân đi hia màu đen. Đi cùng hàng là hai trai đình trang phục gọn gàng, khiêng chiếc trống cái, theo sau là bốn em bé vác cờ, áo quần đều màu đỏ, thắt lưng màu xanh, chân quấn xà cạp cũng màu xanh, tiếp đến là võng của quan nghè (võng đào theo kiểu bát cống).

Trang phục mũ áo tân khoa: mũ cánh chuồn gắn bông hoa bằng bạc, áo thụng màu lam, xiêm màu xanh, chân đi hia đen. Đi bên cạnh võng là bốn người cầm lọng. Theo tiêu chuẩn, quan nghè được che bốn lọng màu xanh có chóp bạc. Theo hầu là một người vác quạt lông, người cấp tráp sơn đen, người xách diều ống xe trúc. Kế đến là năm người cầm cờ ngũ sắc mặc đồng phục: đội mũ đuôi én, áo nhiều điều, đi giày Tàu.

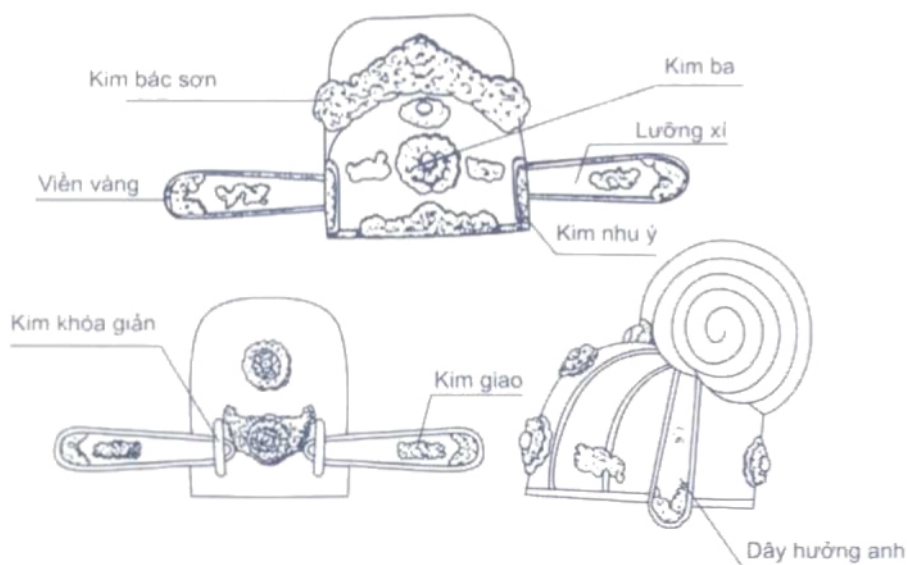
Võng sau là của bà nghè, trang phục chỉnh chu: đầu vấn khăn nhiều màu cánh chả, tóc rẽ ngôi giữa, áo dài lụa hồng điều, quần lĩnh, chân đi vân hài: “*Võng anh đi trước, võng nàng theo sau*”⁽¹⁾. Đội lọng xanh che võng, lọng của bà nghè, không có chóp bạc và số lượng chỉ có hai chiếc. Một người hầu gái vác cây quạt vả, một người cầm coi quả sơn son.

Tiếp theo là võng của ông bố, bà mẹ sinh ra quan nghè, đều là võng đào kiểu bát cống. Tất cả gồm ba mươi hai phu võng mặc đồng phục, đầu đội nón dẫu, áo xanh nẹp đỏ, đeo vân kiên màu đỏ, chân quấn xà cạp.

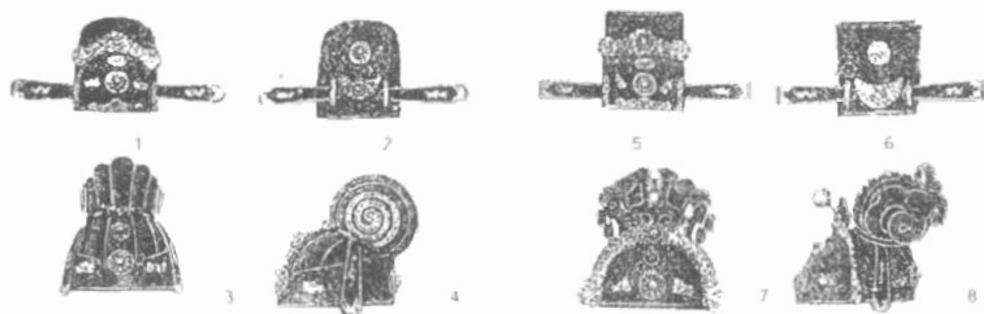
(1) Trong câu ca về hình ảnh vinh quy: “Ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau”, đây có thể là quan nghè võ, thì đi ngựa chẳng



Hình 129: Vinh quy (tranh dân gian)



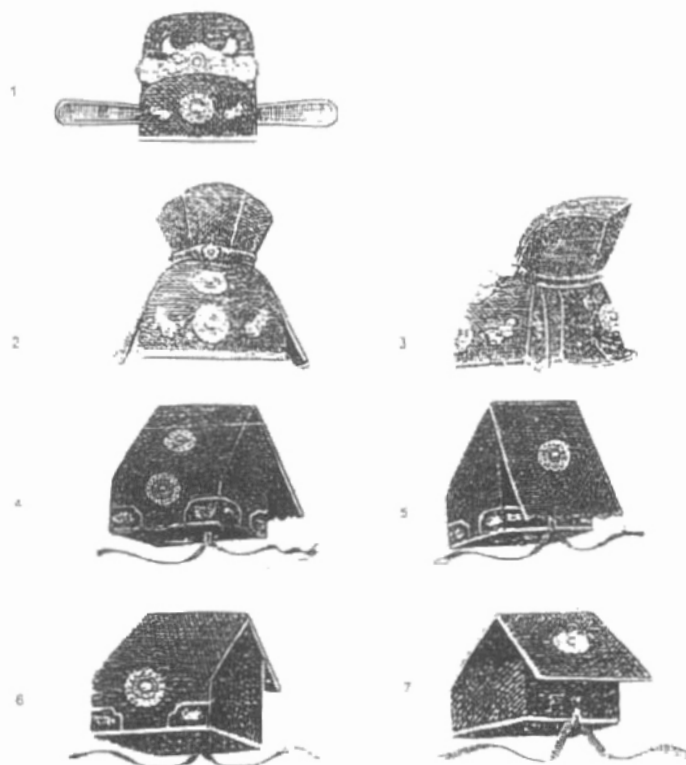
Hình 130: Tên gọi một số chi tiết trên mũ



1, 2. Mũ quan văn nhất phẩm đội trong lễ đại triều (phía trước và phía sau)
3, 4. Mũ quan văn nhất phẩm đội trong lễ thường triều (phía trước và nhìn nghiêng)

5, 6. Mũ quan võ nhất phẩm đội trong lễ đại triều (phía trước và phía sau)
7, 8. Mũ quan võ nhất phẩm đội trong lễ thường triều (phía trước và nhìn nghiêng)

Hình 131: Một số loại mũ đại triều



1. Mũ quan Đô Sát, 2, 3. Mũ quan võ (phía trước và nhìn nghiêng), 4, 5. Mũ quan văn tứ phẩm (phía trước và phía sau), 6, 7. Mũ quan văn thất phẩm (phía trước và phía sau)

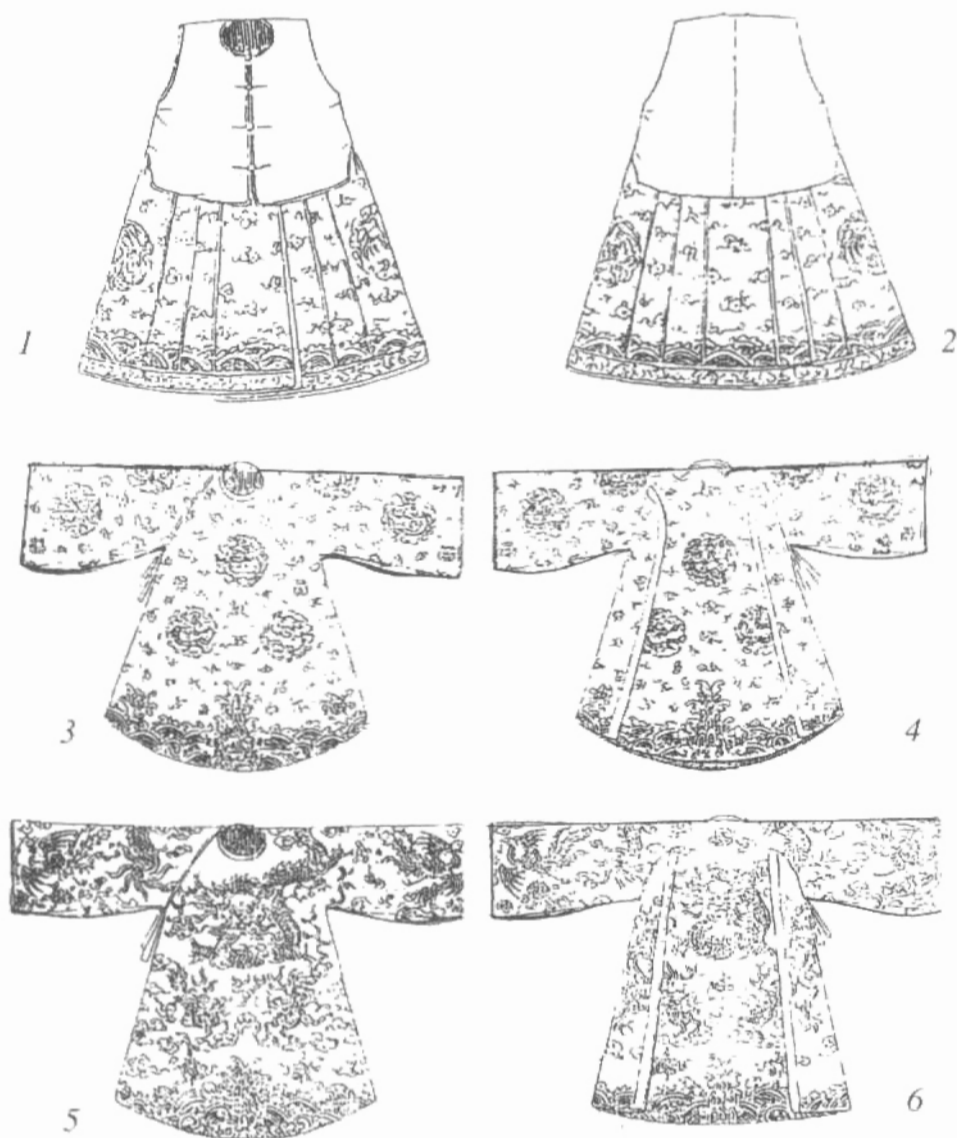
Hình 132: Một số loại mũ thường triều



Hình 133a: Đại triều quan văn
nhất phẩm



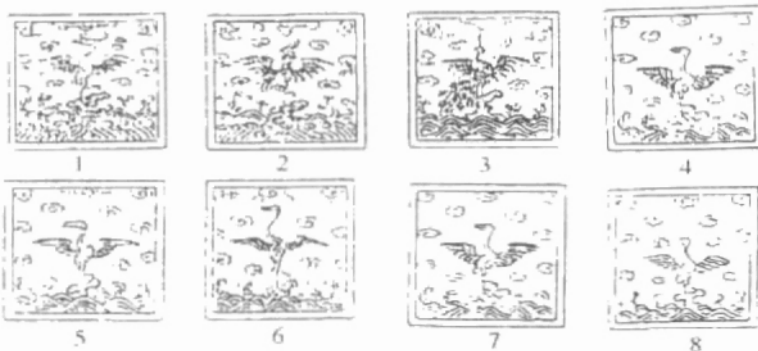
Hình 133b: Đại triều quan võ
nhất phẩm



Hình 134: Áo đại triều của quan văn, quan võ:

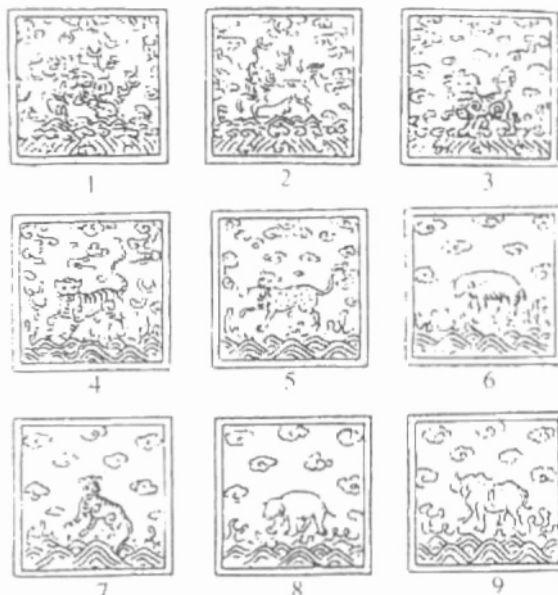
1. Áo thường cộc tay (phía trước).
2. Áo thường cộc tay (phía sau).
3. Triều phục quan văn (phía trước).
4. Triều phục quan văn (phía sau).
5. Triều phục quan võ (phía trước).
6. Triều phục quan võ (phía sau).

Bổ tử phẩm phục quan văn



1. Quan nhất phẩm: hình con tiên hạc
2. Quan tam phẩm: hình con cẩm kê
3. Quan tứ phẩm: hình con khổng tước
4. Quan ngũ phẩm: hình con văn nhạn
5. Quan lục phẩm: hình con bạch nhạn
6. Quan thất phẩm: hình con lộ tử
7. Quan bát phẩm: hình con kê xiết
8. Quan cửu phẩm: hình con liêu, thuận

Bổ tử phẩm phục quan võ



1. Quan nhất phẩm: hình con kỳ lân
2. Quan nhị phẩm: hình con bạch trạch
3. Quan tam phẩm: hình con sư tử
4. Quan tứ phẩm: hình con hổ
5. Quan ngũ phẩm: hình con văn hươu
6. Quan lục phẩm: hình con hồng
7. Quan thất phẩm: hình con; bửu
8. Quan bát phẩm: hình con hải mã
9. Quan cửu phẩm: hình con tê ngưu

Hình 135: Các bổ tử

Đoàn rước còn có các bô lão đội mũ tế, áo thụng màu lam cùng đoàn người vác cờ, quạt, hàng trống khải, hàng chiêng và đông người nhân dân mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi của làng, tổng đi xem với trang phục đủ loại, nhiều màu hòa quyện với cảnh sắc thiên nhiên của chốn đình chung, thật tung bừng rực rỡ.

Trang phục nhân dân

Đối với dân chúng, năm trị vì thứ năm (1806), vua Gia Long qui định cho các hạng thứ dân dùng phong cân (một loại khăn chít đầu) màu đen, không trang sức gì, áo cổ chéo màu đen, hài, tất đều màu đen.

Năm 1838, vua Minh Mạng ra chỉ dụ: Đây tổ trong các nhà quyền quý nơi vương phủ hay quan lại đều không được mặc sang, chỉ được mặc như dân chúng. Các người làm ca nhạc, chèo hát, cho phép đội mũ trang trí hình giao long và hoa, áo bào dung màu đỏ hoặc các màu sắc sỡ, họa tiết mây, giao long, duy không được trang sức mũ rồng và áo bào vàng. Nếu xảy ra sai trái thì người vi phạm cũng như các quan cai quản địa phương, tổng lý, sở tại, nhà chủ... đều bị nghiêm phạt bằng nhiều hình thức (như đánh hàng trăm roi, bãi chức, đóng gông bêu riều v.v...).

Đặc biệt, kể từ Minh Mạng năm thứ 8 (1827) cho đến Minh Mạng năm thứ 18 (1837) trong vòng mười năm vua Minh Mạng đã bốn lần ra chỉ dụ: bắt nhân dân miền Bắc phải thay đổi trang phục theo kiểu của nhân dân từ Quảng Bình trở vào Nam với lý do “nhà nước ta, cỗi đất hợp làm một, văn hóa cùng nhau”, nên phải thống nhất ăn mặc để nêu ý nghĩa “vâng theo văn hóa”, “vâng theo phép vua”. Lời dụ lúc thì cứng rắn: “Nếu không chịu thay đổi, khi phát giác ra sẽ khép vào tội trái quy chế”, lúc thì ôn hòa “thiết tha xuống lời dụ này”, lúc thì rất thông cảm với tình trạng “dân gian nghèo giàu không đều... tất nên rộng hạn cho ngày tháng”... Thậm chí sẵn sàng nghiêm trị “nha lại viên dịch nào, nhân việc này hống hách, gây phiền hà tệ hại” đối với dân..., lúc thì kích động: “Người miền Bắc con trai đóng khố, đàn bà thì trên mặc áo giao lãnh, dưới mặc váy (so với ở miền Nam áo quần chỉnh tề...) đẹp xấu chẳng rõ rệt để thấy ư?”. Nhưng sau 10 năm, kết quả vẫn không đạt được như mong muốn, nhà vua quyết định: “sang năm mới (1838), nếu vẫn còn theo thói cũ không đổi, tức thì trị tội nặng”.

Đối phó lại, nhân dân miền Bắc nói chung và Hà Nội nói riêng vẫn cứ ý ra cùng với câu ca dao châm biếm bất tuân thượng lệnh:

*Tháng tám có chiếu vua ra
Cấm quần không đáy người ta hải hùng
Không đi thì chợ không đông
Đi thì phải lột quần chồng sao đang
Có quần ra quần bán hàng
Không quần ra đứng đầu làng xem quan.*

Trong xã hội phong kiến, có bốn nghề phân định thành phần nhân dân, trang phục cũng có những nét riêng của từng giai tầng trong xã hội:

- *Sĩ*: Hạng người chuyên đi học, khi đỗ để làm quan, đi dạy học, làm thầy thuốc, thầy địa lý v.v... (theo quan niệm xưa đây là nghề phong lưu nhàn hạ), thường là mũ cao, áo dài.

- *Nông*: Người làm ruộng - quần manh áo mảnh, chân lấm tay bùn.

- *Công*: Người làm thợ hay sản xuất thủ công - khăn quần áo mang gợn gàng.

- *Thương*: Người làm nghề buôn bán - áo quần tươm tất...



Hình 136: Chợ quê với các loại trang phục
(tranh dân gian Hàng Trống, Hà Nội)

Về trang phục đàn bà, bên trong mặc yếm màu trắng hoặc màu nâu (non/già), vàng tơ tằm hay màu hoa hiên (người già hay dùng), đi hội, đi lễ có thể mặc yếm màu đỏ (yếm thắm), yếm đào. Nhà giàu yếm lụa. Còn dân thường yếm bằng vải, sồi...

Yếm là một miếng vải vuông, mỗi bề khoảng 40cm, đặt chéo trên ngực người mặc. Ở một góc (trên) khoét hình tròn làm cổ yếm, loại yếm này có tên là yếm cổ xây, hay cắt hình chữ V gọi là yếm cổ xẻ hay yếm con nhạn. Thường là xẻ nông nhưng cũng có loại xẻ hơi sâu xuống phía dưới. Ở góc nhọn cổ yếm cổ xẻ (đáy chữ V) có ba đường khâu nổi như hình chân chim có tác dụng trang trí, đồng thời giữ cho cổ yếm lâu bị rách.

Về sau còn có loại yếm cổ kiềng⁽¹⁾. Ở cổ yếm có đính hai dải vải gọi là dải bời chèo (vì giống hình mái chèo) để buộc ra sau gáy. Lại có hai dải ở hai góc bên cạnh (suôn người mặc) buộc ra sau lưng. Còn có loại yếm, mà hai dải to bản, rộng từ 7 - 10cm, dài từ 60 - 70cm, đồng màu hoặc khác màu với yếm như lụa bạch, hồng điều... Hai góc nơi đầu hai dải yếm được khâu thêm hai miếng vải hình tam giác, một hình thục đệm, lót, có tác dụng làm bền góc yếm. Những cô gái làm đóm thì hai miếng đắp này là màu đỏ điều, lại mang thêm dụng ý trang trí cho chiếc yếm bớt phần đơn điệu. Khi mặc hai dải này được vắt chéo ngang ở sau lưng rồi buộc lại ra phía trước bụng, phần còn lại buông xuống như dải thắt lưng. Hình thức loại yếm này kín cả ngực, bụng và một phần lưng, do đó người phụ nữ có thể không mặc áo ngoài, tay để trần, nhưng cũng chỉ ở trong nhà, khi ra đường bao giờ cũng phải mặc áo dài tứ thân (dù chiếc áo đó cũ, rách, miễn là áo dài), kể cả khi lao động nặng nhọc.

- Áo dài tứ thân: Gọi là áo tứ thân vì áo được may bằng bốn khổ vải, hai khổ phía sau nối lại ở dọc mép làm thành thân áo sau, hai khổ phía trước buông thả hai vạt. Còn mép hai bên cạnh từ điểm mở tà đến hết tay

(1) Tương tự như yếm cổ xây, nhưng vòng tròn của bộ phận cổ yếm làm riêng, may lộn bằng hai lần vải, rồi khâu đột, viền nẹp chắc chắn, bán sẵn chỉ việc mua về khâu giáp vào với thân yếm.

Tương truyền ở Thăng Long thời Lê có ngôi đình và chợ bán yếm lụa ở phường Đông Ngạc, có tấm bia ghi: “Đông Lạc Quyên, yếm thị đình”. Sang thời Nguyễn, nơi đây trở thành tụ điểm buôn bán trang phục cho phụ nữ.



*Hình 137: Hình thức chít khăn
mỏ quạ và mặc váy, yếm
của người lao động*



*Hình 138: Phụ nữ mặc áo
tứ thân buông vạt*

áo của thân trước và sau được may liền, phần dưới tà áo để tự do (coi như mở tà). Khi mặc có những hình thức: chồng chéo hai vạt lên nhau và dùng thắt lưng buộc ra ngoài để giữ cho chặt, hai đầu thắt lưng buông xuống phía trước hoặc buộc hai vạt áo vào nhau (gọi là áo buộc vạt) hay buộc quặt ra sau lưng cho gọn, nhất là khi lao động, lúc nhàn hạ có thể buông vạt.

Áo dài tứ thân được đa số phụ nữ Thăng Long - Hà Nội thường mặc. Khá giả mặc áo lành, thiếu thốn, thậm chí nghèo nàn cũng mặc áo dài tứ thân, dù bạc màu, rách rưới. Giã gạo, thổi cơm, vào vườn, ra ruộng, mò cua bắt ốc, làm thuê gánh mướn, đi bán mớ rau, mớ tếp, làm nghề thủ

công, đi hội đi hè... cũng mặc áo dài. Người lao động thì bằng vải, nái, sồi. Người giàu sang thường may bằng những chất liệu như lụa, đũi, lĩnh, nhiễu... đắt tiền. Có điều áo của những người lao động, sau một thời gian gánh gồng nhiều, vạt áo tứ thân thường bị sờn rách trước. Người phụ nữ cắt bỏ phần ấy đi, lấy vải mới thay vào chỗ đó, nên áo tứ thân còn được gọi là áo đổi vạt, đổi vạt. Phụ nữ lao động mặc váy ngắn đến bắp chân, nhà giàu may dài chấm gót.

- Tóc thường để dài và vấn khăn. Khăn vấn tóc là một miếng vải dài



Hình 139a: Trang phục lúc lao động



Hình 139b: Phụ nữ lao động

một vòng, phần còn lại luồn xuống dưới đoạn đầu khăn, vắt lên ngang đầu sang bên trái. Các bà cụ già, bện rụng tóc, dùng một dải vải xoắn lại và quấn quanh đầu làm khăn.

Về mùa rét, phụ nữ thường chít khăn vuông, còn gọi là khăn trùm đầu hoặc khăn thâm. Đó là một miếng vải vuông màu đen mỗi cạnh từ 70 - 80cm. Khi chít, gấp chéo khăn lại thành hình tam giác, đặt lên đầu (có thể chỉ đặt ngang trên đỉnh đầu), hai góc khăn buộc vào dưới cằm, tai được trùm kín.

khoảng 80cm, rộng chừng 15 - 20cm, màu đen, màu nâu, người giàu dùng nhung đen hoặc nhiều tím tam giang.

Để vấn tóc được tròn và chặt, người ta phải độn thêm vào tóc một cái độn tóc (bằng vải nhồi bông), trông hình như con rắn (dài khoảng 50cm). Ở phía đầu độn tóc có đính thêm một sợi dây nhỏ dài hơn thân độn.

Khi vấn khăn, trước hết rẽ đường ngôi (giữa), dồn tóc sang cả bên phải (hoặc sang bên trái tùy theo sự thuận tay của mỗi người). Đặt độn tóc vào giữa mớ tóc làm cốt, dùng sợi dây cuốn nhiều vòng ra ngoài tóc cho chặt. Lấy khăn vấn bọc tóc lại và cầm một chiếc đinh ghim hoặc dùng sợi dây vải hay chỉ đỏ tết lại buộc ở đầu khăn để giữ cho khăn khỏi tuột. Dùng tay lấn lấn vấn, vuốt xuôi cho tròn đều và chặt đến hết chiều dài của khăn. Đặt vành khăn từ trước ra sau đầu

Cũng có kiểu đặt mép khăn xuống gần trán, kéo hai bên khăn về hai phía cho thành một hình mỏ chim ở giữa, rồi buộc hai đầu khăn xuống dưới cằm hoặc quặt đầu khăn buộc ra sau gáy, gọi là chít khăn mỏ quạ. Trường hợp này mép khăn vuông trùm sát vành khăn vẫn ở trong làm nổi hình tròn lẩn của vành khăn.



Hình 140: Nón lá, áo tơi

Một số cô lao động ngoài trời, quặt khăn che kín mặt, chỉ để hở hai con mắt, mùa nắng cho đỡ râm má, mùa rét cho ấm mặt, hoặc khi làm việc trong điều kiện môi trường ô nhiễm nặng và đội các loại nón làm bằng lá cọ (còn gọi là lá gồi) (loại lá già, bền chắc để dài nắng dầm mưa, lâu bị hỏng), nón lông chảo (nông mà choãi), nón thúng (sâu và hơi khum), nón chân tượng (rất sâu, hình chân voi)... Khi trời mưa còn có loại áo tơi (áo lá) khoác ngoài.

Người nghèo thường đi chân đất, khi có dép thì chỉ là loại làm bằng miếng da mộc, quai ngang ở giữa, phía mũi có một vòng da nhỏ để khâu ngón chân vào. Hoặc là loại hai quai

chéo chụm đầu luôn vào một điểm trên mặt phía mũi dép (như dép Thái Lan bây giờ). Muốn cho chắc chắn hơn, loại này có thể thêm một quai ngang ở giữa nữa. Người giàu sang thì đi guốc cong, dép cong hoặc hài thêu.



1. Dép da xỏ ngón



2. Dép da quai chéo



3. Dép da quai ngang, quai chéo



4. Guốc cong đế bằng



5. Guốc cong đế cao



6. Hài thêu

Hình 141: Đồ đi

Trang phục đàn ông, trước hết có thể kể đến loại trang phục truyền thống từ thuở dựng nước, đó là tấm khố, nó vẫn được nối tiếp và hiện hữu trong đời sống của người dân lao động Thăng Long - Hà Nội.

Mặc khố để tiện cho việc lao động, phù hợp với khí hậu và cũng để thích nghi với môi trường sông nước như người đánh giặc, làm công việc trên thuyền, bè, cày bừa...

Khố thường làm bằng một dải vải nâu hoặc đen, bề ngang khoảng 20cm, dài chừng 150 - 200cm quấn quanh bụng, vòng qua háng, để một đầu thừa che phía trước.



*Hình 142: Người
lao động: Khăn
quấn, khố dầy.
(nguyentl.free.fr)*

Nhưng trong xã hội phong kiến, người dân lao động bị bóc lột, thì việc phải mặc khổ là do điều kiện kinh tế eo hẹp.

Có người mặc tấm khổ quá hẹp khổ, nửa kín nửa hở, gọi là khổ đuôi lươn, nên mới có câu ca dao:

*“Đàn ông mặc khổ đuôi lươn,
Đàn bà mặc áo hở lườn mới xinh”.*

Người nghèo kiệt xác không đủ tiền mua cả một dải vải dài để làm khổ, đành dùng một mảnh vải vừa hẹp (chỉ đủ để che sơ sài hạ bộ) dắt vào sợi dây thừng hay dây gai buộc quanh bụng, do đó gọi là khổ dây. Thậm chí có người chỉ dùng một miếng mo mềm thay vải, gọi là khổ mo.

Còn loại khổ bao là của những đồ vật. Loại này thường may khổ rộng, nhuộm nhiều màu khác nhau để phân biệt hai bên đồ vật khi vào sợi.

Ngoài ra phổ biến là bộ quần áo bằng vải Đồng Lâm⁽¹⁾, hay vải trắng thô, vải mộc cũ rồi nhuộm nâu.

- *Áo cánh ngắn bốn thân*: Cài cúc giữa hay áo năm thân cài cúc bên, may cổ tròn đứng, vuông góc. Quanh cổ có lót (ở phía trong áo) một miếng vải trùm một phần vai, lưng, ngực, gọi là lá sen. Nó có tác dụng giữ bền chân cổ, làm cứng vai áo và lâu rách vì chỗ đó bị cọ xát nhiều (do gánh, vác). Gấu áo, gấu tay viền to hơn ở áo phụ nữ. Hai vạt trước có hai túi to đặt ở phía dưới, có người còn may một túi trên ngực trái. Các loại áo cánh thường được nhuộm nâu từ vải rồi mới may. Ngoài kiểu xẻ tà ở mé sườn cho rộng rãi, thoáng mát, còn kiểu bít tà, nghĩa là may liền vòng quanh gấu áo.

- *Áo cánh năm thân*: Là áo cánh bốn thân, rồi thêm nửa vạt trước, cài khuy hay buộc dây bên nách gọi là áo cánh năm thân (còn gọi là áo dài lưng).

(1) Đồng Lâm là một địa danh ở phía nam Hà Nội (làng Kim Liên, nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội), thời đó nổi tiếng về nhuộm vải:

*“Đồng Lâm có vải nâu non,
Có hồ cu rông, có con sông dài...”*

- *Áo vạt hò*¹¹: Áo này giống như áo cánh, nhưng cách cắt lại gần giống với áo dài năm thân, song không cài khuy ở giữa hay điểm nách mà buộc dài theo vạt chéo sang khoảng ba phần tư phần ngực. Đặc điểm là: vạt bên trái thân trước được may rộng, trùm thêm sang một phần vạt bên phải, cách gấu khoảng 10cm cắt ngang vào giữa, hạ bằng gấu áo bên trái. Áo loại này, mặc kín ngực chống được gió, lạnh. Áo cánh, áo vạt hò còn được may cắt cả hai ống tay, như một kiểu áo gilê dân tộc.

Những người không thuộc thành phần lao động nặng nhọc cũng mặc các kiểu áo cánh như trên, nhưng bằng vải trắng, còn loại giàu sang, quan chức mặc lụa tơ tằm, đũi... cúc áo bằng vải tết, bằng đồng, về sau mới thay bằng cúc nhựa, cúc trai. Áo bít tà hoặc xẻ tà.

Ngoài ra, người quá nghèo, áo bằng vải gai, hoặc mặc áo có lác. Người ta lấy cổ lác đan thành một tấm hình chữ nhật, gấp đôi. Ở giữa đường gấp khoét thủng một lỗ tròn, hoặc hình chữ V làm cổ áo. Khi mặc, chui đầu qua cổ áo, buộc một sợi dây ngang bụng, giữ cho vạt áo trước và sau sát vào người. Hay áo ví bướm, áo cộc tay hở nách, thân áo ngắn hờ cả lưng, những ngày trời lạnh phải quàng thêm khổ tã, hoặc áo tơi (hay còn gọi là áo lá)¹², làm bằng lá cọ, là loại áo đa năng của người lao động, không những che mưa, chống nắng, mà còn che gió, rét trong ngày đông chí nơi đồng ruộng.

- *Quần lá tọa* là loại quần may rộng rãi, đứng thấp, ống thẳng, gấu to, cắt may theo kiểu quần chân què¹³, cạp quần rộng bản bằng nửa khổ vải, co khi cạp khổ. Khi mặc quần, thắt dây lưng ra ngoài cạp rồi kéo cạp lên, trùm buồng ra ngoài thắt lưng như tàu lá nằm trước bụng, hoặc xoắn cạp làm cho ống quần cao lên. Lúc lao động còn cuốn dần ống quần lên quá

(1) Xưa kia còn được gọi là áo khách, vì nó giống một loại áo của người Hoa nhưng đã được Việt hóa.

(2) Áo tơi. Người lao động cả đàn ông và đàn bà thường dùng.

(3) Quần chân què: Do khổ vải dệt thủ công xưa kia hẹp (khoảng 36 - 40cm), khi may phải nối chéo dọc phần ống thì đứng mới đủ đồ rộng nên gọi là quần chân què. Cả đàn ông và đàn bà đều mặc, nhưng đàn bà không mặc kiểu lá tọa như đàn ông, mà làm cạp nhỏ may hai lần vải để lóng dài rút và được chiết con quần ở hai bên.

bắp chân và xoắn gọn lại (gọi là quần xắn móng lợn), nhưng dù có mặc quần, vẫn thường hay cởi trần và thắt dây lưng vải.

- *Áo dài* là loại áo mặc ngoài áo cánh và có nhiều kiểu khác nhau: Áo dài năm thân, dài quá đầu gối. Cúc áo dài được tết bằng vải, khâu con bọ, một đầu kết thành hình cầu để cài vào khuyết⁽¹⁾. Cúc đồng, cúc vàng, có hai vòng khuyên tròn lắp vào dây tết. Cổ áo dài hơi cao, vuông góc, quanh cổ cũng có lót “lá sen”. Việc lót “lá sen” ở đây vừa có tác dụng phòng sờn rách, đồng thời cũng chính là để biểu thị một ý đồ thẩm mỹ thời trang tinh tế, là loại vải như: the, sa, xuyến, băng... mỏng, trong, nên miếng đệm “lá sen” được nhìn thấp thoáng như tấm vân kiên phủ tròn trên vai người mặc. Vạt con bên phải cũng được thể hiện tương tự, sự phối hợp này đem lại hiệu quả về màu sắc đậm nhạt, trang nhã mà khỏe khoắn, phá đi sự đơn điệu trên thân áo.

Người bình thường mặc áo dài the thâm, vải thâm, vải trắng. Hãn hữu có người mặc áo the màu nâu hay màu xanh lam. Khi mặc áo the, thường mặc áo dài trắng ở trong. Người giàu sang còn may áo dài bằng nhiều loại vải quý đắt tiền như sa, gấm, xuyến, đoạn, sa tanh... Áo dài vải, khuy tết bằng vải. Những áo khác dùng khuy bằng đồng, bằng xương... Người giàu sang dùng khuy bằng vàng.

- *Áo dài lót*: cũng là áo năm thân nhưng may thêm một lượt lụa màu ở bên trong còn gọi là may kép (về sau dùng vải ta tăng).

- *Áo dài cặp ba*: là kiểu mặc lồng ba chiếc để chống rét gồm: áo trắng dài mặc trong, ở giữa là áo kép, ngoài là áo đơn thường may bằng the, sa trơn hoặc có hoa văn.

Hình thức đầu tóc và đồ đội:

Tóc đàn ông vẫn để dài như tóc đàn bà, búi cao lên phía sau đỉnh đầu, gọi là búi tóc củ hành. Người giàu sang còn dùng trâm bằng vàng, bạc, ngà để giữ búi tóc. Người lao động chít khăn đầu riu, khăn là miếng vải

(1) Khuyết áo dài cũng được khâu bằng vải dính con bọ, phần trên tạo thành hình tròn rộng để cài khuy vào đó.

vuông, mỗi chiều 40 - 50cm. Khi chít, gấp chéo khăn lại thành hình tam giác, góc giữa để về phía sau gáy. Hai góc cạnh buộc với nhau ở phía trên trán, có tác dụng giữ búi tóc phía sau và để tóc phía trước không xổ xuống mặt. Còn nếu quấn khăn, thường để rủ hai đoạn đầu thừa xuống hai bên, thì gọi là khăn tai chó. Nhiều người chỉ quấn trên đầu vài vòng sơ sài hoặc bằng dải vải dài cuộn xoắn lại, cốt để giữ tóc.



Hình 143: Những người thông dịch

Loại khăn quấn rất phổ biến khác gọi là khăn lượt vì chất liệu ban đầu là loại vải lượt đen (sau có người thay bằng loại vải mềm khác như là, hoặc nhiễu... màu tím tam giang gọi là khăn nhiễu tam giang), có thể dài trên 2m, rộng 40cm, gấp đôi (có khi gấp bốn) theo chiều dài, quấn nhiều vòng trên đầu. Khi quấn khăn, hai nếp quấn đầu tiên xếp chéo đè lên nhau tạo thành hình chữ nhân (人), ở giữa trán, rồi tiếp tục quấn tiếp vòng nọ đè lên vòng kia các nếp khăn sau cách đều nhau từ dưới lên trên cao dần lên ở phía trước, còn ở phía sau thì lại thấp dần xuống gáy, cho đến hết thì dút vào trong cho chặt. Cũng có kiểu khăn quấn nhiễu vòng, khi gân hết lại quấn bè ra và cao lên làm thành một tầng khác.



*Hình 144: Khăn lượt
(thấy đồ)*



*Hình 145:
Một hình thức quần khăn lượt*

Lúc ra đường, để tránh nắng, mưa đội nón hình chóp. Cũng có nhiều người lao động đội nón lòng chảo. Quai nón đơn giản làm bằng vài sợi dây mây, dây vải. Nón làm bằng lá cọ, không đắt tiền lắm, nhưng người



Hình 146: Một chút sắc đội nón chóp quai lụa bạch

nghèo cứ đội mãi cho đến khi rách hết vẫn chưa thay. Lúc này người ta gọi nón ấy là nón mê hay nón cời. Nón giang, đan bằng tre, giang, nứa, được khâu bằng những sợi móc, lót bằng mo nang, dùng được lâu hơn các loại nón lá. Khi được sơn trên mặt cho khỏi thấm nước, gọi là nón sơn. Người sang trọng mua nón dừa, làm bằng lá dừa, rất mỏng, rất nhẹ, trên đỉnh lấp một chóp bạc. Ngoài ra còn nón lông, dùng lông ngỗng, lông quạ, ken lại nhiều lớp cho kín, đỉnh có chóp đồng bạch. Thầy đề, thầy cai, tổng lý hay đội. Còn nón lông cò (trắng) dành cho các quan cấp cao hơn. Đỉnh có chóp bạc. Quai nón thường làm bằng lụa bạch.

Những người ở tầng lớp trên, chân thường mang ván hài (giày đế cao bằng giấy bồi cứng, phần mũi giày bằng vải nhung hay bằng vóc màu đen, hoặc màu lam... khum kín các ngón chân và hai cạnh bàn chân, có thêu hình rồng hoặc hình hoa lá, bướm... nhiều màu). Còn có loại hài bằng da dê núi, hài bịt gót, giày hạ (giày bằng da lợn, có mũi che phần trên các ngón chân), giày Gia Định (mũi

giày bằng da đen bóng và mềm, có lẽ xuất xứ từ tỉnh Gia Định?), có phần cũng giống giày da láng. Giày cườm là loại văn hài mà mũi giày thêu hạt cườm, giày kinh giống như hài của đàn bà nhưng to bản hơn, giày ban không có dây buộc, người đi chỉ lồng chân vào, tự giày ôm lấy chân, giày con cóc (trông giống đầu con cóc), hia là giày có cổ cao (về sau còn gọi là ủng). Còn có loại giày tàu, màu đen, bít gót, làm bằng vải, bằng da...

Trang phục hội hè, lễ tết: Các cụ, các ông đi đâu (ví dụ ra chốn đình trung) thường mặc áo dài bằng the đen, mặc quần lá tọa, hoặc quần ống sớ, áo năm thân dài quá đầu gối. Nói chung, các nhà nho và những người có chức vị trong xã hội khi mặc áo dài, thường phải đội khăn lượt. Người giàu sang mặc lụa tơ tằm màu vàng, hoặc đôi màu ngà, thắt lưng nhiều tím tam giang, hồng điều, hay xanh lục, dải thắt lưng buông rủ một đoạn ngắn ở phía trước.



Hình 147: Một gia đình Hà Nội

Nếu mặc áo dài the thâm thì thường mặc thêm áo dài màu trắng, lam, vàng bằng lụa tơ tằm bên trong. Áo the may năm thân, khi cài cúc, vạt trước đè lên vạt nhỏ tạo nên màu xẫm, làm thành hai mảng đậm nhạt khác nhau trên thân áo.



Hình 148: Văn sĩ Hà Nội. (nguyentl.free.fr)

Đi rước, đi hội, có kiểu buộc thắt lưng màu đỏ ra ngoài áo the, bỏ giọt bên cạnh sườn. Các loại áo dài bằng vải quý như gấm (có hoa văn chữ thọ), vóc, đoạn, sa tanh, sa trơn... dành cho những người có chức tước hoặc giàu có trong xã hội. Nhà thơ trào phúng nổi tiếng Trần Tế Xương (1870-1907), quê ở Nam Định, đã phác họa thời trang quý ông lúc đó: Thối nhà phong vận áo hàng Tàu, khăn nhiều tím, ô lục soạn⁽¹⁾ xanh, ra phố xênh xang quần tố nữ, bít tất tơ, giày Gia Định bóng.

(1) Ô lục soạn làm bằng lụa bóng, xưa kia các thầy kỹ hay cầm.



Hình 149: Thợ thủ công Hà Nội



Hình 150: Chợ bán hàng xén (Phụ liệu trang phục) (nguyentl.free.fr)



Hình 151: Trang phục thường ngày ngoài đường phố



Hình 152: Trang phục nhân dân Hà Nội đi xem lễ hội



Hình 153: Thợ thêu (delcampe.net)



Hình 154: Thợ thủ công làm nón (delcampe.net)



Hình 155: Thợ thủ công dân mũ cối



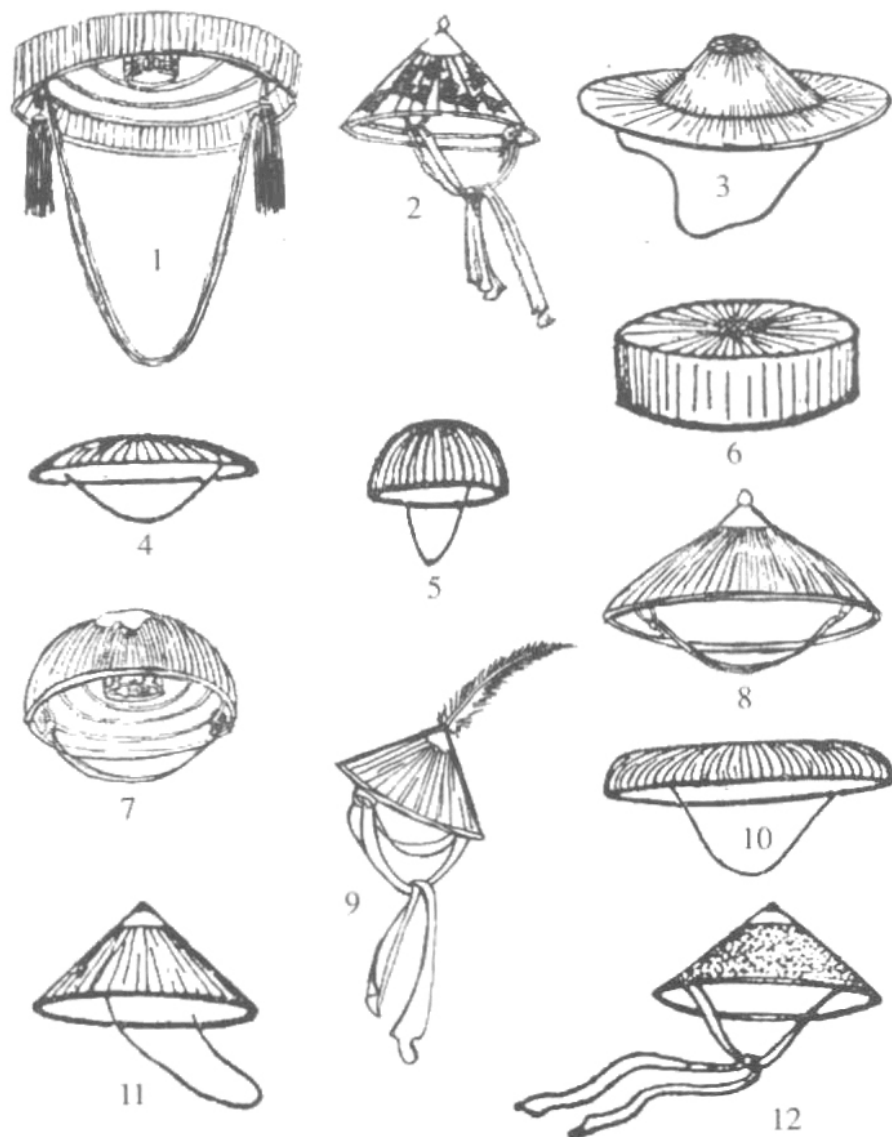
Hình 156: Hiệu làm mũ Hai Chình, phố Cầu Gỗ, Hà Nội.
Viện Thông tin Khoa học xã hội



Hình 157: Người làm tranh, phố Hàng Trống, Hà Nội (delcampe.net)

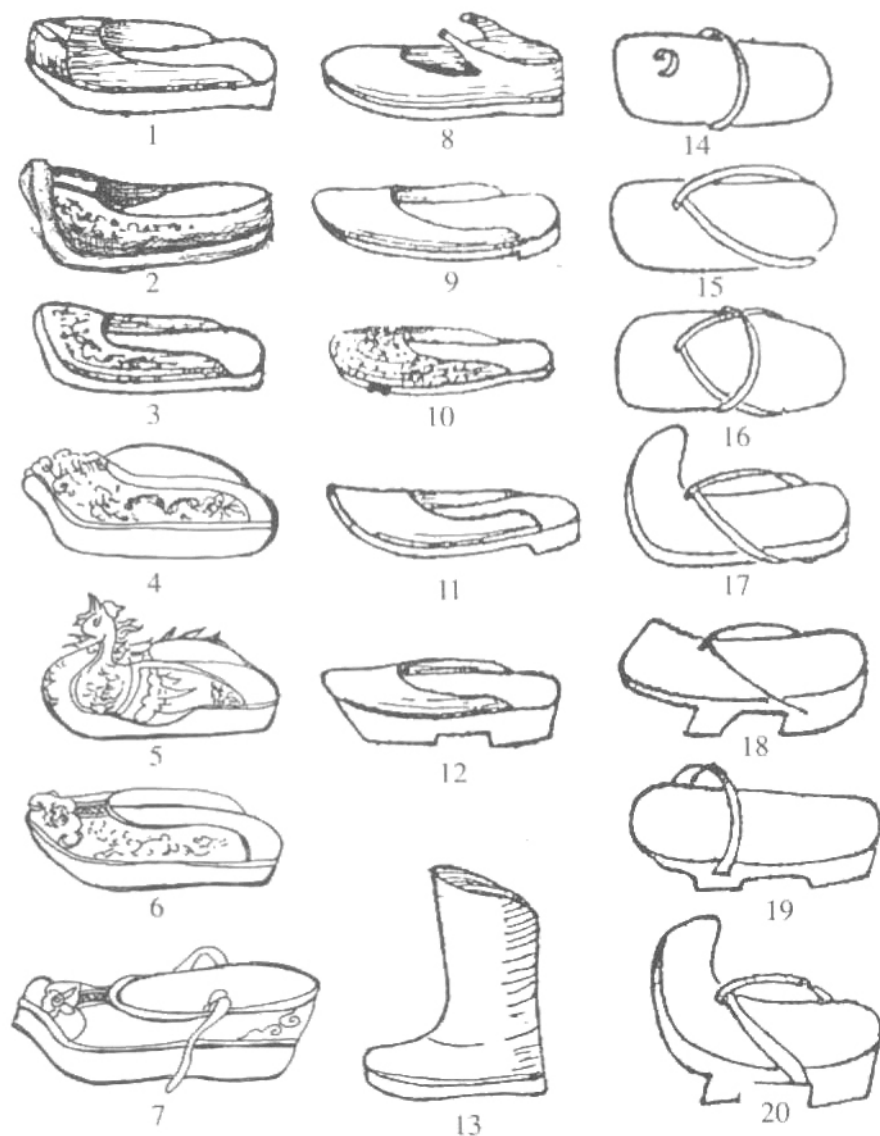


Hình 158: Trang phục của những người sản xuất nông nghiệp
(tranh dân gian Hàng Trống, Hà Nội)



- | | | | |
|-------------------|----------------|----------------|-------------------|
| 1. Nón ba tấm | 2. Nón kỳ binh | 3. Nón thầy tu | 4. Nón lòng chảo |
| 5. Nón chân tượng | 6. Nón Nghệ | 7. Nón quả búa | 8. Nón miến Trung |
| 9. Nón lính kinh | 10. Nón thúng | 11. Nón dừa | 12. Nón sơn |

Hình 159: Đồ đội các loại



- | | | | |
|--------------------|------------------------|-------------------|-----------------|
| 1. Ván hài | 2. Bịt gót | 3. Chân hoa | 4. Hài của vua |
| 5. Hài hoàng hậu | 6. Hài hoàng tử | 7. Hài thổ quan | 8. Giày khuy |
| 9. Giày da lắn | 10. Giày rơm | 11. Giày môn nhai | 12. Giày guốc |
| 13. Giày ông | 14. Dép một quai ngang | 15. Dép quai dọc | 9. Guốc Sài Gòn |
| 16. Dép quai ngang | 17. Dép cong | 18. Guốc | |
| 20. Guốc cong | | | |

Hình 160: Đồ đi các loại

Trang phục lễ tang: đến đời nhà Nguyễn, tổ chức quốc tang được bày biện qui mô, linh đình, tốn kém vô kể. Trang phục lễ tang của hoàng gia và các tầng lớp quan, quân cũng có nhiều kiểu cách phức tạp.

Ngoài quốc tang, giai cấp phong kiến và nhân dân lao động, trong đó có Hà Nội chịu sự chi phối của ý thức hệ phong kiến, khi có tang đều tuân thủ những qui định về gia lễ. Tất nhiên những quy định này có áp dụng được triệt để hay không còn tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của từng gia đình, và theo thời gian, càng về sau càng giản tiện đi rất nhiều. Về trang phục lễ tang cũng vậy.

Có năm loại trang phục lễ tang (gọi tắt là tang phục): Trảm thời, ti thời; cơ phục; đại công; tiểu công; ti ma.

Trảm thời là trang phục đại tang, để trở cha, mẹ ba năm. Trảm thời có nghĩa là may áo không cắt mà dùng phương pháp chập vải cho các mép vải xò ra một cách tiêu tụy, tỏ ý đau đớn. Áo trảm thời dài, rộng, tay thụng may bằng thứ xô rất thô, xấu, không viền gấu, không cài khuy mà chỉ buộc dải. Ở lưng áo có may thêm một miếng vải gọi là *phụ bản*⁽¹⁾. Hai vai có hai miếng gọi là *thích*⁽²⁾.

Con trai, mặc áo trảm thời còn phải buộc một sợi dây gai ngang lưng và đội một loại mũ gọi là mũ *rom*. Mũ *rom* hình vành bánh xe, tết bằng *rom* hay lá chuối khô, ở trên có chằng hai dải vải xô hình chữ thập, có một quai cũng bằng vải xô để đeo dưới cằm. Con phải chống gậy, cha chết thì con chống gậy tre. Phải chọn thứ tre màu sẫm đen (màu tang tóc). Sở dĩ chọn loại tre vì cây tre bốn mùa không đổi màu, ví như tình cảm thương đau của người con không bao giờ giảm sút. Gậy tre để tròn, tượng trưng cho trời, ý coi cha như trời cao. Mẹ mất thì con chống gậy bằng gỗ cây vòng. Cây vòng còn tên là đồng tượng. Đồng nghĩa là cùng, ý rằng lòng mẹ vẫn cùng hợp với cha. Gậy vòng được đeo phần trên tròn, phần dưới vuông. Hình vuông tượng trưng cho đất, ý coi mẹ như đất dày.

(1) Phụ bản: miếng vải biểu tượng cho sự chịu đựng nỗi đau khổ.

(2) Thích: chịu trách nhiệm việc lễ tang.

Con gái, con dâu để trở đại tang cũng mặc xô gai mà xoa tóc, đội mũ mấn. Gọi là mũ nhưng chỉ là miếng vải xô chiều ngang khoảng 30cm, chiều dài khoảng hơn 1m gấp đôi lại nhưng để hai đầu vải so le, rồi khâu một cạnh, trùm lên đầu thành một hình chóp.

Đặc biệt, con trai, con gái và vợ người chết còn dùng một dải xô trắng chiều ngang khoảng 30cm, dài hơn 1m, theo chiều dài gấp lại vài lần để hình thành một chiếc khăn có chiều ngang khoảng 5cm, chít quanh đầu, buộc múi ở phía sau, bỏ thõng hai đầu khăn xuống lưng, gọi là khăn ngang.

Ti thời là tang phục không trọng bằng trăm thời. Ti thời có trường hợp để tang 3 năm, có trường hợp để tang 1 năm, 5 tháng hoặc 3 tháng. Ti là bằng. Gấu áo ti thời không để xô mà có viền qua loa. Áp dụng cho những trường hợp như con để trở mẹ ghê, mẹ nuôi (cũng có khi dùng trăm thời) 3 năm. Chồng để trở vợ, con rể để trở bố mẹ vợ 1 năm. Cháu để tang ông bà nội, con để tang cha dượng, anh em ruột đều để tang ti thời một năm. Trường hợp chị em dâu, chị em ruột đã lấy chồng, anh em chị em con chú con bác để tang 9 tháng. Để tang cụ, ông bà nội, ông bà ngoại, anh em chị em cùng mẹ khác cha 5 tháng. Trường hợp con không ở với cha dượng, chồng để trở vợ lẽ đều để tang ti thời 3 tháng v.v...

Cơ phục cũng như ti thời nhưng áp dụng trong những trường hợp như để trở bác giai, bác gái, chú, thím, cô ruột (chưa lấy chồng) đều một năm...

Đại công là tang phục dùng thứ vải to sợi, còn thô, trong những trường hợp như cô ruột đã lấy chồng, anh em chị em con chú, con bác, đều 9 tháng...

Tiểu công là tang phục dùng thứ vải nhỏ sợi đã làm kỹ trong những trường hợp như cháu để trở ông bác, bà bác, ông chú, bà thím, bà cô ruột (chưa lấy chồng), bác giai bác gái, chú thím, cô họ (chưa lấy chồng) đều 5 tháng v.v...

Tì ma là tang phục có thể dùng vải nhỏ sợi, mịn, trong những trường hợp như để trở ông bà họ, vợ lẽ cha, anh em năm đời... đều 3 tháng v.v...

Ngoài ra còn nhiều qui định về để trở đối với hàng con, hàng cháu, họ nội, họ ngoại, họ xa, họ gần, thầy dạy học, bề bạn... rất phức tạp.

Đối với người chết cũng có trang phục như khăn chít đầu (bức cân), khăn phủ mặt (khăn minh mục), bao tay (các thủ bạch), áo thâm, áo trắng,

quần trắng, thắt lưng, bít tất, giày... Áo phải mặc lẻ, không nên mặc chần, và phải cắt hết khuy, cúc...



Hình 161: Đám tang mẹ vua Khải Định



Hình 162: Tang phục nhà giàu



Hình 163: Đám tang rước linh cữu

* Thăng Long - Hà Nội (Trấn thành đời Nguyễn) vị trí quy mô bị thu hẹp, không còn vẻ bề thế, nguy nga của đế đô xưa, nhưng chiều dày văn hóa của đất Kinh kỳ vẫn được nuôi dưỡng và phát huy, tiếp nối sự phát triển về văn hóa xã hội như các công trình kiến trúc, đền chùa, nghệ thuật điêu khắc, văn hóa dân gian, thi đàn văn hóa của thế kỷ trước, với tên tuổi những danh nhân gốc Thăng Long: Đoàn Thị Điểm, Đặng Trần Côn, Ngô Thi Sĩ, Bùi Huy Bích... và các vị lập nghiệp ở Thăng Long như Lê Quý Đôn, Nguyễn Gia Thiều, đến đầu thế kỷ 19, Hà Nội có nhiều nhà văn hóa nổi tiếng khác nữa như Cao Bá Quát, Vũ Tông Phan, Bà huyện Thanh Quan, Nguyễn Án, Phạm Đình Hổ... Hà Nội, nơi hội tụ tinh hoa của cả nước, mang đậm sắc thái dân tộc Việt và hình thành một vẻ đẹp riêng, trong đó có phần về cách mặc mà người Thăng Long - Kẻ Chợ đã rất tự hào với nếp sống thanh lịch của đất Kinh kỳ.

Chương IV

TRANG PHỤC THỜI THUỘC PHÁP (1883 - 1945)

Hà Nội những năm ở cuối thời nhà Nguyễn và đầu thời thuộc Pháp, đời sống kinh tế, chính trị trong xã hội có nhiều biến động, nhất là khi triều đình Huế ký hiệp ước ngày 25-8-1883 chính thức thừa nhận quyền bảo hộ của nước Pháp.

Năm 1888, Hà Nội trở thành một thành phố theo chế độ nhượng địa. Khi Pháp đã xâm chiếm được Hà Nội thì Hà Nội là thủ phủ của thực dân Pháp ở Đông Dương. Người nước ngoài đến ngụ cư, kinh doanh buôn bán như người Hoa Kiều, người Ấn Độ đến Hàng Đào bán vải, người Pháp trong các công ty tư bản mở mang kinh doanh, dựng nhà máy (trong đó có công ty Bông vải sợi Bắc Kỳ), chính quyền Pháp mở nhà băng Đông Dương, đầu tư vào điều kiện giao thông vận tải: đường sắt, đường ô tô, đường thủy nối liền Hà Nội với các tỉnh khác ở Đông Dương, kiến thiết đường xe điện Hà Nội, biến Hà Nội thành một trung tâm quan trọng phân phối hàng hóa đi toàn quốc.

Đầu thế kỷ XX, cơ cấu xã hội nước ta nói chung bắt đầu thay đổi, ở Hà Nội, sự thay đổi càng đậm nét hơn khi thực dân Pháp thành lập các bộ máy cai trị phục vụ cho mục đích xâm lược, khai thác, bóc lột của chúng. Lúc này, phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa dưới hình thái thực dân đã du nhập vào Việt Nam, nước ta thành nước thuộc địa nửa phong kiến của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, Hà Nội đã từ thành phố phong kiến trở thành một thành phố thuộc địa, Pháp mở nhiều hội chợ để quảng cáo cho xứ Bắc Kỳ và Đông Dương, các trường học lập ra chung cho Đông Dương và một số trường Pháp - Việt đào tạo những người giúp việc cho Pháp, mở các cơ quan báo chí nhằm phát huy ảnh hưởng của văn hóa Pháp. Trong thời kỳ này, lực lượng xã hội mới dần

dẫn hình thành các tầng lớp khác nhau: tầng lớp tiểu tư sản, họ là những người tiểu chủ, tiểu thương, viên chức làm trong các công sở, những người làm nghề tự do như viết báo, văn nghệ sĩ, giáo viên..., đội ngũ công nhân, thợ thủ công, người làm thuê... “ý thức hệ xã hội cũng như nếp sống của con người trong những điều kiện lịch sử đó tất nhiên phải thay đổi để thích ứng”. Do vậy trang phục ở thời kỳ này cũng có nhiều biến đổi.

Trang phục quan chức: Đầu thời kỳ thuộc Pháp, phẩm phục trong hệ thống quan lại ở Hà Nội vẫn duy trì theo quy định của triều đình nhà Nguyễn.

Lễ phục: áo thụng mặc ngoài áo dài trong dịp hội hè, giỗ tết, mừng đón quan trên. Áo thụng cấu tạo tương tự như áo dài, cổ cao, tay dài, rộng, cài khuy như áo năm thân, nhưng thân áo và hai ống tay áo thì rộng hơn (chu vi cửa tay áo có thể đến 60cm), người có chức vị mặc áo thụng màu xanh hay đen bằng chất liệu gấm.

- *Ao tế:* cổ áo liền nếp bắt chéo sang nách bên phải (giao lãnh), buộc dài, đây là áo thường được dùng khi tế lễ. Áo may bằng vải màu đỏ cho các viên chủ tế, màu lam cho các viên bồi tế, chấp sự... Người có chức sắc được đội mũ và đeo bốt tử theo phẩm trật qui định. Chân đi hia hoặc “văn hài” (giày thêu đính hạt cườm), những người làm quan chức cho Pháp hoặc theo Tây học thường mặc smockkinh đeo nơ.

Thời gian này, những người theo hầu quan Tổng đốc Hà Nội cũng có trang phục riêng, áo dài từ thân đến đầu gối, mở giữa, bằng vải màu đỏ, nếp xanh, khuy tết cùng màu với vải áo, quần trắng. Khi mặc thường kéo phần cạp nên ống quần cao, đầu quần khăn lượt, chân đi đất.

Thường phục: những người có chức sắc như Tổng đốc, quan huyện... mặc áo dài gấm hoa to, màu lam hay đen, đeo thẻ bài ngà. Ở ngoại thành, trang phục nhân vật Chánh tổng được khắc họa thành nét điển hình là chiếc áo vét tông khoác bên ngoài áo dài, đầu đội mũ phớt, tay cầm ba toong... số quan lại phong kiến Việt Nam có công với thực dân Pháp được ban thưởng mẽ đay (như bội tình), thì cũng đeo trên ngực cùng với các loại như kim tiền, ngân tiền... nếu có. Khi Pháp chiếm đóng Hà Nội, xuất hiện “quan mới”, ông huyện, ông phủ mặc “áo phục”: Áo sơ mi, vét-tông, quần âu.



Hình 164: Áo gấm, đi giày tây

ngoài đội nón dẫu, chóp đồng nhọn. Áo ngắn, cổ cao, mở giữa, khuy vải tết. Quần ta, phía dưới bó xà cạp.

Lính khố xanh: là hạng lính đặt ở địa phương để canh gác, phục vụ ở các đạo quan binh, đi đàn áp nhân dân. Gọi là lính khố xanh, vì trước quần những người lính này có một miếng vải xanh khoảng 20cm, một cạnh được khâu liền vào một dải vải ở vị trí giữa như hình thức cái thắt lưng. Miếng vải này nằm dưới tà áo để lộ một đoạn gọi tới phần đuôi khố khi xưa. Áo cánh thân ngắn, mở giữa, cổ đứng cao khoảng 3cm, tay áo hẹp. Thắt lưng da to bản, khóa bằng đồng. Quần là kiểu quần ta, phía dưới bó trong xà cạp viền vải khác màu (có trường hợp thấy không quần xà cạp). Áo và quần đều màu vàng cổ ủa. Đầu đội nón đĩa, nón đan bằng cật tre, quang dẫu, chỏm dẹt như cái mẹt con, đường kính khoảng 25cm-30cm. Phía trên, ở giữa có gắn cái chỏm bằng đồng hình mũi dáo nhỏ. Phía trong nón có miếng vải để che gáy và hai bên tai. Khi đội nón, phải có quai vải

Trang phục binh lính người bản xứ: Ở Hà Nội thời kỳ này có mấy loại thường thấy như sau:

Lính lệ: là hạng lính chuyên phục vụ hầu hạ quan lại trong các phủ, huyện. Mặc áo cánh bên trong, bên ngoài mặc áo dài đến đầu gối, mở giữa, có nẹp khác màu ở hai bên tà trước ngực và tay áo. Thắt lưng vải, hai đầu thắt lưng buông phía trước. Mặc quần trắng xắn cao. Đầu vẫn quấn dải khăn để giữ tóc và đội nón chóp nhỏ ra ngoài. Chân thường đi đất.

Lính cơ: là lực lượng bổ sung cho quân đội thuộc địa. Đầu quấn khăn vải màu xanh,



Hình 165: *Lính khố đỏ*

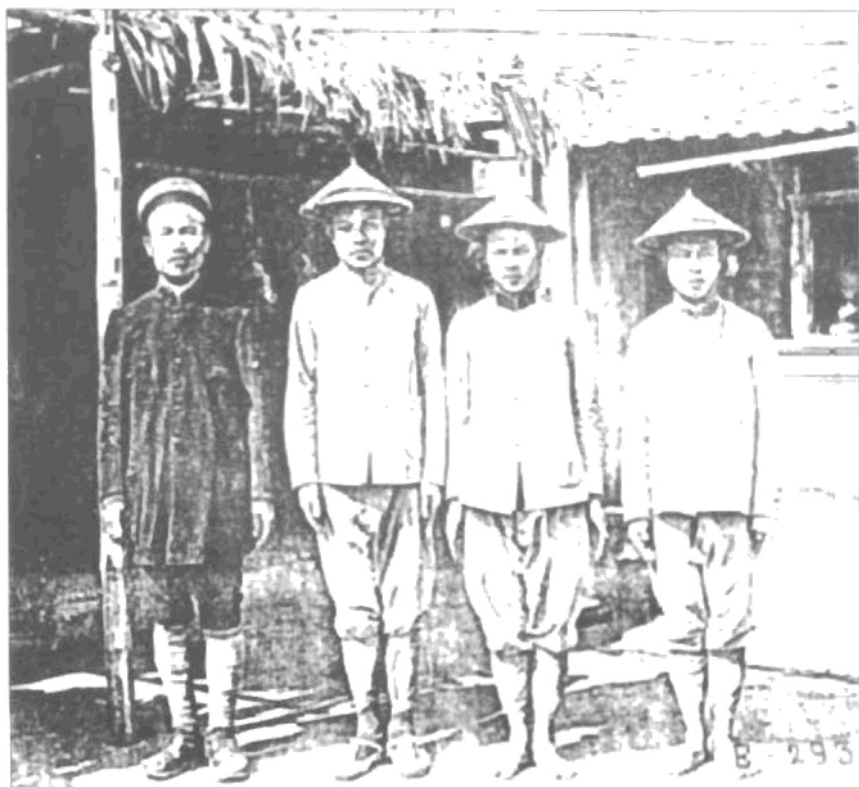
buộc chặt dưới cằm. Lính khố đỏ thì quai đỏ, khố xanh thì quai xanh... Lính khố xanh có toán đi chân đất, có toán đi dép da trâu hai quai chéo, một quai quàng ngang.

Lính khố đỏ: (Loại bộ binh người bản xứ), hạng lính chiến đấu chuyên nghiệp. Trang phục cũng như lính khố xanh, duy chỉ khác ở chỗ màu miềng vải khố là màu đỏ. Quai nón màu đỏ.

Lính khố vàng: Là lính phục vụ trong hoàng cung. Mang khố vải màu vàng chỉ xuất hiện khi có quan trong triều ra công cán ở Hà Nội.



Hình 166: *Lính kỵ binh*



Hình 167: Cai đội và lính

Ngoài ra còn một số loại lính khác như lính kỵ mã (lính cưỡi ngựa, trang phục cũng như các loại lính trên, nhưng đội nón nhỏ có chóp đồng, ngoài bọc vải), lính kèn, lính thủy, lính khố lục, lính giản, lính tập...

Vào năm 1891 ở Hà Nội, trong lực lượng vũ trang còn có các đơn vị cảnh sát (đội sếp) vừa là người Tây, vừa là người bản xứ, tham gia giữ gìn an ninh trật tự. Trang phục của đội sếp có áo sơ mi cộc tay với hai cầu vai và hai túi có nắp ở ngực; quần soóc bằng vải ka ki đều màu vàng, gấu áo bỏ trong quần, ngoài thắt thắt lưng da. Đầu đội mũ cát màu vàng, gắn huy hiệu có chữ P (chữ đầu của chữ police = cảnh sát). Chân đi tất trắng cao, giày da cao cổ. Luôn có cái còi đeo trước ngực và cái dùi cui đeo bên cạnh sườn. Sếp tây mới được đeo súng lục. Lính người Việt tham gia quân đội Pháp được trang bị kiểu cách theo quy định của quân đội viễn chinh Pháp.



Hình 168: Đội sếp

Trang phục nhân dân

Những năm cuối thế kỷ XIX, phụ nữ Hà Nội vẫn mặc yếm (yếm là đồ mặc lót bên trong phổ biến của các tầng lớp phụ nữ). Sang đầu thế kỷ XX thì mặc áo lót bằng vải hay lụa mỏng, kiểu áo ba lỗ, ngoài mặc áo cánh.

Áo cánh: là loại áo ngắn, thân áo chỉ chấm đến mông người mặc, cổ tròn, viền nhỏ, bít tà hoặc tà mở, có hai túi nhỏ ở phía dưới thân trước, có cúc nhưng thường không cài hết, có loại tay dài, tay ngắn. Áo cánh chỉ mặc trong nhà, khi ra đường hoặc tiếp khách, phải khoác áo dài ra ngoài.

Áo dài tứ thân: là áo mặc ngoài yếm và áo cánh, được may bằng nhiều loại vải. Tùy theo khả năng kinh tế, người lao động may bằng vải, giàu sang thì bằng lụa. Ngoài chất liệu vải, một số cô bán hàng xén, thợ khâu... ở thành thị may áo tứ thân bằng the đen, the nâu trông cũng rất óng ả.

Nói chung áo tứ thân được may bằng loại vải mềm mỏng thích hợp với môi trường khí hậu nhiều nắng nóng, phù hợp với dáng vẻ người phụ nữ thanh thoát, nhẹ nhàng, có kiểu mặc buộc vạt hay buông vạt. Trường hợp mặc áo buông vạt, người phụ nữ thường mặc yếm cổ xây cho kín đáo và thắt lưng màu thả xuống phía trước cho thêm phần duyên dáng.

Áo đổi vai, đổi vạt là áo dài tứ thân, đầu tiên, do dùng chiếc áo lâu ngày, gánh gồng, mang vác nhiều, hai vai áo bị sờn, mòn rách, trong khi cả thân áo chưa đáng bỏ đi, người ta chỉ cần vá lại nơi vai áo là vẫn mặc được. Vá vai đòi hỏi phải có tay nghề, kinh nghiệm “khéo vá vai, tài vá nách”, áo mới không bị nhăn nhúm. Tiện thể, chủ nhân thay cả phần trên của áo, gồm cả vai, bả vai, phía trên hai ống tay áo bằng loại vải mới, nhưng có ý thức rõ ràng về việc chọn màu vải mới này phải cùng gam với màu vải cũ, để đạt hiệu quả, nhằm tránh phô trương lòc lõc. Thế rồi, một lúc nào đó, người ta cảm thấy cái đẹp của sự nổi vải pha màu này, mà coi đó là một “mốt”. Áo mới cũng may hai màu trên dưới khác nhau. Thường là màu trên đậm hơn màu dưới, nhưng về sau, có người lại thích màu dưới đậm hơn màu trên (do đó, có thể gọi áo này là áo đổi vai, đổi vạt đều được).

Dù thay đổi vị trí nhưng vẫn là những màu không tương phản, chói mắt. Phải chăng đó cũng là thói quen thẩm mỹ của người phụ nữ Việt Nam nói chung và của người Thăng Long - Hà Nội nói riêng, đồng thời cũng để phù hợp với nếp sống giản dị, tiết kiệm, trong điều kiện sinh hoạt đương thời.

Sự tinh tế thẩm mỹ này không chỉ thể hiện trong sử dụng sắc màu, còn được đánh giá cao ở việc nối so le hai phần vải trên, dưới, tạo nên hiện tượng không đối xứng, cố tình phá đi cái tẻ nhạt đã quá quen thuộc đối với cảm thụ mỹ thuật của mọi người. Một chi tiết rất nhỏ trên một vai áo, tưởng như đơn giản, nhưng phải coi là một sáng tạo đáng để chúng ta tự hào, cảm phục người xưa. Và cho dù đã có khổ vải rộng, nhưng vẫn may nối sống để làm điểm tựa cho việc đổi vai, đổi vạt, có dụng ý này của người mặc.

Áo dài năm thân là một biến cách của áo tứ thân, được phụ nữ Hà Nội thường dùng, thân sau do hai khổ vải nối dọc mép với nhau (như ở

áo tứ thân), thân trước cũng được nối lại như vậy, được gọi là vạt cả. Còn thân thứ năm (gọi là vạt con) nằm dưới vạt cả thân áo trước, bên phải người mặc. Mép phải thân áo này, đính năm chiếc cúc từ cổ áo xuống đến sườn để cài vào năm cái khuyết đính ở đường nối giữa mép thân vạt cả với vạt con.

Cổ áo năm thân là loại cổ tròn, đứng vuông góc, cao khoảng từ 1 - 1,5cm. Cánh tay áo, từ nách đến cổ tay thuận nhỏ dần, phía dưới cửa ống tay mở một đoạn (dài chừng 3 - 5cm). Sau khi xoắn tay qua, cài kín cúc bấm cho cửa tay áo khít vào cổ tay. Áo có đính cúc, khuyết nhưng người mặc thường không cài, nếu chất liệu là the, lụa mỏng thì quanh cổ, phủ xuống bờ vai, một phần ngực và lưng là miếng lót bên trong áo cho vừa bền áo, vừa đẹp, gọi là lá sen, vì nó tròn giống cái lá sen. Tà áo xưa kia khá rộng và thẳng. Gấu áo dài cách đất 15 - 20cm. Áo năm thân thường may bằng các loại vải thông dụng, người giàu may bằng các loại vải quý như gấm, sa tanh..., mặc dài đến bắp chân.



Hình 169: Cô thợ thêu

Trang phục lễ hội: áo năm thân mặc nhiều chiếc, gọi là áo mớ. Dù là mặc ba chiếc, người ta vẫn nói là áo mớ ba mớ bảy (Không rõ đã có bà, cô nào mặc đến bảy áo chưa?).

- Áo mớ ba, kiểu mặc lồng ba chiếc, mỗi áo một màu khác nhau, ngoài cùng là chất liệu the (đen hay nâu, tím tam giang) hai chiếc trong chất liệu vải mềm như lụa, nhiễu..., màu mỡ gà, màu cánh sen, hay màu vàng chanh, màu hổ thỷ).

Bộ áo mớ ba, với sự lựa chọn chất liệu và màu sắc ở từng áo khác nhau, lại một



Hình 170: Người bán nón với trang phục áo dài năm thân, mặc kiểu chổng vạt, không cài khuy

lần nữa nói lên trình độ thẩm mỹ của các bà các cô thời đó. Những màu sáng, mặc bên trong, phủ ngoài là hàng the đen (hoặc nâu) với kỹ thuật dệt sợi không kín vẫn cho phép thấy được màu mặc bên trong, mặt khác làm giảm cường độ màu sắc chói mắt, biến thành một hòa sắc rất đặc biệt, nhất là khi mở áo được tắm trong các nguồn sáng thay đổi. Hơn thế nữa, cũng như ở áo tứ thân đối vai, đường nối bố cục so le là một sáng tạo, thì ở áo mớ ba, vạt con nằm dưới vạt cả tạo nên một độ đậm khác nằm dọc trên nửa thân áo trước, phải chăng cũng là một ý đồ có giá trị thẩm mỹ, nét duyên thầm của người Hà Nội.

Khi mặc áo mớ ba, người ta chỉ cài cúc cạnh sườn và cúc nách còn ở đoạn từ nách lên đến cổ thì lật chéo để lộ các màu ra ngoài... Bên trong ba lớp áo dài là áo cánh trắng, không cài cúc cổ. Trong cùng là tấm yếm đào hay yếm đỏ, hai dải bời chèo (cùng màu với yếm) buộc ở sau gáy, làm điểm nhấn cho đẹp thêm chiếc cổ cao ba ngón trắng ngần.

Đi với các loại áo trên là tấm váy. Váy hình ống, may bằng các loại vải dày dặn như vải bông, lĩnh, nái, sồi... Phổ biến là màu đen. Phía trên



Hình 171: Áo dài năm thân
lật vạt thắt lưng

là cặp váy cao khoảng 8 - 10cm may bằng hai lần vải để luồn dây buộc. Phần thân váy, đầu nối với cặp được gấp từ bốn đến sáu điểm đều nhau, mỗi điểm khoảng 3cm, như một hình thức chiết ly váy, tạo thành hình thang cân. Khi mặc, phần cặp sát với vòng bụng, tạo dáng khum tròn. Cặp váy cùng màu với thân váy như màu đen hoặc là màu nâu, có khi là vải khác màu như xanh, hồng...

Hình thức đầu tóc, các cụ dạy: "Cái răng cái tóc là góc con người", nên phụ nữ Hà Nội thường nuôi tóc dài để vấn khăn. Mái tóc đã được chị em chú ý chăm chút công phu nuôi dưỡng, từ lúc còn nhỏ 13 - 14 tuổi đời, đã thường xuyên gội đầu bằng nước đun các loại lá thơm có tinh dầu như lá mùi, lá xả, hương nhu... cùng quả bồ kết làm cho tóc đen óng mượt, mượt nà.

Hầu hết các tầng lớp phụ nữ đều vấn khăn rẽ đường ngôi giữa. Có hình thức vắt phần còn lại lên trên đầu khăn rồi kéo chéo qua đầu vắt xuống vành khăn phía bên kia. Nếu là bộ tóc dài thì đuôi tóc bao giờ cũng dài hơn chiều dài của khăn, sẽ rủ xuống cạnh tai, gọi là tóc đuôi gà. Tóc đuôi gà là một hình thức trang điểm được ưa chuộng: "Một thương tóc để đuôi gà". Răng đen hạt huyền, ăn trầu môi đỏ cũng là một tiêu chuẩn về cái đẹp của người con gái ở giai đoạn này⁽¹⁾.

(1) Do đó, nụ cười và hàm răng của các cô đã để thương để nhớ cho ai trong ca dao:

"Minh về có nhớ ta chăng
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười"...
"Răng đen ai nhuộm cho mình.
Để duyên mình đẹp, cho tình anh say"...
"Trăm quan mua lấy nụ cười
Mười quan chẳng tiếc, tiếc nguồn răng đen"...



Hình 172: Phụ nữ trong trang phục áo dài năm thân cài cúc, tóc đuôi gà

Tai đeo khuyên bằng vàng hay bằng bạc, hoặc hoa cánh bèo (còn gọi hoa tai bèo), hoa cuống giá, hoa nụ thông. Cổ đeo chuỗi hạt vàng có khi nhiều đến 500 hạt. Người thích khoe của đeo hàng nghìn hạt...

Chân đi đôi dép mũi cong (bằng da trâu) hay đôi guốc cong bằng gỗ sơn then, quai tết bằng da hay mây (một quai ngang hay hai quai chéo). Loại hai quai, là từ hai thành guốc phía sau tập trung vào một điểm trên mặt phía đầu guốc. Khi đi guốc, ngón chân cái và ngón giữa quặp vào đó. Những người làm đáng còn dùng nhung màu đen bọc quai.

Đặc biệt có loại nón thúng quai thao, còn gọi là nón ba tầm. Nón hình tròn, mặt trên bằng, đường kính 70 - 80cm, xung quanh có thành cao 10 - 12cm bằng lá gồi, khâu dây móc. Mặt dưới, ở giữa có gắn một hình tròn ống đường kính khoảng 20cm, trông như cái đầu, bằng tre đan để làm chỗ đội lên đầu cho cân, gọi là khuá nón. Quanh khuá nón là những vòng tre chuốt nhỏ, khâu bằng chỉ tơ, đan chéo sợi với nhau rất công phu, lại được trang trí những hình bướm hay những bông hoa bằng chỉ nhiều màu.

Quai nón làm bằng dây thao từ một loại tơ tầm đặc biệt, được tết, bện mà thành (do đó gọi là nón quai thao), gồm từ một đến ba dây chập lại buông võng xuống đến thắt lưng. Các bà thường dùng quai thao màu đen. Một số các cô cậu kỹ dùng quai thao màu trắng từ tơ tầm chuốt kỹ. Hai

bên nôi nón mỗi bên có hai quả cù, cùng hai chiếc thẻ bằng bạc, với nhiều nhóm tua nhỏ kết lại buông xuống đến dưới đầu vai người đội.

Khi đội nón, các bà, các cô phải dùng ngón tay giữ lấy quai nón ở trước bụng cho nón khỏi ngật ngưỡng. Khi e then lại nghiêng nón che mặt để làm duyên. Nón không đội thì quàng quai nón chéo qua vai, đeo nón ở bên cạnh sườn, hay đặt vành nón lên vai, tay vẫn phải giữ cho khỏi rơi. Có lúc ngấm khuôn mặt mình, sửa lại vành khăn một cách kín đáo trong chiếc gương nhỏ được gắn ở giữa khua nón.

Đi hội, đi lễ người phụ nữ thời này mặc áo mớ ba, mớ bảy, váy dài tha thướt không thể thiếu chiếc nón thúng quai thao duyên dáng đội đầu. Nón của người Kinh kỳ cũng có cái riêng, đậm nét Tràng An đã đi vào ca dao:

*“Hà Nội thì kết quai tua
Có hai con bướm đậu vừa xung quanh
Tứ bề nghiêng nón chạy quanh
Ở giữa con bướm là hình ông Trống”⁽¹⁾.*

Cùng với bộ áo nón đẹp, các bà các cô còn đeo bên mình một bộ xà tích bằng bạc, có ống đựng vôi cũng bằng bạc và con dao nhỏ, chuôi bằng sừng, vừa là trang sức đồng thời cũng để bỏ cau, tèm trâu. Còn có cả bộ ngoáy tai, vài ba chìa khóa, một hộp nhỏ bằng bạc hình quả đào để đựng thuốc Lào...

Những năm đầu thế kỷ XX, trừ một số người già hoặc người ở ngoại thành, phụ nữ thành thị Hà Nội dần dần bỏ mặc váy, họ chuyển sang mặc quần màu đen bằng vải, lĩnh, nái hoặc sa tanh...

(1) *Cu dao ngôn ngữ Hà Nội*, Hội Văn nghệ Hà Nội, 1981.

- Nón miền Trung, quai thao tết tua ở giữa,
- Nón miền Nam, quai lụa có tua tết múi ở giữa,
- Bộ trang phục của phụ nữ xưa đã đi vào ca dao:

*“Cái nón ba tầm
Quai thao một nắm, áo trằm một đôi,
Cái thắt lưng em bảy tám vòng sồi...”*



Hình 173: Nón thúng quai thao, áo dài năm thân chống vạt

Thế kỷ XX, vai trò của người phụ nữ có những thay đổi, vừa là để thích nghi với xã hội, vừa là ý thức tự khẳng định mình, họ đã tham gia những công việc hoạt động xã hội, giao lưu ngoài nước, đi học các trường trong nước..., đã mặc quần trắng bằng lụa, lanh, vấn khăn nhung đen, hoặc quần tóc trần. Răng để trắng, hoặc đã chót nhuộm đen thì cạo đi.



Hình 174:
Một số đồ trang sức



Hình 175: Bộ xà tích



Hình 176: Hoa tai dằm, mặt đá bóng bèo



Hình 177: Hoa tai cuống giá, khuyên tai



Hình 178: Cửa hiệu bán đồ trang sức (phố Hàng Bạc, Hà Nội)



*Hình 179: Phụ nữ Hà Nội
trong trang phục ở đầu thế kỷ*

Thời gian này một số phụ nữ ở thành thị tham gia các công việc buôn bán, làm công chức, các bà vợ ông thông, ông phán, làm cô giáo v.v... đa số mặc áo dài năm thân cài cúc, ít người mặc theo kiểu mở ba như trước nữa. Chân đi đôi hài mũi cong thêu hạt cườm hoặc đi guốc gỗ sơn đen, hay giày “mang cá”, “mồm nhái”⁽¹⁾.

Ngày tết, ngày hội, mặc bên trong là chiếc áo dài màu (màu xanh, màu hồng hoặc màu hoa hiên...) bằng lụa Tây Hồ, cài khuy cạnh, kiểu kết cấu năm thân, nhưng nay là hai tà (vạt con đã được cắt ngắn). Bên ngoài là chiếc áo dài the thâm La Că. Nếu còn mặc váy thì mặc váy lĩnh tía, thắt lưng màu quan lục hay màu tím tam giang buộc mũi ra ngoài vạt áo trước. Chân đi giày vắn hài. Cổ đeo chuỗi hạt vàng, càng giàu có càng quần nhiều vòng. Cổ tay đeo vòng vàng, vòng ngọc thạch hoặc đeo xuyên vàng.



Hình 180: Phụ nữ nhà giàu
đeo dây truyền nách

Xuyên là một loại vòng mình dẹt, hai đầu khoằm ôm vào mình xuyên, có thể nới rộng ra để lồng tay vào rồi thắt hẹp vòng vào cho vừa cổ tay. Xuyên mặt nhẵn gọi là xuyên trơn. Xuyên có chạm trổ gọi là xuyên chạm. Những người giàu làm xuyên to bản tới 4cm. Còn thì thường là 7 - 8mm chiều ngang.

Với chính sách cai trị của Pháp, làn sóng “văn hóa” Tây Âu tràn vào Việt Nam, đã ảnh hưởng tới thị hiếu của những người tư

(1) Tương tự như giày Gia Định của nam giới, nhưng mũi giày nhỏ hơn.



Hình 181: Trang phục trong lễ hội

sản, tiểu tư sản, tới tầng lớp thanh niên thành thị trong các phong trào: “Sống mới”, “Vui khỏe”, “Trẻ trung” và mở ra nhiều phong trào như đi xe đạp, đi bộ, thành lập sân quần vợt dành cho phụ nữ. Những “nữ lưu tân thời” của Hà Thành hoa lệ, tham gia diễn kịch... cùng với những cuộc thi người đẹp và mặc áo lụa Hà Đông...

Những năm 1920, ở Hà Nội đã có một áo dài tân thời, vẫn là kiểu áo dài năm thân truyền thống nhưng may chặt hơn, thân trước thân sau không nối giữa nữa (vì đã có loại vải khổ rộng để may), vạt con được cắt ngắn lên.

Áo dài tân thời được may bằng nhiều chất liệu vải với màu sắc khác nhau. Dần dần kiểu áo dài tân thời định hình thành áo hai tà, phổ biến đến nhiều thành phố khác.

Đi với áo dài tân thời là chiếc quần trắng, lúc này cũng được cải tiến, cạp lỏng chun, ống cắt hơi xéo, đũng cao, mặc gọn và tạo dáng hơn. Chân đi đôi giày cao gót hay sandal. Cô gái tân thời vấn khăn, nhưng bỏ tóc đuôi gà, vấn tóc trần, búi tóc hay cặp tóc (về sau cắt ngắn, uốn điện). Dùng mỹ phẩm để trang điểm, đánh phấn tô môi, kẻ lông mày.

†

Tiếp tục phong trào này, đầu những năm 30, họa sĩ Cát Tường đã nghiên cứu, giới thiệu trên các báo: *Phong Hóa*, *Người đẹp*, báo *Ngày nay*, một số mẫu thiết kế áo dài, áo cánh trong chuyên mục “*Về đẹp riêng tặng các bà các cô*”, rồi sau đó tung ra kiểu áo Lơ Muya (tiếng Pháp: Le mur nghĩa là cái tường. Tường là tên họa sĩ⁽¹⁾). Ngoài ra ông còn hướng dẫn cách lựa chọn màu sắc, chất liệu, họa tiết hoa văn, sao cho phù hợp với từng vóc dáng, màu da và thời tiết từng mùa trong năm, để trang phục của chị em ngày càng đẹp hơn.

Đặc điểm chính của áo kiểu Lơ Muya là không nối tay áo ở đoạn giữa vai và khuỷu tay, mà tra tay áo vào vai áo, nhằm khắc phục tình trạng vải hay bị nhăn nhúm. Nối ở đoạn này, có thể làm thêm kiểu vai bông. Ngoài ra, có các hình thức mới về phần cổ áo, gọi là cổ bánh bẽ, cổ lưỡi dao, cổ viền. Về phần tay áo, có tên là kiểu quả tim, kiểu lưỡi chày, kiểu đuôi tôm, bỏ phần tà phụ bên trong áo, chiết ly... Những chi tiết này có phần dựa vào kiểu cách trang phục Âu Tây, nhưng rõ ràng tác giả cũng phải dày công nghiên cứu, vận dụng mạnh bạo. Và rồi ông cũng mở hiệu may ở phố Hàng Da, Hà Nội, để trực tiếp thực hiện những thiết kế của mình.

Trên tờ báo “*Vật Đục*” - một tờ báo trào phúng, ra ngày thứ tư 22 tháng 6 năm 1938, có viết về cái quần short:

*“Một chiều đi chợ về khuya
Thì ra cháu đến Lơ Muya (Le Mur) may quần
Tán thời từ cổ đến chân”.*

Bên cạnh Cát Tường, họa sĩ Lê Phổ cũng có những đóng góp để hình thành kiểu áo dài Lê Phổ. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những cải tiến khiêm tốn, như thân áo ôm sát người hơn, kích dài xuống không hở lườn, vạt dài, tà lượn. Cũng nối ở đoạn vai. Cổ áo bẻ, mùa nực mở ra cho mát, mùa rét gài vào ấm áp. đương thời có bài về:

*“Mặc áo Lơ Muya (Le mur)
Đi giày cao gót
Xách hót tơ phoi (forte fenille)
Che dù cánh dơi...”.*

(1) “Le mur” đúng nghĩa là “cái tường” nhưng thường gọi là Cát Tường, cách đọc chệch chữ “cát” (trong Cát Tường) là tên của nhà họa sĩ tạo mẫu trang phục này.



Hình 182: Một kiểu áo Lơ muya

trắng khá phổ biến.

Ít năm sau, áo dài quay về dạng cũ, có ít nhiều cải tiến: cổ áo đứng cao từ 1 - 5cm, tay thẳng, may liền vải, cổ tay hẹp, viền nhỏ. Có kiểu ở cửa tay, gấu, nẹp cài cúc đều viền vải khác màu thành đường nẹp rộng khoảng 0,5cm gọi là áo lé nẹp. Có loại gấu áo vẽ tròn lẩn, không gập. Vạt áo lượn, tà khép. Cúc áo có nhiều kiểu: tết vải, bọc vải, khuy ngọc...

Trải qua những cuộc đấu tranh chung về quan điểm thẩm mỹ để bảo vệ cái đẹp giản dị, thanh nhã, dân tộc, chiếc áo dài truyền thống lại được phục hồi và cải tiến một vài chi tiết cho phù hợp hơn.

Dù bị một số người phản đối, áo dài Lơ Muya đã được phụ nữ tân tiến ở thành thị ba miền hưởng ứng. Ở Hà Nội, người đầu tiên mặc áo dài Lơ Muya là cô Nguyễn Thị Hậu, ở Sài Gòn là cô Hồng Vân.

Còn áo dài Lê Phổ được một trong những người đặt may là Hiệu trưởng Trường nữ học công lập Trịnh Thục Oanh, một phụ nữ tân tiến nổi tiếng ở Hà Nội thời bấy giờ. Lúc này một số phụ nữ uốn tóc bông, đi giày cao gót (giày đầm) và mặc quần



Hình 183: Phụ nữ Hà Nội mặc áo Lơ muya

quan chức dần dần cắt tóc ngắn, bỏ quần khăn, bỏ áo dài và bắt đầu mặc Âu phục.

Những người đi làm (viên chức), ngoài trang phục dân tộc áo the (trong có lót cổ màu trắng là cứng), có người mặc Âu phục. Nếu mặc đồng bộ cùng màu thì gọi là com-lê (complet) gồm quần tây, áo sơ mi, áo gi-lê, áo vét-tông, thắt cà-vạt. Ngoài ra, vẫn có thể mặc áo một màu, quần một màu, thường gọi là “đờ-mi-xe-dông” (demi saison nghĩa đen là nửa mùa).

Trang phục của dân ông vào đầu thế kỷ XX, khi người Pháp ổn định việc chiếm đóng, mở mang các mặt kinh tế, chính trị, xã hội ở Hà Nội thì lối sống văn minh, văn hóa phương Tây đã ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới nếp sống của người Việt, nhất là trang phục của dân ông. Họ tham gia vào những công việc ở công xưởng, trường học, thương gia buôn bán cùng với sự nhận thức tiến bộ của trào lưu tư tưởng tư sản từ ngoài dội vào, kết hợp với đòi hỏi của xã hội nên phong trào Âu phục hóa lại càng phát triển mạnh mẽ. Các



Hình 184a: Trí thức Hà Nội tham gia kịch trường: nam mặc Âu phục, nữ mặc áo dài tân thời (trang phục năm 1937)



*Hình 184b:
Trang phục mùa lạnh*

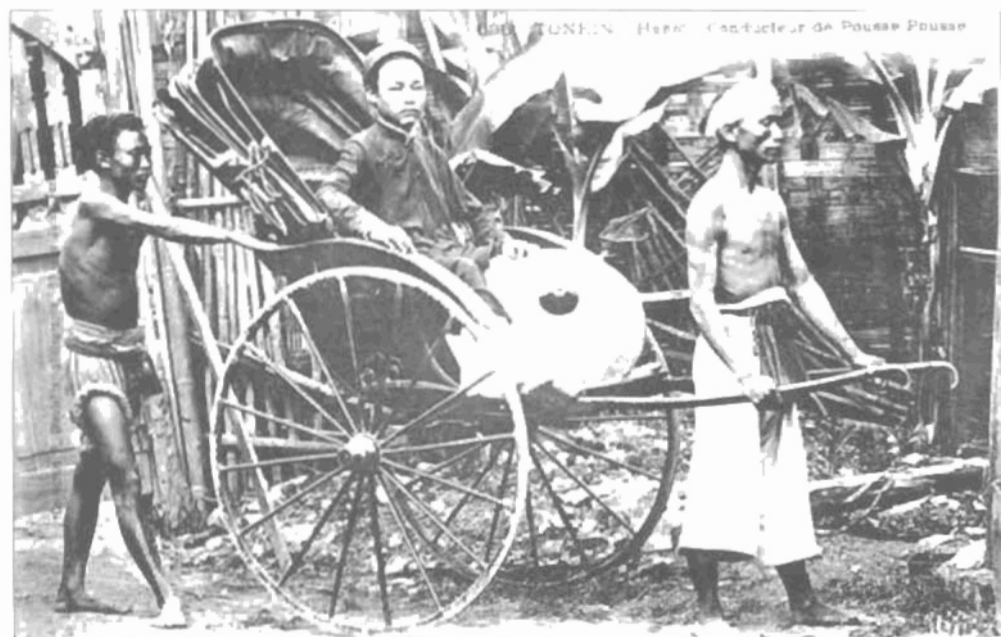
Còn các loại khác nữa như áo va rơi, blu-dông, ba-đờ-xuy... Mặc Âu phục và đi giày tây bằng da đen. Mùa nực còn đi giày hai màu “đơ-cu-lơ” (deux couleurs)..., giày xăng-đan (sandale) cũng được nam giới ưa chuộng. Những người đứng tuổi vẫn mặc áo dài, trong áo màu trắng, ngoài bằng the đen.

Khoảng năm 1925 trở về sau, mùa nắng nóng, đã thấy nhiều người chỉ mặc một áo dài trắng, mùa rét có người mặc loại áo bằng dạ khoác ngoài, kiểu của phương Tây gọi phiên âm là ba-đờ-xuy (pardessus) và quần phula (foulard) quanh cổ.



Hình 185: Nhân dân lao động với các loại trang phục

Những người tầng lớp trên, áo cánh chỉ mặc trong nhà, còn những người lao động chân tay, người nghèo vẫn phải mặc áo ngắn ra đường như các người ở cho nhà giàu (con sen, thằng nhỏ...), các người kéo xe tay, trong mặc áo cánh trắng cháo lòng, ngoài mặc áo viền nẹp khác màu..., thường không cài cúc (loại áo riêng biệt này là của chủ xe cho thuê luôn cùng với xe tay). Về sau, có sao mặc vậy.



Hình 186: Phu xe tay

Xưa kia quần lá tọa (chân què), tất cả các hạng người đều có thể mặc. Tuy nhiên, do lệ thuộc vào khổ vải mà dáng quần không được gọn gàng. Khi đã có vải khổ rộng, thì quần được cải tiến cất liềm, không nổi, ống thẳng, đũng cao, mặc gọn gàng hơn quần chân què. Cạp quần rộng khoảng 7 - 10cm, may hai lần vải để luồn dải rút, bằng vải, rồi bằng dây cao su. Khi hai ống quần được ép (hoặc là thành nếp phẳng phiu), người ta gọi là quần ống sớ (ống sớ là ống tre thẳng rỗng lòng, để đựng các lá sớ cuộn lại cho khỏi nhàu nhĩ). Quần trắng, dài và rộng thường mặc với áo dài (nên có câu: "quần chùng áo dài").

Đi với áo dài, đàn ông mặc quần ống sớ (ống thẳng), buông tuồng gân gót chân, trông khỏe khoắn, tương xứng với tấm áo dài mặc phía trên. Người nghèo may quần bằng vải như trúc bầu, vải ta vải mộc, là loại rẻ tiền thường là màu nâu, màu ngà cháo lòng (vải trắng mặc lâu ngày ra màu cháo lòng) bẩn, cũ. Người giàu mặc loại đắt tiền như lụa, đũi, nhiễu. Các cụ ở tuổi cao được mặc quần điều, áo điều. Chân đi giày Gia Định (mũ giày bằng da láng mềm và bóng), hoặc đi giày, guốc đế bằng gỗ đẽ.

mũ giày bằng da mộc. Người trung niên hay ít tuổi cũng đi những loại giày, dép trên nhưng thêm loại guốc Sài Gòn⁽¹⁾.

Bước sang thế kỷ XX, hình thức đầu tóc và đồ đội của đàn ông có nhiều thay đổi. Để phản kháng sự xâm lược và đô hộ của thực dân Pháp trên đất nước ta nói chung và Hà Nội nói riêng, đã có những tổ chức yêu nước ra đời như: phong trào “Duy tân”, cổ vũ “Đông du cầu học” do Phan Bội Châu là người khởi xướng. Tháng 2 năm 1907, tại số 10 Hàng Đào, Hà Nội, trường Đông Kinh Nghĩa Thục, do một nhóm nhân sĩ Bắc Hà thành lập, nhà giáo Lương Văn Can làm hiệu trưởng. Trường chủ trương dùng sách báo diễn thuyết, mở các lớp học để nâng cao trình độ, khơi dậy lòng yêu nước và tư tưởng tiến bộ của người dân. Nơi đây cũng đồng thời là nơi đào luyện những thanh niên ái quốc ở Hà Nội. Phong trào đã có ảnh hưởng tới cả nước...

*“Trường Nghĩa Thục dùng đầu dạy dỗ,
Khắp ba mươi sáu phố Hà Thành,
Gai trai nô nức học hành,
Giáo sư mấy lớp, học sinh mấy ngàn”.*

Rồi sau đó những thanh niên xuất dương từ phong trào Đông Du ngày càng nhiều. Trong việc này có sự giúp đỡ của ông Bạch Thái Bưởi, là người Việt Nam đầu tiên khuếch trương “Giang hải thương thuyền”... Những phong trào trên đã có ảnh hưởng không nhỏ tới sự thay đổi nếp cũ về đầu tóc.

Từ năm 1910, nhiều đàn ông (nhất là thanh niên, viên chức ở thành thị) đã cắt tóc ngắn nhưng một số người vẫn quấn khăn lượt. Ra đường gặp mưa, dùng ô màu trắng hay đen, thường gọi là ô cánh dơi (vì khi giương ô lên, hình bộ gong và vải ô giống cánh con dơi). Vào những năm 1920, cắt tóc ngắn trở thành phổ biến, học sinh ở các trường, thanh niên ở ngoại thành... Hà Nội bắt đầu xuất hiện và ra đời một nghề mới - nghề cắt tóc. Và thay vì khăn quấn thì lại có nghề thủ công làm khăn xếp... Khăn xếp hình thức vẫn như khăn quấn, nhưng được làm sẵn, khi cần chỉ chụp lên đầu như đội mũ, rất tiện lợi, không mất thì giờ quấn nhiều vòng

(1) Guốc bằng gỗ, có một quai ngang bằng da hoặc cao su, xuất xứ từ Sài Gòn

như trước. Khăn xếp vẫn giữ hình chữ nhân ở trước trán. Những năm 1930, phong trào cắt tóc ngắn, rẽ ngôi lệch càng rầm rộ. Có người bôi mỡ thơm (brillantine) cho tóc mượt bóng, hoặc chải bông phía trước. Ngược lại, có người húi cua (court = ngắn), húi tóc carê (hình vuông)...

Đội mũ cát (casque) trắng, loại mũ do người Pháp mang vào, mũ làm bằng li e hay băng dút, ngoài bọc vải rồi quét hóa chất trắng (blanc de zinc)⁽¹⁾. Mũ cát trắng có loại rộng vành, có loại hẹp vành, có loại tròn sọ, có loại mũ



Hình 187:
Trang phục người già
(thượng thọ) - mũ ni
quần nhiều điệu



Hình 188: Áo khoác Tây Âu

(1) Sau này mũ cát được làm bằng nguyên liệu trong nước, cốt mũ là thân cây muồng nước (để thay thế li e), không phải nhập từ Pháp nữa.



Hình 189: Âu phục
(mũ cát, giấy tây hai màu)

hơi hình bầu dục, chỏm bằng. Mùa rét, đội mũ phớt (feutre) làm bằng dạ, mũ cát két (casquette) bằng dạ, bằng vải...

Trang phục trẻ em ở giai đoạn này cũng có những trang phục phù hợp với từng lứa tuổi. Trẻ sơ sinh có mũ thóp, thường làm bằng các loại vải nhẹ, mềm, đẹp, khâu thành hình tròn ống bẻ ngang khoảng 3 - 4cm, đội vào đầu đứa trẻ để bảo vệ thóp, hoặc loại mũ tròn ghép từ ba đến năm mảnh vải, có màu sắc khác nhau, đỉnh mũ rút lại được dùng phổ biến vào mùa rét⁽¹⁾. Lớn hơn vài tháng tuổi, có các loại yếm dài hình tròn, hình bầu dục...

Con trai ba, bốn tuổi, mặc áo cánh ngắn buộc dây bên cạnh (thay cúc). Quần liền yếm, ở cổ yếm có hai dải nhỏ buộc ra sau gáy, còn hai dải bên cạnh buộc ra sau lưng. Thường là quần khoét đũng. Tóc con trai thường để hai bên hai máng tóc (gọi là trái đào), một mảng dài hơn ở giữa đỉnh đầu (gọi là chỏm hoa roi).

Con gái mặc váy liền yếm cũng có dải buộc như quần con trai. Loại váy, quần liền yếm có tác dụng che bụng, che ngực, khi trời nóng không cần mặc áo nữa. Tóc con gái để một máng ở chỗ thóp (gọi là cút trước), một mảng ở phía sau đầu để dài đến gáy (gọi là cút sau).

(1) Phố Hàng Bút xưa ở Hà Nội còn được gọi là Hàng Mụn, vì ở đây chuyên bán vải vụn và dùng vải vụn, lụa, gấm, vóc may thành mũ cho trẻ em để bán.

Trẻ em được đeo các vòng tay, vòng chân, vòng cổ, khánh bằng bạc có khắc chữ mệnh (命), hay bốn chữ: Trường Sinh Bản Mệnh (长生本命), và có gắn quả nhạc, quả bí con bằng bạc vừa để trang sức vừa có ý nghĩa giữ “vía” cho trẻ (theo quan niệm thời đó). Ngoài ra, có em được đeo cái vuốt cọp, đồng tiền vàng hay bạc, hoặc miếng ngọc thạch.

Ngày tết Đoan Ngọ, mồng năm tháng năm, trẻ em còn được đeo bùa tu bùa tui, một loại bùa tết bằng vải và chỉ ngũ sắc thành hình các thứ quả, trong ruột nhồi hương liệu thơm để trừ tà, trừ bệnh. Trang phục của các em đã được khắc họa bằng mấy vần thơ:

*“Thuở bé em đeo chiếc khánh vàng,
Quần đào xé đũng, áo hàng lam,
Chân đi hài đỏ, tay thu pháo...”.*

Em gái, lên bảy, lên tám tuổi đã mặc yếm, áo cánh ngắn, ngoài mặc áo dàiほん thân màu nâu hay đen. Thất lưng bằng nửa khổ vải, ngắn hơn thất lưng của người lớn, màu hoa lý, màu nâu gụ... buông dài phía trước. Mặc váy, về sau mặc quần thām. Đầu vấn khăn, tuy tóc không có bao nhiêu. Mùa rét, chít khăn vuông mặc thêm chiếc áo bằng loại vải thô mở ngực, không dùng cúc mà có dây nhỏ buộc hai vạt vào với nhau khi cần thiết. Chân đi đất hay đi dép da hoặc guốc gỗ. Đeo khuyên (mắm) bạc.

Em trai, thường mặc áo cánh và quần vải trắng hoặc nâu. Đi đâu cũng



*Hình 190: Trẻ em đầu thế kỷ XX
(Viện Thông tin Khoa học xã hội)*

mặc áo dài the thām hoặc vải trắng, cũng có thất lưng màu xanh, đỏ hoặc nâu. Đầu trọc hay cắt tóc ngắn, cũng có khi quấn khăn hay đội khăn xếp. Đi guốc gỗ, hoặc đi chân đất. Có em đi giày Gia Định. Ở tuổi này, nhiều em vẫn còn để tóc trái đào hoặc để cút. Ngày tết, thường được mặc quần áo mới. Có em được mặc cả bộ bằng lụa màu đỏ.



Hình 191: Các kiểu để tóc của trẻ em



Hình 192: Trang phục trẻ em trong ngày lễ tết



Hình 193: Học trò xưa (Delcampe.net)



Portrait of a young man, 19th century, Vietnam, Delcampe.net

Portrait of a young man, 19th century, Vietnam, Delcampe.net

Hình 194:
Trang phục học sinh
(Delcampe.net)

Gần giữa thế kỷ XX, có sự thay đổi về trang phục của các em ở thành thị. Con nhà khá giả, nữ mặc áo dài trắng bằng lụa hay gấm, sa tanh các màu, cài cúc cạnh sườn. Quần trắng. Đi guốc gỗ quai ngang hay giày cườm. Tóc để dài, buộc lại cho gọn, hoặc cắt theo kiểu tóc Nhật Bản (phía trước cắt ngang bằng, hai bên dài hơn ở giữa nhưng cũng cắt bằng, khoanh ra phía sau), hoặc dùng lược bõm chải ngược tóc lên cho khỏi xõa xuống mặt.

Nữ sinh Hà Nội các trường trung học, tiểu học đến lớp đều phải mặc áo dài. (Có em nhỏ đã mặc theo kiểu áo Lơ-Muya), đeo hoa tai dâm, kiềng vàng, vòng tay hoặc lập lắc (plaque) vàng.

Các em trai cũng mặc áo dài bằng chất liệu vải như gấm, nhiễu..., có em mặc theo kiểu trang phục trẻ em châu Âu như sơ mi, quần soóc, quần tây dài liền yếm.

Nam sinh trung học (như ở trường Bưởi) có thời gian thường mặc đồng phục áo dài trắng, quần trắng, mũ cát trắng, có em đi guốc, có em đi giày...



Hình 195: Cô giáo và nữ sinh năm 1939



Hình 196: Trang phục học sinh, thời kỳ Pháp tạm chiếm

Trang phục lễ cưới: Nhìn chung ngày cưới, các cô dâu thường mặc bộ áo mới ba, ngoài cùng là chiếc áo the thâm, bên trong ẩn hiện hai chiếc áo màu hồng và màu xanh, hoặc màu vàng mờ gà với màu hồ thủy. Rồi đến áo cánh trắng, cuối cùng là chiếc yếm hoa đào có dải băng lụa bạch.

Áo dài không cài khuy cổ và khuy cạnh nách. Để giữ cho vạt áo không bị buông trễ, người mặc dùng thắt lưng luồn qua trong vạt sau rồi buộc lại ngoài vạt trước. Thắt lưng lụa gồm hai chiếc màu hoa đào, hoa lý, ngoài cùng là thắt lưng sồi xe hoặc nhiễu tam giang, có tua ở hai đầu buộc múi buồng rú so le.

Cô dâu mặc váy sồi đen hoặc váy lĩnh, trên đầu vấn khăn nhiễu tím tam giang, đầu khăn gài chiếc đinh ghim, có đính con bướm vàng hoặc bạc, để tóc đuôi gà. Lúc đưa dâu, đi đường đội nón thúng quai thao, nón được trang trí thêm mỗi bên đầu quai, nơi nhô nón một thẻ bằng bạc hoặc bằng vàng. Chân đi đôi dép cong. Đi giữa các cô phù dâu cũng mặc tương tự như cô dâu. Đồ trang sức có khuyên đeo tai bằng vàng hoặc bằng bạc, cạnh sườn đeo bộ xà tích, con dao, ống vôi bằng bạc được chạm trổ đẹp.



Hình 197: Đám cưới xưa với các kiểu trang phục dân tộc

Chú rể mặc áo dài the thâm, trên nền áo dài trắng bên trong. Quần trắng ống sớ, đi giày Gia Định, đầu đội khăn xếp. Khi lễ tơ hồng, lễ nhà thờ thì khoác áo thụng lam.

Cô dâu con nhà quan thường mặc áo mớ ba cài vạt, ngoài là áo nhiều màu hồ thủy, bên trong là gấm hồng rồi đến lụa bạch. Phía dưới mặc quần lĩnh buri hay lĩnh tía. Đầu quấn khăn vành dây màu vàng hay màu hồng. Khăn là một dải vải dài từ 1,5 - 2m bọc vào tóc và quấn quanh đầu, số vòng nhiều hay ít tùy theo độ dài của khăn. Cách đội khăn như trên thường được gọi là kiểu “hoàng hậu”, từ miền Trung phổ biến ra miền Bắc. Chân đi hài cánh phượng thêu kim tuyến, tay cầm quạt lượt che mặt. Cô dâu không đội nón thúng mà có một cô phù dâu cầm nón ấy che cho cô dâu. Đây là loại nón thúng đẹp, làm bằng lá cọ trắng ngà với cái khua làm bằng những sợi tre nhỏ chuốt nhẵn, trang trí hình hoa, bướm bằng những sợi chỉ tơ ngũ sắc. Giữa đáy khua có miếng bạc chạm hoa lá hay lưỡng long châu nguyệt. Quai thao màu đỏ, nhồi nón mắc quả cù hay mỏ phượng ngậm đôi thẻ vàng. Đồ trang sức có hoa tai, chuỗi hạt vàng đeo cổ, tay đeo xuyến vàng trơn hoặc chạm.

Những năm sau, cô dâu còn nhà trung lưu mặc áo dài năm thân nhưng không cài khuy cổ, hoặc may áo không kín hết vòng cổ, gọi là áo hở cổ, mặc kẹp (hai chiếc) bên ngoài bằng vải mình khô hoa ướt, lụa hàng vân, hoặc gấm hoa, nhung the hoa, hoặc nhung đỏ v.v..., bên trong là lụa trơn màu phấn hồng hoặc hoàng yến, lòng tôm, vắn khăn nhung đen, mặc quần lĩnh tía hay sa tanh đen, chân đi hài thêu hạt cườm.

Con nhà giàu sang hơn, cô dâu còn mặc áo thụng bằng gấm màu đỏ hoặc màu vàng có họa tiết rồng, phượng, hoa, hay may bằng vải sa tanh màu hồng, màu đỏ, thêu rồng phượng, trong đó án tròn¹ và chữ phúc, cánh tay áo dài và rộng, bên trong là áo dài lụa màu trắng hay hồng, mặc quần trắng bằng sa tanh hay gấm mỏng. Đi giày vắn hài bằng nhung màu đỏ, hoặc màu vàng hay màu lam có thêu rồng, phượng bằng hạt cườm hay chỉ kim tuyến. Đầu đội khăn vành dây bằng nhiều, màu lam hay vàng hoặc mau hồng.

Có cô dâu mặc áo dài bằng vải mình khô hoa ướt hoặc gấm hoa, sa tanh, hay nhung đỏ..., mặc quần lụa trắng hay sa tanh. Đội khăn kiểu hoàng hậu, hoặc có người theo tây học, mái tóc đã phi dê thì gai thêm vòng hoa trắng ở trên đầu thay vì đội khăn... (lúc này khăn vành dây đã được làm sẵn chỉ việc đội lên đầu), cổ đeo kiềng hay dây chuyền, tay đeo xuyến, vòng.

Chú rể mặc áo dài bằng sa, xuyến, băng hoặc gấm, bên trong là áo dài lụa trắng, mặc quần lụa trắng, đầu đội khăn xếp màu lam, chân đi hài màu lam, khi lễ tơ hồng, lễ nhà thờ thì khoác áo thụng lam bằng the hay bằng gấm.

Ở thành thị về sau này còn tiếp thu một số hình thức trang điểm của châu Âu: cô dâu trang điểm son phấn, cài thêm bông hoa hồng trắng bằng voan ở ngực trái, tay đi găng trắng mỏng, ôm bó hoa lay ơn trắng, tượng

(1) Rồng ở áo cưới cô dâu được giản lược, cách điệu không giống như rồng trong cung đình (biểu tượng dành cho vua) và đương nhiên là rồng không móng.

trung cho sự trong trắng, đồng thời làm đẹp cho bộ trang phục ngày cưới. Các cô phù dâu mặc áo dài quần trắng, cũng cài thêm bông hoa trắng trên mái tóc. Chú rể mặc com lê, thắt cà-vạt hay cài nơ ở cổ, đi giày da.

Ở ngoại thành, cô dâu mặc theo lối cổ truyền áo dài cài cúc, quần lĩnh đen. Chú rể áo dài the, quần trắng, đội khăn xếp.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Hà Nội đã chứng kiến một đám cưới hoành tráng, phô trương sự giàu sang và thế lực của hai dòng họ Trần và Ngô được tổ chức tại Nhà Thờ Lớn với hai nghi thức tây và ta¹. Cô dâu khi làm lễ ở Nhà Thờ, mặc bộ váy đầm màu trắng, giắt kim tuyến, có hai em bé đi sau nâng đuôi váy và hai em nhỏ cầm cành thiên tuế đi hai bên. Các em đều mặc trang phục màu trắng.

Khi hôn lễ tổ chức theo nghi thức của ta, cô dâu mặc trang phục theo phong cách Á Đông, đầu quấn khăn vành dây, màu thiên thanh, áo dài gấm đỏ, thêu chỉ vàng, quần trắng.

Đầu thế kỷ XX, chú rể thường mặc áo dài gấm màu lam có họa tiết như hoa cúc, chữ phúc..., bên trong mặc áo dài lụa trắng, quần trắng ống sớ, đi giày da đen, đội khăn xếp, khi lễ tơ hồng khoác áo thụng lam.

Đến giai đoạn Hà Nội đã có nhiều công chức, nhà buôn lớn, một số chú rể mặc com lê, cài nơ ở cổ, đi giày da đen. Nhưng khi lễ tơ hồng hay lễ nhà thờ vẫn khoác áo thụng lam. Phù rể cũng mặc âu phục.

Trong đám cưới, người dẫn đầu đi đón dâu là một cụ ông cầm bó hương hay bưng một lư nhỏ đốt trầm tỏa khói. Đầu quấn khăn nhiều màu lam, hoặc khăn áo nhiều điều, mặc áo gấm thụng lam có họa tiết chữ thọ, hoa mai, hoa cúc, bên trong mặc áo dài lụa. Mặc quần lụa tơ tằm. Chân đi hài. Hai họ đều mặc trang phục sang trọng, mới đẹp.

(1) Tạp chí *Thế giới mới*, số 274 năm 1998: Theo hồi ký của cụ Trần Văn Lý (đám cưới của Trần Lệ Xuân và Ngô Đình Nhu).



Hình 198a: Trang phục cô dâu và người phù dâu những năm 40



*Hình 198b:
Cô dâu, chú rể những năm 40*



Hình 199:
Trang phục cô dâu
và người phù dâu
những năm 50



Hình 200:
Cô dâu, chú rể
những năm 50

Trang phục lễ tang: Trước kia những người để tang đều mặc quần áo bằng xô, gai, vải mộc màu trắng, nhưng về sau, trừ những người để trở đại tang, còn chỉ quần khăn là chính: nam quần khăn vải trắng rộng bản, nữ vấn khăn trắng xoắn lộn với tóc. Hàng chắt, khăn màu vàng, hàng chút chút khăn màu đỏ. Đi đưa ma, xưa thường phải đi chân đất, về sau nhà giàu ở thành thị bỏ lệ ấy mà đi dép tể bằng cối.

Sau ngày lễ tang, những người thân vẫn còn chút khăn ngang cho tới 100 ngày (có người theo phong tục phương tây, dùng vải đen may khăn ấy), áo quần để xô gấu, sống áo dài để hai nếp khâu ra ngoài (như mặc áo trái), đội mũ cát hay mũ phớt, phải quần khăn trắng quanh mũ, hoặc may một khoanh băng đen (rộng khoảng 4 cm) có thừa ra hai đuôi ngắn về phía sau, lồng vào mũ.



Hình 201:

Các vải đội cái, rước vong trong lễ tang

Ở Hà Nội, những đám tang nhà giàu thường tổ chức linh đình, có các vải mặc áo dài tay rộng màu nâu cổ chéo, đội một dải vải dài hàng chục mét, làm cái cầu để cho vong hồn qua sông Hắc thủy, qua chín con suối. Còn thuê hàng chục người mặc áo nếp, đội nón chóp đánh trống, thổi kèn, cử nhạc, mời nhà sư mặc áo cà sa, cầm gậy tầm xích cùng đi. Đầu thế kỷ XX, bắt đầu dùng xe do hai ngựa, sang nữa thì bốn ngựa kéo, ngựa trùm vải đen, chỉ để hở đôi mắt. Bác xà ích mặc áo màu đen cài khuy giữa, đầu đội mũ hai sừng. Nếu người chết chưa vợ, chưa



Hình 202: Các vãi cầm phướn, rước trống

chồng thì các thứ trong đám tang (như xe tang, vãi trùm ngựa, các vòng hoa...) đều toàn màu trắng.

* Với thời gian hơn một trăm năm, ngắn hơn nhiều so với thời kỳ phong kiến kéo dài hơn tám trăm năm, nhưng thời kỳ này đánh dấu bước thay đổi khá sâu sắc trong trang phục Thăng Long - Hà Nội. Có hai mốc thay đổi trang phục quan trọng.

Thứ nhất, khi nhà Nguyễn dời kinh đô nước Việt Nam vào Huế, Thăng Long trở thành tỉnh Hà Nội. Nhà vua và cung đình chuyển đi nên trang phục cung đình không tồn tại trên đất Hà Nội. Tuy nhiên, Tổng đốc Hà Nội với phẩm hàm như quan Thượng thư nên lễ phục cũng như thường phục của quan Tổng đốc được quy định cụ thể, nghiêm ngặt. Trang phục thời kỳ này cũng được nhà Nguyễn đặc biệt quan tâm với chủ ý thống nhất trong toàn cõi Việt Nam, tuy nhiên với những quy định có tính bất buộc không thu được nhiều kết quả, ngược lại còn gặp phải sự phản kháng mạnh mẽ từ trong dân gian.

Thứ hai, khi người Pháp đặt quyền bảo hộ đối với Hà Nội và dùng chính sách chia để trị, núp bóng "khai hóa văn minh" đã có nhiều chính sách tác động sâu sắc đến trang phục Hà Nội. Về mục đích của chính sách không thể nói chính sách của thực dân Pháp tốt hơn chính sách của nhà Nguyễn đối với trang phục Hà Nội, nhưng tác động làm thay đổi sâu sắc trang phục Hà Nội thì thời Pháp thuộc có tác động mạnh mẽ và sâu sắc hơn nhiều. Trang phục thời kỳ này thay đổi khá toàn diện từ chất liệu đến kiểu dáng, từ phong cách đến màu sắc, từ quần áo đến giày, dép, mũ nón, đồ trang sức... Sự thay đổi đối với cả nam và nữ, đối với công chức, viên chức và các tầng lớp thị dân. Nhiều thay đổi được chấp nhận từ đó cho đến nay vẫn được giữ gìn và phát triển theo chiều hướng ngày càng hoàn mỹ hơn. Chiếc áo dài Việt Nam là một ví dụ.

Thông qua trang phục thời kỳ này chúng ta có thể rút ra một vài nhận định như sau:

Thứ nhất, sự thay đổi vị trí từ một kinh đô sang một tỉnh đối với Thăng Long - Hà Nội, cũng như địa vị thành phố bị bảo hộ thời thuộc Pháp đã tạo sự thay đổi nhất định trong trang phục Hà Nội.

Thứ hai, trang phục có lịch sử phát triển riêng của mình, không hoàn toàn phụ thuộc vào mục đích tốt hay xấu của người cầm quyền. Nó phụ thuộc nhiều vào sự chấp nhận có tính văn hóa thẩm mỹ của cộng đồng. Nó cũng thể hiện bản lĩnh của người Thăng Long - Hà Nội nói riêng và người Việt Nam nói chung trong những cuộc giao lưu văn hóa, ngay trong điều kiện bị cưỡng bức. Khả năng chọn lọc, tiếp nhận và cải biến yếu tố ngoại sinh tốt đẹp thành cái nội sinh phù hợp với yêu cầu cuộc sống vật chất tinh thần của chính mình là một truyền thống quý báu cần được gìn giữ và phát huy trong điều kiện mở cửa hội nhập hiện nay.

Thứ ba, trang phục mang cốt cách, bản sắc văn hóa của một cộng đồng, một dân tộc. Tuy nhiên, nó không phải là cái bất biến mà luôn luôn biến đổi dưới tác động của chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, nhưng chủ thể của sự biến đổi ấy là cộng đồng dân cư chứ không phải là một lực lượng áp đặt từ bên ngoài. Những biến đổi phù hợp với quy luật phát triển chung thì tồn tại lâu dài, những biến đổi gò bó, kệt cớm chạy theo một mang tính ngoại lai pha tạp không được chấp nhận một cách tự nhiên dễ bị chối bỏ trong thời gian ngắn.

Phần thứ ba

TRANG PHỤC GIAI ĐOẠN VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Giai đoạn này có ba sự kiện vô cùng quan trọng làm thay đổi toàn bộ đời sống chính trị, văn hóa xã hội Việt Nam, và bởi thế cũng ảnh hưởng sâu rộng đến trang phục Thăng Long - Hà Nội

Trong thời hiện đại, Cách mạng tháng Tám thành công với việc ra đời của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á. Hà Nội trở thành Thủ đô của một nhà nước như thế, không chỉ là sự thay đổi về vị trí chính trị và hành chính mà là sự thay đổi căn bản tính chất và vai trò của vùng đất Thăng Long - Hà Nội xưa trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Sự thay đổi có tính cách mạng đó đã làm cho sự thay đổi về trang phục cũng mang tính cách mạng cả về nội dung và hình thức của nó. Chế độ cộng hòa không còn vua và vì vậy không còn trang phục cung đình với những quy định, phép tắc khác với dân thường. Xã hội dân chủ và bình đẳng nên mọi tầng lớp, mọi thành viên trong xã hội bình đẳng, tự do xây dựng hạnh phúc ấm no, việc ăn mặc được lựa chọn phù hợp với điều kiện lao động và sinh hoạt của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Đó là nét tổng quát lớn mang dấu ấn cách mạng của sự thay đổi trang phục Hà Nội. Mặt khác, đời sống mới với vai trò làm chủ của công nhân, nông dân và nhân dân lao động, nên trang phục cũng có những nét mới phù hợp với ý nghĩa đó. Xu hướng giản dị, gắn với đời sống lao động sản xuất đang dần dần chiếm lĩnh thị hiếu trang phục. Ở giai đoạn đầu thời Việt Nam dân chủ cộng hòa, những chi tiết rườm rà được lược bớt, quần áo, giày dép gọn gàng phù hợp với cuộc sống mới. Sự xuất hiện tự vệ thành, vệ quốc đoàn cũng tạo một kiểu trang phục mới. Tuy nhiên, sự thay đổi có tính cách mạng đó cũng không phải là sự đứt đoạn

của trang phục. Chúng ta có thể hình dung trang phục của các thành viên Chính phủ Lâm thời để thấy thú vị của tiến trình trang phục Thăng Long - Hà Nội. Trong Chính phủ cụ Hồ mặc quần áo theo kiểu Tôn Trung Sơn, cụ Huỳnh lại mặc áo the khăn đóng, các thành viên khác thì mặc theo kiểu âu phục (áo sơ-mi, vét-tông). Rõ ràng thời kỳ này ta thấy trang phục Hà Nội đang tìm cho mình một phong cách mới phù hợp với vị thế mới. Tuy nhiên thời tạm chiếm ngay sau đó năm 1954, các mô-đen có từ trước đó vẫn được duy trì như cái áo tân thời của phụ nữ Hà thành chẳng hạn. Đặc biệt trong giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975 Hà Nội vừa có hòa bình được ít năm lại có chiến tranh. Trong chiến tranh phá hoại của không lực Hoa Kỳ thì các trang phục phòng không từ màu sắc đến kiểu dáng, từ quần áo đến giày mũ, từ người dân đến dân quân tự vệ, bộ đội... đều thay đổi phù hợp với yêu cầu cuộc sống thời chiến.

Mốc quan trọng thứ hai trong thời hiện đại phải kể đến năm 1975, ngày thống nhất non sông. Cuộc sống từ chiến tranh chuyển sang hòa bình tác động đến sự đổi thay về trang phục. Đặc biệt sự thống nhất Bắc Nam không chỉ thông thương về chính trị, kinh tế mà văn hóa xã hội cũng có sự giao hòa mau chóng. Các kiểu áo quần, đầu tóc, đồ trang sức cũng có sự ảnh hưởng tương tác lẫn nhau. Các “bộ đồ” áo ngắn, quần cùng màu của giới nữ từ Sài Gòn mau chóng được chị em Hà Nội tiếp nhận. Có những lúc đã lạm dụng mặc cả những nơi hội họp làm cho dư luận xã hội bức xúc. Cái quan trọng là kiểu trang phục “bộ đồ” ấy có tính tiện dụng đồng thời làm cho quan niệm quần thām dành cho phụ nữ với các chất liệu thời chiến như lán, phíp dần dần được thay thế bằng quần âu, quần ta màu sáng hơn, thậm chí là quần hoa chất liệu nhẹ, thoáng mát... Đối với nam giới quần ống loe, quần ống túyp, tóc dài cũng xuất hiện ở một số thanh niên chạy theo một đã gặp phải phản ứng gay gắt của xã hội, dẫn đến những ứng xử cực đoan với người sử dụng trang phục kiểu này. Thực ra trang phục có đời sống riêng của nó, sau đó một thời gian không lâu và cho đến bây giờ không cần ngăn cấm cũng không có ai mặc quần ống loe hay ống túyp quá cỡ như kiểu trước nữa.

Như trên chúng tôi đã trình bày, ba mốc quan trọng của thời hiện đại là năm 1945, năm 1975 và thời kỳ đổi mới. Tuy nhiên, với trang phục

Thăng Long - Hà Nội chúng tôi còn nhận thấy thời kỳ đổi mới cũng tạo ra nhiều thay đổi có tính biện chứng trong quan hệ giữa kinh tế và trang phục. Trong sự nghiệp đổi mới này đã làm cho nền kinh tế đất nước phát triển, nhu cầu ăn no, mặc ấm đã dần chuyển sang ăn ngon, mặc đẹp không chỉ riêng đối với người dân Hà Nội. Xu hướng này đã tạo cho mọi tầng lớp nhân dân Thủ đô có phong cách mới trong trang phục. Mặt khác, chính sách mở cửa, hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam với cộng đồng thế giới cũng tác động không nhỏ đến trang phục Hà Nội. Có thể nói thế giới có một gì thì ở Hà Nội cũng có một đó. Có trang phục phù hợp được nhiều người tán thưởng, nhưng cũng có những một mới không được đồng đạo hoan nghênh. Các một hở hang “kiểu khoe hàng” đang ảnh hưởng dữ dội trong lớp trẻ. Tuy nhiên, không phải tất cả đều được ủng hộ nên nó không phát triển theo hướng cực đoan, buông thả. Chúng ta có kinh nghiệm ứng xử với dạng học đòi này, nên không có các biện pháp cực đoan, mà đang kiên trì giáo dục thẩm mỹ, đặc biệt cho giới trẻ. Thời đổi mới phải kể đến thay đổi có tính tích cực đó là xu hướng trang phục lịch lãm, tác phong công nghiệp, năng động và thẩm mỹ. Nam giới đi giày đến công sở, mặc áo sơ mi bỏ trong quần gọn gàng. Ngày lễ nam mặc com lê, thắt cà-vạt. Nữ mặc áo dài truyền thống thật lịch lãm. Hiện nay ngoài đường phố Hà Nội ít thấy người kéo dép lê lẹp kẹp trên hè. Rõ ràng trang phục Hà Nội, phần giữ nét đẹp truyền thống, phần đang khẳng định cái mới trong cuộc sống hiện đại.

Chương V

TRANG PHỤC TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN GIẢI PHÓNG 1954

Lịch sử đất nước bước vào thế kỷ XX có những thay đổi lớn lao. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, làn sóng phản kháng ách đô hộ của thực dân Pháp ở Hà Nội ngày càng mãnh liệt hơn. Nhiều tổ chức cách mạng được thành lập. Trong lòng thủ đô diễn ra nhiều cuộc đình công của công nhân, bãi khóa của học sinh; biểu tình của bà con tiểu thương chợ Đồng Xuân và những cuộc mít tinh của thanh niên, trong lực lượng tuyên truyền vũ trang kêu gọi quần chúng tham gia đánh Nhật cứu nước...

Hà Nội vừa chống thực dân Pháp, vừa chống phát xít Nhật, Hà Nội cùng cả nước đứng lên giành chính quyền.

Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, Hà Nội trở thành là thủ đô của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1946).

Tổng khởi nghĩa và ngày Tuyên ngôn Độc lập 1945 có ý nghĩa của một cuộc đổi đời to lớn, tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến nếp sống và nếp nghĩ của từng người dân.

1. Trang phục thời cách mạng (1945 - 1946)

Thời gian không dài lắm, từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 đến ngày toàn quốc kháng chiến (19 tháng 12 năm 1946) nhưng nhân dân đã sống trong không khí hào hùng của dân tộc, được chứng kiến những hoạt động cách mạng trên đất nước ta nói chung và Hà Nội nói riêng. Đó là cuộc cách mạng của cả một dân tộc vừa giành được độc lập, tự do, diễn ra sôi nổi từ nông thôn đến thành thị, từ miền xuôi lên miền núi, trong Nam, ngoài

Bác, già trẻ, gái trai mọi tầng lớp lương cũng như giáo; từ người dân lao động đến những người trí thức..., tất cả đã tạo nên một cuộc sống mới vô cùng phong phú. Cuộc sống mới đòi hỏi những con người mới biết làm chủ cuộc đời mình.

Trong nhân dân, người già như trẻ lại, họ mặc những bộ quần áo mới đi họp, đi mít tinh. Lớp trẻ cảm thấy như lớn lên, ghé vai đảm đương công tác cách mạng, tham gia diệt giặc đói, diệt giặc dốt.

Nhiều người cắt áo the, khăn xếp, mặc áo cánh hoặc sơ mi, gọn gàng.

Tầng lớp phụ nữ đã được cách mạng giải phóng, tham gia vào những hoạt động chính trị, xã hội như các tổ thanh niên, nhi đồng, làm đội viên tuyên truyền xung phong, huấn luyện văn hóa quần chúng, bình dân học vụ, tham gia diễn kịch. Phụ nữ nhà giàu bớt điếm dúa, sát cánh cùng chị em lao động làm việc công ích, giúp dân bị lụt, cứu tế...

Công nhân hăng hái đi đầu trong mọi lĩnh vực. Đặc biệt, ở lứa tuổi thiếu niên, nhi đồng, diễn ra một cuộc sống sôi động, nhất là ở thành thị, các em mặc đồng phục, tập trung hội họp, đi trại, ca hát... thành lập đội nhi đồng cứu quốc Hà Nội..., bước đầu làm xóa nhòa ranh giới giữa con ông chủ, con chị sen, con ông đốc, con anh thợ... của những ngày hôm trước.

Không còn hệ thống trang phục cân, đai, mũ, măng của tổ chức nhà nước phong kiến nữa, mà Hà Nội đã khoác trên mình một màu cờ đỏ sao vàng. Người Hà Nội mặc những bộ trang phục mới, để cùng đồng hành với cuộc cách mạng chung, trong cuộc sống độc lập, tự do của nước nhà.

Trang phục cấp lãnh đạo trong Chính phủ

Lần đầu tiên nhân dân Hà Nội tận mắt nhìn thấy các vị lãnh đạo đứng đầu nhà nước trong trang phục giản dị, gần gũi, không cách biệt với trang phục của cuộc sống nhân dân.

Hồ Chủ tịch giản dị trong bộ "đại cán" bằng vải ka ki, cổ đứng, bốn túi màu be kiểu Tôn Trung Sơn⁽¹⁾, trên lễ đài ngày Tuyên ngôn Độc lập 2

(1) Áo đại cán kiểu Tôn Trung Sơn: Đây là loại áo do Tôn Trung Sơn đưa ra ý tưởng và cũng là người mặc đầu tiên, xuất phát từ trang phục của nhân dân tỉnh Quảng Đông.

tháng 9 năm 1945 tại vườn hoa Ba Đình lịch sử, hình ảnh đó đã nói lên tất cả về người đứng đầu của một nhà nước Việt Nam độc lập.

Rồi các bộ trang phục của thành viên trong Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, mà nhân dân cả nước đã đi bỏ lá phiếu bầu trong Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, ngày 6 tháng 1 năm 1946. Đó là bộ áo dài truyền thống dân tộc, khăn xếp, áo dài the đen, quần ta trắng cùng những bộ com lê, sơ-mi, cà-vát đương thời... những bộ sắc phục ấy cùng hòa chung, thể hiện tinh thần đoàn kết và mang đậm truyền thống dân tộc.



Hình 203: Trang phục của các vị lãnh đạo trong Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1946)

Trang phục nhân dân

Hà Nội lúc này có một sắc thái đặc biệt, cùng với các thành phần mới: cán bộ, các chiến sĩ cách mạng, nữ du kích, thanh niên..., tạo nên sự đa

Trung Quốc. Sau khi đã cách điệu, bộ đại cán ra đời với thiết kế đơn giản: cổ đứng, có bốn túi và hàng khuy nằm dọc cái giữa. Áo đại cán giản dị, gọn gàng mà vẫn mang phong thái đĩnh đạc cho người mặc, nên được sử dụng phổ biến. Từ đó áo đại cán được mang tên là áo Tôn Trung Sơn. (*Kể chuyện văn hóa truyền thống Trung Hoa*, Nxb Thế giới, Hà Nội 2003).

dạng, khỏe khoắn, nhưng không kém phần duyên dáng, mang nét riêng của người Hà Nội.

Những dân quân trai, gái, khỏe khoắn trong bộ áo cánh, quần ta chèn ống màu nâu. Các chị thôn nữ vấn tóc, chít khăn vuông đen, áo cánh nâu, quần thâm bó ống, thắt lưng gọn gàng.

Các anh tự vệ đội mũ ca lô, áo sơ mi cộc tay, quần soóc chân đi giày da hoặc ba ta. Chị em Hà thành, cắt tóc ngắn, áo sơ mi cộc tay, quần thâm bó ống, chân đi ba ta hoặc dép cao su trắng⁽¹⁾.



*Hình 204: Nam nữ dân quân Hà Nội
(Combatants et combattantes d' Hanoi)*

Các chiến sĩ cách mạng trong đội vũ trang tuyên truyền giải phóng quân từ chiến khu về Hà Nội với trang phục: Nam, áo sơ mi cộc tay, vạt áo bỏ trong quần, mặc quần soóc, thắt lưng da to bản, chân đi giày da ngắn cổ, đội mũ cát màu trắng; Nữ, áo sơ mi cộc tay, có túi ngực, thắt

(1) Còn gọi là dép cao su con hổ.

lưng da to bản, mặc quần vải màu đen, gấu quần túm gọn, đi giày ba ta, tóc cặp gọn, đôi mắt rộng vành màu chàm.

Nhân dân Hà Nội, từ thanh niên, phụ nữ đến các cụ phụ lão đều trong những trang phục đẹp nhưng gọn gàng, cùng tham gia vào các hoạt động như tuần lễ vàng để ủng hộ Nam Bộ kháng chiến và phục vụ cho quân nhu. Phụ nữ Hà Nội đã quyên góp 6.842 mét vải lụa, 149 cân len, 1.221 chiếc quần áo và tiền mặt... (trong những phong trào trên có sự đóng góp tiêu biểu của gia đình ông Trịnh Văn Bô, chủ cửa hàng buôn bán tơ lụa vải vóc Phúc Lợi, một nhà tư sản, doanh nhân yêu nước của Hà Nội). Rồi thanh niên thủ đô Hà Nội, ba lô khoác vai lên đường Nam Tiến...

Khi thực dân Pháp quay lại nổ súng tấn công thủ đô Hà Nội, nhân dân Hà Nội vừa xây dựng cuộc sống mới, vừa một lòng sẵn sàng chiến đấu chống thù trong giặc ngoài, để bảo vệ thủ đô thân yêu.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946 một thời kỳ mới bắt đầu, thời kỳ toàn quốc kháng chiến, làn sóng chiến đấu cuộn dâng trong lòng thủ đô, mỗi người dân Hà Nội là một người lính, mỗi nhà là một pháo đài. Thanh niên trở thành tự vệ chiến đấu, phụ nữ vào đoàn cứu quốc, làm cứu thương, tiếp tế, các em nhỏ tham gia liên lạc. Tất cả mọi tầng lớp, cùng hợp sức trên một trận tuyến “Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh”.



Hình 205:

Trang phục nữ tự vệ thành Hà Nội



Hình 206: Trang phục đoàn quân Nam Tiến (1945).

(Ảnh Nguyễn Bá Khoản)

Những ngày tháng lửa đạn hào hùng này, Hà Nội đã chứng kiến con em của thủ đô trong đoàn Vệ Quốc quân làm lễ tuyên thệ “Cầm tử để bảo vệ thủ đô” và Trung đoàn thủ đô tuyên thệ tại rạp hát Tố Như (sau là rạp Chuông Vàng, phố Hàng Bạc, Hà Nội).

Hình ảnh các anh với bộ trang phục mang dấu ấn một thời của người chiến sĩ vệ quốc quân thành Hà Nội.

Các chiến sĩ vệ quốc quân (đa số là tiểu tư sản học sinh, công nhân) với trang phục rất đẹp: áo sơ mi, quần bó ống, đi giày da cổ thấp. Đặc biệt là có loại mũ ca lô vải ka ki màu vàng hay bằng dạ tím than, đội lệch trên đầu. Trước mũ đính một ngôi sao vàng trên nền đỏ, hình tròn.

Tự vệ chiến đấu thành đeo sao vàng, nền đỏ, hình vuông (đều bằng vải hoặc nỉ màu đỏ). Đối với cán bộ chỉ huy, quân hiệu còn thêm một vành màu vàng cho các cấp:



Hình 207: Trang phục của Trung đội Quyết tử quân (1946).
(Ảnh Nguyễn Bá Khoản)

Tiểu đội trưởng, trung đội trưởng, đại đội trưởng, từ cấp chi đội trưởng: thêu bằng sợi kim tuyến (vàng), cấp phó: thêu một vành màu trắng. Từ cấp chi đội phó: thêu bằng sợi ngân tuyến (bạc).

Ngoài ra, còn có cấp hiệu hình chữ nhật (5cm x 2cm) gài ở túi ngực bên trái. Cấp hiệu, nền bằng vải màu đỏ, ở giữa thêu sao màu trắng.

Cấp cán bộ tiểu đội: một sao; trung đội: hai sao; đại đội: ba sao; chi đội: bốn sao. Cấp trưởng: thêu vành vàng, cấp phó: thêu vành trắng.

Khi lên hòa tuyến, các chiến sĩ cảm tử còn đeo lên vai áo chiếc huy hiệu hình Tháp Rùa và quàng cổ chiếc khăn màu đỏ, tượng trưng cho tinh thần quyết chiến thắng và sẵn sàng hy sinh vì dân tộc, vì Tổ quốc.

Để phục vụ cho con em đang chiến đấu bảo vệ thủ đô, Hà Nội thành lập Hội mùa đông binh sĩ quyền góp vật liệu, tập hợp các cơ sở sản xuất

và các chị em phụ nữ tham gia may áo rét cho các chiến sĩ. Trong phong trào này xuất hiện chiếc áo chần thủ⁽¹⁾.

Áo chần thủ cắt may đơn giản, gồm hai mảnh, mảnh trước và mảnh sau, nối liền nhau ở cạnh sườn và một bên vai, ngắn đến thắt lưng, cổ tròn, không có tay áo. Một bên cạnh sườn và vai bên kia cài cúc. Mỗi mảnh áo may hai lớp vải, ở giữa nhồi bông, chân hình quả trám. Áo gọn gàng, giữ nhiệt tốt. Sau này ở chiến khu Việt Bắc, những năm kháng chiến gian khổ hiểm hòng, có thời kỳ phải dùng lông vịt hay vỏ cây sui đập dập, phơi khô thay bông. Cúc, khuy cũng thiếu, phải dùng dây vải buộc hoặc làm cúc bằng giấy ép tấm sơn thay thế. Tấm áo chần thủ đã trở thành một điển hình khi ta nói tới anh bộ đội thời kỳ kháng chiến chống Pháp nói chung và anh chiến sĩ Vệ quốc đoàn Hà Nội nói riêng. Thêm vào đó, không thể không nhắc tới chiếc mũ đan bằng tre, bọc vải chàm cả vành mũ, bên ngoài phủ một tấm lưới có dất rải rác những miếng vải dù hoa xé nhỏ để ngụy trang. Có trường hợp mũ chỉ bọc vải dù hoa. Dưới chân anh bộ đội là đôi dép lốp cao su đen (thường gọi tắt là dép lốp, dép cao su).

Đáp lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch, nhân dân Hà Nội chiến đấu anh dũng, đã tiêu thổ kháng chiến, một số bộ phận nhân dân đi tản cư theo kháng chiến ra ngoài vùng tự do. Thành phố tạm thời bị giặc Pháp chiếm đóng.

Để phù hợp với cuộc sống vừa lao động, vừa sản xuất và chiến đấu, trang phục của phụ nữ Hà Nội ngoài vùng tự do đã có nhiều thay đổi, chị em mặc gọn gàng hơn, áo cánh nâu, cổ tròn hay cổ quả tim, trong mặc áo lót không tay. Quần đen bằng vải phin hay láng. Vải khăn và chít khăn vuông mỏ quạ.

Những người thoát ly làm cán bộ mặc sơ mi hoặc áo kiểu đại cán, tay thẳng, cổ hình cánh nhận, áo thường may bằng vải màu xanh hòa bình hay ka ki màu xi măng, màu be hồng, vải chít khăn, búi tóc hoặc cặp tóc, tết tóc... Đi dép cao su đen, hoặc dép cao su trắng quai to, (dép cao su con hổ).

(1) Từ trước tới nay, nhiều người viết là “trần thủ” và cho rằng nó xuất phát từ câu ca dao “Ba năm trần thủ lưu đồn”. Nhưng đúng ra phải viết bằng chữ “chần thủ”. Áo chần thủ có nghĩa là áo cút tay.

Thời gian này, ở vùng tự do, hầu như vắng bóng những chiếc áo dài màu sắc của nữ thanh niên. Nhưng các bà, các cụ vẫn mặc áo dài tứ thân, năm thân đi mít tinh, đi lễ, đi họp...

Trang phục nam giới sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ở thành thị được Âu hóa khá nhanh.

Ở nông thôn còn phải trải qua một quá trình lâu hơn mới có sự thay đổi căn bản. Thông qua cuộc kháng chiến chống Pháp, mối quan hệ thành thị, nông thôn được chan hòa đã thúc đẩy tích cực sự biến chuyển ấy.

Nhiều thanh niên nông thôn bắt đầu mặc áo sơ mi, quần Âu, trong khi đó nhiều cán bộ xuất thân ở thành thị cũ đã thường xuyên mặc quần áo nâu, hoặc quần âu, áo cánh ta màu nâu, để dễ thâm nhập vào quần chúng nông thôn.

Thời gian này, ngoài chiếc áo chần thủ (quần và dân đều dùng), còn phổ biến đôi dép cao su và chiếc mũ lá (mũ làm bằng lá cọ).

Ngày toàn quốc kháng chiến, các lực lượng vũ trang tản vào dân, dựa vào dân, mặc như dân, chủ yếu mặc áo quần bằng vải nâu và màu đậm.

Áo cánh có hai túi, quần ta buộc túm ống (do đó có tên gọi bộ đội là Vệ túm. Cũng có người cho rằng do có chiến sĩ rách áo, rách quần, chưa vá kịp, lấy dây buộc túm lại, nên có tên gọi như vậy).

Có người mặc sơ mi, quần Âu. Mũ nón, giày dép có gì dùng vậy. Có người đi chân đất. Cán bộ mặc thêm áo blu-đông, áo vét Ca-na-diêng, áo va-roi... tùy theo khả năng tự túc.

* Cách mạng tháng Tám thành công, Hà Nội trở thành thủ đô nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trong cuộc cách mạng chung của dân tộc, thì Hà Nội cũng mang một dấu ấn cách mạng về trang phục. Chế độ mới, đem lại cho nhân dân một cuộc sống tự do, bình đẳng, với vai trò làm chủ của mình, các tầng lớp nhân dân Hà Nội cùng chung vai gánh vác việc xây dựng, chiến đấu, bảo vệ đất nước. Cuộc sống mới này đã tác động mạnh mẽ đến cách mặc của người Hà Nội, từ xềnh xang, diêm dúa đến gọn gàng, giản dị, khỏe khoắn, trang phục của những người



Hình 208: Đội thiếu niên những năm đầu kháng chiến



Hình 209: Phụ trách và thiếu niên những năm kháng chiến



*Hình 210: Phụ trách đội viên
Thành Hà Nội (1945 - 1946)*

thức trang phục ấy lại trở về thủ đô Hà Nội thành một xu hướng và được phát triển rộng rãi trong trang phục của người Hà Nội.

*Hình 211:
Đội viên thanh niên
Thành Hà Nội*

cấp lãnh đạo nhà nước với trang phục của các tầng lớp nhân dân không còn là sự cách biệt về thân phận con người như trong xã hội phong kiến thuộc địa trước đó. Thời gian chính quyền cách mạng ở thủ đô Hà Nội chỉ hơn một năm nhưng những hình thức mặc, kiểu cách trang phục của các tầng lớp xã hội mới như bộ ka ki “đại cán”, áo sơ-mi, quần Âu, quần ta bố gấu, áo cánh nâu, áo chần thủ... của thời gian này đã là trang phục phổ biến của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân ở vùng tự do trong suốt chín năm kháng chiến, đến khi hòa bình lập lại ở miền Bắc. Những hình





Hình 212: Thanh niên Hà Nội tham gia kháng chiến



*Hình 213:
Phụ nữ tham gia cách mạng*



Hình 214: Cán bộ, trẻ em trong vùng kháng chiến

2. Trang phục thời tạm chiếm (1947 - 1954)

Năm 1947, Hà Nội là thành phố tạm chiếm của Pháp. Thực dân Pháp dần dần chấn chỉnh, thi hành một số chính sách nhằm mục đích biến Hà Nội trở thành một thành phố thuộc địa để phục vụ chiến tranh, cho đến khi Hội nghị Giơ-ne-vơ được ký kết năm 1954.

Trong những năm Hà Nội bị tạm chiếm, ngoài những thành phần xã hội phức tạp của người Việt Nam trước đó, những người Tây mại bản đến

buôn bán “khai phá thuộc địa”, còn có lính viễn chinh Pháp, lính lê dương, bọn mật thám, cảnh sát. Vì vậy những quán ba, tiệm nháy đã mọc lên và ngày càng phát triển v.v... Đồng thời kéo theo những người làm nghề phục vụ như bồi bàn, gái nhảy, xích lô, đánh giày ngày càng nhiều... Hà Nội lúc này không phải là một thành phố sản xuất, mà là một thành phố tiêu phí, phụ thuộc, phục vụ cho bộ máy cai trị của thực dân. Hàng hóa của Pháp, Mỹ tràn ngập với đủ loại mặt hàng mỹ phẩm như: nước hoa Cô ty; hàng may mặc vải, lụa, len, dạ... nhãn mác Made in France hoặc Made in USA v.v... nhiều và rẻ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của xã hội đương thời, nhất là đối với việc mặc của một thành phố “phồn vinh hoa lệ” hơn thời thuộc địa.

Nhân dân Hà Nội hồi cư, người dân ở các nơi đến Hà Nội lập nghiệp sinh sống. Ngoài những địa danh cũ có liên quan sản xuất, buôn bán về trang phục đang dần được phục hồi, còn ra đời ngày càng nhiều các cửa hàng buôn bán mũ, giày kiểu mới, để phục vụ cho nhu cầu trang phục của người dân Hà Nội lúc bấy giờ như: Hiệu may ở phố Lương Văn Can (do người Trạch Xá ra Hà Nội mở) và tồn tại cho đến ngày nay. Các cửa hiệu may ta⁽¹⁾ nổi tiếng lúc bấy giờ như: Tân Mỹ, ở số 4 phố Hàng Gà (Tiền Sinh cũ); Hai Gù (phố Huế), Phú Thịnh (phố Hàng Quạt) v.v... Các hiệu may tây⁽²⁾ như: Long Xuyên (phố Huế), Long Thịnh (số 4 Tràng Tiền) v.v... Hiệu giày tây Tân Toàn (117 phố Hàng Gai); hiệu giày da Quảng Đức (40 phố Hàng Trống) và hiệu mũ Chấn Hưng ở 76 phố Hàng Gai...

Cho đến những năm 1950, phố Khâm Thiên trở thành nơi chuyên đào tạo thợ may với loại may khâu nhập ngoại. Hà Nội một mặt đáp ứng và thích nghi với trào lưu trang phục ngoại quốc, một mặt vẫn duy trì truyền thống, đồng thời tiếp nhận những kỹ thuật mới để phục vụ việc mặc của nhân dân ta. Bên cạnh đại lý bán vải, lụa của nước ngoài để may quần áo tây, vải thủ công của người Việt cũng ra đời như hãng dệt Phúc Tiến (172 Triệu Việt Vương)... Trên phố có những hiệu may ta, may tây nhưng hàng ngày ta vẫn thấy có người cấp chiếc thùng nhỏ, hoặc chiếc tay nải khoác

(1) May ta: Quần áo kiểu người Việt: áo cánh, áo dài, áo bông, quần...

(2) May tây: Quần áo kiểu Tây: sơ mi, quần tây, vest tông...



*Hình 215:
Trẻ em nữ lao động ngoại thành*

học, viên chức cao cấp..., đa phần theo lối mặc đương thời của phương Tây như: mũ phớt, mũ nôi, các loại com-lê, sơ mi, cà-vạt, smock kinh, giày tây, với chất liệu đủ kiểu và đắt tiền... Nhưng cũng có người tùy vào từng trường hợp họ vẫn

vai, trong đó có đồ nghề như: cái vạch, cái thước ta, kim, chỉ... để cắt may và khâu vá thuê quần áo tại các nơi có người dân lao động sinh sống. Trên phố ở 23 Bờ Hồ có hiệu nhuộm hóa học tây và vẫn có những người thợ thủ công gánh trên vai đôi bìa vải sơn then, đến các xóm, chợ, nhận nhuộm vải và quần áo cho lớp người bình dân lao động...

Nhìn vào trang phục giai đoạn này ở Hà Nội, ta có thể nhận thấy sự phân cách lớn về thân phận con người trong xã hội: giữa chủ với người làm thuê và giữa người giàu với người nghèo.

Trang phục giới thượng lưu mãi bản tư sản dân tộc, trí thức tây



*Hình 216:
Trẻ em nam lao động ngoại thành*



Hình 217: Trẻ em thành thị

mặc áo dài the, áo dài trắng, áo sa tanh đen hay màu lam, áo gấm hoa hay chữ thọ v.v... Quần trắng ống rộng, đôi khăn xếp, đi giày da láng hay giày da đen kiểu Âu tây.

Trang phục nhân dân

Nhìn chung trang phục người Hà Nội, trong thời kỳ là vùng tạm chiếm, chịu sự đô hộ của thực dân Pháp, với chất liệu vải vóc và các kiểu mốt Tây Âu thâm nhập ngày càng nhiều, nhưng mọi tầng lớp nhân dân lao động, tiểu thương và một số tiểu tư sản dân tộc vẫn giữ được nề nếp ăn mặc truyền thống trong trang phục.



Hình 218: Phu xe nhà giàu



Hình 219: Tri thức văn nghệ sĩ Hà Nội

Phụ nữ thời bấy giờ ở trong nhà thường mặc áo cánh trắng, cổ thìa (cổ áo giống hình cái thìa múc canh), cổ tròn, cổ quả tim, cổ vuông. Nhiều cổ gái đã dùng đăng ten, hoặc “bô-đê” ở cổ, gấu áo, miệng túi⁽¹⁾... Cài cúc giữa bằng khuy trai, khuy bấm ở cổ áo, tay dài hoặc ngắn. Bên trong, mặc áo chui đầu không tay gọi là áo lót, hoặc mặc “coóc-sê” (corset). Người

(1) Bô-đê: Phiên âm tiếng Pháp (Broderie). Đầu tiên do phụ nữ Pháp truyền dạy cho các chị người Việt đến giúp việc (dân ta vẫn gọi là “cô khâu đằm”). Sau đó người Hà Nội phát triển thành nghề thủ công thành thị.

Đầu thế kỷ XX, phố Hàng Trống (Jules Ferry) trở thành nơi kinh doanh mặt hàng thêu thìa đăng ten cho người ngoại quốc. Các chị bán hàng đều mặc áo dài, quần trắng rất lịch lãm.

Năm 1901, nghề đăng ten đã truyền sang một số tỉnh như Hà Đông, Hà Tây và một số địa phương ngoại thành Hà Nội, trở thành một nghề phụ lúc nông nhàn của người dân lao động.

Ngày nay ở Hà Nội trên các phố: Hàng Bông, Hàng Gai, Hàng Trống vẫn kinh doanh mặt hàng này.



Hình 220a

Hình 220: Áo dài hai tà, quần trắng

Các cô gái thường mặc áo cổ cao từ 4cm - 7cm dựng bằng vải hồ cứng, góc tròn. Vạt áo lượn, tà khép. Các bà mặc quần đen. Các chị thường mặc quần trắng.

Một số ít chị em phục vụ ở quán ba, tiệm nháy, mặc váy đầm, áo xường xám với màu sắc, kiểu cách khác nhau và trang điểm tô đậm phấn son...

Từ những năm 1950, tằm áo dài của chị em Hà Nội đã được cải tiến và định hình cổ cao, cổ lót cứng, góc

nhiều tuổi vẫn mặc yếm nhưng được cải tiến, thay hai dải yếm ở cạnh sườn bằng hai miếng vải hình thang, một đỉnh là cúc, bên kia là khuyết. Khi mặc, gài vào, gọi là yếm cánh gà.

Khi tiếp khách, ra đường phố đều mặc áo dài, quần trắng hoặc màu đen, trơn hoặc hoa nhỏ bằng lụa, sa tanh, lanh...

Mặc dù thời gian này vải lụa nhiều, chất liệu phong phú làm cho tà áo dài Hà Nội lấm sặc nhiều màu hơn trước, song người Hà Nội vẫn không ưa dùng màu chói, họa tiết to sặc sỡ.

Người nhiều tuổi, mặc áo dài cổ cao từ 1cm - 2cm, góc thẳng.



Hình 220b



Hình 220c



Hình 220d

lượn, may sát eo, tà dài, hai vạt ôm, gấu lượn vành lược, ống tay hẹp. Đi với chiếc quần trắng “bô-đê” gấu, dưới chân là đôi giày, sandan hoặc guốc cao gót, tạo dáng thanh tú cho người mặc.



Hình 221: Áo dài mùa hè

Mùa hè thường mặc áo dài bằng lụa hay vải mỏng, màu sáng như thanh thiên, hồ thủy, mỡ gà, phấn hồng, lòng tằm... họa tiết hoa nhỏ.

Tầng lớp phụ nữ lao động ngoại thành, tiểu thương thành thị, người làm thuê v.v... vẫn thường mặc áo dài tứ thân buộc vạt, gọi là thắt múi quả găng; hoặc năm thân truyền thống, hoặc cài một cúc ở vạt cả, vạt con để ngoài. Có trường hợp cho dù là áo năm thân, nhưng vẫn mặc theo kiểu tứ thân: vạt cả, vạt con buộc múi... Bên trong mặc áo cánh trắng hay nâu, mở hoặc kín tà. Cổ áo tròn, hay hình quả tím, hoặc cổ thìa... vẫn khăn vải hay nhung đen. Chít khăn vuông mỡ quạ màu đen, kiểu chít khăn này làm đẹp thêm khuôn mặt người con gái và được ví: "*Có khăn đội đầu như thể hoa sen*"... Mặc quần đen bằng vải láng, hoặc phin, lụa. Thắt lưng bao (ruột tượng).

Trang phục mùa lạnh thường may bằng các loại vải nhung, len, dạ, hoặc mặc lông hai, ba chiếc áo dài cho ấm. Hay mặc các loại áo có bông.

Áo bông dài: hình thức may như áo dài thường, bằng hai lớp vải, ở giữa là một lượt bông mỏng, ngoài bằng nhung, sa tanh hoặc gấm hoa, trong lót lụa.

Áo bông ngắn: thường không có cúc mà có hai sợi dây vải nhỏ ở khoảng giữa hai bên mép tà áo, khi cần thì buộc lại với nhau. Áo bông ngắn về cấu trúc chỉ có một dạng, nhưng kỹ thuật may lại nhiều kiểu và màu sắc, chất liệu cũng rất phong phú, tiện dụng cả hai mặt. Mặt ngoài bằng nhung, mặt trong là lụa mình khô hoa ướt, hoặc sa tanh lót lụa... may lót hai lượt vải chân quần cờ, hoặc mắt sàng, mắt na, hạt lựu, hai mặt như nhau. Có thể mặc cả mặt trong lẫn mặt ngoài. Áo bông ngắn không có túi, nhưng ở mép tà trước gần phía gấu có mở một đoạn như hình thức túi chìm, có thể đựng những món đồ nhỏ.

Các bà các cô, mùa rét còn mặc thêm áo len ở trong hoặc mặc ra ngoài áo dài. Áo len cộc tay (kiểu như áo gi lê ngắn), hoặc dài tay, thân áo chỉ dài đến cạp quần, gấu áo thường chun. Cổ hình chữ V, cài cúc từ gấu đến lưng chừng, cổ áo đứng chỉ cài một hoặc hai cúc từ cổ đến ngực. Hoặc mặc áo vét đầm, cổ đứng, đằng sau cắt chéo vải, khi mặc phía dưới tạo thành hình sóng lượn.



Hình 222a: Phụ nữ mặc áo dài bông

Cổ quàng khăn san (châle), khăn đan bằng len trùm cả hai vai hoặc khăn lụa thêu, vải hoa hay bằng len móc nhiều kiểu. Ngoài ra còn có khăn voan dài, khăn vuông bằng nhung...

Về hình thức đầu tóc, phụ nữ Hà Nội, tiểu thương buôn bán nhỏ hoặc các chị em vẫn theo nếp xưa, vấn khăn vành dây bằng nhung đen. Khi vấn khăn, không vấn tròn mà hơi bẹt, quấn quanh đầu hai vòng, đuôi khăn ở bên cạnh được cài bằng đinh ghim cho khỏi tuột. Hình thức này ảnh



Hình 222b:
Áo dài bông của cụ
Ký Niên Hà Nội, truyền lại
từ ba đời cho bà Lý Giai
(gần 100 năm)



Hình 222c: Áo dài bông mặt trong lót lụa mình khô hoa ụt, họa tiết chim lạc. Mặt ngoài gấm nâu đậm, họa tiết túi trầu và chiếc quạt



Hình 222d



Hình 222e



Hình 223a: Phụ nữ mặc áo bông ngắn



Hình 223b: Áo bông ngắn (phía trước, phía sau)



Hình 224: Phụ nữ Hà Nội trong trang phục mùa lạnh



*Hình 225: Thiếu nữ Hà Nội với trang phục mùa thu: khăn san, áo dài
(Ảnh Nguyễn Duy Kiên)*



*Hình 226:
Mùa thu quấn khăn lụa*

cùng cho khỏi tuột. Mái tóc cặp bông hay uốn hình lưỡi trai, rẽ đường ngôi giữa, hay bên cạnh, tôn khuôn mặt trái xoan với vẻ đoan trang, sang trọng của người phụ nữ. Các cô tân thời, có hình thức tết bím (tressé), bện tóc hai bên thành đuôi sam,

hường của lối vấn khăn trong triều đình nhà Nguyễn. Xưa kia vấn khăn, bộ tóc dài chỉ được khoe một đoạn ở cuối khăn (đuôi gà). Nay hình thức vấn tóc trần thì khoe được cả bộ tóc mây óng mượt.

Ngoài việc chặm chút bộ tóc dài đẹp, còn đòi hỏi sự khéo léo khi vấn, sóng mượt mà không rối, tròn cao vừa phải mà không bẹt. Thay vì độn tóc vải để vấn khăn, khi vấn tóc trần, phải có độn tóc, nhưng phải là tóc thật⁽¹⁾; đồng thời khi vấn, sao cho tóc ở phía sau gáy trễ xuống hình lưỡi trai, rồi gài chiếc lược nhỏ hơi có độ cong, bằng đôi mồi hoặc sừng, nhằm giữ chặt vòng tóc cuối



*Hình 227:
Mùa đông
khăn len
quàng vai*

(1) Hà Nội xuất hiện những người thu mua tóc rồi về chải làm thành độn tóc - Hàng Đào, Hà Nội xưa có những cửa hiệu chuyên bán độn tóc.

rồi vòng bên nọ sang bên kia nhiều lần, dùng trâm nhỏ để giữ cho kho tuột, cả mớ tóc tết trẻ xuống cổ áo. Có một số người cắt tóc ngắn uốn điện, búi tóc trẻ. Người trẻ tuổi gài lược hờm, học sinh, sinh viên cắt tóc ngang vai (tóc thề), hoặc cặp tóc trẻ ngang lưng, là hình ảnh điển hình một thời của người con gái Hà Nội.

Khi mặc áo dài thường là đeo kiềng, dây chuyền có mặt tròn khắc chữ thọ, hoặc hai chữ lồng nhau, hay hình quả tim... Có người đeo ở cổ chuỗi hạt trai hay hạt ngọc. Đeo tay, có vòng ngọc hay vòng huyền, vòng chặn hoặc lập lắc (plaque). Ngón tay đeo nhẫn mặt ngọc, nhẫn ma dê (marié (cô nghĩa là nhẫn cưới)). Nữ thanh niên ưa dùng chuỗi hạt trai trắng đeo cổ, vòng đeo tay các loại. Đặc biệt, nữ sinh một thời ưa chuộm bộ vòng tuần gồm 7 cái bằng bạc, hoặc vòng huyền...

Dùng phấn son trang điểm má hồng, tô môi son. Một số người ăn diện thường nhổ lông mày, chỉ để lại một đường rất nhỏ rồi lấy bút chì vẽ thêm cho lông mày dài và cong, tạo nên vẻ đẹp thanh tú "lông mày lá liễu mắt lá răm".



Thời gian này, đồ đi khi phong phú, các bà đi dép nhung hai quai chéo, đế làm bằng li-tơ cao từ 3cm - 5cm, hay guốc gỗ sơn đen hoặc nâu. Những người còn trẻ và các nữ sinh thường đi giày da màu trắng quai tết bằng nhiều sợi da nhỏ hay hai quai chéo to, có quai hậu, đế thấp 3cm gót vuông, hoặc đi giày cao gót, đi sandal hoặc đi guốc.

Hình 228: Một hình thức vấn khăn
bỏ tóc đuôi gà



Hình 229: Thiếu nữ thành thị
vấn khăn, rẽ đường ngôi giữa



Hình 230: Thiếu nữ ngoại thành
chít khăn vuông mở quạ
(tranh Văn Len)



Hình 231: Một hình thức chít khăn
của tiểu thương chợ Đồng Xuân, HN



Hình 232: Hình thức vấn khăn,
búi tóc của trí thức



Hình 233:
Kiểu vấn khăn vàng dây



Hình 234:
Vấn tóc trần, mái uốn lười trai



Hình 235:
Tóc tết bím (tressé)



Hình 236a:
Phi dê



Hình 236b:
Tóc phi dễ chải cuộn mãi



Hình 237: Tóc dài cấp trẻ



Hình 238: Đội nón thùng quai thao



Hình 239: Búi tóc trẻ, nón quai lụa (Tranh Lê Trung)

Trang phục dân ông ở các lứa tuổi trung niên, thanh niên, những người lao động vẫn mặc quần áo ta: khăn xếp, áo dài, áo cánh. Người làm công ở các xí nghiệp, viên chức, nhà giáo, sinh viên... tùy vào điều kiện làm việc, có người mặc Âu phục, sơ mi, áo vét-tông, thắt cà-vạt, quần Âu, mặc soóc (thường là màu sáng), đi giày da, hoặc săng đan, cắt tóc ngắn, rẽ ngôi cạnh, chải mượt. Khi ra đường phổ biến là đội mũ cát, mũ lưỡi trai v.v...



*Hình 240:
Viên chức cắt tóc ngắn,
mặc áo dài the*



*Hình 241:
Viên chức đội khăn xếp, áo the*



*Hình 242:
Viên chức mặc âu phục*



*Hình 243:
Thanh niên mặc âu phục*

Thực dân Pháp thực hiện chính sách mị dân, truyền bá văn hóa và lối sống không lành mạnh để lôi kéo một số nam nữ thanh niên, chạy theo lối trang phục một cao bồi Âu - Mỹ như: đội mũ rộng vành, quần bó chèn... Đối với nhân dân, chúng bóc lột, vơ vét của cải làm cho đời sống người lao động càng nghèo khổ, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Những em bé đánh giày, anh phu khuân vác, người bán hàng rong... mũ nón rách mướp, áo vá, quần cộc...

* Những năm tháng Hà Nội bị Pháp chiếm đóng, vẻ địa danh đã tạo nên vùng tam bị chiếm (nội thành), vùng tự do (ngoại thành).

Đáp lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch, một số bộ phận nhân dân Hà Nội tản cư theo kháng chiến ra vùng tự do sinh sống. Những người ở lại vùng tam bị chiếm vẫn hướng về kháng chiến, tin tưởng ở cách mạng. Các tổ chức hoạt động kháng chiến trong lòng địch vẫn duy trì, các cán bộ, du kích từ vùng tự do vào vùng địch, hàng hóa từ Hà Nội ra vùng tự do vẫn tiếp diễn, các tổ chức phụ nữ, học sinh, sinh viên Hà Nội đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền lòng yêu nước như trong dịp lễ tết, kỷ niệm anh hùng dân tộc Hai Bà Trưng, Quang Trung... Học sinh các trường Chu Văn An, Trưng Vương nhiều nữ sinh mặc áo dài đỏ, ngực cài hoa vàng (tượng trưng cho cờ đỏ sao vàng) và hát bài kháng chiến "Trường ca sông Lô"¹¹.

Trang phục Hà Nội trong vùng tam bị chiếm, một số bộ phận nhân dân trong xã hội đã mặc theo kiểu Âu hóa, nhưng bên cạnh đó vẫn còn song song tồn tại những tà áo dài từ thân, áo hai tà, quần ta, áo cánh... Trang phục truyền thống dân tộc không bị cắt đứt, chiếc áo cánh của chị em phụ nữ, trước kia chỉ mặc ở bên trong áo dài, nay đã xuất hiện mặc ngoài đề sau này được phổ biến, cải tiến hơn. Đặc biệt là chiếc áo dài Hà Nội thời gian này hoàn chỉnh hơn, tạo nên nét đặc trưng để so sánh sự khác nhau giữa áo dài miền Trung và miền Nam sau này.

¹¹ Hà Nội thuở đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, tr.176.

Chương VI

TRANG PHỤC TỪ NGÀY GIẢI PHÓNG 1954 ĐẾN NAY

Hòa bình lập lại, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Ngày 10 tháng 10 năm 1954, Hà Nội bùng lên cờ hoa, nhân dân thủ đô trong những bộ quần áo đẹp nô nức ra đường chào đón chính quyền cách mạng, cán bộ, bộ đội và những người con ưu tú của đất Thăng Long - Hà Nội, từ chiến khu Việt Bắc trở về tiếp quản thủ đô.

Hà Nội trước giải phóng là thành phố kinh tế thương nghiệp tiêu thụ hàng nhập. Sau giải phóng năm 1954, trong công cuộc khôi phục kinh tế, với sự phát triển của các ngành công nghiệp, đã trở thành một thành phố sản xuất tự cung, tự cấp.

Trong cuộc sống mà cách mạng đem lại, đã mở ra đối với người Hà Nội một thời kỳ cải tạo, xây dựng xã hội mới. Hầu hết người dân đều tham gia lao động trong các nhà máy, công xưởng, ngành mậu dịch quốc doanh và xã viên hợp tác xã v.v...

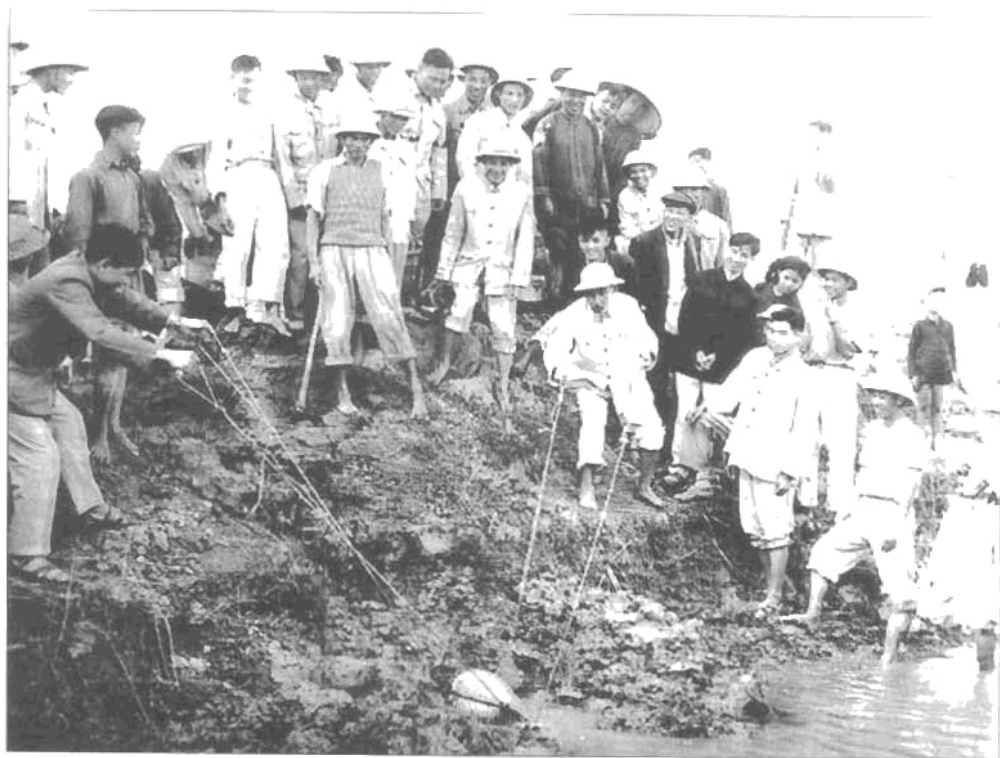
Các tầng lớp công nhân, bộ đội, cán bộ, trí thức, học sinh, và nhân dân lao động nội, ngoại thành đi thực tế đã tham gia chống hạn, chống ung..., lao động kiến thiết thủ đô, tất cả cùng chung vai xây dựng đường xá, công viên, trường học.

Đồng thời để cung cấp cho nhu cầu về việc mặc của người dân ở Hà Nội, các xưởng dệt cũng ra đời như: Xưởng dệt Cụ Doanh, Nhà máy Dệt Kim Đông Xuân, Xưởng dệt may tự động Hàng Chuối, Nhà máy dệt 8-3 v.v... những cơ sở này đã sản xuất ra các mặt hàng vải phin, vải chéo, ka ki... với nhiều màu sắc phong phú, đa dạng.



*Hình 244a, b: Trang phục cán bộ và nhân dân
trong ngày tiếp quản thủ đô Hà Nội*

Hà Nội có bách hóa tổng hợp, hàng vải, hiệu may quốc doanh, công tư hợp doanh, hợp tác xã may mặc, tổ đan len...



*Hình 245: Cán bộ viên chức trong trang phục thường ngày
(Ảnh Đinh Đăng Định)*

Hà Nội những ngày hoà bình lập lại (1954), đời sống kinh tế, văn hóa của Thủ đô mang màu sắc mới, không còn sự cách biệt về thành phần xã hội như trước. Các cán bộ, viên chức, trí thức, công nhân, nhân dân lao động... tham gia hội họp cùng nhau, gần gũi, đoàn kết trong công tác, sản xuất, học tập. Đất nước ta tạm thời bị chia làm hai miền.

1. Trang phục thời hòa bình (1954 - 1975)

Trang phục cán bộ viên chức ở thời kỳ này, hầu hết các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, trong các buổi lễ, tết đều mặc áo “đại cán” bốn túi, hoặc kiểu quân phục bằng ka-ki, ga-ba-đin,... màu be hồng, vàng rơm (nhạt), dạ màu tím than, màu xanh rêu... Bên trong mặc sơ mi trắng.

Khi đi công tác hay học tập ở nước ngoài, trang phục được Bộ Tài chính trang bị. Nam mặc com-lê, đi giày da, nữ mặc áo vét, quần âu hay váy, hoặc quần trắng, áo dài.



Hình 246: Tổ hợp tác ngành vải (Ảnh Lâm Hồng)

Trang phục nhân dân

Chị em phụ nữ được tham gia vào công tác xã hội, sánh vai cùng nam giới trong các phong trào thi đua sản xuất, chiến đấu. Để phù hợp với cuộc sống mới, phụ nữ thành thị lại dần dần thay đổi cách ăn mặc từ xềnh xang đến gọn gàng khỏe khoắn, trong xu hướng giản dị nhưng tinh tế, lịch lãm của thời hòa bình.

Giai đoạn này, chiếc áo cánh không chỉ để mặc khi ở trong nhà hay bên trong áo dài mà giờ đây nó trở thành áo mặc ngoài cả khi ra đường phố. Vì vậy, nó đã được cải tiến ở nhiều chi tiết, may sát eo, tà rộng, thân dài, đường gấu cong hình vành lược. Cửa tay rộng. Cổ áo hình quả tim

hoặc cổ thìa, cổ vuông..., bằng các loại vải mỏng như phin nồn, lụa, pô pơ lin... Chị em ngoại thành Hà Nội, ngoài các tông màu nâu, còn dùng màu xanh hòa bình, màu trắng, màu hồng, trơn hoặc điểm hoa... bằng nhiều loại vải khác nhau.



Hình 247: Lễ phục cấp lãnh đạo

Cán bộ, nhân viên cơ quan, xí nghiệp thường mặc áo sơ mi kiểu Hồng Kông, cổ bẻ, tay thụng. Nữ thanh niên hầu hết mặc áo sơ mi chiết eo hay kiểu Hồng Kông. Tay áo dài, cửa tay có măng sét to hoặc nhỏ, hoặc tay lửng ba phần tư, hay áo cộc tay, vai bằng. Các kiểu cổ áo một ve, hai ve, (tròn, nhọn, vuông), lá sen nằm, lá sen đứng, lá sen vuông, v.v... Áo may



Hình 248a: Phụ nữ ngoại thành với các kiểu chít khăn vuông đen



Hình 248b: Phụ nữ ngoại thành mặc áo cánh nâu

bằng nhiều loại vải và nhiều màu sắc, điểm hoa hoặc kẻ ô, kẻ sọc. Quần màu đen được dùng phổ biến trong mọi tầng lớp, thường được may bằng lụa chéo, lụa trơn, lụa hoa hay sa tanh, lanh, phíp v.v...



Hình 249: Áo dài tứ thân trong ngày lễ (Ảnh Nguyễn Duy Kiên)



Hình 250: Thiếu nữ với áo dài trong ngày lễ

Những ngày hội, ngày lễ, ngày tết, đón khách quốc tế hay biểu diễn nghệ thuật, một số bộ phận chị em lễ tân thường mặc áo dài truyền thống dân tộc, như áo dài từ thân chít khăn vuông mỏ quạ, quần đen, thắt lưng màu hoa đào, hoa lý hay áo dài hai tà, quần trắng, tay cầm nón và cờ hoa.

Cho đến năm 1960, nữ sinh một số trường ở Hà Nội như Trung Vương, Đại học Bách khoa..., vẫn mặc áo dài, quần trắng, hoặc quần đen, cấp cấp và đi xe đạp đến lớp.



Hình 251: Nữ sinh Trung Vương - 1955 (Ảnh Đinh Đăng Định)

Đầu năm 1965, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra cả nước và tiến hành leo thang ném bom bắn phá miền Bắc, gần giữa năm 1966, đánh phá vào Hà Nội.

Nhân dân thủ đô bước vào giai đoạn chống Mỹ cứu nước. Để tiếp tục sản xuất, học tập, một bộ phận cán bộ, công nhân nhà máy, xí nghiệp, học sinh, trẻ em... đi sơ tán xa thủ đô. Các hoạt động của thành phố, nếp sống

của người Hà Nội nói chung trong đó có phần trang phục nói riêng cũng có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình thời chiến.

Hà Nội trên con đường xây dựng thủ đô xã hội chủ nghĩa, góp phần tăng cường cho miền Bắc về mọi mặt, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Hà Nội thực hiện chủ trương phân phối các mặt hàng nhu yếu phẩm theo tiêu chuẩn nhất định bằng hình thức tem phiếu: phiếu mua thực phẩm, phiếu vải...

Những năm tháng chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, trong cuộc sống thường nhật của người Hà Nội vắng bóng những tà áo dài trên đường phố. Ngoài hàng may mặc của ta từ trước tự sản xuất như vải, lụa... nay đã có thêm các hàng viện trợ: vải ga-ba-đin, ka-ki, và các loại vải phin hoa của Trung Quốc, Liên Xô...

Để phù hợp với tình hình thời chiến, trang phục của người Hà Nội rất gọn gàng, tiết kiệm và có sự điều chỉnh về màu sắc. Khi ra đường, tránh



Hình 252: Áo dài Hà Nội những năm 50



Hình 253: Nữ sinh Hà Nội

mục tiêu của máy bay địch, mọi người chỉ dùng trang phục màu thẫm, và tiện cho việc đi sơ tán, nếu có áo màu trắng thì đem nhuộm bằng nước lá trầu không hoặc lá bàng thành màu xanh rêu, màu cỏ úa, thường được gọi là màu “phòng không”.

Một số trang phục đồng bộ của công nhân viên các ngành:

Trong nhà máy, xí nghiệp, công trường... nữ công nhân mặc bộ quần áo bảo hộ lao động màu tím than hay áo sơ mi trắng, quần tím than liền yếm. Tóc cặp gọn lên cao, cắt ngắn hay uốn. Đội mũ lưới trai hay trùm bao tóc bằng vải hoặc buộc chéo trên đầu chiếc khăn nhiều màu. Chân đi giày ba ta, giày vải thấp cổ, hay dép cao su đen hoặc đi “bốt”...



*Hình 254:
Thiếu nữ Hà Nội*



Hình 255: Áo dài những năm 60



Hình 256:
Áo len mùa lạnh với áo dài



Hình 257:
Đi sơ tán

Ngành y tế, khi làm việc mặc áo bờ-lu (blouse) dài hoặc ngắn màu trắng. Cổ hai ve, có túi ngực và hai túi to ở dưới hai vạt áo. Hay loại cổ đứng, cài cúc phía sau, đằng trước thân áo có một túi to ở giữa. Quần vải trắng, đội mũ tròn trắng, có chữ thập ở phía trước. Chân đi giày, hoặc dép... tùy theo sự quy định của từng bệnh viện.

Các cửa hàng bách hóa, chị em mậu dịch viên thường mặc áo sơ mi cổ hai ve, tay thẳng, rộng, màu xanh hòa bình, màu xanh trứng sáo, hay màu trắng..., quần ta màu đen, chân đi dép nhựa.



*Hình 258:
Một kiểu chải tóc lười trai*



Hình 259: Tóc tết sam

Vào mùa lạnh, các bà, các cô thường mặc áo bông Tàu, cổ áo đứng cao 5cm (như cổ áo dài) vai tra, cửa tay rộng. Áo may sát eo, tà rộng, chân mỏng, cài khuy. Khuy thường bằng vải tết hình chiếc lá hay hình cánh bướm, thường cùng màu với vải áo. Kiểu áo bông này mặc gọn và đẹp.

Còn áo kép là loại áo may bằng hai lớp vải, mặt ngoài là nhung, hoặc sa tanh hoa hay trơn..., trong lót lụa hoặc ta tãng các màu, cũng may như hình



Hình 260: Tóc ngắn ngang vai



Hình 261: Áo kép

thức áo bông Tàu, nhưng ở giữa không có bông (áo kép thường mặc vào mùa thu). Trời rét có áo bông hai lớp, trong là bông chần, ngoài là ka ki hay vải hoa sợi chéo may kiểu sơ mi đại cán, có hai túi. Loại áo này rất tiện lợi, vì khi trời rét ít, có thể chỉ mặc áo ngoài (gọi là vỏ áo bông) và khi trời rét đậm thì lồng ruột bông vào. Thiếu nữ và thanh niên mặc áo vét Hồng Kông có li hoặc không li bằng vải ka ki. Cổ hai ve nhọn hay tròn hoặc lá sen đứng. Một hàng cúc cài ở giữa hay hai hàng cúc cài lệch bên ngực. Áo có hai túi, cửa túi nằm ngang hay chéo. Tay thẳng, gấu tay gấp vào trong hay lật ra ngoài.

Các loại áo len dài tay hoặc không tay, áo mở, cài cúc, hay áo chui đầu, thân áo dài đến cạp quần, mặc ra ngoài áo sơ mi hay ở trong áo vét. Cổ quàng khăn san, khăn lụa, khăn hoa hoặc khăn len...



Hình 262: Các kiểu áo len của nữ thanh niên

Những người đứng tuổi thường vấn khăn hoặc quấn tóc trần, búi tóc hoặc uốn tóc. Trẻ tuổi, nữ thanh niên cặp tóc, tết tóc đuôi sam, cắt tóc ngắn đến ngang vai hoặc uốn tóc...

Khi ra đường đại đa số các tầng lớp phụ nữ đều đội nón. Các nữ dân quân tự vệ, khi luyện tập thường đội mũ cát. Chân đi guốc gỗ hay guốc nhựa đế bằng, hoặc cao gót từ 5cm - 7cm - 9cm lòng máng, có một quai ngang hay hai quai chéo. Người cao thường đi dép lê, san đan bằng nhựa nhiều kiểu và màu khác nhau.



Hình 263:
Nữ dân quân Hà Nội



Hình 264:
Nữ thanh niên xung phong Hà Nội



Hình 265: Thanh niên tự vệ



Hình 266: Nữ công nhân tự vệ

Trang phục dân ông ở Hà Nội từ năm 1954, phát triển chiếc áo vải ka ki “đại cán”⁽¹⁾, cổ một ve, bốn túi, mặc ngoài (kiểu áo Tôn Trung Sơn - Trung Quốc - đã được Việt hóa).



Hình 267: Áo đại cán

thức này như kiểu áo ngũ, cổ hai ve hoặc cổ một ve đứng. Khi trời lạnh cài khuy cho kín cổ, lúc nóng mở ra cho mát.

Mùa rét, chiếc áo ka ki có hai túi chéo, màu tím than là vỏ áo trùm ra ngoài một mền bông máy ô vuông rất phổ biến, phù hợp với cuộc sống lao động vào giai đoạn thời chiến. Khi áo bẩn, chỉ việc tháo vỏ ngoài ra giặt.

Mùa hè, chiếc áo sơ mi cộc tay được ưa chuộng, may thẳng, không bó, cổ hai ve. Khi mặc thường bỏ vạt ra ngoài quần cho đỡ nóng. Có thời kỳ ống tay và thân áo rộng, sau đó ống tay và thân áo được may hẹp lại, mặc gọn và khỏe. Khi mặc áo sơ mi dài tay, ống tay áo thường được vén lên trên hay dưới khuỷu tay.

Các cụ ông vẫn ưa dùng bộ quần áo cánh ta màu nâu, màu xanh, hay trắng, vì mặc nó nhẹ nhàng, thoáng mát, thoải mái. Hoặc mặc kiểu áo sơ mi có ba túi: một túi ở ngực trái và hai túi ở phía dưới vạt trước; miệng túi đắp chéo hoặc thẳng, hình

(1) Áo đại cán được xuất hiện và được sử dụng rất rộng rãi từ sau Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc, được thiết kế dựa trên mẫu trang phục thường mặc của người dân tỉnh Quảng Đông.



Hình 268: Áo bông xanh

Phổ biến là đi dép nhựa Tiền Phong, dép dọ... và dép làm bằng lốp và sảm ô tô (dép cao su) được dùng nhiều vì tiện lợi và rẻ tiền.



Hình 269: Sinh viên đại học

Trang phục lễ cưới: trong giai đoạn đất nước còn nhiều khó khăn, vừa xây dựng đất nước vừa chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Dù trong hoàn cảnh chiến tranh, bom đạn, vật chất còn thiếu thốn, ở Hà Nội lễ cưới vẫn được quan tâm, nhà nước cấp thêm những tiêu chuẩn như vải (5m) để may bộ áo mới và một số nhu yếu phẩm tổ chức trong buổi tiệc trà: thuốc lá, bánh, kẹo để phục vụ cho lễ cưới.

Đám cưới được tổ chức giản dị theo đời sống mới, phù hợp với hoàn cảnh từng nơi. Trang phục lễ cưới cũng vì vậy không có gì khác biệt trang phục ngày thường, mà chỉ là quần áo mới may như áo sơ mi, áo cánh, áo đại cán, quần đen, đi dép mới.

Cô dâu trang điểm bên mái tóc một bông hoa hay chiếc nơ trắng ở hai dải tóc tết đuôi sam bằng vải dù pháo sáng màu trắng. Chú rể mặc áo sơ mi mới, áo bay, quần Âu, đi giày, xăng đan hoặc dép nhựa Tiền Phong.

Bộ đội vẫn có thể mặc bộ quân phục mới, cán bộ thì mặc quần áo đại cán, tóc chải gọn gàng.

Ở thành thị, tùy vào điều kiện của mỗi gia đình, cô dâu vẫn mặc áo dài màu trắng hoặc màu hồng, mặc quần trắng, đi giày cao gót, tay ôm hoa lay ơn. Tóc phi dê, tết tóc... hoặc chải bông, cặp tóc. Trang điểm một chút má hồng, môi son. Chú rể mặc com-lê, thắt cà-vạt, đi giày.

Hai họ, những người tham dự đám cưới, các cô phù dâu mặc áo dài hoặc sơ mi, phù rể cũng mặc tương tự như chú rể, nói chung đều gọn gàng, tươm tất.



*Hình 270:
Cô dâu, chú rể sau những năm giải phóng*



Hình 271: Cô dâu, chú rể, phù dâu, phù rể những năm 1960

Trang phục trẻ em

Từ năm 1954 đến năm 1975, trang phục trẻ em ở Hà Nội đã có nhiều kiểu mẫu phù hợp với từng lứa tuổi. Trẻ lọt lòng có những kiểu áo đơn giản, cài cúc giữa, cài cúc bên, áo chéo vạt sau... Những kiểu áo này trẻ mặc ấm bụng, ngực. Thường may rộng rãi bằng những loại vải mềm, mỏng, thoáng, hợp vệ sinh.

Các cháu từ 5 tháng đến 3 tuổi, ở ngoài áo mặc thêm yếm dài để tránh ướt ngực, có tác dụng ấm bụng, dễ thay giặt, đỡ bẩn áo bên trong. Có các loại như yếm bầu dục (đường cạnh yếm, từ thân đến gấu cắt lượn hình bầu dục), yếm hình lượn sóng (thân yếm trên hẹp, dưới rộng, gấu cắt hình sóng lượn, kiểu yếm này trông giống chiếc váy nhỏ, thường cho bé gái mặc). Yếm hình cánh sê, hình thức như chiếc áo gi lê, hai mảnh sau từ cổ xuống gấu cắt lượn trông như cánh chim. Ngoài ra còn nhiều loại yếm hình tròn, hình vuông v.v... Tất cả các loại yếm đều cài cúc hay buộc dây sau cổ. Phía dưới nách có hai dải vải nhỏ đính ở hai bên mép yếm, khi mặc thì buộc lại ở phía sau lưng. Xung quanh cổ, nách, các đường mép

thường thêu các chỉ màu. Vạt yếm trước bụng, ngực thêu hoa hay hình những con vật như gà thổi kèn, thỏ che ô, chim bay v.v... được cách điệu ngộ nghĩnh làm cho chiếc yếm của các cháu thêm đẹp. Ở lứa tuổi này, các cháu thường mặc quần cắt theo kiểu quần ta, cạp chun.

Các cháu mẫu giáo nhi đồng ở nhà trẻ, bé trai mặc áo sơ mi ngắn tay hoặc dài tay. Mùa hè, áo sơ mi ngắn tay may kiểu blu-dông liền với quần soóc hay quần Âu dài, hoặc quần yếm, quần soóc riêng, có hai túi chéo, hoặc túi vuông, túi bán nguyệt. Tóc cắt ngắn, đội mũ lưới trai bằng vải gồm 8 mảnh vải từ hai đến bốn màu, mỗi mảnh là một múi khâu nối với nhau. Có cháu đội mũ nan nhỏ vành.

Bé gái có nhiều kiểu sơ mi, sơ mi Hồng Kông, cài cúc hay chui đầu. Áo cộc tay vai hồng, cựa tay làm xi móc⁽¹⁾ tay thẳng dài có măng sét hay tay lửng ba phần tư. Cổ chun, cổ thắt nơ, cổ lá sen nằm, lá sen đứng, chun ngực. Vạt áo trước có hai túi hình trái đào hay nửa hình tròn v.v... Thường mặc áo đồng bộ, hoặc mặc quần ta bằng vải hoa hay mặc quần Âu.

Các loại áo váy: Áo xộc (áo liền váy) phần trên không có tay, từ nách đến gấu xộc rộng, gấu lượn cong vành lược, cạnh sườn cao hơn giữa gấu. Khi mặc, phần dưới váy tạo thành hình tròn. Váy xộc chun ngực có hai quai váy to bản từ 4cm đến 5 cm ở hai vai dính vào thân váy, phần ngực khâu chun vải hay làm xi móc bằng chỉ màu. Váy xếp ly thì quai váy to bản, hai đầu dính vào thân váy, từ nách đến gấu xộc vừa phải. Ở ngực váy hay sau lưng mở một đoạn nhỏ để mặc dễ dàng, khi mặc xong thì cài lại hoặc buộc dây thành hình nơ cho kín. Váy xếp ly có thể may bằng hai hoặc ba màu vải, phía trước có một túi giữa hoặc hai túi hai bên hình bán nguyệt hay hình quả tim, túi hình lăng hoa v.v... bằng vải đồng màu hoặc khác với màu váy.

Tóc thường cắt ngắn theo kiểu Nhật Bản, cắt tóc ngang giữa trán, ở hai mang tai cắt thấp hơn và khoanh vòng tròn đến phía sau. Chân đi giày vải hay dép da, dép nhựa có quai hậu.

(1) Xi móc: Kiểu khâu trang trí làm vải chun lại, trông như hình tổ ong.

Mùa đông các bé trai và gái mặc áo khoác liền mũ, áo len, áo măng tô. Quần liền áo chun gấu, hoặc quần Âu bằng len hay vải dệt kim. Thường đội các loại mũ len đan hoặc dệt, mũ dạ, mũ mảnh che tai, mũ mảnh che gáy bằng nhiều loại vải hoa ghép, mũ kiểu phi công v.v...



Hình 272: Trẻ em mẫu giáo

Học sinh tiểu học từ 7 đến 15 tuổi nói chung thường có sao mặc vậy, miễn là gọn gàng, sạch sẽ. Các nữ sinh mặc áo sơ mi Hồng Kông chiết ly hoặc không. Áo ngắn tay hoặc dài tay, có măng sét hay tay lửng. Cổ lá sen, tròn hay nhọn hoặc cổ hai ve. Mặc quần Âu nhiều màu các kiểu: ống thẳng hay hơi loe, hoặc quần bà ba. Tóc cắt ngắn ngang vai hoặc để dài cặp gọn phía sau, rẽ hai bên, buộc nơ, tết đuôi sam hai bên... hoặc cắt tỉa gọn ngắn bên tai. Học sinh nam mùa hè thường mặc sơ mi, blu-đông cộc tay hay dài tay, áo sơ mi thẳng. Mặc quần Âu, bỏ gấu áo ra ngoài hoặc cho gọn vào trong quần.

Mùa rét, nam nữ đều mặc thêm áo len cộc tay, dài tay, hoặc áo khoác ngoài bằng các loại vải dày, ấm.



Hình 273: Trang phục các em ở nhà trẻ



Hình 274: Trẻ em trong trang phục mùa lạnh ở nhà trẻ



Hình 275: Trẻ em mùa đông

Thời kỳ chống Mỹ, các em thường mặc quần áo màu thẫm và đội một loại mũ đan bằng rơm, có tác dụng chống mảnh bom mảnh đạn. Đó cũng là một sản phẩm trang phục đáng ghi nhớ.

2. Trang phục thời thống nhất đất nước và đổi mới (1975 - 1986)

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, lịch sử Việt Nam sang một trang mới. Những năm tháng hai miền Bắc Nam bị chia cắt do chiến tranh ác liệt của đế quốc Mỹ gây ra, đã chấm dứt.

Hà Nội cùng cả nước bước vào giai đoạn khôi phục và phát triển kinh tế, trong đó có các mặt hàng công nghiệp, thủ công nghiệp, ngành dệt may được đẩy mạnh nhằm đáp ứng cho việc mặc của nhân dân.

Ngoài các công ty vải sợi may mặc Trung ương, còn có cửa hàng may đo thời trang trên đường Điện Biên Phủ, Trạm may mặc số 4 Tràng Tiền.

Hai miền thông thương, các chủng loại vải katê, ta tằm, lụa hoa nỉ lông v.v... ở phía Nam ra Bắc, phụ liệu và kiểu dáng trang phục từ các nước châu Âu nhập vào.

Trang phục Hà Nội như bừng sắc, sau một thời gian phải ôm mình, tiết chế để phù hợp với điều kiện khó khăn chung của đất nước.



Hình 276: Học sinh trong lớp học thời chống Mỹ



Hình 277: Mũ áo mùa đông



Hình 278: Học sinh tiểu học (trang phục mùa hè)

Giai đoạn này các phương tiện thông tin đại chúng tăng cường và phát triển. Tác động của xã hội văn hóa bên ngoài, gây ảnh hưởng trước hết và không nhỏ đến bức tranh trang phục của Hà Nội.

Trang phục nhân dân

Phụ nữ ở thành thị, những người đứng tuổi, ngày thường mặc áo cánh nhưng đã được cải tiến với các loại cổ hình quả tim, cổ thìa, cổ vuông, hình chữ V, vai liền, bằng nhiều chất liệu và màu sắc, nhưng hầu hết là màu sáng, nhẹ. Hai bên vạt trước hay ở ngực áo thêu hoa thưa hoặc rua nổi một vài họa tiết. Gấu áo, cổ tay, miệng túi đường viền cổ, hai bên tà áo đều rua. Có hình thức thêu hoa ở chung quanh gấu áo hoặc ở bốn góc tà trước và sau. Một số người đã mặc áo cánh kiểu bà ba của phụ nữ miền Nam, vai chéo (raglan) xẻ tà cao.

Những cán bộ viên chức nhà nước mặc sơ mi kiểu Hồng Kông, sơ mi chiết ly, áo vét đại cán, cổ cánh nhọn, hai ve, cổ Đức v.v....

Nữ thanh niên có nhiều kiểu áo: Áo bộ đồ mặc ở nhà, áo chui, áo mở, áo sơ mi chiết ly, áo sơ mi Hồng Kông, áo vai bông, vai liền, vai tra, vai chéo. Áo có hoặc không có cầu vai, áo có cả cầu ngực hoặc trang trí đường nổi ở ngực áo thành nửa hình tròn, hình vuông, hình nhọn, áo ngắn tay hoặc dài tay, tay măng sét, tay lửng, tay chun, tay lọc, tay thụng, tay chun xi móc v.v.. Áo mở tà hoặc không mở tà, vạt áo cong vành lược hoặc lược hình cung... Có kiểu áo hai hoặc một túi ngực nổi, có hoặc không có nắp, miệng túi thẳng hoặc chéo, có kiểu túi hình trái đào.

Ve cổ áo có nhiều kiểu rất phong phú, cổ viền, cổ thìa, cổ quả tim, cổ vuông, cổ chữ U, cổ tròn có nếp hoặc làm xi móc, cổ chữ B, cổ một ve, cổ hai ve tròn, cổ hai ve nhọn, cổ hai ve liền, cổ lá sen tròn, cổ lá sen nhọn, lá sen vuông, lá sen nằm, cổ ve đứng có chân, cổ cứng (như cổ áo dài), cổ cánh nhạn, cổ lật vuông, cổ lật tròn, cổ lật năm, cổ ca vát, cổ lĩnh thủy, cổ Nhật Bản, cổ san (chale) v.v...

Có các kiểu áo cầu kỳ như áo cánh bướm, áo cánh dơi. Đặc điểm của áo cánh bướm là cổ áo tròn, tay áo lọc rộng, gấu áo là một đường cong. Khi mặc giăng thẳng hai tay thì trông toàn bộ thân áo như một nửa hình tròn. Đặc điểm của áo cánh dơi là cổ áo hình nhọn (chữ V), tay áo lọc rộng, gấu áo hình nhọn (chữ V). Khi mặc giăng thẳng hai tay thì trông toàn bộ thân áo như một hình tam giác cân. Những kiểu áo này được may bằng chất liệu mềm để tạo những nếp rủ làm cho những đường cong ở cửa tay, gấu áo được mềm mại, với các màu sắc sỡ, có các hình trang trí ở cổ áo, tay áo, gấu áo... gây thêm ấn tượng sâu sắc cho người ta về tên kiểu áo.

Cuộc sống ngày càng được nâng cao, nhu cầu về đồ mặc thêm nhiều chủng loại: đồ bộ mặc khi sinh hoạt ở trong nhà, bộ đồ đi chơi thể thao, trang phục đi dự lễ hội, đi hội họp, trang phục theo mùa v.v... rất đa dạng về màu sắc và phong phú kiểu dáng.

Trong lĩnh vực lao động sản xuất ở ngoại thành Hà Nội, vẫn phổ biến chiếc áo cánh hoặc áo bà ba. Búi tóc hoặc vấn tóc trần.

Nữ thanh niên, nhiều người mặc áo sơ mi các màu: trắng, xanh, hồng, gụ...

Các bà, các cô thường mặc quần lụa hay sa tanh, ta tăng đen. Nữ thanh niên sau một thời gian dài mặc quần đen ống hẹp, rồi ống thẳng, rộng, hơi loe. Sau đó đa số mặc quần Âu, với màu sắc và nhiều chất liệu vải khác nhau.

Gần đây một số bộ phận nhân dân ở thành thị, những người trung niên, trẻ tuổi, ngoài quần Âu, quần Jean..., một số người mặc váy đầm dài, đầm ngắn, chân váy năm mảnh, hai mảnh kiểu xòe, ôm, xẻ...

Mùa hè thường dùng áo bằng các loại như phin nồn, lụa, soa... Nhiều kiểu áo dệt kim, áo pul ngắn tay, dài tay, áo phông đơn giản mặc với quần lửng (quần ngố), hợp với tuổi trẻ, tạo dáng khỏe mạnh.



Hình 279:
Áo cánh phin nồn dài tay



Hình 280:
Áo cánh cọc tay



Hình 281: Quấn áo đồ bộ mặc khi lao động trong nhà

Mùa lạnh, các kiểu áo phát triển rất mạnh, áo vét, áo len dài tay, ngắn tay, không tay, áo khoác kiểu măng tồ có đai thắt eo, áo chui đầu cổ cao hoặc cổ sơ mi, gấu chun hoặc không gấu..., đan hoặc dệt, có nhiều họa tiết và màu sắc, áo măng tồ, áo bay, áo bludông, áo lông, áo vi ni lông, áo dệt kim dày (kiểu thể thao), áo liền mũ, thắt dây lưng như áo trượt tuyết của các nước châu Âu v.v...

Chiếc áo bông chần, nay chỉ những người già ở ngoại thành sử dụng. Còn ở nội thành những người đứng tuổi, đa số thường mặc áo bông Tàu hay áo kép.

Cho đến nay phát triển thêm các loại áo: Jakét lông vũ, bludông hai lớp, măng tồ, vest, áo len đan, dệt, áo da dài, ngắn... đủ kiểu trong nước cũng như của các nước Đông, Tây Âu...

Áo rét không chỉ để làm ấm trong những ngày đông giá, mà còn phải làm đẹp như một áo lưới, đan, móc, kết bằng tay (thủ công) bằng da thuộc, hoặc len, sợi nhiều kiểu, nhiều màu rất phong phú. Trên áo có đính hoa



Hình 282: Trang phục mùa đông

vân bằng những tua, nút buộc, điểm xuyết kim loại, đá, màu lạ mắt, như một sự chấm phá thể hiện tính cách của người mặc.

Thay vì chiếc khăn vuông vải đen trùm đầu, quàng cổ trước kia, nay có thêm chất liệu khăn bằng len đan, móc ở hai đầu khăn có tua, lựa nhiều màu, hay sợi dệt; khăn ni lông, voan hoa của nước ngoài... và các loại mũ bằng len móc.

Khi ra đường, tùy trường hợp có thể đội nón, hoặc mũ vải với nhiều kiểu dáng và chất liệu theo mùa. Mũ cối, mũ nan chất liệu nội địa, làm thủ công và được trang trí thêm hoa, nơ, vải nhiều mẫu mã đẹp. Tại đầu phố Bà Triệu (phía Bờ Hồ có cửa hàng kinh doanh mặt hàng này), đã là điểm đến của khách trong và ngoài nước. Mũ len, mũ vải, dẫu đủ kiểu của phụ nữ được bán ở phố Lò Sũ.

Trong những ngày lễ tết, hội hè, ngày cưới, đón khách quốc tế... nhìn chung ở vùng Hà Nội đã thấy xuất hiện mặc áo dài với những màu sắc nền



Hình 283: Khăn len

nữ. Có thời gian, giới trẻ cũng ưa chuộng áo dài may kiểu vạt ngắn, tay ngắn thêu hoa hoặc in những họa tiết đẹp ở tà áo hay ở ngực, do ảnh hưởng một áo dài mi ni của nữ sinh miền Nam, hoặc mặc sơ mi nhiều kiểu, nhiều màu bằng vải đẹp.

Trong lễ hội truyền thống: Hội chُر bà, vắn khăn nhung đen, áo dài nâu. Các vải cảm phướn. Con nhang đệ tử, khăn châu, áo ngực lộng lẫy. Lễ thượng thọ của đồng tộc hay trong gia đình, các cụ mặc bộ trang phục màu đỏ bằng gấm có chữ thọ.

Qua những kiểu cách ăn mặc như trên, ta thấy đang có hiện tượng giao hòa về trang phục phụ

nữ giữa nông thôn và thành thị, đặc biệt là trang phục khi không lao động.

Sự thông thương thuận tiện giữa ba miền đã tạo điều kiện cho sự giao lưu trang phục phát triển, nhất là trong giai đoạn mở cửa và hội nhập, vai trò của người phụ nữ Việt Nam nói chung và phụ nữ Hà Nội nói riêng, đã và đang tham gia vào các công việc khoa học, kỹ thuật doanh nghiệp, văn hóa, nghệ thuật... cũng như các hoạt động xã hội khác. Nhiều chị em đã đảm nhiệm vai trò lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước, công sở v.v... Vì vậy, việc mặc đẹp và lịch sự đang trở thành một nhu cầu cần thiết và thực sự là mối quan tâm chung của tất cả chị em phụ nữ.

Hình thức đầu tóc, vành khăn vắn xưa kia chỉ còn gặp ở các cụ vào tuổi xưa nay hiếm nơi ngoại thành. Ở thành phố người nhiều tuổi còn búi tóc dài, đa số là búi tóc, có lưới bao cho khỏi tuột và được trang trí đính nơ hoặc hạt trai nhỏ, hạt cườm. Khi đi lễ hội cùng với chiếc áo dài truyền thống thì đã có vành khăn nhung đen được làm sẵn đội lên đầu. Bậc trung niên, những người còn trẻ thường để các kiểu tóc phi dê như tóc búp, xù đơ, xù mì, xù trượt...



Hình 284: Áo dài, vật gắn những năm 70



Hình 285: Lễ hội (tranh dân gian)



Hình 286: Một hình thức trang phục trong lễ hội (múa sênh tiền)



Hình 287:
Trang phục trong lễ thượng thọ

Nữ thanh niên để tóc nhiều kiểu, tóc ngang có tầng, so le vênh, si tôn tém, kiểu Thái Lan. Đực, Tiệp, kiểu đuôi ngựa, hoặc để tóc dài tự nhiên và chải, bới, quăn, tết, cặp tóc cùng với lược, kẹp. Dây huộc có trang trí đá, kim loại màu, hạt trai, cuôm, ghim nhỏ, bông hoa... điểm trang cho mái tóc thêm duyên dáng. Gần đây phát triển cắt tóc vi tính (thay đổi mẫu tóc trong vòng vài giây).

Phố Cầu Gỗ ngày nay là dãy hàng tạp phẩm - là trung tâm bán các mặt hàng cặp mai gắn nơ, lược bờm gắn đá...

Một cửa thế giới đến với giới trẻ rất nhanh, nhất là Hà Nội, trung tâm giao lưu văn hóa, thông tin hiện đại với các kênh truyền hình, sách báo, phim ảnh v.v... cập nhật, luôn thay đổi, không sao kể hết.

Từ năm 1975 đến nay, đa số trang phục nam giới ở mọi lứa tuổi đều mặc quần Âu (thường gọi là quần tây). Kiểu quần này xuất xứ từ châu Âu, vào nước ta từ khi Pháp sang đô hộ.

Quần Âu ở Việt Nam cũng qua những chặng đường thay đổi theo trào lưu của thế giới, từ ống hẹp 18 - 20cm, mông và đũng rộng, ở cạp quần có nhiều đường chiết. Rồi ống quần rộng ra một chút, mông hẹp hơn. Năm sau ống quần lại thẳng (ống đứng) từ 20 - 22cm, mông và đũng may sát gọn. Một số thanh niên mặc quần ống bó khoảng 15cm (ống tuýp). Những năm 1980 một số thanh niên mặc một quần ống loe từ 30 - 40cm.

Giới đoạn mở cửa hội nhập đã thêm nhiều kiểu quần tây ống suông, quần Jean ống rộng, quần bò ống vẩy, quần Jean sờn, mài đùi, mông. Một quần Âu lại trở về dạng ống "tuýp", một số quần bó ống, bó mông và đùi bằng loại vải bò hay ka ki trắng hoặc nhung kẻ, quần có túi nổi sau mông, kéo phéc mơ tuya hay đính nhiều khuy bằng đồng... thời trang bụi (đồ da đóng đinh).

Các chi tiết của quần Âu như ly lật vào trong hoặc ra ngoài, đĩa to, nhỏ ở cạp, túi thẳng, túi chéo v.v... đều mang cả hai yếu tố thực dụng và thẩm mỹ (quần túi chéo tạo thế cho tay vào túi dễ dàng, đường chéo của túi phá đi đường thẳng, ngang làm cho chiếc quần phong phú về đường nét...).

Thắt lưng hoặc bằng ni lông, bằng vải, bằng da có diện tích chiều ngang từ 2cm đến 8cm. Khóa bằng kim loại nhỏ, to, tùy theo loại thắt lưng với nhiều hình tròn, vuông, bầu dục, chữ nhật, có những họa tiết hoặc hình chữ nhiều màu xanh, đỏ, trắng...

Do quan niệm là quần soóc có tính chất thể dục thể thao, cho rằng mặc soóc ra đường không được đứng đắn, nên tuy thời tiết nước ta nóng nực nhưng nam giới vẫn ít sử dụng. Về sau còn mặc quần ống lửng, gấu quần chỉ đến đầu gối.

Về áo, nam giới thường mặc áo sơ mi may bó, ve cổ áo và măng-sét to bản, áo bay bo gấu ngắn tay hoặc dài tay. Có người (tuổi trẻ) mặc áo chiết ly, gấu áo lượn, vạt ôm lấy hông (áo đuôi tôm). Có loại áo không may cầu vai hoặc có cầu vai nhưng chỉ có hai nếp ly hoặc không co ly (trước đây suốt ngang lưng đều làm ly). Có người mặc áo phông, trang trí họa tiết hoa văn hay bằng chữ ngoại in ở ngực và sau lưng áo. Các loại áo dệt kim ba lỗ, áo pul, áo khoác lửng, bộ thụng v.v... phong phú về màu sắc, đa dạng về kiểu may. Có người mặc áo bằng vải in hoa hoặc thêu điểm ở ngực... gần đây có loại áo sơ mi siêu mỏng.

Những năm 80 thường đi dép cao su đen có hai quai chéo phía mũi dép và hai quai ngang đằng sau, sau được cải tiến đế cao từ 3 - 7cm, có hai quai chéo như xăng đan, đi xăng đan bằng da, đế da hay đế kép, dép nhựa Tiền Phong, dép rọ, hoặc xăm pô các loại. Giày tây, giày ba ta, bát kết, giày mô ka cũng thường sử dụng. Ngày lễ, ngày tết đi giày tây các kiểu, đế cao hoặc thấp, gót vuông, mũi vuông hay nhọn.

Đến nay giày dép của nam giới không chỉ đơn thuần làm chức năng bảo vệ đôi chân, mà còn mang yếu tố tạo dáng, kiểu mẫu, màu sắc và thẩm mỹ... cũng phải hài hòa với từng bộ quần áo sao cho phù hợp trong mọi hoàn cảnh sinh hoạt.

Trong những ngày lễ, ngày hội, kể cả các cấp lãnh đạo nhà nước, đàn ông thành thị mặc com lê các màu, gần đây ưa màu sáng như màu sữa, màu be, màu ghi nhạt... áo vét tông có thời gian ve to, rồi lại nhỏ, nay lại to. Có loại ve nổi, hoặc ve liền với kiểu ve nhọn, hoặc ve xéch, ve



Hình 288: Trang phục cán bộ viên chức (mùa hè)

đăn-tông. Hai vạt áo phía trước, góc thẳng hoặc tròn. Có loại vạt tông xẻ hai đường nhỏ ở gấu áo phía bên hông.

Cà-vạt có thời gian rất nhỏ làm bằng vải ni lông. Rồi lại rất to làm bằng các loại vải hoa. Có thời gian cà-vạt dài, ngắn rồi lại dài... với nhiều hình thức: một màu (trơn), hoa, vẽ kẻ sọc, chấm v.v... bằng các chất liệu gấm, dệt kim, tơ tằm, rất phong phú và đa dạng về màu sắc.

Những người tham gia vào lễ hội truyền thống như chủ tế, đội mũ tế màu đỏ, mặc áo tay thụng, cổ chéo (giao lãnh), buộc dây ở điểm nách áo và cạnh sườn (không dùng khuy để cài). Trước ngực và sau lưng áo có hình bồ tử vuông, khoảng từ 30cm đến 35cm bằng nỉ đỏ hay vóc điều; (nếu là văn thì bồ tử thêu loài cầm, võ thêu loài thú). Chân đi hia hoặc hài.

Bồi tế - người phụ tế, mũ tế màu xanh lam, áo tay thụng, cổ chéo, chân đi hia hoặc hài. Những người hành lễ, khăn xếp, áo dài màu xanh lam hoặc màu huyền, quần trắng, chân đi hài hoặc giày Tàu.



Hình 289: Trang phục chủ tế, bồi tế

Trong lễ rước còn có đội khiêng kiệu bát công, rước sắc phong do vua ban, kiệu long đình có bát nhang và mâm ngũ quả. Đội cầm cờ, quạt, lọng, hàng chấp kích... Tham gia thường là những thanh niên khỏe mạnh, được tuyển chọn từ làng, xã. Đầu chít khăn bở giọt, áo nâu có nẹp khác màu, thắt lưng đỏ bở moi bên cạnh, chân quần xà cạp. Phường bát âm: các cụ ông đội khăn xếp, áo dài the đen, thắt lưng đỏ, quần trắng.

Lễ thượng thọ mặc áo dài khăn đóng, hoặc bộ quần áo cánh ta, cổ cao bằng gấm hoa chữ thọ hay lụa màu đỏ.

Đặc biệt trong mùa lạnh, chiếc áo gi lê được cải tiến và sử dụng rộng rãi. Xưa kia áo gi lê để mặc lót trong com lê, nay gi lê có rất nhiều kiểu, có thể mặc ngoài áo sơ mi, áo phông và trở thành một loại áo khoác ngoài cùng các phụ liệu như phéc mơ tuya, khuy, dây... nhiều túi trong, ngoài, ngang, dọc... với sự tiện dụng và đa năng của nó cho nên được giới trẻ cũng như các phóng viên nhiếp ảnh ưa dùng trong khi tác nghiệp.

Ngoài ra, có nhiều kiểu áo rét như măng tô bằng da, áo mút, áo bay, áo bludông bằng da, áo len dệt, đan các kiểu v.v... Ở nông thôn,



Hình 290: Trang phục phường bát âm trong lễ hội



Hình 291: Trang phục áo nậu của trai đình khiêng kệ



Hình 292: Trang phục khăn đóng, áo dài thắt lưng bỏ giọt của trai đình khiêng kiệu



Hình 293:
Trang phục áo đỏ trong lễ thượng thọ

mùa rét một số người vẫn mặc áo bông hoặc áo va rơi bằng dạ...

Ngày nay đồ đội của nam giới cũng không còn ý nghĩa đơn thuần để che nắng, che mưa, mà nó còn cùng đồng hành với thời trang áo quần, cho mọi lứa tuổi, đa dạng về chất liệu, phong phú về mẫu mã cũng như màu sắc, để phục vụ cho cả bốn mùa.

Mũ nổi, mũ phớt, mũ dạ lưỡi trai cao cấp của nam giới được bán ở phố Hàng Gai, Hàng Bông... Còn phố Tây Sơn, Chùa Bộc lại chuyên bán các loại mũ vải bình dân.



Hình 294: Các loại trang phục mùa đông của cán bộ viên chức

Nhìn chung trang phục của đàn ông trong cả nước, nhất là ở thành thị Hà Nội, đã được may theo các kiểu trang phục châu Âu. Với những đặc điểm khí hậu, thói quen thẩm mỹ, điều kiện kinh tế..., các loại trang phục đàn ông đã được cải tiến nhiều cho thích hợp. Điều thấy rõ là qua trang phục đàn ông, người ta không thấy còn sự cách biệt giữa các tầng lớp con người như trong xã hội cũ nữa.

Sự phát triển của đời sống xã hội ngày càng được nâng cao, do đó trang phục của trẻ em Hà Nội cũng có những nhu cầu như của người lớn: quần áo mặc ở nhà, đi học và đi chơi v.v... Có nhiều chủng loại, với các chất liệu màu sắc, kiểu dáng, phong phú... Điều này càng được chứng minh rõ rệt trong những ngày nhập trường, ngày lễ, ngày hội. Các em trong bộ trang phục mới may gọn gàng, phù hợp với tính chất lứa tuổi, làm cho con người thêm khỏe, đẹp, lạc quan...



Hình 295: Đội nhạc thiếu nhi



Hình 296: Đội múa thiếu nhi



Hình 297: Áo dài nữ sinh trung học



Hình 298: Trẻ em thường ngày



Hình 299: Trẻ em với các loại trang phục mùa đông



Hình 300: Trẻ em với trang phục áo dài dân tộc trong ngày lễ tết



Hình 301: Trẻ em mặc áo dài trong ngày lễ

Một số trường ở bậc tiểu học đã có đồng phục cho học sinh. Bé gái, áo sơ mi cộc tay hoặc dài tay màu trắng, mặc váy hoặc quần có sự pha màu tươi sáng như xanh nước biển với màu trắng hoặc hồng nhẹ v.v... Bé trai, áo sơ mi ngắn tay hoặc dài tay, quần soóc hoặc quần Âu dài.

Ở cấp trung học cơ sở, nữ sinh áo sơ mi, váy (kiểu Laura) hoặc quần Âu. Nam áo sơ mi trắng, quần Âu màu sẫm, cùng lô gô nhà trường in trên tay áo.

Cấp phổ thông trung học nam, nữ đều mặc áo sơ mi trắng, quần Âu màu sẫm.

Về mùa đông, các em cũng có đồng phục kiểu áo bludông hai hoặc ba lớp. Tuy nhiên tùy theo từng trường mà có sự chọn màu khác nhau với nhiều kiểu cắt may hợp lý, phù hợp với môi trường sinh hoạt cũng như yếu tố thẩm mỹ đối với trang phục học đường.

Ngoài ra, các em nữ sinh ở cấp phổ thông trung học còn có bộ lễ phục đó là tấm áo dài mặc trong dịp khai trường, kỷ niệm ngày truyền thống của nhà trường hoặc khi kết thúc năm học v.v...

Trang phục lễ cưới

Từ sau năm 1975, đất nước đã thống nhất, mối giao lưu văn hóa mở rộng, do ảnh hưởng các một trang phục Tây Âu, trong ngày cưới, trang phục của cô dâu hiện đại là màu trắng⁽¹⁾. Một số cô dâu mặc áo liền váy gấp nếp ở tay, ở ngực, váy xòe rộng, dài quá gót chân, có những chiếc váy từ thắt lưng đến gấu chia làm nhiều đoạn với những khoanh đính ten, gọi là váy ba tầng hay năm tầng, hoặc váy dài gấp nhiều đường, chiết ở ngực, thắt lưng... Đi giày cao gót trắng. Tay đeo gang mỏng. Cổ đeo chuỗi hạt kim cương hoặc giả kim cương hay xa-phia lỏng lánh. Tóc phi dê, người nào tóc dài thì làm phi dê giả, tóc uốn thành chín búp dài gọi là búp Ăng lê rủ xuống quanh đầu. Mái tóc phía trước cài vòng hoa trắng bằng vải, hoặc chải tóc bông cao, cài những vòng hạt có tua rủ xuống hai bên thái

(1) Theo quan niệm của phương Tây: Màu trắng tinh khiết.

Phương Đông: Màu đỏ, màu hồng là biểu hiện sự vui mừng, hưng phấn nên áo cưới của cô dâu trước kia là màu đỏ, hoặc hồng, còn là màu biểu tượng cho sự may mắn.

duong và ở giữa trán, trùm thêm một khăn voan trắng trên đầu. Lúc đưa dâu, cô dâu kéo khăn ấy che mặt. Mặt trang điểm phấn son đậm nét. Nhiều người kẻ mắt đậm, mi mắt bôi xanh, cặp hàng lông mi giả dài và cong. Tay ôm bó hoa lay ơm trắng, thêm một dây hoa hồng trắng dài gần đến chân. Tất cả những cái đó làm cho cô dâu khác biệt và nổi bật lên giữa các cô phù dâu.

Chú rể mặc com lê màu be, vài kẻ hoặc màu đậm, thắt ca vát điểm họa tiết hoa văn. Đi giày da đen. Đặc biệt là có cài một bông hoa hồng trắng, cùng nhành lá măng tươi ở túi áo ngực cho khác với những người phù rể.

Ở ngoại thành, trang phục cô dâu, chú rể chỉ là kiểu quần áo mặc ngày bình thường nhưng mới và đẹp.

Về trang phục của những người phù rể, đều mặc tương tự như quần áo chú rể. Phù dâu mặc tương tự như cô dâu. Đám cưới ở thành thị, phù dâu cũng chỉ mặc áo dài các màu, quần trắng, trang điểm đẹp.

Đến những năm 1981 - 1982 nhờ có sự hướng dẫn chọn lọc, trang phục cô dâu đã quay về chiếc áo dài cổ truyền dân tộc với mấy kiểu sau đây:

Kiểu áo dài “hoàng hậu” cổ đứng cao, tay thụng, dài vừa tầm, may sát thân, bằng nhung hay gấm, màu đỏ hay màu hồng, trơn hoặc thêu. Ngoài khoác áo tứ thân mệnh phụ, tay thụng, bằng ren màu trắng. Đội khăn hoàng hậu màu vàng hoặc đỏ, hồng. Ngực cài bông hoa hồng trắng. Mặc quần trắng, đi giày cao gót. Tô điểm nhẹ trên khuôn mặt.

Kiểu áo dài truyền thống màu trắng, hoặc các màu sáng, điểm hoa nhẹ, may sát thân, tay hơi lóc, vài rác lằng, vạt dài ngang ống chân. Mặc quần trắng, đi giày cao gót. Mái tóc để tự nhiên, cài thêm bông hoa trắng nhỏ, tay ôm hoa lay ơm trắng.

Những bộ trang phục cưới thanh nhã còn giữ được những nét cổ truyền của dân tộc như trên làm tôn vẻ đẹp cho các cô dâu, đã được nhiều người ưa thích.

Nhưng rồi, từ những thập niên 90 cho tới thời gian gần đây, trang phục cưới của cô dâu Hà Nội hầu như vắng bóng chiếc áo dài truyền thống. Thay vào đó là các kiểu váy cưới nhập ngoại ở ạt của Hồng Kông, Ý, Pháp..., với các kiểu hoàng hậu, công chúa, hoặc những tên gọi hấp dẫn như bông hồng, cánh én, ngây thơ, hạt sương sa... Chất liệu phong phú, vải bóng, hoặc lụa kết hạt đá, bông hoa, phi bóng, tơ bóng trắng muốt, gấm thô trang trí hạt trân châu, hạt bạc trên nền vải hoặc bằng ren, voan mềm mại, điểm xuyết đá, hạt mài hoặc kết cườm thêm phần long lanh, rực rỡ sắc màu trên áo cưới. Thời trang hướng tới sự giản đơn thì áo cưới cũng vậy, cô dâu bỏ voan trùm đầu, áo cưới hở ngực, lộ bờ vai.

Mái tóc của cô dâu giờ đây cũng rất đa dạng về kiểu cách, phong phú phụ liệu như hạt thủy tinh, hạt đá trắng, hạt trai, điểm những bông hoa đính cườm..., cùng với bộ áo cưới màu trắng và đôi găng tay voan màu trắng, chất liệu nhẹ, trong, tạo nên tổng thể một màu trắng, tượng trưng sự tinh khiết cho cô dâu. Thay vì ôm hoa lay ơm như trước, nay cô dâu thường cầm bó hoa nhỏ kết thành chùm có vài ren, dây nơ buông mềm mại.



*Hình 302:
Cô dâu, chú rể những năm 70*

Chú rể mặc com lê màu đậm hoặc màu sáng, có trường hợp chú rể cũng mặc com lê màu trắng, thắt cà-vạt hoặc nơ, ngực áo cài bông hoa hồng trắng.

Các cô phù dâu mặc đồng phục áo dài truyền thống hoặc váy, nhưng đơn giản hơn của cô dâu.

Trao nhẫn trong ngày cưới là một phong tục mang ý tốt đẹp đáng được trân trọng, đã du nhập vào nước ta cuối thế kỷ XX. Ở Hà Nội, những năm gần đây, trong ngày cưới, cô dâu, chú rể trao nhẫn cho nhau đã trở thành phổ biến.



Hình 303: Cô dâu, chú rể những năm 80



Hình 304:
Cô dâu trong trang phục
khăn áo hoàng hậu



Hình 305: Trang phục áo dài dân tộc của cô dâu, chú rể



Hình 306: Cô dâu mặc áo dài dân tộc cầm hoa cưới hiện đại



Hình 307: Một kiểu váy cô dâu trong lễ cưới hiện nay



Hình 308: Cô dâu, chú rể trao nhẫn trong lễ cưới



Hình 309: Trang phục nam trong lễ ăn hỏi



Hình 310: Trang phục nữ trong lễ ăn hỏi



Hình 311: Trang phục những người dự lễ cưới

Trang phục lễ cưới trong dân tộc Việt ở nước ta nói chung và Thăng Long - Hà Nội nói riêng, cũng chính là trang phục ngày hội, ngày lễ. Toàn bộ trang phục của cô dâu, chú rể, của những người đi dự lễ cưới... không thể tách rời môi trường, cảnh trí, thiên nhiên Việt Nam. Trang phục lễ cưới, dù ở nông thôn hay thành thị, dù có sự biến đổi tất yếu, vẫn cần góp phần tạo nên một bức tranh đời sống văn hóa thật độc đáo của con người Việt Nam.

Trang phục lễ tang

Trang phục lễ tang từ năm 1954 đến nay đã đơn giản hơn nhiều. Ví dụ dùng áo xô nhưng bỏ hai tay áo đi. Đưa đám đi giày dép bình thường. Nhiều người không đội mũ rơm, không chống gậy nữa. Sau tang lễ, các con thường để trở bằng cách dùng miếng vải đen rộng chừng 8cm may thành nhiều nếp đeo quanh cánh tay hoặc đeo băng đen trước ngực màu đen hình chữ nhật bằng nhựa mica (3cm x 6cm).

Đối với trường hợp quốc tang (như lãnh tụ tối cao mất), có một số nghi thức quy định riêng. Năm 1969 khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, cả nước để quốc tang: toàn thể cán bộ, quân đội, nhân dân đeo ở ngực miếng vải nhỏ chữ nhật nằm (3cm x 6cm) nửa trên đỏ, nửa dưới đen.



Hình 312: Tang phục của con gái



Hình 313: Tang phục của con trai



Hình 314: Kiểu để khăn tang của hàng cháu, chắt, chắt, chít



Hình 315:
Tang phục màu
đen và cách
chít khăn tang
của con trai,
con gái phổ
biến hiện nay.

Hiện nay, ở Hà Nội đa số các gia đình, trong đám tang vẫn mặc kiểu áo quần như thường ngày, nhưng là màu đen, hoặc áo quần màu đen bên ngoài là áo xò trắng. Những người thân thích nhất với người chết (như vợ với chồng, con với cha, mẹ...) mặc áo dài, hoặc áo sơ mi màu đen, chít khăn xô buông hai dải phía sau. Họ hàng chít khăn vải trắng quanh đầu. Bè bạn và những người trong ban tổ chức lễ tang đeo băng đen ở cánh tay, những người đến viếng và dự tang lễ đính miếng vải đen (nay thường dùng băng giấy đề can) trước ngực.

Trang phục lễ tang ở Hà Nội hiện nay đơn giản, nghiêm túc mang được những ý nghĩa sâu sắc cũng là một mặt của đời sống văn hóa mà mỗi dân tộc có truyền thống văn minh không thể thiếu quan tâm.

3. Trang phục thời đổi mới và hội nhập

Năm 1986, đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xóa bỏ bao cấp, chuyển sang kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cùng với sự phát triển mọi mặt về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật... thì nhu cầu tiêu dùng của con người trong xã hội cũng không ngừng nâng cao, đặc biệt trong lĩnh vực may mặc.

Hà Nội là trung tâm của cả nước, nhu cầu phát triển lại càng lớn. Ngoài áo, quần, còn có mũ, khăn, giày dép... không thể thiếu trong bộ trang phục - mà cái đẹp là tiêu chí đầu tiên để phù hợp với cuộc sống ngày nay.

Cùng với sự phát triển chung đó, các ngành công nghiệp hiện đại và thủ công nghiệp của thủ đô cũng phát triển và đã sản xuất được nhiều mặt hàng dệt, may, da... phong phú về kiểu dáng, đa dạng về chất liệu và màu sắc để đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Công ty Dệt 8-3 đã sản xuất được các loại vải cốt tông, ga - ba - đin pha len, sợi tổng hợp phi-la-măng, tơ tằm soie, suisse, lụa sợi tổng hợp phi-la-măng, tơ tằm... Áo sơ mi cao cấp của Công ty May 10, áo Jacket của Công ty May Đức Giang, quần áo dệt kim, hàng thể thao. Sản phẩm của nhà máy Dệt kim Đông Xuân, Dệt Hà Nội, Dệt Mùa đông. Công ty Giày da Thụy Khuê với các chủng loại giày môka, xăng đan, boots v.v...

Hà Nội 36 phố phường xưa có liên quan đến trang phục, nay đã không còn đủ sức chứa các mặt hàng phục vụ cho việc mặc của con người trong thời kỳ đất nước mở cửa và hội nhập nữa.

Ngày nay, trong nội thành những tụ điểm lớn bán các mặt hàng vải như Chợ Đồng Xuân, chợ Hôm - Đức Viên, phố Phùng Khắc Khoan v.v... Ở ngoại thành có chợ vải Ninh Hiệp, mặt hàng tơ tằm ở Vạn Phúc. Ngoài ra còn nhiều nơi bán lẻ trong các cửa hiệu hoặc trên hè phố với đủ loại vải kiện, nội, ngoại rất phong phú về chất liệu và màu sắc...

Phố Hàng Gai với nghề in, bán sách, buôn tơ, nay trở thành khu phố chuyên kinh doanh tơ lụa. Một khu phố sầm uất với các cửa hàng may đo, bán vải, khăn lụa, túi xách thời hiện đại, cùng các đồ lưu niệm làm từ chất liệu tơ lụa, còn được gọi là “Phố tơ lụa”.

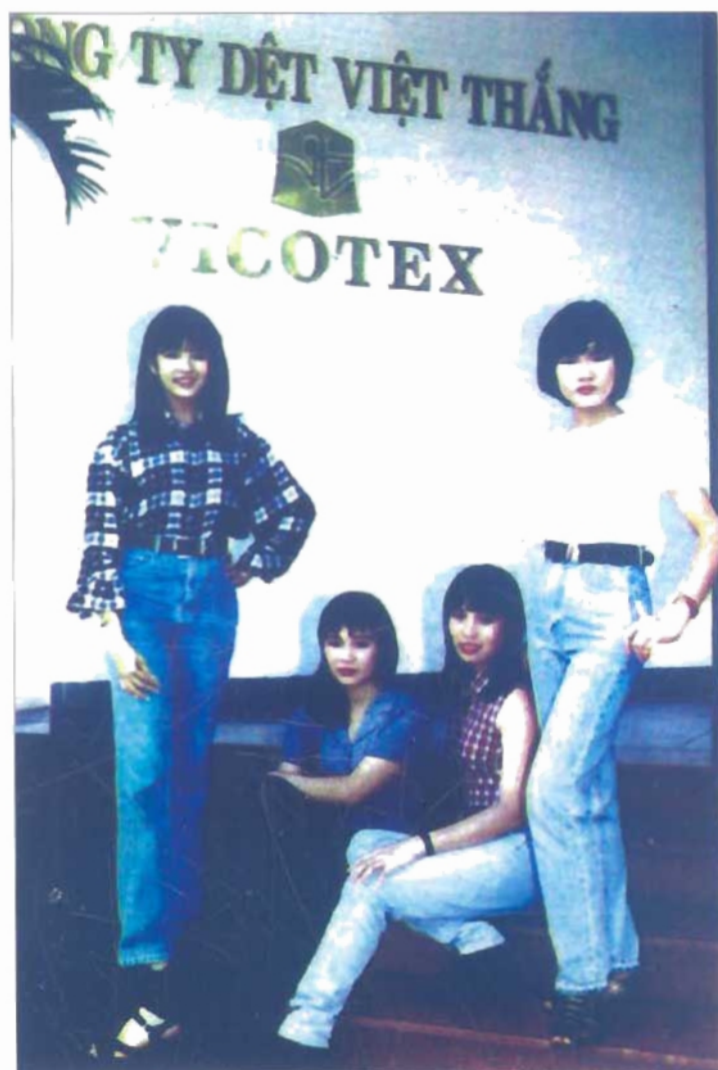
Ngay trong lòng khu phố cổ Hà Nội - phố Hàng Thùng xưa kia, nay chuyên kinh doanh mặt hàng: khuy, khóa, chỉ khâu, đăng ten, hình con giống trên vải thay mụn vá v.v... để bổ sung làm đẹp cho áo quần. Muôn màu, ngàn sắc, trăm thứ hàng, ngàn chủng loại - một khu “hàng xén” khổng lồ, sầm uất. với cái tên gọi dân dã “Phố phụ tùng may mặc”... là những phụ liệu không thể thiếu trong ngành may công nghiệp hiện nay.

Đối với du khách nước ngoài, phố Lương Văn Can được coi là Á Đông - Việt Nam - Hà Nội, nơi đây là làng may của Trạch Xá, đã được hình thành ở Hà Nội từ xưa. Nay cũng dòng Trạch Xá, lại thêm Mỹ Vinh, Mỹ Hào, Quế Trạch v.v... ở phố Cầu Gỗ... Rồi các hiệu may trong thời kỳ mở cửa như: Hồng Ngọc (66 Nguyễn Thái Học), Ngân An (số 4 Trần Phú), Hương Giang (58 Tuệ Tĩnh), La Hằng (34 phố Yết Kiêu), v.v... và các hiệu may cao cấp, lớn, nhỏ... nơi đâu cũng có.

Bên cạnh mặt hàng may sẵn của các doanh nghiệp nhà nước như: May Chiến Thắng, Công ty Vải sợi may mặc Hà Nội... thị trường kinh doanh quần áo ở Hà Nội được mở rộng, mọc lên khắp chốn đô thành như các phố: Trần Nhân Tông, Bùi Thị Xuân, Triệu Việt Vương, Hàng Ngang, Hàng Đào, Mai Hắc Đế, Hai Bà Trưng v.v... với các chủng loại nội có, ngoại có, hợp thị hiếu, phục vụ cho mọi đối tượng và được gọi là “hàng Chợ”.

Các cửa hàng đồ hiệu “Shop” khu Tràng Tiền, Tháp Hà Nội là trang phục nhập ngoại mới và hiện đại của Ý, Pháp, Mỹ... là loại hàng “kén khách” chuyên phục vụ cho đối tượng “chịu chơi”.

Còn quần áo cũ, hết mốt, nhập từ nước ngoài được gọi là “hàng thùng” hay quần áo “si đa”, cũng vô cùng phong phú về chủng loại có thể đáp ứng cho mọi đối tượng. Có thể kể đến trung tâm “hàng thùng” lớn của Hà Nội là chợ Hàng Da, phố Kim Liên, chợ “thùng” Bách Khoa v.v...



Hình 316:
Trang phục
chất liệu
Việt Nam



Hình 317: Trang phục thể thao



Hình 318: Áo mùa đông (nam)



Hình 319: Trang phục mùa đông



Hình 320: Áo mùa đông (nữ)

Lại có phố chuyên bán một mặt hàng Jean (quần áo hò) đó là phố Hai Bà Trưng, Thọ Nhuộm, đồng thời kéo theo nghề may, để phục vụ cho khách hàng như vào cặp, bóp ống, lên gấu... và kiêm gia công nhuộm, hấp.

Bên cạnh những địa chỉ cũ như Hàng Giày, Hàng Hài... ngày nay trung tâm bán giày, dép, guốc đủ các chủng loại là Hàng Dầu, rồi các chợ Hàng Da, Đồng Xuân... hay các hàng giày cao cấp nội, ngoại ở các phố: Hàng Bông, Phố Huế, Phan Bội Châu... Giày “hàng thùng” (ở Kim Liên); giày “Xôn” ở vỉa hè (Cầu Giấy, Giảng Võ)...

Trang phục Hà Nội của thời mở cửa, đẹp và phong phú, nhưng ở vào giai đoạn đầu có sự ồ ạt, chưa được chất lọc. Tuy nhiên do nhận thức được tầm quan trọng của trang phục trong cuộc sống, vì qua trang phục có thể phản ánh một phần văn hóa của mỗi dân tộc, tính cách của mỗi con người, cho nên trong công cuộc cải cách nền hành chính quốc gia, một trong những nội dung quan trọng được đề cập đến, đó là vấn đề trang phục.

Tại thông báo số 226/TB ngày 30 tháng 10 năm 1992, của Hội đồng Nhà nước quy định về mẫu lễ phục cụ thể như sau:

Ngoài lễ phục đặc thù của quân đội, công an...⁽¹⁾ thì công nhân viên chức, kể cả cấp lãnh đạo Nhà nước, trong các buổi lễ, buổi họp trọng thể, khi tiếp khách, trang phục được quy định:

Nam mặc com lê, áo sơ mi dài tay hoặc ngắn tay, thắt ca vát, đi giày da (mùa hè); mùa đông: mặc com lê (chất liệu dày), thắt ca vát, đi giày da.

Nữ áo dài truyền thống hoặc com lê, có thể mặc váy, đi giày, hoặc xăng đan.

Có thể đánh giá đây là một bước cách mạng về cái mặc trong thời hiện đại. Trang phục không còn chỉ là mối quan tâm của một bộ phận dân chúng nữa, mà nó đã trở thành mối quan tâm chung của toàn xã hội, nhất là trong xã hội đang phát triển của chúng ta, khi mà đời sống của nhân

(1) Trang phục quân đội, công an nhân dân Việt Nam là loại trang phục đặc thù mang tính chất chung của cả nước và có những quy định riêng, do đó chúng tôi không đề cập ở phạm vi phần này.

dân ngày càng được nâng cao, diện mạo trang phục chung không còn quá cách biệt về giàu, nghèo thì những quy định của nhà nước về mẫu lễ phục là một định hướng đúng đắn.

Một phong trào đồng phục được đẩy mạnh, làm cho diện mạo trang phục của thủ đô Hà Nội vừa giữ được truyền thống, vừa văn minh, hiện đại cùng trào lưu chung của quốc tế.

Đồng phục không phải bây giờ mới xuất hiện, thời phong kiến, trong triều đình đã có lễ phục khi đại triều hoặc thường triều. Trong xã hội phân chia giai cấp thì quần áo mang thân phận con người. Xã hội ngày một phát triển, các loại đồng phục cũng ra đời. Ngoài đồng phục của các tổ chức lớn như quân đội, công an... còn đồng phục của các ngành nghề như bưu điện, y tế, ngân hàng, công nhân lao động... Đồng phục còn mang yếu tố thể hiện tinh thần tập thể và tính tổ chức cao của cộng đồng.

Khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO, nền kinh tế thị trường, với nhiều thành phần kinh tế, hệ thống doanh nghiệp, thương mại, thương nghiệp phát triển mạnh với các dịch vụ khách sạn, nhà hàng... trong đó yếu tố con người là lực lượng lao động.



Hình 321: Đồng phục ngành y



Hình 322: Đồng phục công nhân dệt



Hình 323: Nữ giáo viên đồng phục áo dài truyền thống dân tộc



Hình 324: Đồng phục nữ giáo viên kiểu châu Âu



Hình 325: Đồng phục nữ sinh trung học cơ sở

Vì vậy, mỗi doanh nghiệp đều muốn tìm ra một nét riêng để thể hiện hoạt động kinh tế của mình như có: lô gô - biểu tượng của cơ quan, hay kiểu dáng, màu sắc trang phục để biểu hiện lĩnh vực mà mình hoạt động. Tuy là vẻ bề ngoài, nhưng nó lại chứa đựng phần nội dung và hướng phát triển đi lên, nó gắn bó con người với môi trường làm việc và người ta tự hào về nó.

Hiện nay, đồng phục không đóng cứng mà có tính chất mềm, nó làm phong phú thêm bức tranh trang phục của văn hóa mặc Hà Nội, đồng thời nó còn mang ý nghĩa lớn về mặt kinh tế xã hội.

Áo blu màu trắng là màu đặc trưng chung của ngành y tế. Nhưng với đặc thù dễ thích ứng với từng công việc chuyên sâu của các bộ phận cụ thể như phòng mổ, phòng y vụ..., bên cạnh màu trắng, ta lại thấy có cả màu xanh lá cây, màu hồng nhạt, màu xanh da trời v.v..

Màu xanh công nhân là đặc trưng của đồng phục công nhân trong nhà máy, trên công trường... Ngày nay, bộ quần áo bảo hộ có nhiều kiểu, nhiều màu như màu ghi, màu xi măng..., công nhân vệ sinh môi trường còn thêm áo gi-lê màu xanh lá cây bằng vải phát sáng, công nhân dầu khí màu vàng da cam v.v... Cùng với mũ, giày bảo hiểm phù hợp với tính chất công việc và điều kiện lao động còn mang yếu tố thẩm mỹ, thuận tiện và đương nhiên có cả yếu tố hợp vệ sinh.

Những năm 90, ngành may mặc đã phát huy tiềm năng nội địa về mẫu mã cũng như chất liệu vải như vải "bô", cốt tông, sợi dùi, tơ tằm, thổ cẩm v.v... định hướng về trang phục người Việt Nam dùng hàng Việt Nam, phù hợp với môi trường, khí hậu và vóc dáng người Việt Nam.

Ở Hà Nội, ra đời Viện mẫu Thời trang, các Trường Đại học Mỹ thuật công nghiệp và Viện Đại học Mở... thành lập các khoa thiết kế trang phục, với đội ngũ thiết kế thời trang, nhằm đáp ứng nhu cầu mặc của các trường hợp người dân, góp phần vào sự phát triển của ngành dệt may, cũng như nền kinh tế chung của đất nước.

Sau thông báo về lễ phục của nhà nước, chiếc áo dài truyền thống của phụ nữ Việt Nam được phát huy cao độ trên cả nước, cũng như trong các công sở ở thủ đô Hà Nội và được sử dụng trong nhiều hoàn cảnh thích hợp như các hội nghị cấp cao của Trung ương, hay trong buổi đón tiếp các

đoàn ngoại giao ở trong nước cũng như tham dự hội nghị, diễn đàn quốc tế, lễ kỷ niệm trong công sở..., cho đến những ngày lễ cưới, ngày hội, tết cổ truyền. Định hướng về lễ phục được hưởng ứng và như một sự khơi dậy về nguồn của mọi tầng lớp xã hội đối với tấm áo dài dân tộc.

Tấm áo dài Việt Nam giờ đây được khởi sắc, nó vừa là quốc phục, vừa là đồng phục, với nhiều màu sắc chất liệu cùng nghệ thuật trang trí trên vải, nâng tầm cao về giá trị thẩm mỹ làm cho tà áo dài ngày càng phong phú và đa dạng.

Để đáp ứng cho sự phát triển của áo dài, ngành dệt đã sản xuất ra các hàng, ngoài vải trơn một màu, còn các loại vải có họa tiết, hoa văn đơn sắc hay có những tổ hợp hoa văn định sẵn bố cục theo kết cấu của áo dài trong mặt hàng dệt.



*Hình 326:
Một kiểu đồng phục
học sinh trung học
cơ sở nam mùa hè*

Các họa sĩ thiết kế thời trang còn gia công thêm các phụ liệu để đáp ứng nhu cầu làm đẹp của người tiêu dùng, nên đã hình thành một nghề mới, đã và đang được phổ biến đó là nghề vẽ, trang trí áo dài. Áo dài vẽ bằng nhiều phương pháp ứng dụng của hội họa như vẽ thủy mặc, sơn mài v.v... hoặc kết hợp cả vẽ lẫn thêu rồi đính, kết cườm... Vẽ trên áo dài theo chủ đề như: Mùa thu Hà Nội, sắc xuân Thành Đô, huyền sử Thăng Long v.v... phục vụ cho sân khấu trình diễn thời trang.

Các cuộc thi “Người đẹp áo dài”, “Người đẹp thanh lịch Hà Nội”, “Hoa hậu báo Tiền phong” v.v..., đều có phần trình diễn áo dài dân tộc. Áo dài Việt Nam còn đi tham dự các kỳ thi trình diễn thời trang quốc tế. Áo dài đồng phục trong công sở, muôn màu sắc như một nét nhấn của văn hóa mặc trong sự giao tiếp của người Hà Nội.

Cũng tà áo dài truyền thống, mà các nữ tiếp viên trong hãng hàng không ở Việt Nam (Vietnam Airlines, Pacific Airlines...) mặc màu xanh da trời để hòa với bầu trời bao la trên cánh bay, mặc màu hồng cánh sen để biểu hiện sự tươi trẻ, có khi lại chọn tà áo dài màu đỏ tía như muốn làm ấm lên trong không gian màu lạnh của trang thiết bị máy bay v.v...



Hình 327:
Một kiểu đồng phục
học sinh trung học cơ sở
nữ mùa hè



Hình 328:
Trang phục cử nhân trong
lễ nhận bằng tốt nghiệp
Trường Đại học Thủy Lợi Hà Nội



Hình 329: Trang phục cử nhân trong lễ nhận bằng tốt nghiệp, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội



Hình 330: Đồng phục sinh viên tình nguyện



Hình 331: Sinh viên trong ngày lễ với áo dài dân tộc



Hình 332: Trang phục thầy, cô giáo và học sinh trong ngày lễ



Hình 333: Đồng phục ngành Hàng không Việt Nam

Ao dài của ngành Bưu chính viễn thông (Bưu điện Bờ Hồ) là màu xanh lam ngọc như mặt nước mùa thu của Hồ Gươm Hà Nội. Chị em trong Ngân hàng nhà nước dùng màu vàng rơm sắc ấm như màu bông lúa chín. Các chị em phát thanh viên trên truyền hình, cửa hàng sách, hướng dẫn viên du lịch v.v... mặc áo dài trơn, hoa, có điểm thêm họa tiết trang trí với nhiều màu sắc khác nhau, phong phú về chất liệu.

Màu trắng tinh khôi của tà áo dài mà các nữ sinh trung học phổ thông trên đường phố, trong sân trường của ngày tựu trường, ngày lễ...

Trang phục trong lễ tốt nghiệp của cử nhân đại học với tà áo dài thụng, cổ giao lãnh, đồng nhất về kiểu dáng, nhưng khác màu sắc và chi tiết hoa văn, để phù hợp với đặc trưng ngành nghề, tính chất đào tạo của mỗi trường: Đại học Thủy lợi màu xanh nước biển, Đại học Kiến trúc đỏ tía, vàng... thể hiện sự trang trọng, nghiêm túc của buổi lễ.

Bên cạnh đồng phục áo dài truyền thống, đối với chức năng nhiệm vụ của từng ngành như ngành giáo dục, ngành ngân hàng, thương mại... và của từng bộ phận như cán bộ làm công tác văn phòng, lễ tân... tùy theo mùa mà sử dụng các bộ đồng phục com lê, vest, juýp, áo sơ mi, quần Âu, hoặc váy, áo gi lê điểm xuyết khăn, nơ, dải buộc mà có các điểm nhấn ở ve áo, nẹp áo, viền túi v.v... với nhiều màu sắc và loại vải. Hoặc dùng một màu trang nhã, hoặc phối màu đơn giản, đẹp, thuận lợi trong công việc. Một vài khách sạn có bộ phận lễ tân lại mặc áo dài tứ thân đổi vai, đổi vạt.

Trên hai mươi năm đổi mới, mở cửa, chuyển đổi nền kinh tế đã đem lại cho đất nước nói chung và Hà Nội nói riêng một sắc thái mới về trang phục.

* Thời hiện đại từ năm 1945 đến nay chỉ hơn 60 năm, nhưng đã chứng kiến sự thay đổi mang tính cách mạng trong trang phục Thăng Long - Hà Nội. Chúng ta có thể nhận thấy khá rõ đặc trưng cơ bản của trang phục Thăng Long - Hà Nội thời kỳ này.

Một là, sự thay đổi trang phục Thăng Long - Hà Nội có ý nghĩa sâu sắc và nền tảng của nó là sự thay đổi về địa vị xã hội của nhân dân Hà Nội. Nhân dân là chủ nhân của xã hội, con người với con người sống trong bình đẳng, không có sự bóc lột, cường bức xã hội nên trang phục cũng thay đổi theo hướng đó.

Hai là, đất nước thống nhất từ Bắc chí Nam, trang phục cũng có ảnh hưởng từ Thủ đô sang các miền khác và ngược lại, trang phục Hà Nội có điều kiện chọn lọc những nét phù hợp với truyền thống nên ngày càng phong phú, đồng thời hài hòa với văn hóa chung của cả nước. Mặt khác, khi hòa bình đem lại cho cuộc sống người Hà Nội vốn thanh lịch, trang nhã càng thêm nét duyên dáng của đất Thăng Long xưa với Hà Nội nay, hiện đại, năng động.

Mở cửa, hội nhập là xu thế có tính thời đại, đồng thời cũng là chính sách mang tầm chiến lược của sự nghiệp đổi mới. Cùng với thành công trong lĩnh vực kinh tế, ngoại giao, chính điều đó đã làm thay đổi mạnh mẽ trang phục Hà Nội thời hiện đại. Trong sự thay đổi này có cả yếu tố tích cực, cả yếu tố tiêu cực, nhưng chúng ta đã trải qua những thời kỳ ngoại lai, bột phát trong cách mặc, nên có đủ kinh nghiệm và niềm tin rằng cái tốt, cái phù hợp sẽ tồn tại và được cải biến từ cái ngoại sinh thành cái nội sinh một cách tinh tế theo thời gian và bộ lọc có tính lịch sử Thăng Long - Hà Nội.

Cuộc sống người Hà Nội cùng nhân dân cả nước đang ngày một nâng cao cả về vật chất và tinh thần, trang phục Hà Nội thời hiện đại chắc chắn còn có những thay đổi nhưng nét đẹp truyền thống cần và nhất định sẽ được giữ gìn và phát huy, nó là nét chủ đạo trong sự đa dạng và tinh tế của trang phục Hà Nội.

LỜI KẾT

Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến là một trong những thủ đô có lịch sử văn hóa lâu đời trên thế giới. Điều đặc biệt là trải qua thăng trầm lịch sử, phần lớn thời gian Thăng Long - Hà Nội là kinh đô của nước Việt thời phong kiến, Thủ đô của Việt Nam dân chủ cộng hòa (và nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Bởi thế, Thăng Long - Hà Nội luôn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của cả nước. Ngay cả khi Thăng Long - Hà Nội không còn vị trí là kinh đô, thì nó vẫn là trung tâm văn hóa có truyền thống lâu đời của nước ta. Nói như vậy để thấy những sự kiện diễn ra trên đất Thăng Long - Hà Nội đều có ý nghĩa rất quan trọng đối với dân tộc Việt Nam. Thật có lý khi nói Thăng Long - Hà Nội hội tụ và tỏa sáng bốn phương. Nghiên cứu về trang phục Thăng Long - Hà Nội chúng tôi thấy điều đó hoàn toàn chính xác. Trang phục Thăng Long - Hà Nội mang bản sắc Thăng Long - Hà Nội, nhưng nó cũng mang dấu ấn của một vùng châu thổ Bắc Bộ rộng lớn, hơn thế nó có nét chung trong trang phục cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nhìn từ góc độ văn hóa chúng ta thấy giá trị truyền thống trong trang phục Thăng Long - Hà Nội, đồng thời còn thấy giá trị phổ quát, những chuẩn mực văn hóa, văn minh nhân loại. Những giá trị ấy, những chuẩn mực ấy được hình thành với yếu tố gốc của cái nội sinh, đồng thời được tiếp thu cái ngoại sinh một cách chọn lọc, sáng tạo để biến đổi nó thành cái nội sinh đa dạng, tinh tế, giàu sức sống trong mọi hoàn cảnh của lịch sử. Chính vì thế chúng ta có thể thấy cốt cách người Thăng Long - Hà Nội thông qua trang phục, thấy hình bóng mỗi thời đại, triều đại thông qua nó và những gì liên quan đến nó.

Từ công trình nghiên cứu trang phục Thăng Long - Hà Nội, với những trang viết và tranh, ảnh minh họa, bước đầu chúng tôi có thể rút ra những nhận định sau:

- Trang phục Thăng Long - Hà Nội là một phần của đời sống vật chất và tinh thần của con người Thăng Long - Hà Nội. Nó thể hiện cốt cách,

phẩm chất, thị hiếu và bản lĩnh của con người nơi đây được chất lọc, xây dựng và gìn giữ suốt chiều dài lịch sử để tạo nên bản sắc riêng đất kinh kỳ ngàn năm văn hiến:

*Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An*

- Trang phục Thăng Long - Hà Nội là một bộ phận cấu thành của văn hóa Thăng Long - Hà Nội. Bởi thế, nó có mối quan hệ biện chứng với chính trị, kinh tế, xã hội Thăng Long - Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung, vì Thăng Long - Hà Nội là kinh đô của nước Việt xưa, là Thủ đô nước Việt thời hiện đại. Sự thay đổi về chính trị, kinh tế, xã hội kéo theo sự thay đổi về trang phục. Tuy nhiên, trang phục vẫn có đời sống riêng của mình, nó không bị cắt đứt bởi các lát cắt lịch sử cùng với sự thăng trầm của thời đại. Chính điều đó tạo nên nhiều điều thú vị trong lịch sử trang phục Thăng Long - Hà Nội và chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu một cách sâu sắc hơn.

- Trang phục Thăng Long - Hà Nội như tấm thẻ căn cước của người Thăng Long - Hà Nội nói riêng và người Việt nói chung, đồng thời nó cũng là tấm giấy thông hành hội nhập vào trong thời đại mà xu thế toàn cầu hóa đang tạo ra những cơ hội và thách thức mới. Tà áo dài Việt Nam đang theo bước chân hội nhập đi khắp năm châu, bốn bể với ấn tượng sâu sắc và chiếm lĩnh sự ngưỡng mộ của các cộng đồng văn hóa rất khác nhau trên thế giới. Chấp nhận giá trị văn hóa là chấp nhận tự nguyện và có tính bền vững. Chúng ta có quyền tự hào và vui mừng khi bạn bè bốn phương trên khắp thế giới đều yêu mến chiếc áo dài Việt Nam. Hãy gìn giữ và phát huy nó như một giá trị văn hóa quý báu của dân tộc.

- Trang phục Thăng Long - Hà Nội có bề dày lịch sử hàng ngàn năm. Trải qua thăng trầm lịch sử nó đã chứng minh sự trường tồn của nó bởi cái gốc nội sinh bền vững, bởi chủ thể trang phục là con người đất Thăng Long - Hà Nội nói riêng là con người Việt Nam nói chung với đức khoan hòa, lòng nhân ái, sự hoà đồng với con người và thiên nhiên. Chính với cái gốc riêng quý báu ấy làm cho Thăng Long - Hà Nội hội tụ được tinh hoa trang phục bốn phương, tiếp nhận có chọn lọc để cải biến một cách

sáng tạo, giàu bản lĩnh cái ngoại sinh thành cái nội sinh vừa thiết thực, vừa tinh tế, thật phù hợp với xu thế hội nhập thời hiện đại. Trong cái riêng bản sắc ta thấy cái chung hài hòa, trong cái chung hài hòa vẫn tìm thấy cái đặc sắc của riêng mình. Hài hòa mà đặc sắc phải chăng chỉ là sắc màu trang phục hay nó còn là sắc màu thời đại mà chúng ta đang chủ động trong hội nhập.

Như vậy, trang phục Thăng Long - Hà Nội không chỉ là chuyện trang phục mà còn là cái gì đó hơn thế nữa. Nhân đây, chúng tôi muốn bày tỏ tâm nguyện của người nghiên cứu về trang phục đã nhiều năm, tha thiết mong muốn có sự hợp tác lâu dài của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế để có thể nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, sâu sắc hơn nữa về trang phục Thăng Long - Hà Nội nói riêng và trang phục Việt Nam nói chung. Trên nền tảng đó, với phương châm kế thừa và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới trong điều kiện mới, sáng tạo Quốc phục Việt Nam nhân kỷ niệm Thăng Long - Hà Nội ngàn năm tuổi.

*

* *

Hà Nội đã, đang và trong tương lai vẫn là một trung tâm công nghiệp lớn nhất miền Bắc, có vị trí, vai trò hết sức quan trọng với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Hà Nội có một thị trường tiêu thụ rộng, tập trung nguồn nhân lực lớn, chất lượng tri thức của cán bộ, người lao động cao, Hà Nội cũng là trung tâm của sự phát triển khoa học, công nghệ mới, phát triển kinh tế đa dạng, nhiều thành phần. Công nghiệp Hà Nội vào năm 2015 cơ bản hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mục tiêu 2020 nước ta cơ bản thành nước công nghiệp, áp dụng công nghệ mới, nguyên liệu mới, trong đó có việc mở rộng thị trường dệt may trên thị trường quốc tế. Điều này là một trong những nhân tố làm cho trang phục Hà Nội có nhiều thay đổi, để thích ứng với nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Song điều thay đổi này không hoàn toàn làm mất đi bản sắc dân tộc trong trang phục của người Thăng Long - Hà Nội.

Trong tiến trình phát triển trang phục ở Hà Nội, trên thực tế có thời kỳ những chiếc áo dài của chị em Hà thành chỉ còn lại trong dĩ vãng. Nhưng từ khi đất nước thống nhất, rồi bước sang thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho đến lúc Việt Nam gia nhập WTO và hội nhập quốc tế hôm nay, trên cả nước nói chung, Hà Nội nói riêng, từ thành thị đến nông thôn, trong các dịp lễ tết, hội hè... bên cạnh những bộ trang phục hiện đại thì đâu đâu cũng thấy bóng dáng tà áo dài của chị em phụ nữ đã đành, cả nam giới ở tuổi trung niên cũng áo dài khăn đóng và gần đây nhiều gia đình đã trang bị cho các em nhỏ bộ áo dài dân tộc. Rồi tấm áo dài tứ thân, năm thân mặc kiểu “mớ ba”, “mớ bảy” vẫn hiện hữu trong các lễ hội dân gian truyền thống, trên sân khấu chèo hay trong không gian văn hóa quan họ của vùng Kinh Bắc (Bắc Ninh ngày nay).

Các cuộc thi hoa hậu, người đẹp trong nước hay ở quốc tế đều mặc áo dài, một số phụ nữ nước ngoài đến Hà Nội, cũng may, mua áo dài Việt Nam để khi về nước có dịp trưng diện với bạn bè. Năm 2002 tham gia chương trình ASEAN, áo dài được coi như áo dạ hội. Ở Nhật đã có 50 em học sinh ở tỉnh Aomori mặc áo dài Việt Nam biểu diễn trong lễ hội mùa hè. Việt kiều ở nước ngoài còn mở hiệu may áo dài không những để đáp ứng nhu cầu của bà con người Việt, mà còn quảng bá áo dài với bạn bè quốc tế.

Hà Nội trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế hôm nay, bên cạnh việc giữ gìn bản sắc dân tộc, kế thừa và phát huy trang phục truyền thống, tiếp thu tinh hoa nước ngoài, hiện đại hóa trong cách mặc để phù hợp với từng môi trường làm việc, lại có sự hòa đồng đáng kể về trang phục trong các vùng nông thôn, thành thị, điều mà ở giai đoạn lịch sử trước cũng có nhưng không nhiều. Trình độ dân trí, trình độ văn hóa được nâng cao, nông thôn thành thị sẽ giảm dần sự cách biệt về mọi mặt, trong đó có trang phục.

Trang phục Thăng Long - Hà Nội trải qua những thăng trầm của lịch sử, đã và đang được nhân dân tiếp tục giữ gìn chất lọc, điều này biểu thị tri thức mới tiến bộ và một kiến thức về đẹp của trang phục dân tộc, nền kinh tế xã hội phát triển, nhu cầu về cái mặc không chỉ là mục đích tiêu dùng mà còn có cả các mặt thuộc về tinh thần thẩm mỹ, mà áo dài Việt Nam là một ví dụ.

Áo dài Việt Nam được coi như một biểu tượng Việt Nam. Áo dài Việt Nam là sự tiếp nối ngày một nâng cao, nó minh chứng cho sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

Áo dài Việt Nam không còn đơn thuần là sản phẩm may mặc, nó đã trở thành một tác phẩm mà người Thăng Long - Hà Nội cũng như cả nước đã tự hào về nó, mãi mãi không mất đi mà ngày càng được nâng cao tinh tế hơn, thẩm mỹ hơn.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

MỘT SỐ HÀNG DỆT THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG TRONG TRANG PHỤC NGƯỜI THĂNG LONG - HÀ NỘI

Từ xa xưa, nhân dân ta ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng nói chung, ngoài việc làm ruộng, trồng lúa và hoa màu còn trồng dâu, nuôi tằm phát triển nghề dệt. Cũng trên dải đồng bằng trù phú này, vùng đất Thăng Long nói riêng còn có nhiều đầm hồ, sông bãi tự nhiên thích ứng với sự phát triển của cây dâu và sự sinh trưởng của con tằm.

Người dân Thăng Long với tính cần cù, bàn tay khéo léo, việc thủ công tinh tế từ những kén tằm đã kéo thành tơ cung cấp cho các khung dệt. Từ đó làm ra đủ các thứ hàng. Hàng đơn, hàng kép, dọc ngang tinh tường:

*Lược là, lĩnh, lụa, khuyển, lương,
Quế, vân, gấm vóc, bằng sa kỳ cầu⁽¹⁾.*

được chuyển đến tay người thợ nhuộm, thợ may, thợ thêu... tạo nên những trang phục thông dụng, mang tính đặc thù cho xã hội.

Những sản phẩm mũ, khăn, áo, quần, giày... được sản xuất theo nhiều mẫu mã phong phú về màu sắc, họa tiết, hoa văn và đa dạng về chất liệu.

(1) Tên các thứ hàng vải.

Trong tiến trình lịch sử phát triển trang phục của dân tộc nói chung và Thăng Long nói riêng, từ thế kỷ XI đến thế kỷ XVIII, cũng là một giai đoạn thể hiện quá trình phát triển kinh tế của người Việt, như việc nuôi tằm, dệt vải, nó đã vượt ra khỏi nền kinh tế tự cung, tự cấp, tơ lụa là mặt hàng xuất khẩu khá quan trọng trong nền kinh tế của nước ta. Hàng năm khoảng ba nghìn tạ tơ tằm được xuất cho công ty Đông Ấn - Hà Lan. Các loại vải: hoàng quyền (tơ vàng), sa lãng (lĩnh kẻ), su sa (nhiều), ngũ ty (lụa năm sợi)... cũng được nhập vào thị trường Nhật Bản.

Năm 1958 ở Thanh Hóa đã phát hiện ngôi mộ hợp chất, đó là mộ của vua Lê Dụ Tông vào thế kỷ XVIII. Khi khai quật, trong mộ có nhiều đồ tùy táng như: chăn liệm, khăn phủ mặt, áo quần, giày v.v... đều bằng chất liệu lụa, là, gấm vóc. Đặc biệt là tấm áo hoàng bào của vua cho thấy đây là loại vải chất liệu bằng gấm màu vàng, được dệt cải nhiều họa tiết hoa văn, thêu và điểm màu sắc phong phú, thể hiện kỹ thuật dệt khá tinh xảo.



*Hình 334: Long bào của vua Lê Dụ Tông, Hiện vật khảo cổ
(Tư liệu do tiến sĩ Nguyễn Việt cung cấp)*

Hoặc trong ngôi mộ của bà Phạm Thị Nguyên Chân, ở xã Văn Cát, Nam Hà, được khai quật vào năm 1968, cũng có nhiều đồ khâm liệm như: áo, váy, túi trâu... bằng gấm, đoạn, lụa mỏng, có hoa văn chìm.



Hình 335: Rồng ở vạt áo

Ngôi “mộ hợp chất” ở cánh đồng trồng đào Nhật Tân, Hà Nội, thuộc niên đại cuối thế kỷ XVIII. Chủ nhân là đàn ông, thuộc tầng lớp giàu có. Mộ được khai quật vào năm 2005, ở trong có nhiều đồ tùy táng là trang phục bằng chất liệu lụa, vải khác nhau và nhiều mẫu mã đẹp, có cả lụa mịn, gấm hoa...

Những di vật khảo cổ còn lại tuy ít ỏi nhưng vô cùng quý giá, nó chứng minh trình độ kỹ thuật dệt các mặt hàng vải lụa, gấm vóc... của Việt Nam đã được dùng phổ biến ở giai đoạn này.



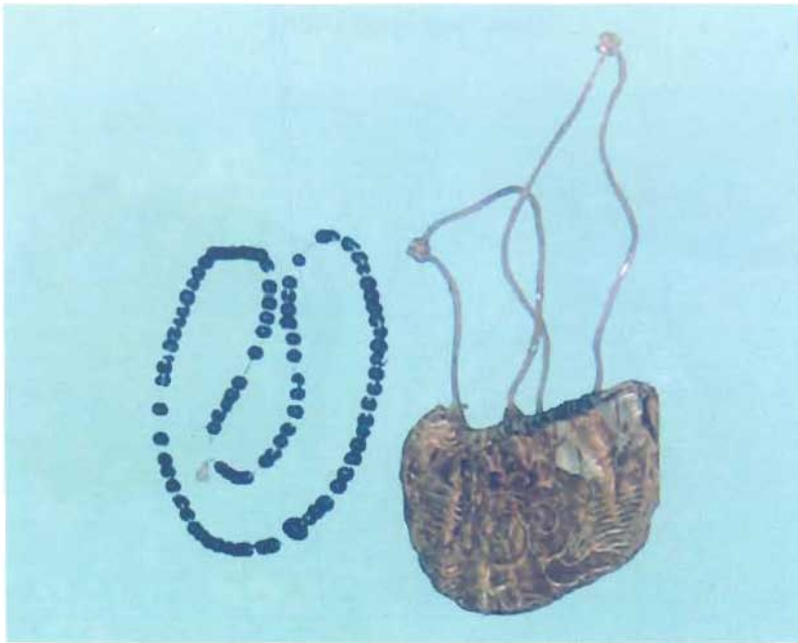
Hình 336: Rồng ở tay áo



Hình 337: Tấm khăn phủ mặt và giấy



Hình 338: Sóng nước



Hình 339: Túi gấm, chuỗi hạt trong mộ Vân Cát (Bảo tàng Nam Định)



Hình 340: Mảnh gấm có hoạ tiết hoa cúc trong mộ Văn Cát
(Bảo tàng Nam Định)



Hình 341: Một số hiện vật trong ngôi "mộ hợp chất",
thế kỷ XVIII - Vườn đào Nhật Tân, Hà Nội



Kiểu áo rét dùng mấy lớp khăn cuốn cổ khâu vào cổ áo khi không rét thì áp vào nẹp áo (rất khớp, có khuy cài)



Áo này vải cực mịn (chắc là lụa cao cấp)

Áo ngắn tay có dây buộc lưng bụng nhưng khâu vào áo

Hình 342: Một số áo



*Hình 343:
Găng tay và túi dạ cá*



Hình 344: Túi gấm đựng trầu

Chúng tôi giới thiệu một số nét cơ bản về chất liệu may mặc để độc giả có thể hình dung được phần nào các hàng dệt thủ công truyền thống, mà ông cha ta đã sử dụng trong trang phục như:

- *Lụa* dệt bằng tơ nồn cho ta những tấm lụa mịn màng, nhẹ, mềm mại, mỏng và bền. Khăn lụa, áo lụa, quần lụa, váy lụa... tôn vẻ đẹp của con người “Người đẹp vì lụa”.

- *Là* cũng dệt bằng tơ nồn, mặt vải có những đường dọc nhỏ đều nhau, thường để may áo hoặc lót bên trong cho đứng dáng áo.

- *Lụa* là hàng tơ mỏng, dệt thưa sợi, mềm mại, dùng làm khăn vấn tóc, đội đầu.

- *Nhiều* là loại lụa dệt bằng sợi tơ se, dày. Nhiều thường dệt trơn, không có họa tiết. Nhưng do kỹ thuật dệt, các sợi tơ tạo trên bề mặt những chấm nổi xen kẽ nhau gọi là nổi cát, bắt ánh sáng, tạo độ lóng lánh. Chiếc khăn nhiều tím tam giang, quần trên đầu chĩnh chu, là hình ảnh nho nhã



Hình 345: Mãng bào. Áo gấm của Thượng thư, thêu hoạ tiết tứ linh, bát bửu vân mây



Hình 346: Áo bông bằng gấm, lụa - trong mộ quan Đại tư đồ Nguyễn Bá Khanh. Thế kỷ XVII (Bảo tàng Hưng Yên)



Hình 347: Một loại áo bằng lụa trong mộ quan Đại tư đồ Nguyễn Bá Khanh. Thế kỷ XVII (Bảo tàng Hưng Yên)



Hình 348:
Gấm họa tiết hoa sen, lá cúc,
vân xoắn tay mướp.
Một số mảnh vải trong mộ quan
Đại tư đồ Nguyễn Bá Khanh



Hình 349:
Gấm họa tiết hoa cúc



Hình 350: Lụa có họa tiết chữ vạn (卐) trong ó quả trám, hoa cúc và vân tay mướp trong mộ quan Đại tư đồ Nguyễn Bá Khanh.
Thế kỷ XVII (Bảo tàng Hưng Yên)

của người Kinh kỳ, hoặc lấy hình tượng tám nhiễu màu điều “phủ lấy giá gương” đã là một nếp đạo đức trong lễ sống cộng đồng.

- *Lĩnh* là mặt hàng vải bằng tơ, khi dệt người thợ bố trí sao cho sợi dọc lên nhiều, tạo độ bóng nhoáng trên bề mặt. Lĩnh có hai loại: lĩnh trơn và lĩnh hoa. Tám lĩnh hoa chanh may thành váy, thành quần, mặc với tám áo dài the mới xứng xứng trong ngày lễ ngày hội đã là tiêu chí về cái đẹp trong trang phục của phụ nữ xưa kia.

- *Đoạn* là loại vải bằng tơ, kỹ thuật dệt cũng giống như lĩnh, mặt vải bóng đẹp nhưng dày mình hơn, thường dùng cho đàn ông để may áo dài mặc trong những dịp lễ tết long trọng.

- *Gấm* là loại vải cao cấp, quý, giá trị ngang với vàng. Có nhiều màu sắc trên một tấm gấm, bởi khi dệt, sợi được nhuộm trước các màu rồi mới mắc vào khung dệt (khác với một số loại vải dệt rồi mới đem nhuộm). Có gấm nhị thể (hai màu), gấm tam thể (ba màu), gấm ngũ thể (năm màu). Đẹp và quý nhất là gấm thất thể (bảy màu).

Dệt gấm rất khó, khung dệt cũng là loại đặc biệt. Muốn cái hoa nổi, người thợ phải khéo léo luồn sợi như thêu trên máy dệt rất công phu, nặng nhọc, đòi hỏi kỹ thuật và bàn tay tài hoa của người thợ. Gấm thường được trang trí các họa tiết, hoa văn: gấm lam hoa văn chữ thọ; gấm đỏ hoa văn chữ phúc hình con dơi; gấm vàng hoa văn rồng mây đoàn hội...

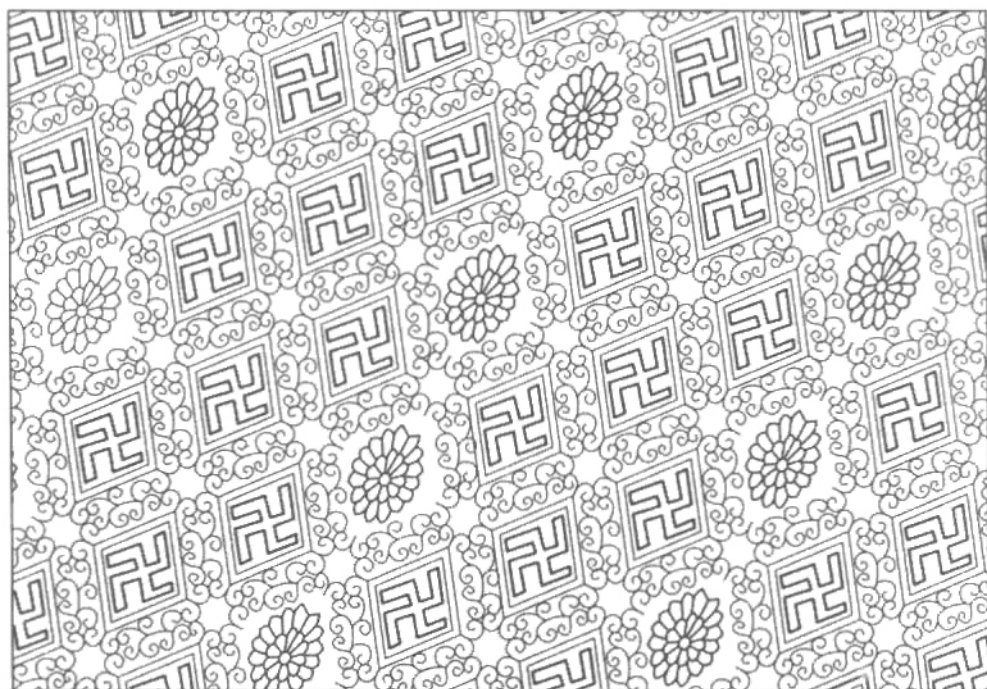
- *Vóc* cũng là hàng dệt bằng tơ, bóng mịn, dày mình. Cùng với gấm, vóc là những thứ hàng quý, đẹp dùng may triều phục, lễ phục. Trong xã hội phong kiến, gấm và vóc là tiêu chí quy định phẩm trật của các quan và tầng lớp giàu có sử dụng. Vóc điều còn làm các đồ nghi trượng, tế lễ ở chốn cung đình cũng như nơi thờ tự ngoài dân gian.

- *The* là loại vải mỏng, mặt vải có những khoảng trống do kỹ thuật dệt không cho các đường sợi khít nhau, có độ thưa theo hàng ngang, tạo nên nét đặc trưng riêng của the. Có loại the trơn, hoặc được dệt những hình trang trí như: “chữ thọ”, “đồng tiền”, “đầu dừa”, “tường gạch”, “hoa bèo”... Tùy vào họa tiết hoa văn có cỡ to, nhỏ khác nhau gọi là the hoa.

- *Sa, xuyên, băng*: có độ mỏng, trong và mặt vải mịn bóng hơn the. Song cả bốn loại the, sa, xuyên, băng lại có đặc tính giống nhau: nhẹ, thưa, mỏng và thường được sử dụng làm lớp phủ ngoài. Áo dài gấm trắng, phủ the lam hay tím áo lụa đào, phủ the thâm làm dịu màu bên trong, tạo sự nền nã cho người mặc, được ưa chuộng cho cả nam lẫn nữ, trở thành một nếp mặc trang nhã, khoe thâm, thanh lịch của người Thăng Long - Kẻ Chợ. Sa, xuyên, băng cũng có cách dệt giống the, nhưng sa khi dệt khoảng cách đều nhau, sợi thưa hơn the.

Xuyên lại mỏng hơn the, lúc dệt bố trí năm hoặc bảy sợi khít, lại có một đường cài sợi thưa, tạo nên những đường kẻ có sắc độ đậm nhạt trên mặt vải khá tinh tế.

Băng trơn thì trong suốt, băng hoa thì tạo lỗ thủng, tương đối đều trên bề mặt. Do các đường sợi đan xen nhau, tạo thành họa tiết giống như mắt sàng, mắt dằm của tre đan dụng cụ lao động.



Hình 351: Lụa cờ chi tiết chữ vạn trong ô quả trám, hoa cúc và vân tay mướp - chi tiết



Hình 352: Đũi quế quả ba



Hình 353: Lụa hàng vân



Hình 354: Lụa vân Lưỡng long song thọ



Hình 355: Lụa hàng vân, hoa văn chữ thọ

- *Sồi (chồi), nái, đũi*: là loại vải được ưa chuộng, phổ biến may trang phục như: yếm, áo của đàn bà, khố của đàn ông và thường được dệt bằng loại tơ gốc nên bền và chắc. Tấm khăn đũi, chiếc váy nái, dải thắt lưng sồi se là tiêu chí mặc lấy bền của nhân dân lao động sớm tối nơi đồng ruộng... Ngoài ra còn nhiều loại vải lụa khác như trứu, nụy, cát bá... làm phong phú cho việc mặc của con người trong xã hội...

Màu: là một thành tố trong trang phục.

Sắc phục của mỗi dân tộc hình thành lại do nhiều yếu tố: môi trường địa lý, hoàn cảnh tâm lý xã hội, truyền thống dân tộc, nguồn nguyên liệu, giao lưu văn hóa... Màu sắc trang phục giữ vai trò không nhỏ trong xã hội. Sự phân biệt chức vụ, tuổi tác, tính địa phương, vùng, miền, nó còn là phương tiện biểu đạt của sự giao tiếp, thể hiện điều kiện sống và kỹ thuật canh tác.

Qua một số di vật mà các nhà khảo cổ tìm được ở các mộ táng: như mảnh da, những miếng vải thời Đông Sơn cho ta thấy thời kỳ Hùng Vương đã có kỹ thuật nhuộm sợi và dệt vải màu: những màu đen, màu nâu đỏ, tro xám, xanh rêu trên đồ mặc.

Theo sử sách, triều đại nhà Đinh, các quan thất dải tía màu xanh; các đạo sĩ mặc màu vàng; áo của nhà sư thì màu thâm...

Thời Tiền Lê, vua Lê Đại Hành đã dùng thứ vóc màu đỏ.

Sang thời Lý, vua mặc áo màu vàng, quần tía. Các quan mặc triều phục: màu tía, màu đỏ, màu lục, xanh và đã có khăn sa màu đen, thường được các tầng lớp sĩ phu làm khăn quấn đầu.

Đến thời Trần, lại sử dụng các màu gián sắc, đặc biệt là về màu sắc trong triều phục: đại hồng, hồng đào, biếc, xanh.

Thời Lê, ngoài một số màu được quy định trong triều phục như ở các thời trước, các màu vi minh, màu hỏa minh, màu sừng được dùng phổ biến trong mọi tầng lớp nhân dân...

Trên đất nước ta, một số địa danh có nghề dệt phát triển, thì ở đó cũng song song có nghề nhuộm ra đời, nó đã trở thành một nghề thủ công

không thể thiếu trong việc mặc của con người. Có địa danh chỉ chuyên nhuộm được một màu nào đó, tên màu gắn với tên phường, xã đã ghi đậm trong đời sống của nhân dân ta như một đặc sản:

*“Nào ai đi chợ Thanh Lâm,
Mua anh một tấm áo thâm hạt dền”.*

Hay:

*“Ai về Đông Tinh, Huế Cầu
Đông Tinh bán thuốc, Huế Cầu nhuộm thâm”.*

Những thợ nhuộm ở các vùng lân cận như Hải Dương, Thường Tín Hà Đông... hội tụ về Thăng Long thành phường, thành chợ, chuyên về mặt hàng nhuộm như phường Hàng Đào, chợ Bưởi, Vọng Thị...

Trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi cho biết, vào thế kỷ XV, Hàng Đào chuyên nhuộm điều. Thực tế, Hàng Đào không chỉ nhuộm điều mà còn nhuộm các màu khác như sách *Thượng Kinh phong vật* đã ghi: “phường Hàng Đào làm nghề nhuộm màu. Màu trắng, trắng như tuyết; màu đỏ, đỏ như tiết; màu đen như nhuộm mực... màu vàng là sắc chính. Màu tạp thì có màu huyền, thiên thanh, cánh trả, quan lục, không màu nào giống màu nào”...

Những người thợ nhuộm rất tự hào về nghề của mình, cho đến nay vẫn lưu truyền đôi câu đối:

*“Thiên hạ thanh hoàng do ngã thủ
Triều đình Chu tử tự ngô gia”.*

Nghĩa là mọi nơi có màu xanh, mẫu vàng đều do bàn tay ta làm ra. Chốn triều đình vua quan, áo màu đỏ, màu tía cũng từ nhà ta mà có⁽¹⁾.

Đất nước ta có thắm thực vật phong phú, nhiều nguyên liệu tự nhiên từ củ, quả, nhựa, lá cây... những thảo mộc tạo nên màu để nhuộm vải lụa.

(1) Có ý kiến cho rằng đôi câu đối trên là của vua Lê Thánh Tông, để tặng những người thợ nhuộm.

Tên màu cũng là tên của sắc lá, sắc hoa gắn gũi với môi trường của cuộc sống đã tạo nên bản hòa sắc dân tộc trong trang phục.

Với kỹ thuật và một định lượng truyền thống dân gian, đơn giản:

*"Nhuộm thâm chẳng hết bao nhiêu
Chỉ một nắm đất với niêu lá sồi".*

Các thảo mộc và chất hữu cơ có sẵn như củ nâu trong rừng, vỏ cây vẹt mọc nhiều ngoài bãi biển, cùng các chất hãm dân gian như nước vo gạo, bùn ao cho ta màu vải đen, màu nâu... mặc đến lúc vải rách mà vẫn bền màu.

Củ nâu lấy nhựa nhuộm vải lại cho các màu từ nâu non đến nâu già, giặt thêm vài lượt bùn ao, lại có màu thâm ưng ý.

Lá diếp, cây vang, hoa rum, lá rung, cánh kiến để nhuộm màu đỏ. Tùy thuộc vào chất liệu của từng loại vải, lựa mà có độ đậm, nhạt khác nhau. Hay nước hoa hòe với cánh kiến, cho ta một màu vàng tươi trên sắc lụa.

Một tấm vải đỏ ra được màu điều là khó nhất, người thợ nhuộm phải có nhiều kinh nghiệm, chế xuất công phu, ngâm hãm trong nước gió, hoặc nước tai chua, liều lượng lá rung hay cánh kiến cũng tùy vào loại vải, lựa thì mới thành màu điều. Xã hội cũng như người sử dụng đánh giá cao về tấm lụa màu điều.

Vải điều thường được dùng vào các nghi lễ trong triều đình, hội làng hay chỉ những người trong hoàng tộc mới được sử dụng, hoặc làm vật phẩm để ban tặng những người có công đức.

Tại Thăng Long, trong Hội nghị Diên Hồng, cảm kích trước tấm lòng quyết tâm của các bô lão, vua Thánh Tông đã ban tặng mỗi cụ một tấm khăn điều. Trên mái đầu tóc bạc, màu khăn đỏ rực lên như hòa cùng tâm huyết với các cụ.

Xưa kia, tấm lụa đào được ví với thân phận người con gái chốn thôn quê:

*"Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai".*

Lê Quý Đôn đã ghi chép về kỹ thuật nhuộm: tục nước Nam ta lấy lá chàm nhuộm vải và lấy củ nâu nhuộm, giã nhỏ, nhuộm, lấy chày đập, rồi phơi khô để may áo, gọi là thanh cát y; có ba màu: 1- Sắc màu lửa sáng; 2- Sắc màu hơi sáng nhạt; 3- Sắc màu hoa quỳ. Bất cứ quân, dân, sang, hèn đều mặc thế, chỉ khác có dài ngắn⁽¹⁾.

Cuối thế kỷ thứ XVIII, khi dòng văn hóa dân gian phát triển, dân trí được nâng cao, màu sắc trang phục trong nhân dân cũng có sự cởi mở hơn trước. Nghề nhuộm thịnh hành, đáp ứng nhu cầu, sở thích của cá nhân cũng như các hoạt động xã hội. Bảng màu rất phong phú về sắc độ:

- Xanh: xanh lá mạ, xanh nõn chuối, hồ thủy...
- Vàng: vàng chanh, vàng da cam, vàng rơm...
- Tím: tím hoa sim, tím hoa cà...
- Nâu: nâu cánh gián, nâu đất, da lươn...

Tất cả những màu sắc đó đã bùng lên rực rỡ trong các lễ hội của dân tộc.

Vải mặc không chỉ có màu sắc mà còn có họa tiết, hoa văn. Họa tiết hoa văn là một loại hình nghệ thuật trang trí trên vải, biểu đạt bằng kỹ thuật vẽ, dệt và thêu...

Họa tiết hoa văn trên trang phục còn ghi dấu ấn của một thời đại đã qua, đồng thời nó còn là biểu trưng nhắc nhở, dang tải sự mong muốn, khát vọng của cuộc sống con người với vũ trụ thiên nhiên.

Thời Hùng Vương, để tỏ điểm làm đẹp cho trang phục của mình, người dân đã lấy màu vẽ lên yếm, váy, khố v.v... Những họa tiết trang trí như chấm hạt gạo, hình bông lúa, những hình nan đan, gạch thẳng, gạch chéo, hình tam giác, chữ S v.v..., phản ánh môi trường sinh sống của cư dân nông nghiệp lúa nước.

(1) Lê Quý Đôn *Văn đài loan ngữ*, tập II, Sđd Nxb Văn hóa, Hà Nội 1962, tr.155.

Trong xã hội phong kiến, họa tiết hoa văn vừa là tư duy mỹ cảm, vừa mang tính quy ước nhất định. Do đó, trang phục được quan tâm tới cả chất liệu, màu sắc, hình tượng động vật, họa tiết cây cỏ, hoa lá, chất liệu trang trí... Diện tích to, nhỏ cũng nhằm biểu thị bằng trực giác cho sự phân biệt địa vị cao thấp của người sử dụng nó.

Như long bào là áo của vua (áo có hình rồng), nhưng phải là rồng năm móng (ngũ trảo), mới được gọi là long bào và cũng chỉ hoàng đế mới được mặc.

Còn rồng bốn móng trở xuống thì các hoàng tử, thân vương trong hoàng tộc mới được sử dụng, gọi là mãng bào.

Trang phục của chức quan cao cấp thời Trần: Hầu Minh Tự, mặc áo phượng ngư tú phục (áo thêu chim phượng, cá).

Đời Lê, quy định họa tiết hoa văn trong bố tử trên áo bào của các quan và biên định thứ bậc cao thấp:

- Văn, thêu loài cầm: tiên hạc, sa kê, công, vân nhạn, bạch nhạn, vẹt.
- Võ, thêu loài thú: kỳ lân, bạch trạch, sư tử, hổ, báo, voi.

Người dân không sử dụng những họa tiết hoa văn đã quy định dùng trong hoàng tộc.

Đối chiếu với họa tiết, hoa văn và màu sắc phẩm phục đại triều trong các triều đại Trung Hoa, ta cũng nhận thấy sự quan trọng của nó như nhà Đường :

+ Từ tam phẩm trở lên: đại liệu tế lãng⁽¹⁾ và là, màu tía, áo lãng có hoa chim công (không tước đối nhau)

+ Ngũ phẩm trở lên: tiểu liệu tế lãng và là, màu đỏ (chu), áo lãng có hoa chéo cánh (giao chỉ)

(1) Lãng: Tên một loại lụa, sợi nhỏ mịn, có độ bóng nên còn gọi là tãng (sau này ta thường gọi là vải tơ tãng).

+ Từ thất phẩm trở lên: quy giáp hoa lăng, màu lục, áo lăng có chùm quả, không bông hoa...

+ Cửu phẩm trở lên: vừa vải, vừa tơ và tiểu lăng, màu xanh.

Ngoài ra, các nhà buôn và thường dân không mặc đồ lăng, là, có hoa.

Thời nhà Minh: công phục các buổi châu, từ thất phẩm đến cửu phẩm đều sắc đỏ, chỉ khác nhau về hoa lớn hay hoa nhỏ và có hoa hay không có hoa.

Bổ từ quan văn:

+ Nhất, nhị phẩm: thêu con tiên hạc và con cẩm kê.

+ Tam, tứ phẩm: thêu con công và con nhạn bay trên đám mây.

+ Ngũ phẩm: thêu con bạch nhàn (loài gà rừng).

+ Lục, thất phẩm: thêu con cò và chim uyên ương, chim kê thóc.

+ Bát, cửu phẩm và tạp chức: thêu chim liêu, chim thuận, chim thước và chim hoàng ly.

+ Quan ngự sử: thêu con giải trãi.

- Bổ từ quan võ:

+ Các công hầu, phò mã: thêu con kỳ lân, bạch trạch.

+ Nhất, nhị phẩm: thêu con sư tử.

+ Tam, tứ phẩm: thêu con hổ, con báo.

+ Ngũ phẩm: thêu con hùng, con bi.

+ Lục, thất phẩm: thêu con buri.

+ Bát, cửu phẩm: thêu con hải mã.

+ Hoa dạng thú có con tê ngưu.

Ở Việt Nam, trong mỹ thuật trang trí kiến trúc nói chung và trên trang phục nói riêng, ta thường bắt gặp những hình ảnh họa tiết hoa văn có thật



Hình 356: Long bào thời Lý (phỏng dựng)



*Hình 357:
Long bào thời nhà Tống
(Sách 5000 năm
trang phục Trung Quốc)*

trong cuộc sống, nhưng cũng không ít những mẫu vật từ huyền thoại, mà con người bằng trí tưởng tượng của mình, đã thổi vào nó một hồn thiêng mang nhiều ý nghĩa về tâm linh và khát vọng của cuộc sống.

Ví như hình ảnh con rồng, từ hàng ngàn đời nay, đối với người Việt Nam, hiện hữu trong tâm thức với đầy đủ ý niệm là vật tổ, vật thiêng. Trong tiến trình lịch sử phát triển của xã hội, thì rồng cũng gắn với từng thời đại, mà còn có những thay đổi về nội hàm và cả về hình thức, cụ thể:

+ *Rồng thời Lý*: Bắt nguồn từ rắn. Trong thế uốn lượn mềm mại, nhỏ dần về phần đuôi, điệp khúc và khác với các rồng ở triều đại sau. Bốn chân dài, mỗi chân có ba móng, cong nhọn của chim ưng. Rồng thời Lý vừa là biểu tượng cho vua, vừa là biểu tượng cho thần linh dân dã - chủ của nguồn nước.

+ *Rồng thời Trần*: Mập, khỏe, khúc doãng lượn nhẹ, vòng lưng kiểu yên ngựa.

+ *Rồng thời Lê sơ*: Ảnh hưởng sự tạo tác của Trung Hoa với những quy định cụ thể. Mắt quý (tròn, trong hốc sâu). Miệng của loài chó sói. Sừng nai, tai thú, trán lạc đà, thân rắn, vẩy cá chép, chân của loài cá sấu, móng chim ưng. Đặc biệt có hai chiếc đao bay ra từ mắt. Thế kỷ XVI, chân rồng nằm móng tỏa đều, nhưng vuốt lại quặp, biểu thị quyền uy của vua và được đẩy cao lên mang ý nghĩa bao trùm vũ trụ của đẳng thiên tử.

+ *Rồng thời Mạc*: Diễn ra dưới nhiều dạng khác nhau, có dạng tương tự như thời Lê sơ, nhưng thân trên mập hơn, mõm ngắn. Có con thân kiểu đuôi cá, lại có con thân dài, khúc uốn lưng ngựa... ảnh hưởng từ rồng thời Trần.

+ *Rồng thời Nguyễn*: Thân mập, khúc đuôi xoắn, lông xoắn theo, râu cá trê cuộn lại. Thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, rồng thời Nguyễn khúc đuôi thường duỗi, lông đuôi xoắn lại, thân rồng nhỏ và mảnh, chân cao, vây lưng lớn.

Ngoài ra còn nhiều các con vật khác, các loại vật dụng trong mỹ thuật trang trí cũng được đưa vào vải và trở thành những họa tiết phổ biến trên trang phục.

Họa văn trên lụa, trên gấm, cha ông đã để lại khá nhiều mẫu mã. Có thể chia ra làm 4 nhóm: động vật, thực vật, đồ vật, hình họa.

- *Động vật*: Thường thấy là rồng, phượng, lân, rùa, hạc, dơi, cá... được thể hiện dưới nhiều dạng như: Tứ linh, lưỡng long chầu nguyệt, lưỡng long song phượng, long vân, long hí thủy v.v..., như phượng trong mây, phượng ngâm cuốn thư, rùa ngâm cuốn thư, song hạc, ngũ phúc, quần ngư vọng nguyệt v.v...

- *Thực vật*: Thường thấy là cúc, trúc, mai, lan, hoa chanh, hoa hồng, hoa thị, hoa bèo v.v... với các dạng như tứ quý, lộc hoa, cành hoa, mai thọ v.v...

- *Đồ vật*: Cuốn thư, đồng tiền, lẵng hoa, bình cổ, đèn lồng v.v...

- *Hình họa*: Chữ thọ, chữ triện, chữ vạn, váy ốc, đầu dưa, quả trám, hình vuông v.v...

Nhìn chung, các dạng hoa văn trên biểu thị một quan điểm sống của những con người lao động bình dị, luôn gắn bó với thiên nhiên, được thể hiện từ trí tưởng tượng phong phú, từ bàn tay tài hoa, sáng tạo nên những mặt hàng. Có thể nói đó là những tác phẩm nghệ thuật tinh tế, hoàn thiện về kỹ thuật, mỹ thuật...

Như phần trên chúng tôi đã giới thiệu ý nghĩa của họa tiết, hoa văn trong tiến trình lịch sử xã hội nói chung và mỹ thuật nói riêng. Qua đó có thể dựa trên cơ sở nghiên cứu, cùng với sự đối chiếu liên ngành, để phỏng dựng trang phục của những thời kỳ khác nhau. Ví dụ: Long bào là y phục của hoàng đế, triều đại nào cũng dùng và cùng một tên gọi. Sự quy ước về hoa văn, họa tiết, cũng như đồ án trang trí, tuy về số lượng có thể nhiều, ít, hoặc màu sắc bố cục có sự khác nhau, nhưng trên long bào thời nào cũng phải có.

Về cấu trúc cơ bản của long bào là giống nhau. Thân áo có dạng hình thang cân, hẹp ở điểm nách và rộng dần đến gấu. Tay dài, ống rộng, phía dưới hơi lượn cong, cửa tay thụng. Chất liệu thường là gấm dệt tơ thêu, đính, dát kim loại, đá quý.

Về số đo độ dài, ngắn, tràng áo cong ít hay nhiều, kích thước cửa tay rộng, hẹp, cổ đối hay tròn..., tùy thuộc vào nghi thức triều hội hay sự tương thích với mỗi giai đoạn lịch sử của từng triều đại mà có sự khác nhau về các chi tiết.

Quy ước về long bào của Trung Hoa thời cổ (gọi là miện phục):

Bạc đế vương: khi tế tự phải mặc lễ phục, đội mũ miện, thắt đai lưng và đi giày màu đỏ.

Áo thường dùng màu xanh đen, tượng trưng cho trời. Tấm phủ ngoài áo (hạ thường) màu vàng, đỏ, tượng trưng cho đất.

Rồng không thể thiếu trong đồ án trang trí trên long bào của thiên tử và mười hai hình hoa văn.

Áo (trên) có sáu loại; thường (dưới) sáu loại khác nhau (gọi là chương) gồm có: Mặt trời (nhật); Mặt trăng (nguyệt); Sao (tinh tú); Núi (son); Rồng (long); Chim phượng (hoa trùng); Lửa (hỏa); Có cây (tảo); Bình rượu hình con khỉ (tông di); Lúa gạo (phấn mễ); Hình lưới búa (phủ); Hai cây cung giáp lưng nhau (phát).

Mỗi chương biểu thị một ý nghĩa nhất định, tượng trưng cho phẩm chất của nhà vua như:

- *Nhật, nguyệt, tinh*: chỉ ánh sáng.
- *Son*: sự vững vàng, thận trọng.
- *Long*: sự hoạt động, thay đổi.
- *Hoa trùng*: biểu thị sự văn hoa.
- *Hỏa*: nhiệt lượng.
- *Phấn mễ*: chất dinh dưỡng.
- *Tảo*: sự thuần khiết.
- *Tông di*: tri dũng song toàn, “hiếu đế”.
- *Phủ*: sự quyết đoán.
- *Phát*: biểu hiện sự trừ ác, bảo vệ cái thiện.

Tuy nhiên trong từng thời kỳ, lại có sự giải thích khác nhau, nhưng tất cả đều mang hàm ý là tôn trời, kính tổ, làm sáng điều lẽ, chuộng điều nghĩa.

Sau đời Tống, long bào Trung Hoa có sự thay đổi. Bờ lớp phủ ngoài áo, dải trang trí. Vẫn giữ họa tiết hoa văn mười hai chương, nhưng rồng được bố cục trong đồ án hình tròn, biểu trưng tính chất thiên tử (con trời)⁽¹⁾.

Sang đời Thanh, cửa tay áo long bào cổ miếng đắp tạo hình kiểu mã đồ (móng ngựa) không thụng rộng như các triều đại trước. Trên long bào thường có chín con rồng (tượng trưng cho ngôi cửu ngũ). Rồng nằm móng ở giai đoạn này biểu tượng cho thiên tử càng đậm nét hơn.

Đồ án trang trí mười hai hình hoa văn đan xen cùng với rồng, tạo thành tổ hợp trang trí mảng lớn, mang tính chất liên hoàn, lượn vòng từ ngực sang hai bên bả vai áo. Thân áo ở vạt là những tổ hợp hoa văn nằm ngang.

Dưới vạt long bào, từ gấu trở lên có một tổ hợp trang trí với mô típ sóng nước, núi... được gọi là thủy ba, tượng trưng cho biển sâu. Bên cạnh có các hình bát bửu của Phật giáo, hàm ý “thọ sơn phúc hải”.

Phần này không thể thiếu trong kết cấu của long bào kể từ đây cho đến hết thời (chế độ) phong kiến.

Trên long bào các thời, hình rồng là chủ thể cùng mười hai chương hoa văn. Song tùy từng giai đoạn, long bào được bổ sung, phát triển thêm họa tiết, hoa văn dưới nhiều dạng trang trí cách điệu khác như chữ thọ, chữ vạn, con dơi, phượng... biểu thị sự tốt lành, thịnh vượng và trường thọ... nhấn thêm cho vị thế độc tôn của ngôi báu.

Long bào Việt Nam:

Qua hình thức trang phục trên bức tượng thờ vua Lý Thái Tổ, ta thấy về cấu trúc của long bào được tạc gần với quy cách thời cổ như: phần phủ ngoài áo, dải trang trí, cổ đối, tay dài, tràng áo cong, cửa tay thụng rộng, có nét ảnh hưởng của đời Hán, Đường...⁽¹⁾ (Trung Hoa).

Song các mô típ, đồ án trang trí lại mang sắc thái Đại Việt như hình rồng, hoa, mây... Đặc biệt là họa tiết hoa sen càng khẳng định nhân sinh quan, mỹ cảm của người Việt.

(1) Theo quan niệm xưa: Rồng nằm móng trong hình tròn mang tính chất thiên tử, long trong ở vuông lại như mang ý nghĩa cai trị thiên hạ.

Trên cơ sở những nét tương đồng và dị biệt, qua sự đối chiếu niên đại Trung Hoa - Việt Nam, cùng với những yếu tố bản địa truyền thống tìm được, chúng tôi nghi các họa sĩ sáng tác có thể tạo dựng về long bào các triều đại của ta, như các chi tiết long bào của vua Lý Thái Tổ mà ở trên đã gợi mở.

Long bào của vua Lê Dụ Tông, hiện vật khảo cổ của Việt Nam: áo cổ tròn, tràng áo hơi cong. Độ rộng cửa tay áo khoảng gần hai phần tư chiều dài của áo. Hình rồng năm móng, cùng họa tiết hoa văn mây, mặt trời... Ta thấy sự tương đồng trong quy định cũng như ý nghĩa biểu trưng cho thiên tử hiện hữu trên long bào của vua Lê Dụ Tông, giống long bào của Trung Hoa. Nhưng bố cục của tổ hợp hoa văn thì khác, như phần thùy ba dưới vạt áo. Từ gấu trở lên chỉ chiếm diện tích khoảng một phần tư chiều dài của thân áo. Các mô típ núi, sóng nước trong cung tròn điệp khúc, được thể hiện theo phong cách chạm khắc trong mỹ thuật truyền thống đương thời Việt Nam.

Hoặc long bào của vua thời Nguyễn: cổ đứng, tay rộng, hơi bầu phía dưới, cửa tay không viền. Hình rồng năm móng được bố cục chính diện, mặt rồng ở giữa ngực áo. Phía dưới tà và xung quanh có những cặp rồng nhỏ chầu mặt nguyệt, hoặc ẩn vân, xen kẽ hoa văn mười hai chương, cùng con dơi chữ thọ v.v...

Phần thùy ba sóng nước, chỉ chiếm khoảng một phần năm chiều dài của áo. Sóng được thể hiện dưới dạng hình học, vạch dài hơi xiên, ảnh hưởng một phần nhỏ sự cấu tạo sóng nước trên long bào của nhà Thanh.

(1) Đối chiếu để so sánh về trang phục, cần tra cứu thêm tư liệu trong bảng đối chiếu niên đại Việt Nam và năm dương lịch các triều đại Trung Quốc:

Việt Nam:

- Triều đại nhà Lý: TK XI
- Triều đại nhà Trần: TK XIII
- Triều đại nhà Lê: TK XV - XVIII
- Triều đại nhà Nguyễn: TK XIX đến đầu XX

Trung Hoa :

- Đời Tống
- Đời Tống, Nguyên, Minh
- Đời Minh, Thanh
- Đời Thanh



*Hình 358: Long bào vua Lê Dụ Tông
(phỏng dựng trên hiện vật khảo cổ)*



*Hình 359:
Long bào thời nhà Minh
(Sách 5000 năm trang phục
Trung Quốc)*

Nhưng nhìn tổng thể, long bào triều Nguyễn cũng đã Việt hóa. Phong cách thể hiện gần với nghệ thuật dân gian, có sự sáng tạo, mang tâm hồn và bàn tay tài hoa của nghệ nhân ta đã tạo tác nên.



*Hình 360: Long bào thời
nhà Nguyễn (Việt Nam),
Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*



*Hình 361:
Long bào thời nhà Thanh
(Sách 5000 năm trang phục
Trung Quốc)*

TRIỀU PHỤC VUA, CHÚA CÁC THỜI KỲ PHONG KIẾN VIỆT NAM (Từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII)

Triều đại	Trường hợp sử dụng	Mũ, khăn	Áo, màu, hoa văn	Dài	Hai, đai, tất	Các chi tiết khác
Tiền Lê	Đại triều	Miền: 12 tua	Long cổn, vóc đỏ	Ngọc	Hải đen, tất gấm	Cơ miếng phủ ngoài áo, chèn từ nách xuống đến gấu áo
	Thường triều	Thông thiên	Long bào	Ngọc	Hải đen	Ngoài ra còn có mũ trụ, áo giáp, đất vàng
Lý	Đại triều	Miền: 12 tua	Long cổn, đỏ	Ngọc dát vàng	Hải đen, tất gấm	Cơ miếng phủ ngoài áo, chèn từ nách xuống đến gấu áo
	Thường triều	Thông thiên	Long bào, vàng	Ngọc	Hải đen	
Trần	Đại triều	Miền: 12 tua Bình thiên	Long cổn, màu vàng	Ngọc, rồng dát vàng (kim long)	Hải đen, tất gấm	- Cơ miếng phủ ngoài áo - Trường hợp nghi lễ khác: Áo gấu lảnh bằng sa màu vàng, đôi mũ có thao rú
	Thường triều	- Mũ Thông thiên (quyển văn) - Khăn: Kê tua vàng	Long bào	Ngọc	Hải đen	
	Đại triều	Mũ miện: 12 tua (Bình thiên)	Long cổn, màu vàng	Ngọc, rồng dát vàng (kim long)	Hải đen, tất gấm	
	Thường triều	Mũ bình đỉnh (đỉnh tròn)	Long bào		Hải đen	
Lê Sơ	Đại triều	Mũ xung thiên	Hoàng bào (rồng 5 móng)	Ngọc, rồng dát vàng (kim long)	Hải đen, tất gấm	- Khi thường, vua, chúa còn đôi mũ bình đỉnh (đỉnh tròn), phía trước nam vàng, ngọc
	Thường triều	Mũ tam sơn	Long bào màu xanh huyền	Ngọc	Hải đen	- Mặc áo vải thanh cat
	Đại triều	Mũ xung thiên	Bào màu tía	Ngọc, dát vàng	Hải đen, tất gấm	
	Thường triều	Mũ tam sơn	Bào tía	Ngọc	Hải	
Lê - Trịnh Vua:						
Chúa:						

TẾ PHỤC CỦA VUA

(Sách Chu lễ)

- Quan tư phục: Chức quan giữ mũ, áo của vua

- Cát phục: Là áo dùng vào việc mừng, khác với tang là hung phục

Mũ	Áo	Dịp tế lễ
Mũ miện	Dạ cửu (áo da lông cửu non)	Tế trời và tế ngũ đế: Đông phương thanh đế, Nam phương xích đế, Tây phương bạch đế, Bắc phương hắc đế, Trung ương hoàng đế.
- Đàng trước và sau đều 12 tua	Cổn (áo thêu rồng uốn khúc)	Cúng tiên vương: Các tổ tiên gây dựng ra nhà Chu
- Đàng trước và sau đều 9 tua	Miết phục (áo thêu hình chim trĩ)	Cúng tiên công và hưởng xạ: Tiên công: Tổ tiên nhà Chu Hưởng xạ: Thiên tử yến hưởng tân khách, rồi cùng vua chư hầu đi săn
- Đàng trước và sau đều 7 tua	Xuế phục (áo dệt bằng lông cửu và lông chim tơ)	Tế thần núi sông bốn phương
- Đàng trước và sau đều 5 tua	Hy phục (áo bằng thứ vải nhỏ dệt bằng tơ dây sắn)	Tế thần Xã, thần Tắc và thần Ngũ quan: Xã là thần thổ địa, Tắc là thần lúa. Ngũ quan: Là năm vị thần có công đời xưa: 1. Câu mang 2. Nậu thụ 3. Huyền minh 4. Chúc dung 5. Hậu thổ
- Đàng trước và sau đều 3 tua	Huyền phục - áo không có hoa văn, ở dưới xiêm có thêu một miếng che đầu gối (Tứ Hải) (Mỗi tua có 12 viên ngọc, lấy dây tảo (dây tơ nhiều sắc) để khâu ngọc, lấy ngọc trang sức dây tảo cho nên trong lễ ký gọi là ngọc tảo)	Tế các thần bậc thấp

MÀU SẮC QUAN PHỤC (Từ thế kỷ IX đến thế kỷ XVIII)

Tiền Lê		Thời kỳ					
		Lý	Trần		Lê sơ	Lê Trung hưng	
Chức danh	Màu	Màu (như Tiền Lê)	Chức danh (tư đối Thuận Tông)	Màu	Màu (như thời Trần)	Chức danh	Màu
Tam phẩm trở lên	Tía	Tía	Nhất phẩm	Tía	Tía	Tước quan phục hầu trở lên	Đỏ
Ngũ phẩm trở lên	Đỏ	Đỏ	Nhi phẩm	Đại hồng	Đại hồng	Nhất phẩm đến tam phẩm	Hồng đào
Thất phẩm trở lên	Lục	Lục	Tam phẩm	Hồng đào	Hồng đào	Tứ phẩm đến ngũ phẩm	Lục
Cửu phẩm trở lên	Xanh	Xanh	Tứ phẩm	Lục	Lục	Lục phẩm đến cửu phẩm	Xanh
			Ngũ, Lục, Thất phẩm	Biếc	Biếc		
			Bát, Cửu phẩm	Xanh	Xanh		

MÀU SẮC QUAN PHỤC
(TỪ THẾ KỶ IX ĐẾN THẾ KỶ XVIII)

TIỀN LÊ - LÝ



TÍA: Tam phẩm trở lên



ĐỎ: Ngũ phẩm trở lên



LỤC: Thất phẩm trở lên



XANH: Cửu phẩm trở lên

TRẦN - LÊ SƠ



TÍA: Nhất phẩm



ĐẠI HỒNG: Nhị phẩm



HỒNG ĐÀO: Tam phẩm



LỤC: Tứ phẩm



BIẾC: Ngũ, lục, thất phẩm



XANH: Bát, cửu phẩm

LÊ TRUNG HÙNG



ĐỎ: Quan phục hầu trở lên



HỒNG ĐÀO: Nhất phẩm đến tam phẩm



LỤC: Tứ phẩm đến ngũ phẩm



XANH: Lục phẩm đến cửu phẩm

QUY CHẾ PHẨM PHỤC CON VUA, CON CHÚA - (Ban võ)

Năm Bảo Thái thứ 2 (1721)

Các chức		Mũ	Áo	Bố tử	Các chi tiết khác
Con vua con chúa làm bá chức thái	Chầu vua	Phắc đầu	Màu tía	Kỷ lân	Đại đỉnh đá quý bít vàng, Đi hia và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa có chỉ đen đội nổi	Thanh cát, có lá phủ đằng sau		Dây thao kép có đính hạt ngọc
Ba chức thiếu mã có tước quận công	Chầu vua	Phắc đầu	Màu tía	Bạch trạch	Đại đỉnh đá quý bít bạc Đi hia và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa có chỉ đen đội nổi	Thanh cát, có lá phủ đằng sau		Dây thao kép có đính hạt ngọc
Ba chức thái } có tước Ba chức thiếu } quận công	Chầu vua	Phắc đầu	Màu tía	Thêu bạch trạch	Đại đỉnh đá quý bít vàng Đi hia và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa chỉ đen đội nổi	Thanh cát, có lá phủ đằng sau	Thêu sư tử	Đại đỉnh sừng tê bít bạc Đi hia và bít tất
Con vua, con chúa làm tả hữu đô đốc mã có tước quận công	Chầu vua	Phắc đầu	Màu hồng	Thêu con sư tử	Đại đỉnh sừng tê bít bạc Đi hia và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa chỉ đen đội nổi	Thanh cát, có lá phủ đằng sau		Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
Các chức tả hữu đô đốc mã có tước quận công	Chầu vua	Phắc đầu	Màu hồng	Thêu con sư tử	- Đại đỉnh sừng tê bít bạc - Đi hia và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cát, có lá phủ đằng sau		Dây thao kép xâu hạt ngọc và sức bạc
Con vua, con chúa, làm các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự mã có tước quận công	Chầu vua	Phắc đầu	Màu hồng	Thêu con sư tử	- Đại đỉnh sừng tê bít bạc - Đi hia và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa, chỉ đen đội nổi	Thanh cát, có lá phủ đằng sau		Dây thao kép xâu hạt ngọc
Con vua, con chúa, làm các chức đô đốc điểm, đô đốc, đô vệ, tham đốc, đô vệ sự mã có tước quận công	Chầu vua	Nón chóp bạc có gài lông đỏ	Màu hồng, cổ đứng, lót toàn thân	Thêu con sư tử	Dây thao kép xâu hạt ngọc, đeo gươm
	Hầu phủ chúa	Ô sa chỉ đen đội nổi	Thanh cát, có lá phủ đằng sau		Dây thao kép xâu hạt ngọc, cầm gươm
Các chức đô đốc hiệu điểm, đô đốc, đô vệ, tham đốc, đô vệ sự mã có tước quận công	Chầu vua	Nón chóp bạc có gài lông đỏ	Màu hồng, cổ đứng, lót toàn thân	Thêu hổ	Dây thao kép, đeo gươm
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cát		Dây thao kép, cầm gươm
Con vua, con chúa có tước quận công	Chầu vua	Ô sa, có chỉ đen đội nổi	Màu hồng, cổ đứng	Thêu báo	Dây thao kép xâu hạt ngọc, đeo gươm
	Hầu phủ chúa				
Các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự và có tước quận công	Chầu vua	Phắc đầu	Màu hồng	Thêu con sư tử	- Đại đỉnh sừng tê bít bạc - Đi hia và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cát có lá phủ đằng sau		Dây thao kép xâu hạt ngọc
Các chức cai quản, cai đội, có tước quận công	Chầu vua	Ô sa	Màu hồng, cổ đứng	Thêu con voi	Dây thao kép, đeo gươm
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cát, có lá phủ sau		Dây thao kép, cầm gươm

· Các chức đô hiệu điểm, đề đốc, tham đốc, phó đề đốc, lãnh thi vệ, tá hữu hiệu điểm mã có lược hầu	Chầu vua	Nón chop bạc, gài lông đỏ	Màu hồng, cổ đứng, lót toàn thân	Thêu con voi bằng tơ	Dây thao đơn, đeo gươm
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cát có lót, không có lá phủ đằng sau		Dây thao đơn, cầm gươm
· Các chức đô chỉ huy sư, đô chỉ huy đồng tri, đô chỉ huy thêm sư, chỉ huy sư, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thêm sư, tổng tri, đồng tổng tri, thêm tổng tri mã có lược hầu	Chầu vua	Nón sơn son	Màu hồng, cổ đứng	Thêu con voi	Dây thao đơn, đeo gươm
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cát có lót		Dây thao đơn, cầm gươm
· Các chức đô lễ, trấn diện quân tướng quân lực sĩ hiệu uy, thiên hộ, quân lãnh, phó đô lễ, chánh đô uy, phó thiên hộ, trung uy, lang tướng, phó võ uy, vệ uy, phó đô uy, phó trung uy, phó lang tướng, phó quân lãnh, bạch hộ, đề hui, võ uy, phó đề hui, tá hữu nền hầu, phó lang tướng, phó võ uy, vệ uy, phó đô uy, phó trung uy	Chầu vua	Nón sơn son, chop cái lông đỏ	Màu hồng, cổ đứng		Dây thao đơn · Chức trấn diện thủ cầm kiếm và đai đồng · Các chức khác thì cầm roi và kiếm
	Hầu phủ chúa	Mũ, áo thanh cát			
· Các chức làm việc ở ngoài như đô tổng binh sự, tổng binh đồng tri, tổng binh thêm sư, khi hầu lễ Bội lễ Bồi	Chầu vua	Phác đầu	Màu hồng Chưa có lược. Màu xanh, màu lục	Thêu con voi	· Đai đính gỗ ky lam hương, bịt thau · Đai lụa và bịt tất bằng lụa
	Hầu phủ chúa	Mũ ô sa	Thanh cát, có lá phủ sau		Dây thao kép
· Các đội phó cai đội, chánh đội trưởng, phó đội trưởng đã dự trông coi quân lính mã chưa có chức tước	Chầu vua				
	Hầu phủ chúa	Mũ, áo thanh cát không lót			Cầm gươm

QUY CHẾ PHẨM PHỤC (Ban văn)

Năm Bảo Thái thứ 2 (1721)

Các chức	Trưng hợp sử dụng	Mô	Áo	Bổ tử	Các chi tiết khác
- Ba chức thất, ba chức thiếu	Chầu vua	Phác đầu	Màu tía	Thêu con tiên hạc	- Đại đỉnh sừng tê bự bạc - Đì hua và bự tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cat có lá phủ đằng sau		- Dây thao kẹp xâu hạt ngọc và sọc bạc
- Các chức thượng thư	Chầu vua	Phác đầu	Màu hồng	Thêu con tiên hạc	- Đại đỉnh sừng tê bự bạc - Đì hua và bự tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cat có lá phủ đằng sau		- Dây thao kẹp xâu hạt ngọc và sọc bạc
- Các chức ngự sử	Chầu vua	Giải trãi	Màu hồng	Thêu con giải trãi	- Đại đỉnh sừng tê bự bạc - Đì hua và bự tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cat có lá phủ đằng sau		- Dây thao kẹp xâu hạt ngọc và sọc bạc
- Các chức tả hữu thị lang	Chầu vua	Phác đầu	Màu hồng	Thêu con sa kê	- Đại đỉnh dõm mốt bự bạc - Đì hua và bự tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cat có lá phủ đằng sau		- Dây thao kẹp xâu hạt ngọc
- Các chức thừa chỉ, thừa chính sử, đại học sĩ, tể tửu, thị độc, thêm đó:	Chầu vua và lễ Biếu, lễ Bái	Phác đầu	Màu hồng	Thêu con công	- Đại đỉnh dõm mốt bự bạc - Đì hua và bự tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cat có lá phủ đằng sau		- Dây thao kẹp xâu hạt ngọc
- Chức phó đô ngự sử	Chầu vua	Giải trãi	Màu hồng, (chưa có tước, dùng màu xanh)	Thêu con giải trãi	- Đại đỉnh dõm mốt bự bạc - Đì hua và bự tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cat có lá phủ đằng sau		- Dây thao kẹp xâu hạt ngọc
- Các chức tư khanh, tham chính, phụ đạo, học sĩ, tư nghiệp, thị giảng thị thư, hiệu thư, đô khoa thi chế, đề lĩnh	Chầu vua	Mô phác đầu	Màu hồng, (chưa có tước, dùng màu xanh lục)	Thêu con công	- Đại đỉnh gỗ ký lam hương bự thau - Đì hua và bự tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cat có lá phủ phía sau		- Dây thao kẹp
- Chức đề lĩnh	Chầu vua	Giải trãi	Màu hồng, (chưa có tước, dùng màu xanh, màu lục)	Thêu con giải trãi	- Đại đỉnh gỗ ký lam hương bự thau - Đì hua và bự tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cat có lá phủ phía sau		- Dây thao kẹp
- Chức cấp sự	Chầu vua và hầu lễ Biếu, lễ Bái	Phác đầu	Màu hồng (chưa có tước, dùng màu xanh, màu lục)	Thêu mây và chim nhạn	- Đại đỉnh gỗ ký lam hương - Đì hua và bự tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cat có lá phủ phía sau		- Dây thao kẹp

- Chức hiến sự	Chầu vua	Giải trần	Màu hồng, (chưa có tước, dùng màu xanh, màu lục)	Thêu con giải trần	- Đại đình gỗ kỹ lam hương - Di hua và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cát có lá phủ đằng sau		Dây thao kép
- Các chức hàn lâm hiệu lý, hiệu thảo	Chầu vua	Phục đầu	Màu hồng (chưa có tước, dùng màu xanh, màu lục)	Thêu con nhận trắng	- Đại đình gỗ kỹ lam hương bít thau - Di hua và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cát có lá phủ đằng sau		Dây thao kép
- Các chức Giám sát ngự sử các đạo	Chầu vua	Giải trần	Màu hồng, (chưa có tước, dùng màu xanh, màu lục)	Thêu con giải trần	- Đại đình gỗ kỹ lam hương - Di hua và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cát có lá phủ đằng sau		Dây thao kép
- Các chức thông chính sự, tham nghị, lang trung, thiếu thừa sự, thiếu khanh thiếu đoàn, trung thư xá nhân, tư thừa lệnh, phò mã sự viên ngoại lang, thống chính thư, tri phủ và những chức tự khanh, thiếu khanh làm việc ở ngoài	Chầu vua và hầu lễ Biếu, lễ Bái	Phục đầu	Màu xanh, màu lục	Thêu con chim vẹt	- Đại đình sừng trâu - Bít thau - Di hua và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cát có lót, không có lá phủ sau		Dây thao đơn
- Chức hiến phó	Chầu vua	Giải trần	Màu xanh, màu lục	Thêu con chim vẹt	- Đại đình sừng trâu bít thau - Di hua và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cát có lót, không có lá phủ sau		Dây thao đơn
- Các chức tư vấn, giáo thụ học chính, cấp môn sự, đồng tri phủ sự vụ, chiếu yamen, điển thư, tri trung, thông phán, lục sự, đầu chiếu, giám bạ tư thiện giám thảo, tá mạc hữu mục, cấp môn phủ sự, tri huyện, tri châu, huyện thừa, ngũ quan chính, chính sự, đồng tri châu, đồ quan, điển bạ, tự bân, huân đạo	Chầu vua và hầu lễ Biếu, lễ Bái	Phục đầu	Màu xanh, màu đen	Thêu chim thuần am	- Đại đình sừng trâu bít thau - Di hua và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cát có lót		Dây thao đơn

- Các thái y viện đại sư, viện sư, ngự y, nghiêm hiện, lương y chánh, khám chẩn, lương y phó, thái quan thu chánh, đồng văn nhà nhạc thụ chánh, thừa dụ cục cục chánh, giáo phường ty chánh, tư thần lạng	Chầu vua	Phác đầu	Màu xanh, màu đen	Thêu chìm thuận am	- Đại đỉnh sừng trâu bít thau - Đai lụa và bít tất
- Các chức trưởng sử, hình sử, chánh phó tư nghị, phủ hiệu uy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri bạ, đồ sử, tri sử, điển sử, chủ bạ, xã mục, ngục thừa và các hàng thuộc viên tập lạng	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cái có lốt		
	Vào hầu	Ô sa đơn	Thanh cái có lốt		
- Những người tôn thất thực thụ, các chức lạng lạng, lạng phó, lạng thừa, khi phụng sự	Chầu vua	Phác đầu	Màu hồng, (chưa có tước dùng màu xanh, màu lục)	Thêu mây và chim nhạn	- Đại đỉnh dãi mốt bít bạc - Đai lụa và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cái có lá phũ đằng sau		Đai thao kép sáu hạt ngọc
- Các chức nội giám, tổng thái giám, đồ thái giám, chương giám mà có tước quân công	Chầu vua	Phác đầu	Màu hồng	Thêu hổ báo	- Đại đỉnh dãi mốt bít bạc - Đai lụa và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cái có lá phũ đằng sau		Đai thao kép sáu hạt ngọc
- Các chức thái giám, thiên thái giám, tham chương giám, tham tri giám, đồng tri giám	Chầu vua	Phác đầu	Màu hồng, (chưa có tước dùng màu lục)	Thêu mây và chim nhạn	- Đại đỉnh dãi mốt bít thau - Đai lụa và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cái có lá phũ đằng sau		Đai thao kép
- Các chức tả hữu thái giám, tả hữu giám thừa, tả hữu lễ diêm	Chầu vua	Phác đầu	Màu hồng, (chưa có tước dùng màu xanh, màu lục, màu đen)	Thêu còn nhạn trắng	- Đại đỉnh gỗ ky tam hươg bít thau - Đai lụa và bít tất
	Hầu phủ chúa	Ô sa	Thanh cái có lốt		Đai thao đơn
- Các chức phụng ngự, giám hạ	Chầu vua	Ô sa	Thanh cái có lốt		

TRANG PHỤC TÂN KHOA THỜI LÊ

- Năm 1374 đời Trần Duệ Tông: Những người đỗ khoa thi Hội có chức danh Tiến sĩ.

- Năm 1484 đời Lê Thánh Tông: Đổi Trang nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa làm Tiến sĩ cấp đệ. Chánh Bảng làm Tiến sĩ xuất thân. Phụ Bảng làm đồng Tiến sĩ xuất thân.

Chức	Mũ	Áo	Dài	Các chi tiết khác
Trang nguyên	Vương, có hai tai, tam sơn và la bố để làm bằng thau	Bảng đoạn màu huyền, hoa liên văn.	Bảng gỗ tặc hương, tre xanh, lụa huyền và thau gỗ dát bạc (nặng 1 dất bằng 10 lạng).	Một cây hoa bạc, 9 cánh, nặng 9 đồng cân
Bảng nhãn	Vương, có hai tai, tam sơn và la bố để làm bằng thau	Bảng đoạn màu huyền, hoa liên văn.	Bảng gỗ tặc hương, tre xanh, lụa huyền và thau gỗ dát bạc (nặng 8 lạng).	Cây hoa bạc: 8 cánh, nặng 8 đồng cân
Thám hoa	Vương, có hai tai, tam sơn và la bố để bằng thau	Bảng đoạn màu huyền, hoa liên văn	Bảng gỗ tặc hương, tre xanh, lụa huyền và thau gỗ dát bạc (nặng 6 lạng)	Cây hoa bạc: 7 cánh, nặng 7 đồng cân
Hoàng giáp	Vương, có hai tai, tam sơn và la bố để bằng thau	Bảng đoạn màu huyền, hoa liên văn	Bảng gỗ tặc hương, tre xanh, lụa huyền và thau gỗ dát bạc.	Cây hoa bạc: 6 cánh, nặng 6 đồng cân.
Đồng tiến sĩ	Có hai tai (không có tam sơn).	Bảng sa đen	Bảng sừng trâu, tre xanh, lụa màu huyền và thau gỗ, dát thau.	Cây hoa bạc: 5 cánh, nặng 5 đồng cân

TRIỆU PHỤC CỦA KHOA THI ĐỒNG CẮC

Chức	Mũ	Áo	Đai	Các chi tiết khác
Đệ nhất	Vuông, có hai tai, tam sọc và lá bô để làm bằng thau	Bằng đoạn, màu quan lục	Bằng gỗ tặc hương, tre xanh, lụa huyền và thau gõ dát bạc	Cây hoa bạc: 9 cành, nặng 9 đồng cân
Đệ nhị	Vuông, có hai tai, tam sọc và lá bô để làm bằng thau	Bằng đoạn, màu huyền	Bằng gỗ tặc hương, tre xanh, lụa huyền và thau gõ dát bạc	Cây hoa bạc: 8 cành, nặng 8 đồng cân
Đệ tam	Vuông, có hai tai, tam sọc và lá bô để làm bằng thau	Bằng đoạn, màu huyền	Bằng gỗ tặc hương, tre xanh, lụa huyền và thau gõ dát bạc	Cây hoa bạc: 7 cành, nặng 7 đồng cân

TRIỆU PHỤC CỦA KHOA THI TẠO SĨ - VÔ CỬ

Chức	Mũ	Áo	Đai	Các chi tiết khác
Tạo sĩ - Vô cử	Sọc đỏ, hai tai dát thau	Bằng sa hoặc bằng lụa, màu xanh biếc	Bằng tơ dệt	

PHẨM PHỤC MỘT SỐ QUAN CHỨC HÀ NỘI GIAI ĐOẠN NGUYÊN - PHÁP THUỘC

Chức danh		Trang phục sử dụng	Màu	Áo, màu	Bố tử, hoa văn	Xiêm	Dài	Hải, tất	Các chi tiết khác
Hà Nội	Triều đình								
Tổng đốc	Ham: Chánh nhị phẩm văn giai	Dại triều	Phúc, tròn (viên phác đầu) Ham cánh học vàng	Màng bảo, màu cam bạch, họa tiết tứ linh		Thêu nền bạc	Đỏ khảm đốm mắt học sang bạc, (18 miếng)	Đen, tất viền gấm	Hội cầm tay
		Thường triều	Vân công dãi vàng	Giao lãnh, cổ áo màu trắng	Nền vàng, thêu tên học	Thêu nền bạc		Đen, tất viền gấm	
Bổ chánh	Ham: Chánh tam phẩm văn giai	Dại triều	Phúc, tròn (viên phác đầu)	Màng bảo, màu xanh đậm (thư lam)		Thêu nền bạc	Màu đỏ, khảm đốm mắt, học bạc (18 miếng)	Đen, tất viền gấm	Hội cầm tay
		Thường triều	Vân công	Giao lãnh, cổ áo màu trắng	Nền đỏ, thêu chim trĩ (cầm kê)	Thêu nền bạc		Đen, tất viền gấm	
An sát	Ham: Chánh tư phẩm văn giai	Dại triều	Phúc, tròn (viên phác đầu)	Đào, họa màu xanh lục, dền (quan lục)		Màu lục, có họa bông tròn	Màu đỏ, khảm họa bông sung học học và dền (18 miếng)	Đen, tất viền gấm	Hội cầm tay
		Thường triều	Đồng pha	Giao lãnh, cổ áo xung màu son thân	Nền đỏ, thêu chim công (không học)	Xanh lục, có họa bông tròn			
Pho đề đốc	Ham: Chánh nhị phẩm võ giai	Dại triều	Phúc vương (phượng phác đầu), hai cánh mở không trang trí	Bảo màu lục		Xanh lục, thêu làn	Màu đỏ, khảm đốm mắt, học sang, học	Đen, tất viền gấm	Hội cầm tay
		Thường triều	Hổ đầu	Giao lãnh, màu xanh, cổ màu trắng	Nền đỏ, thêu bạch trạch	Xanh lục, thêu làn		Đen, tất viền gấm	
Tri phủ	Ham: Chánh tam phẩm võ giai	Dại triều	Phúc vương (phượng phác đầu)	Màng bảo, màu xanh đậm (bửu lam)		Xanh lục, họa bông tròn	Màu đỏ, khảm sung trắng	Đen, tất viền gấm	Hội
		Thường triều	Hổ đầu	Giao lãnh, màu xanh	Nền đỏ, thêu sư tử	Xanh lục		Đen, tất viền gấm	
Tri huyện	Ham: Ngũ phẩm võ giai	Dại triều	Phúc vương	Bảo màu xanh (lục) họa tròn		Xanh lục, họa bông tròn	Màu đỏ	Đen, tất viền gấm	Hội
		Thường triều	Xuân thụ	Giao lãnh, màu xanh	Nền đỏ, thêu con báo	Xanh lục, họa bông tròn		Đen, tất viền gấm	
Độc học	Ham: Chánh tam phẩm văn giai	Dại triều	Phúc, tròn	Màng bảo, màu xanh đậm (bửu lam)		Thêu nền bạc	Màu đỏ	Đen, tất viền gấm	Hội
		Thường triều	Vân công	Giao lãnh	Nền đỏ, thêu chim trĩ (cầm kê)	Thêu nền bạc		Đen, tất viền gấm	

TRANG PHỤC TIẾN SĨ, CỬ NHÂN TRIỀU NGUYỄN

Triều Nguyễn mở thi Hội lấy Tiến sĩ. Từ năm 1829 đời Minh Mạng, đặt thêm danh hiệu phó Bảng (tên được ghi ở bảng phụ)

Năm	Chức danh	Mũ	Áo	Đai	Bổ tử	Xiêm	Các chi tiết khác
Minh Mạng thứ 3	Đệ nhất giáp, đệ nhất danh. (Theo hàm tước phẩm)	Phước tròn, hai cạnh mũ bạc bạc	Đào màu lam thẫm	Màu đỏ	Chùm bạch nhân	Màu xanh lục	Hoa, Tước
	Đệ nhị danh, đệ tam danh	Vân và tai	Xanh thẫm			Sa nam	Khăn lụa trắng (1 bộ)
	Đệ nhất giáp, đệ nhất danh				Thêu mây chạm nhân		
Minh Mạng năm thứ 7 (1847) - Đốc danh về bổ tử	Đệ nhị danh, đệ tam danh và các danh ở đệ nhất giáp				Thêu chạm bạch nhân		
	Các danh ở đệ tam giáp				Thêu chạm có		
Minh Mạng thứ 19	Đệ nhất giáp, đệ nhất danh. (Theo hàm tước phẩm)	Phước tròn, hai cạnh mũ bạc bạc	Đào mây lam thẫm	Màu đỏ	Chùm bạch nhân		
	Đệ nhị danh, đệ tam danh	Sa cánh phượng trước mũ hoa bằng bạc	Bằng đoạn sa nón màu lam, màu lục	Độc đồng	Sườn dẻ thêu mây ngũ sắc	Bằng sa nam hai bên nền tơ	
	Đệ tứ danh, đệ tam giáp						
Thiệu Trị năm thứ 1 (1842)	Đệ nhất giáp, đệ nhất danh	Sa cánh phượng một bông hoa bằng vàng, phía sau một bông hoa bằng bạc, bạc sơn bằng bạc. Ở hai bên cạnh mũ bạc bạc	Đào bằng đoạn đầu 8 sụn tơ hoa lên màu lục	Độc đoạn lông dỏ phía trước một mảnh bạc bạc mạ vàng, hai mảnh mài đỏ một hộp bạc, 7 mảnh sừng đen bạc đồng	Sườn dẻ thêu chùm bạch nhân	Bằng đoạn sa màu lam có điểm hoa	Hoa, Tước Khăn, Lụa tất
	Đệ nhị danh, đệ tam danh	Sa đen phía trước một bông hoa bằng bạc, mạ vàng phía sau một bông hoa bằng bạc. Ở hai bên cạnh mũ bạc bạc	Đào bằng vóc đoạn màu lục, có điểm hoa	Phía trước 3 mảnh bạc bạc, các mảnh khác bằng sừng bạc đồng (như đệ nhất danh)		Bằng đoạn sa màu màu lam thẫm	
	Đệ tứ danh	Sa đen phía trước và phía sau đều có một bông hoa bằng bạc. Ở hai bên cạnh mũ bạc bạc	Đào bằng vóc đoạn màu lục, có điểm hoa	Phía trước 3 mảnh bạc bạc, các mảnh khác bằng sừng, bạc đồng		Bằng đoạn sa màu màu lam thẫm	
	Đệ tam giáp	Sa đen phía trước, phía sau đều có một bông hoa bằng bạc. Hai bên cạnh mũ không bạc bạc	Đào bằng vóc, màu lục, có điểm hoa	Bằng sừng bằng sừng đen bạc bạc, 7 mảnh bạc đồng		Bằng đoạn sa màu màu lam thẫm	

MŨ, ÁO CỬ NHÂN

Năm	Chức	Mũ	Áo	Các chi tiết khác
Già Long năm thứ 6	Các viên đỗ khoa thi Hương	Vân tu tào. Phía trước, phía sau đều có một bông hoa bằng bạc	Giao lĩnh vải mau	Khăn, hài, tẩu
Minh Mạng năm thứ 6 (1825)	Các viên đỗ khoa thi Hương	Vân tu tào. Phía trước, phía sau đều có một bông hoa bằng bạc	Giao lĩnh bằng sa nam trơn, dệt hoa trắng	Khăn, hài, tẩu

MŨ, ÁO GIÁM SINH Ở QUỐC TỬ GIÁM

Năm	Chức	Mũ	Áo	Xiêm	Các chi tiết khác
Minh Mạng năm thứ 4 (1823)	Các giám sinh học ở nhà Giám	Vân tú tào bằng sa tây. Phía trước có một bông hoa bằng bạc	Giao lĩnh bằng sa, là nam, lót lụa trắng	Bằng lụa, quần	Khăn, hài, tẩu

MŨ, ÁO TÔN SINH

Năm	Chức	Mũ	Áo	Xiêm	Các chi tiết khác
Minh Mạng năm thứ 8 (1827)	Học sinh tôn thất	Tú phương bình đỉnh	Giao lĩnh bằng sa, có hoa màu lam thẫm, lót lụa trắng	Bằng trư	Khăn, hài, tẩu

MŨ, ÁO VÔ CỬ

Năm	Chức	Mũ	Áo	Bổ tử	Các chi tiết khác
Thiệu Trị năm thứ 6 (1846)	Vô cử	Viên đỉnh bằng sa nam màu đen. Phía trước có bông hoa bằng bạc. Trên đỉnh đầu có hỏ lộ bằng bạc.	Móng ngựa bằng trư nam, hoa to, màu lam thẫm, lót vải đỏ	Tròn, phía trước ngực và sau lưng có thêu chữ "Vô cử"	

PHỤ LỤC 2

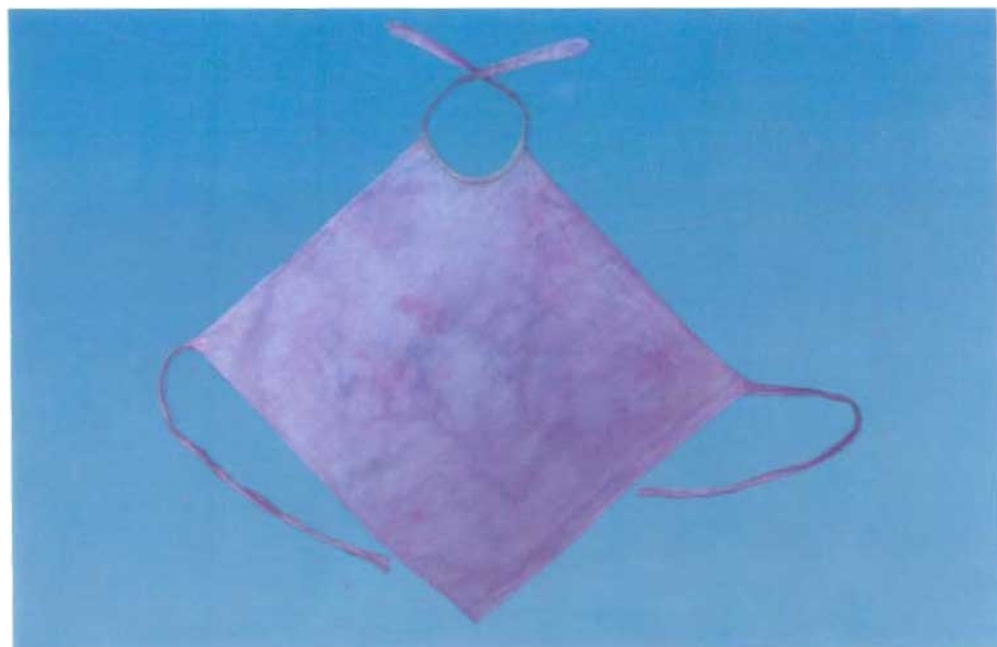
TRANG PHỤC NỮ:
YẾM, ÁO CÁNH, ÁO DÀI, VÁY, QUẦN...



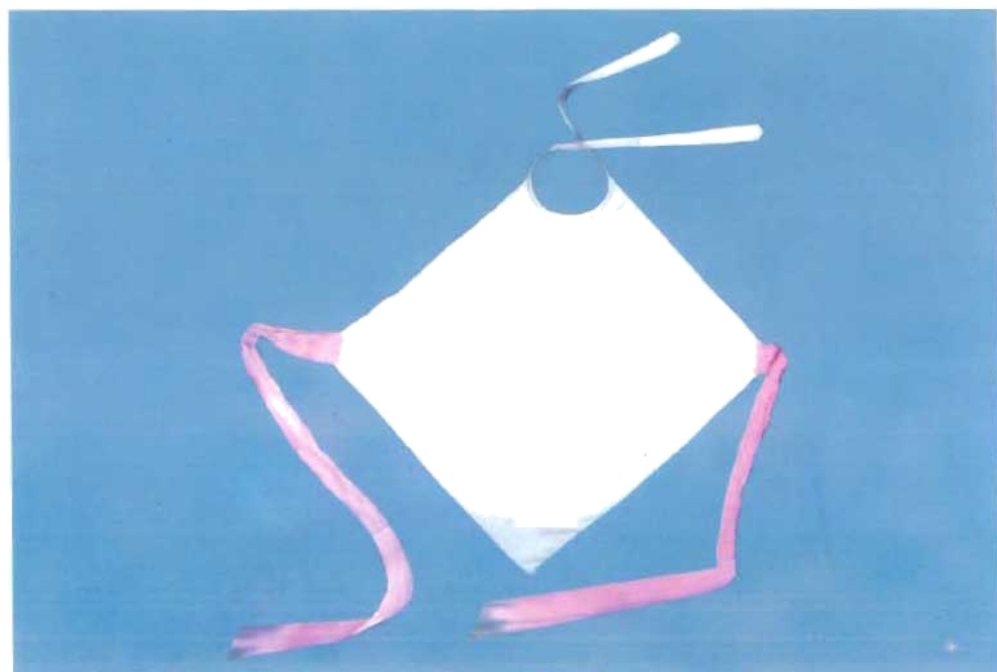
Hình 362. Độn tóc



Hình 363. Khăn vấn tóc



Hình 364. Yếm cổ xây



Hình 365. Yếm cổ kiếng



Hình 366. Yếm cổ xẻ



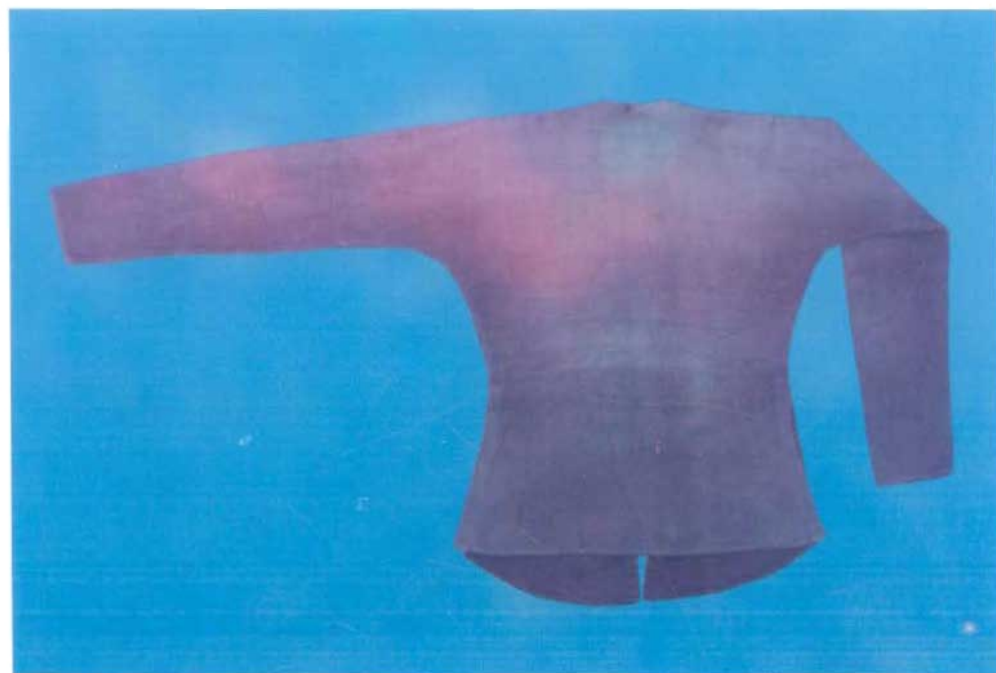
Hình 367. Áo cánh cổ tròn có đệm lá sen



Hình 368. Áo cánh cổ tròn có đệm lá sen (phía sau nối sống)



Hình 369. Áo cánh cổ quả tim



Hình 370. Áo cánh cổ quả tim (phía sau không nổi sống)



Hình 371. Váy thâm



Hình 372. Quần chân què



Hình 373. Thắt lưng dũi



Hình 374. Bao ruột tợng



Hình 375. Áo tứ thân đôi vai, đôi vạt (phía trước)



Hình 376. Áo tứ thân đôi vai, đôi vạt (phía sau, nối sống)



Hình 377. Áo dài năm thân (phía trước)



Hình 378. Kết cấu áo dài năm thân, vạt con, vạt cả (phía trước)



Hình 379. Áo dài năm thân (phía sau, nổi sống)



Hình 380. Áo dài năm thân chất liệu vải rộng, vạt con dài bằng thân trước



Hình 381. Áo năm thân cài vạt, mặc kép, chất liệu vải rổng



Hình 382. Áo dài năm thân vải rổng, nhuộm nâu



Hình 383. Áo dài hai tà (phía trước)



Hình 384. Áo dài hai tà (phía sau)



Hình 385. Áo dài vẽ nẹp (phía trước)



Hình 386. Áo dài vẽ nẹp (phía sau)



Hình 387. Cổ của áo dài vẽ nẹp (không khép kín vòng cổ)



Hình 388. Áo dài hai tà, cổ khép kín (phía trước)



Hình 389. Áo dài hai tà, vạt con cắt ngắn



Hình 390. Áo dài hai tà, cổ cao chiết ly khuy bọc

PHỤ LỤC 3

**TRANG PHỤC NAM:
ÁO CÁNH, ÁO DÀI, QUẦN LÁ TỌA**



Hình 391. Áo cánh tứ thân cổ tròn có đệm lá sen



Hình 392. Áo cánh tứ thân cổ tròn có đệm lá sen (phía trước)



Hình 393. Áo cánh tứ thân nam, cổ tròn đứng, cổ lá sen (phía trước)



Hình 394. Áo cánh tứ thân nam nổi sống, cổ đứng lá sen (phía sau)

PHỤ LỤC 3

**TRANG PHỤC NAM:
ÁO CÁNH, ÁO DÀI, QUẦN LÁ TỌA**



Hình 391. Áo cánh tứ thân cổ tròn có đệm lá sen



Hình 392. Áo cánh tứ thân cổ tròn có đệm lá sen (phía trước)



Hình 393. Áo cánh tứ thân nam, cổ tròn đứng, có lá sen (phía trước)



Hình 394. Áo cánh tứ thân nam nổi sống, cổ đứng lá sen (phía sau)



Hình 395. Kết cấu của áo năm thân vạt hò, nổi vạt (phía trước)



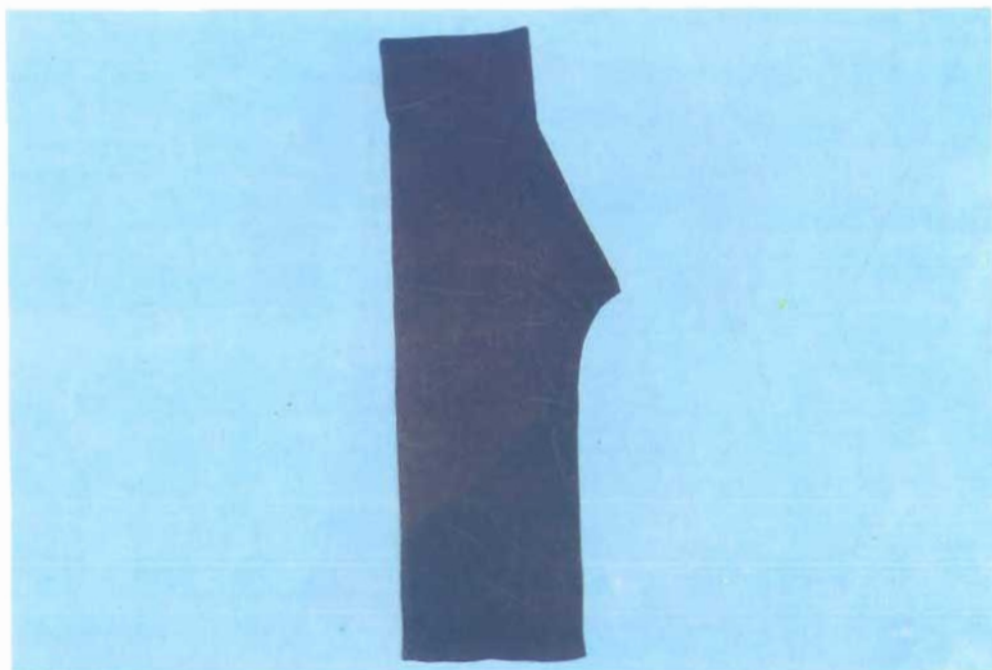
Hình 396. Áo cánh năm thân vật hò, cổ đứng (phía trước)



Hình 397. Áo cánh năm thân vật hò, cổ đứng (nội sống phía sau)



Hình 398. Quần cạp lá tọa



Hình 399. Quần cạp lá tọa ống chân què



Hình 400. Áo dài the năm thân (phía trước)



Hình 401. Áo dài the năm thân (phía sau)



Hình 402. Áo dài năm thân (phía trước)



Hình 403. Áo dài năm thân mặt ngoài bằng gấm, may lót nối vạt, nối sống, mặt trong bằng lụa (may kép)



Hình 404. Áo dài năm thân nổi sóng (phía sau)



Hình 405. Áo dài tay thụng, cổ đứng (phía trước)



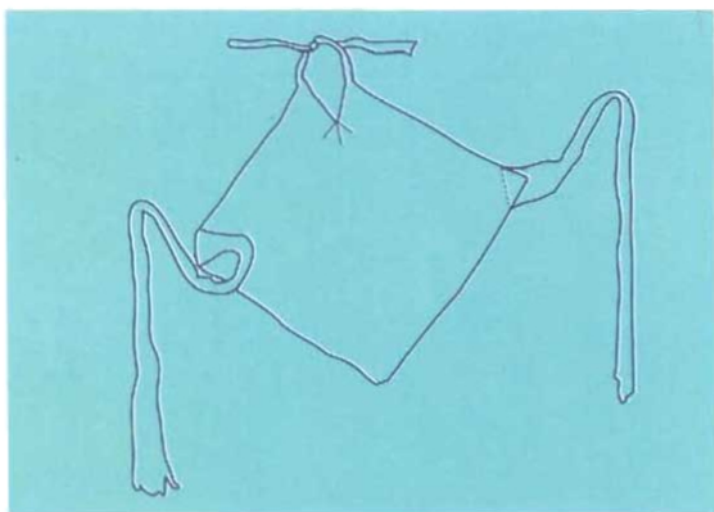
Hình 406. Áo dài tay thụng, cổ đứng (phía sau)



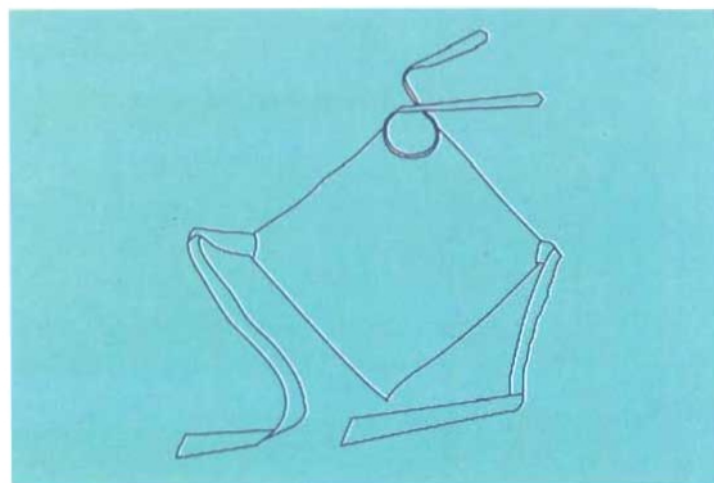
Hình 407. Áo tể cổ giao lân

PHỤ LỤC 4

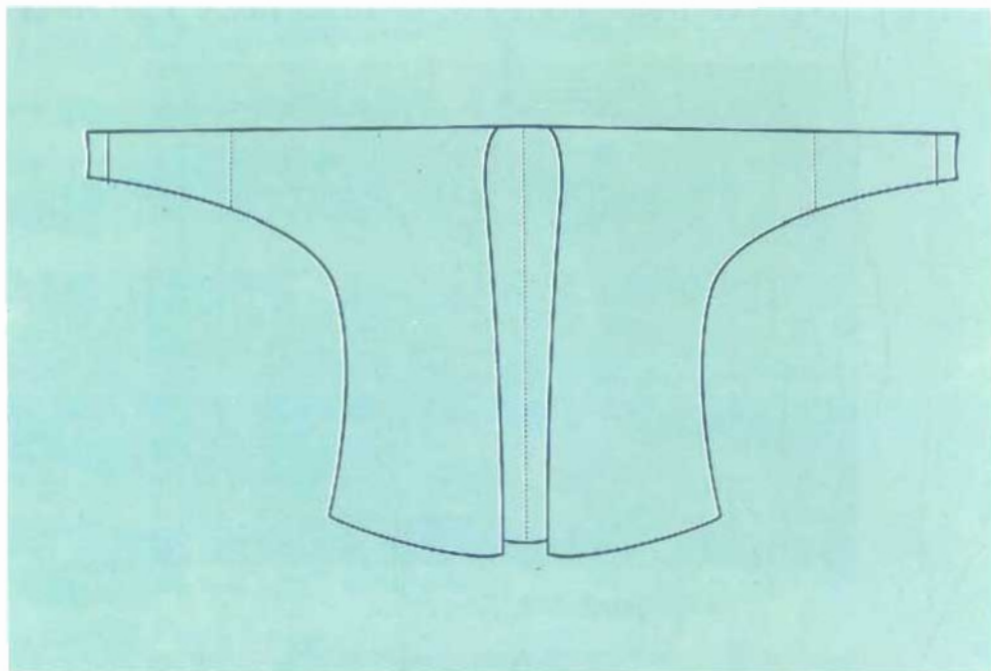
MỘT SỐ BẢN VẼ VÀ HÌNH ẢNH
PHỤC DỤNG TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG



Hình 408. Yếm cổ xẻ



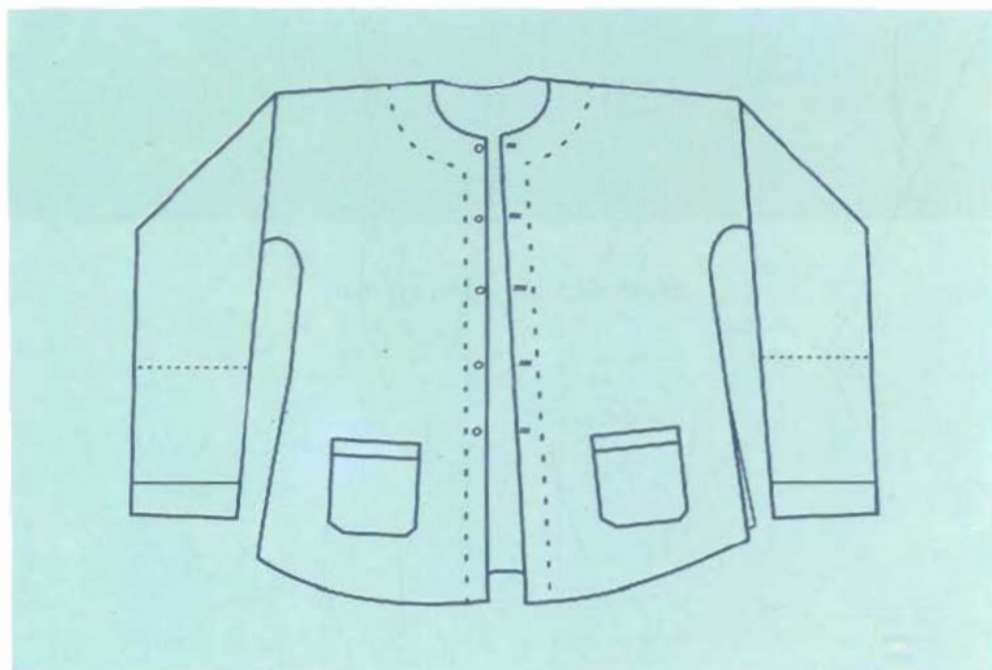
Hình 409. Yếm cổ xây



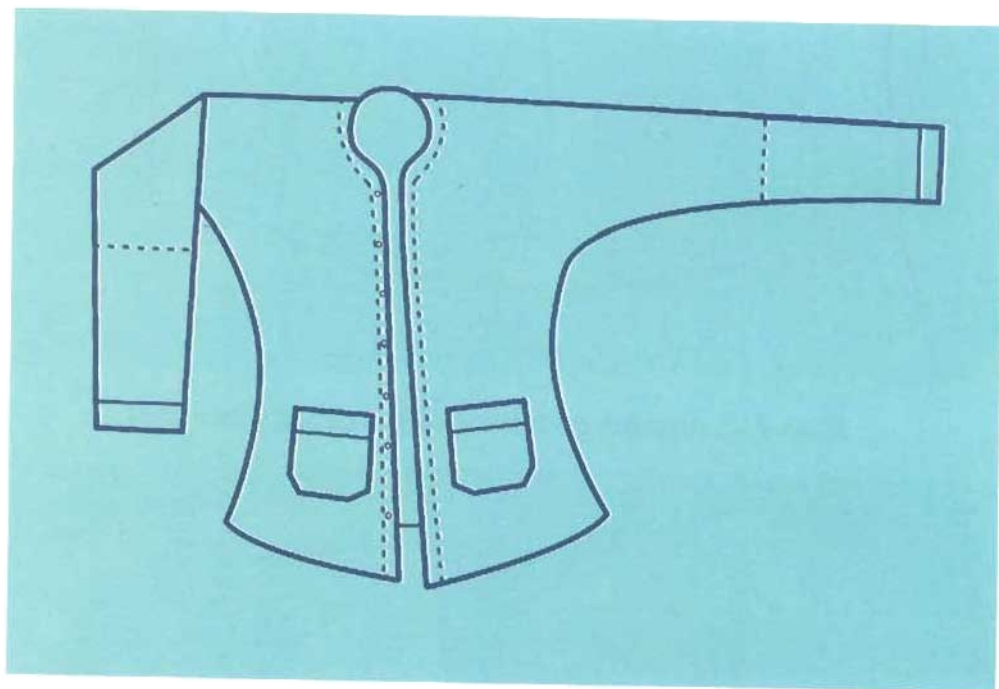
Hình 410. Áo cánh cổ liền



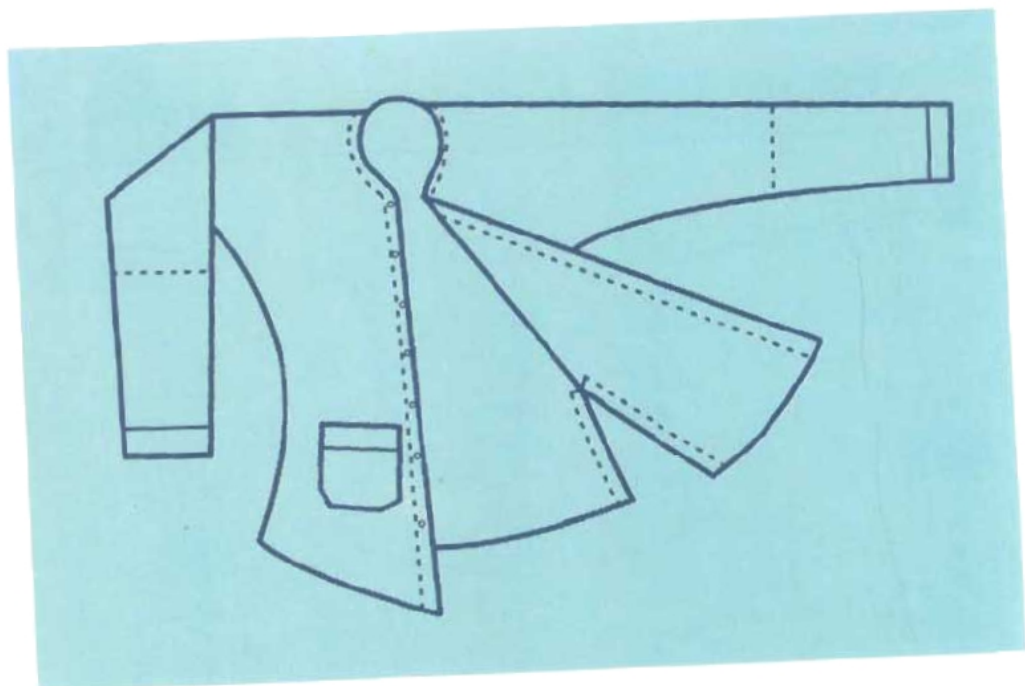
Hình 411. Áo cánh cổ tròn có lá sen đậm (phía trước)



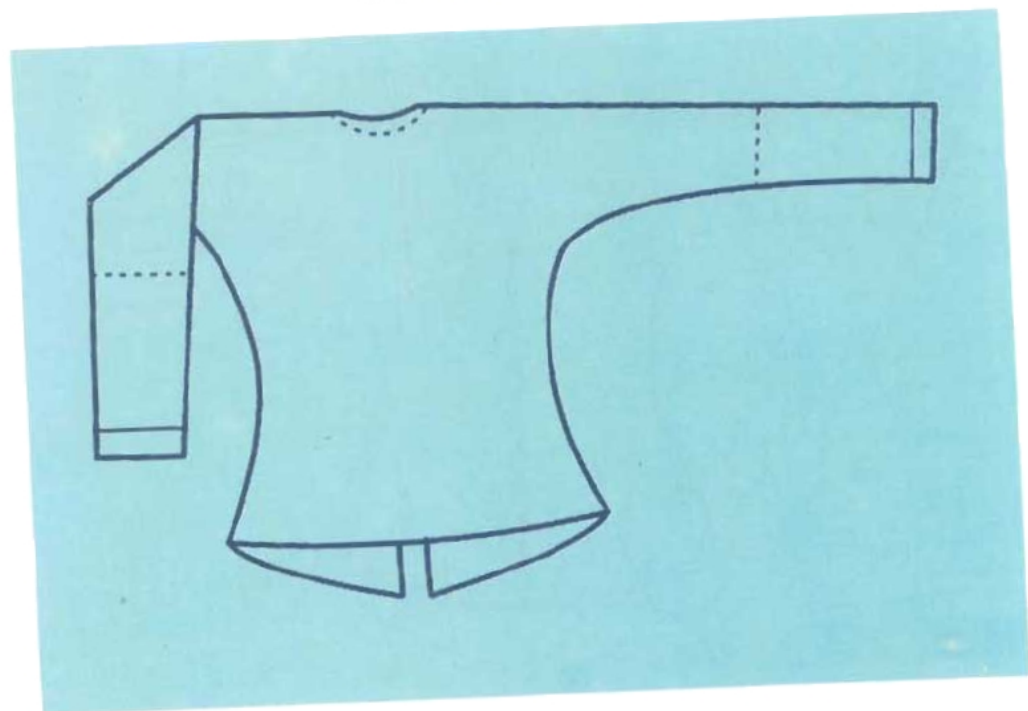
Hình 412. Áo cánh cổ tròn có lá sen đậm (phía sau nổi sống)



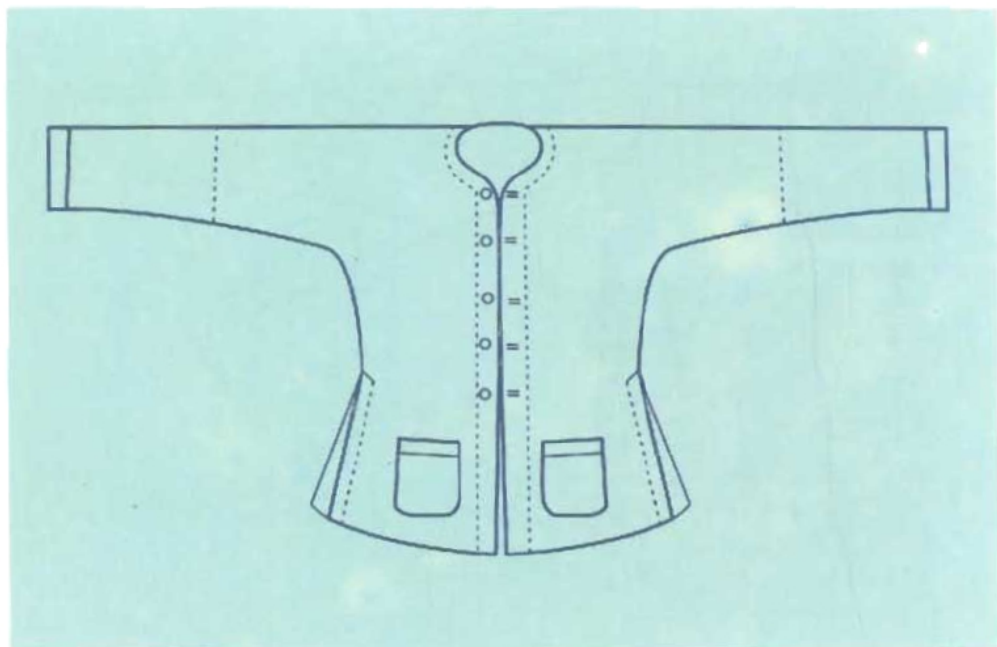
Hình 413. Áo cánh cổ tròn



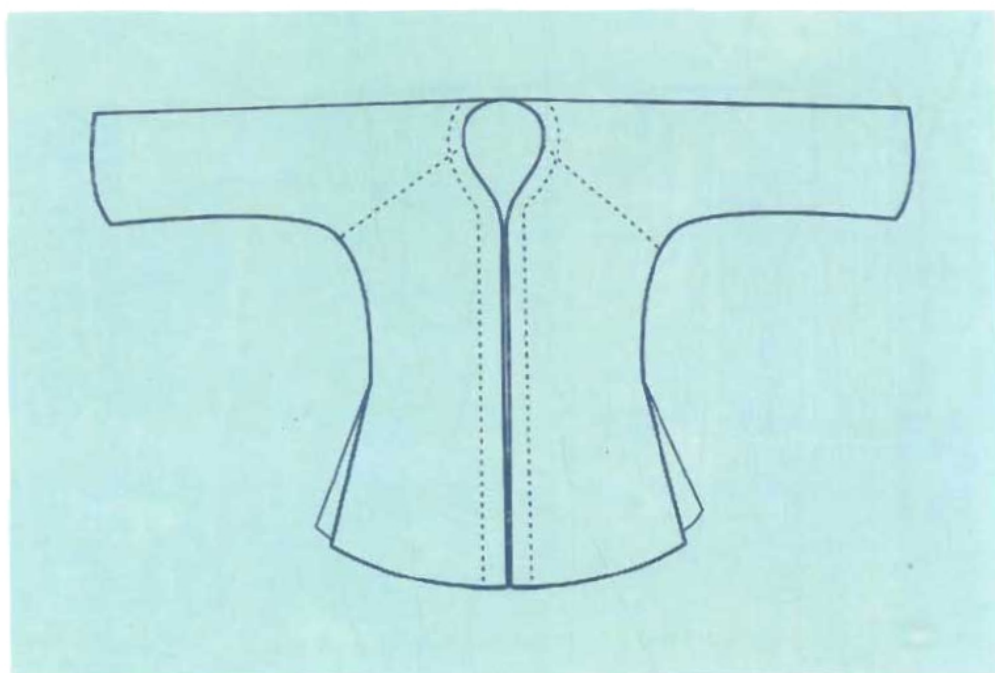
Hình 414. Áo cánh xẻ tà



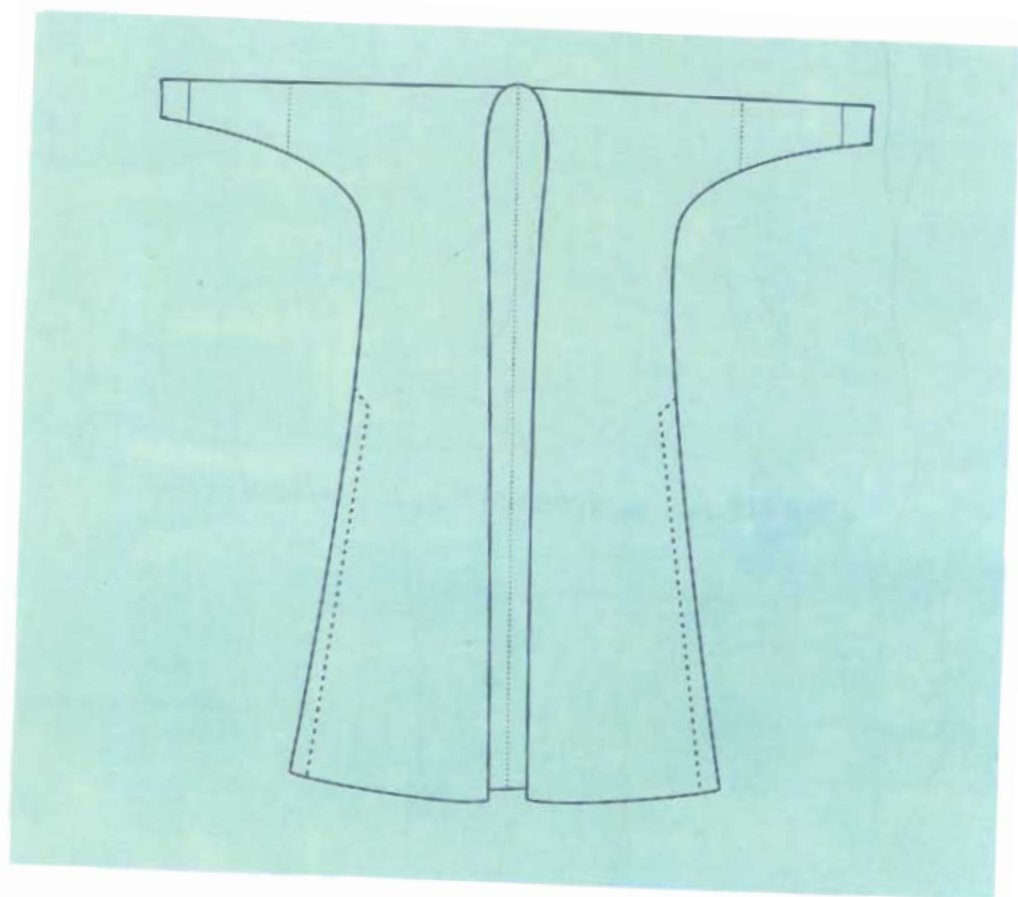
Hình 415. Áo cánh xẻ tà (phía sau không nổi sống)



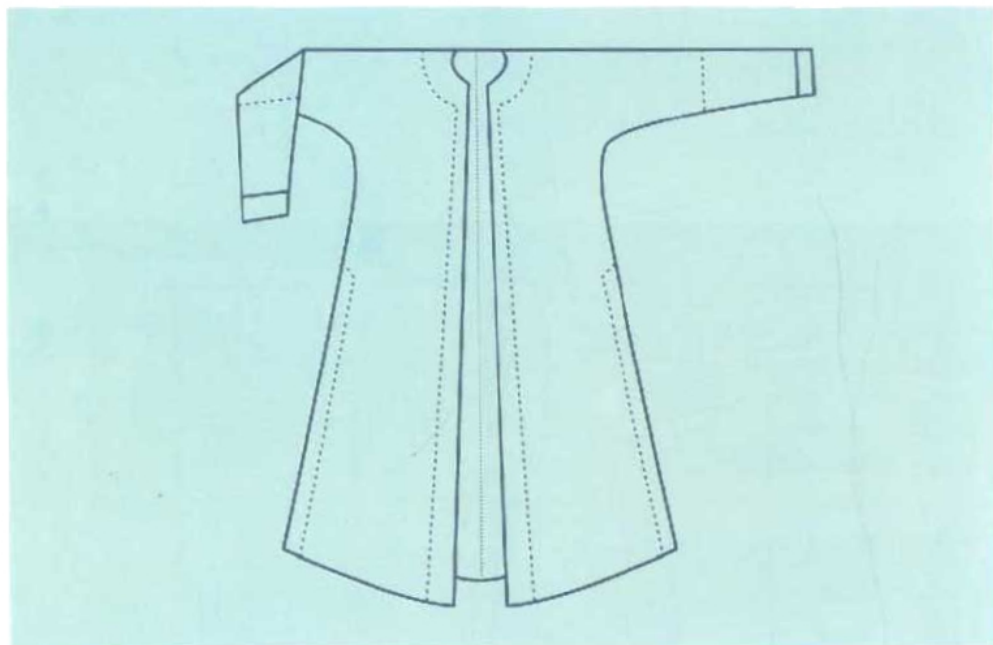
Hình 416. Áo cánh cổ hình quả tim



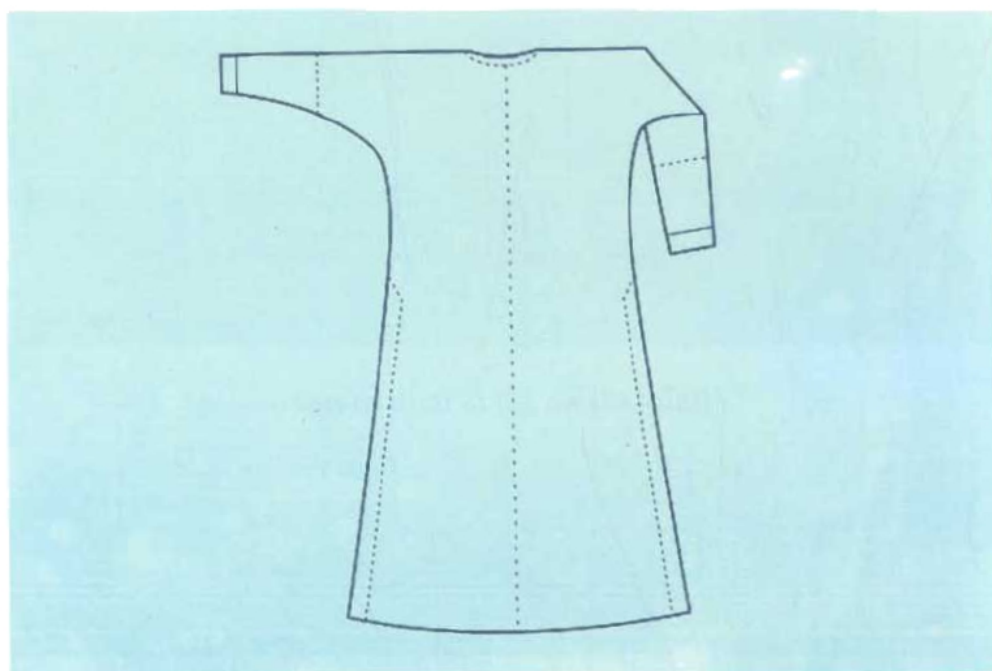
Hình 417. Áo cánh vai zắc lăng



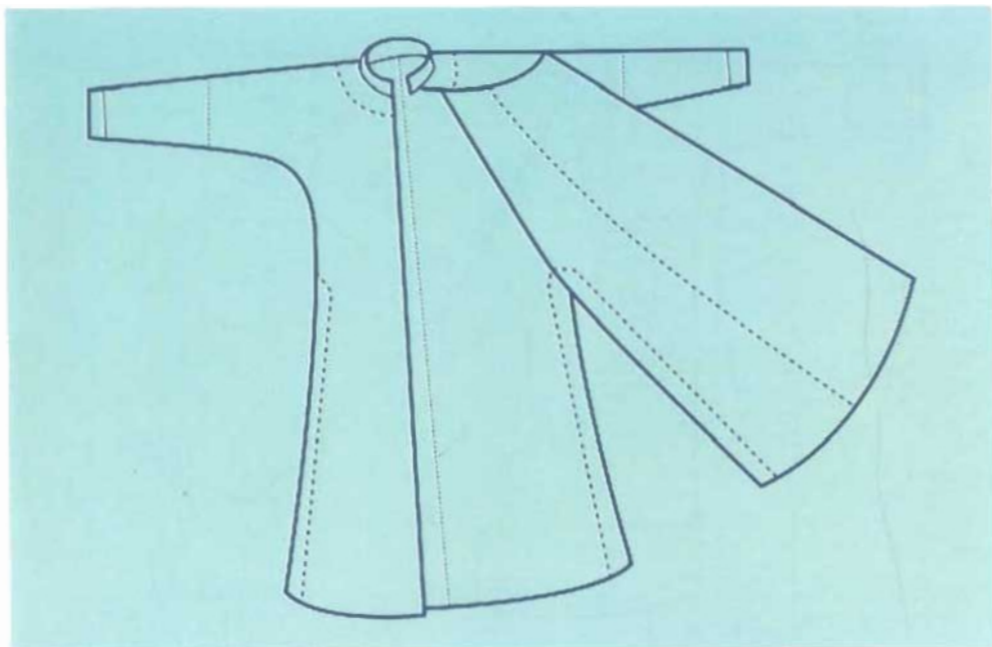
Hình 418. Áo dài tứ thân cổ liền



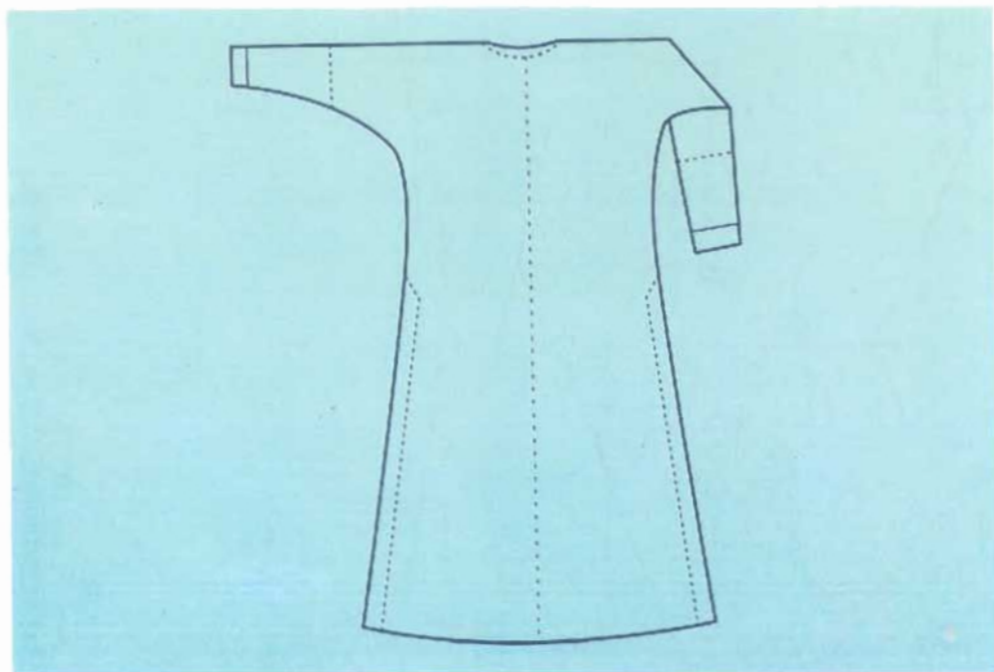
Hình 419. Áo dài tứ thân cổ tròn có đệm hình lá sen



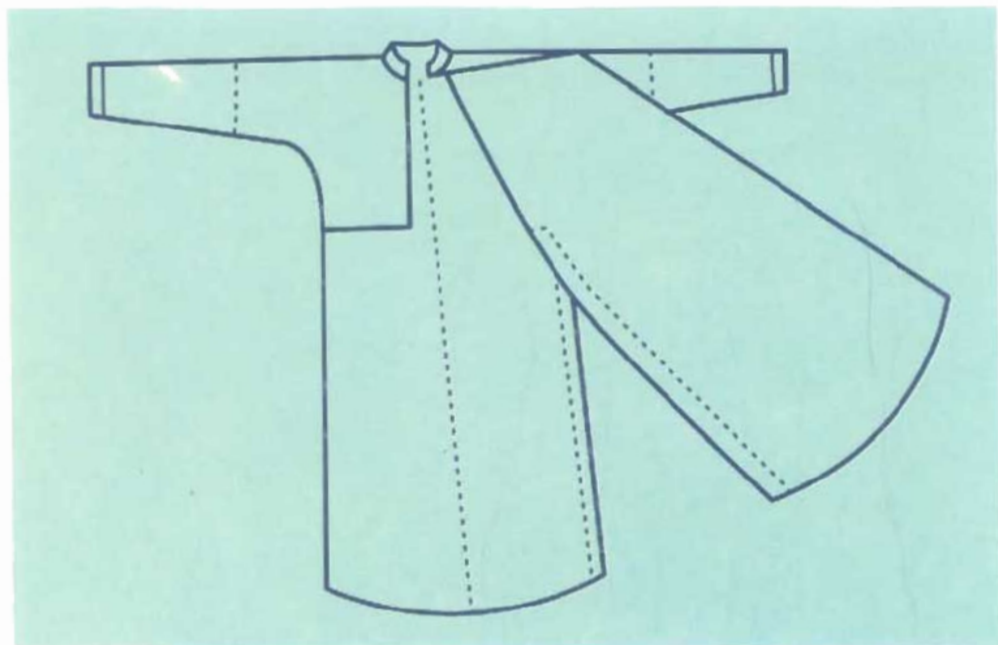
Hình 420. Áo dài tứ thân (phía sau nổi sống)



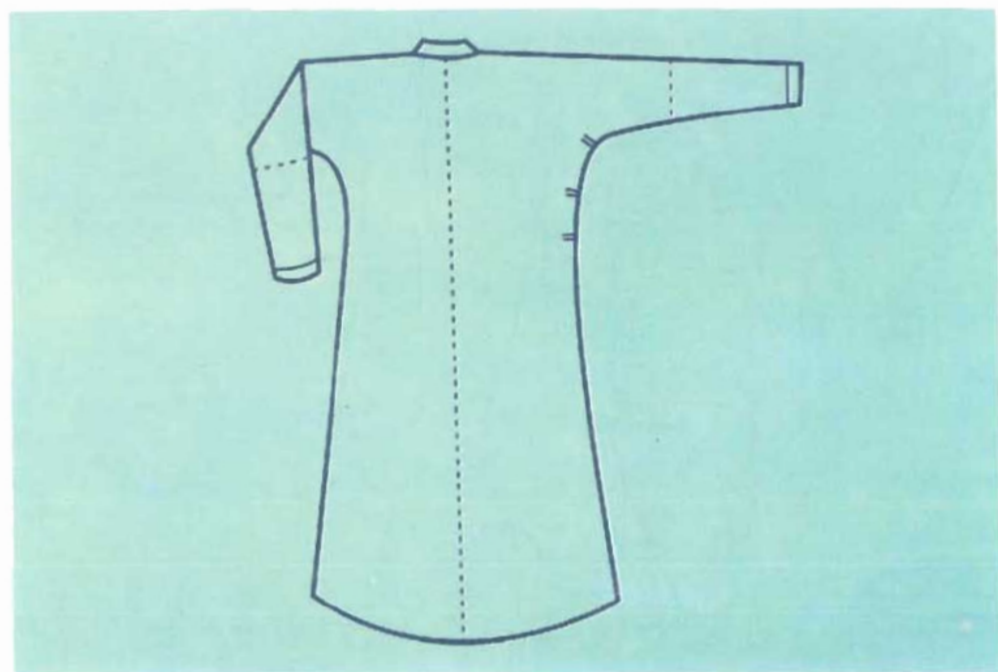
Hình 421. Áo dài năm thân, vạt con dài bằng thân áo



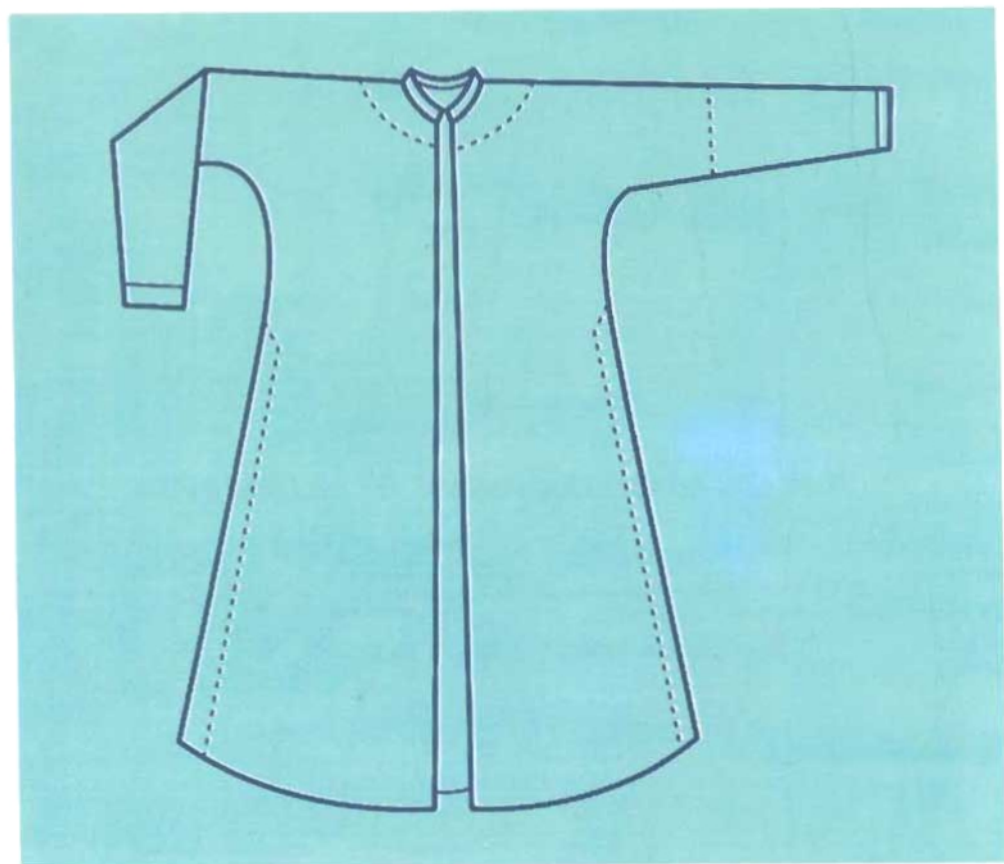
Hình 422. Áo dài năm thân (phía sau nổi sống)



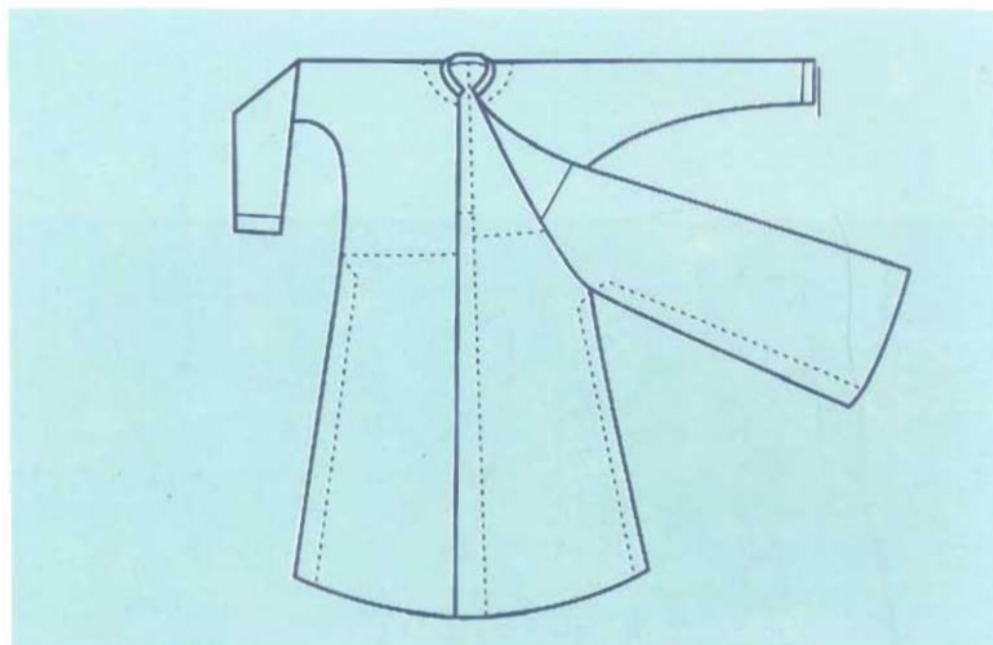
Hình 423. Áo năm thân cổ cao, vạt con cắt ngắn



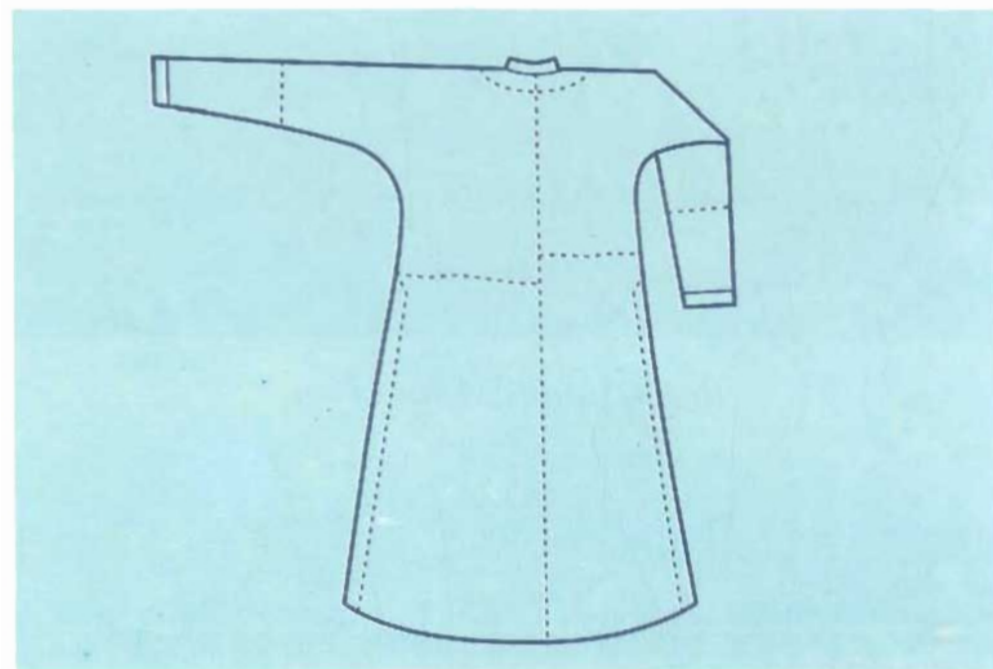
Hình 424. Áo dài năm thân cổ cao (phía sau nối sống)



Hình 425. Áo dài từ thân cổ cao



Hình 426. Áo dài tứ thân đối vai, đối vạt (phía trước)



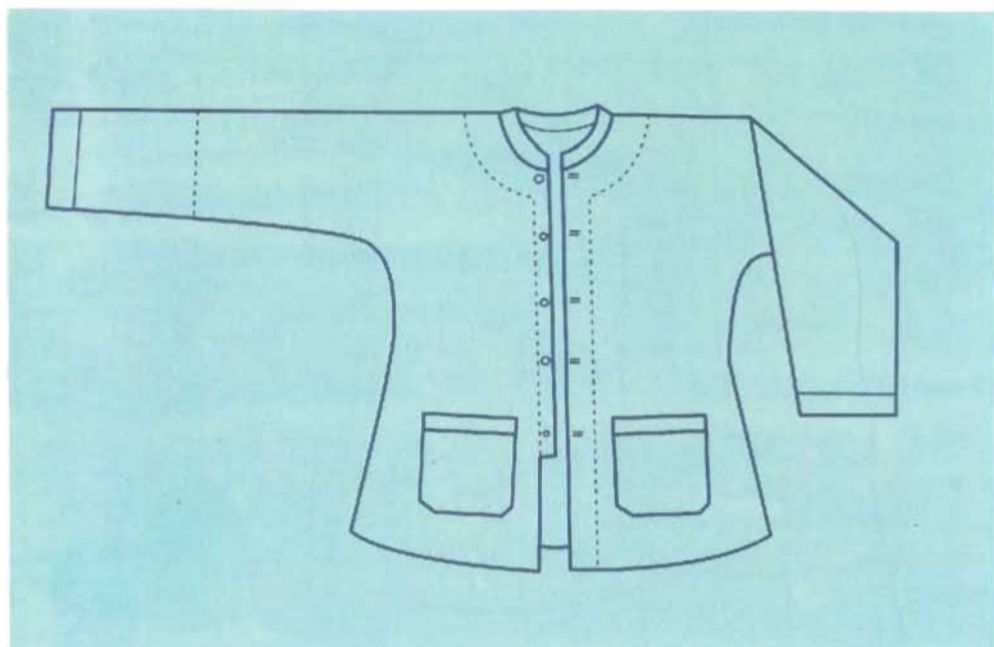
Hình 427. Áo dài tứ thân đối vai, đối vạt (phía sau nối sống)



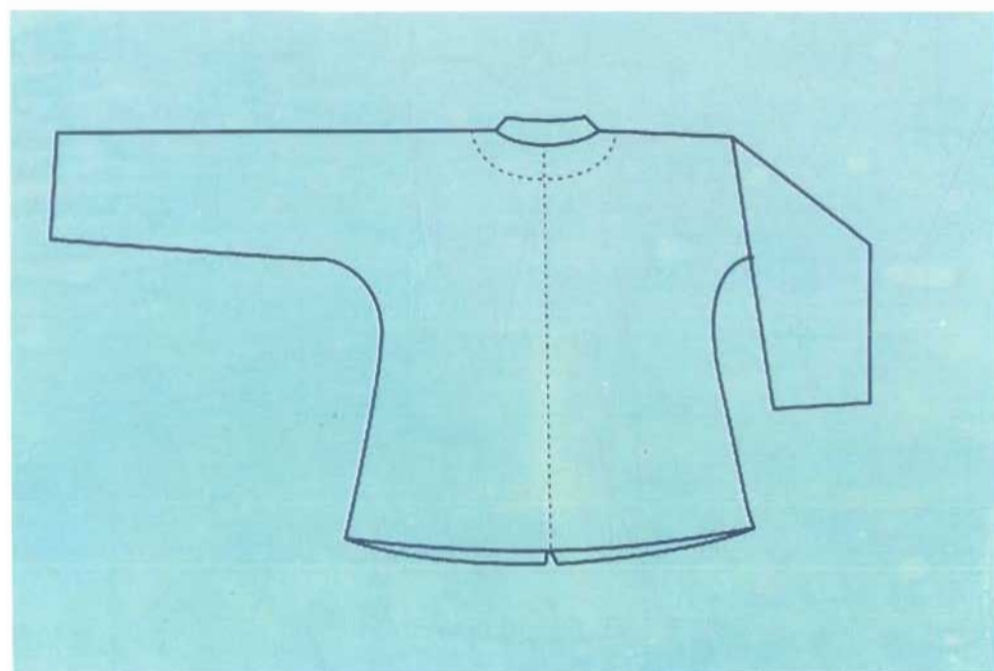
Hình 428. Áo dài năm thân cổ hở



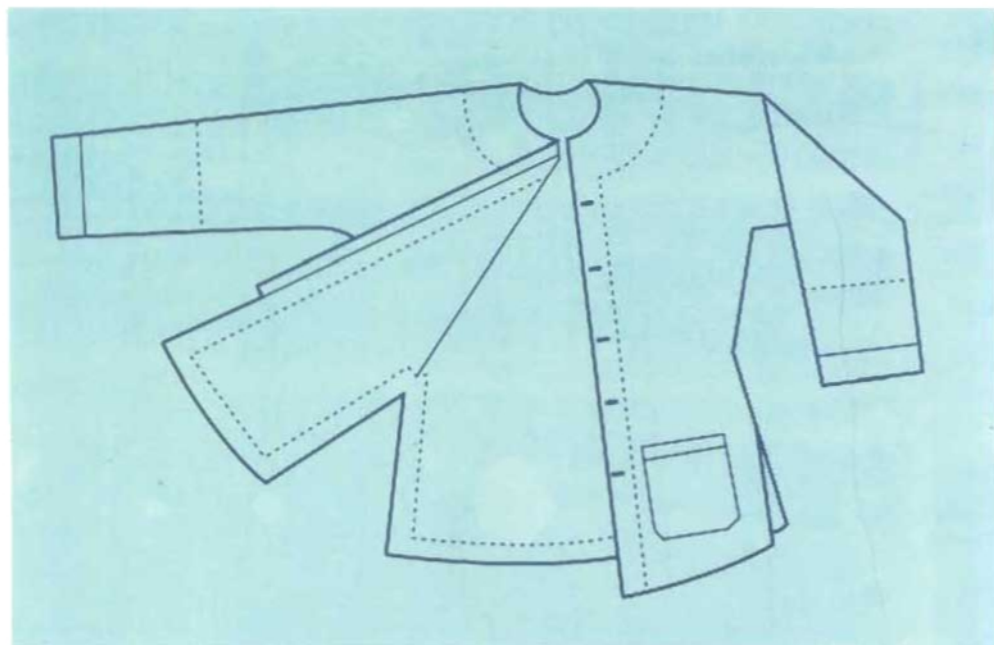
Hình 429. Áo dài năm thân hai tà cổ cao may sát eo



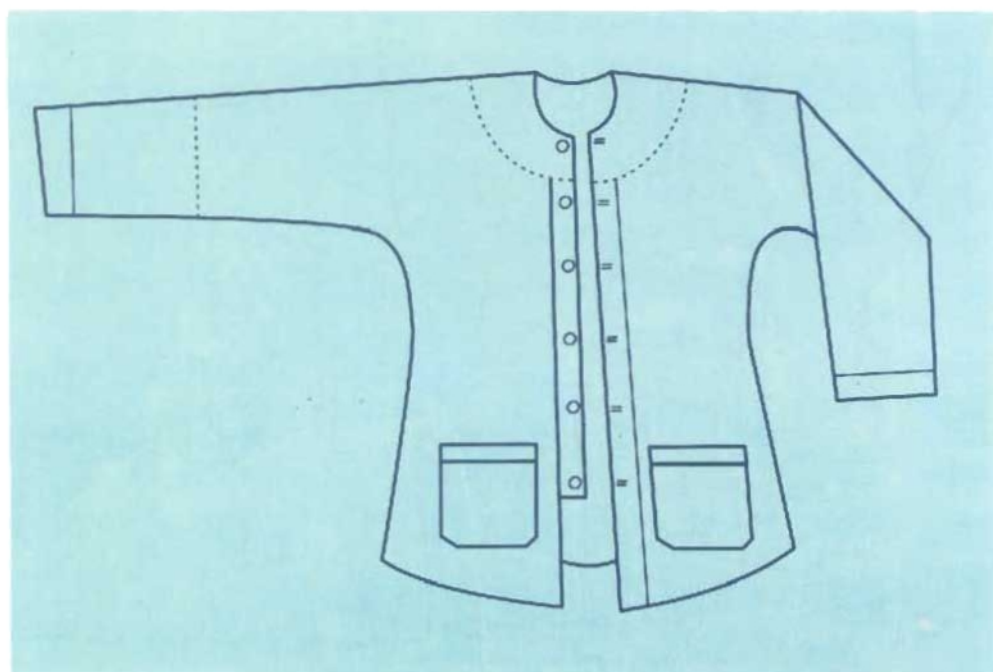
Hình 430. Áo cánh nam cổ đứng, có hình lá sen dẹt (phía trước)



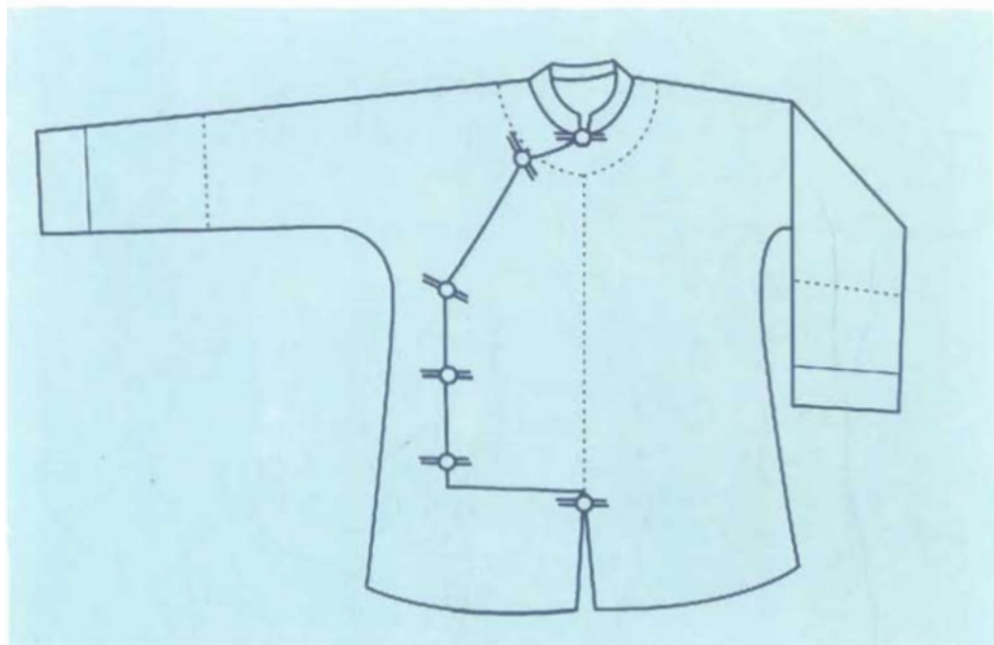
Hình 431. Áo cánh nam cổ đứng, có hình lá sen dẹt (phía sau nổi sống)



Hình 432. Áo cánh nam cổ tròn, có hình lá sen đềm (phía trước)



Hình 433. Áo cánh nam cổ tròn, có hình lá sen đềm (phía sau không nổi sống)



Hình 434. Áo cánh vạt hò (phía trước)



Hình 435. Áo cánh vạt hò (phía sau nối sống)



Hình 436. Trang phục thường ngày



Hình 437. Trang phục trong ngày lễ tết

PHỤ LỤC 5

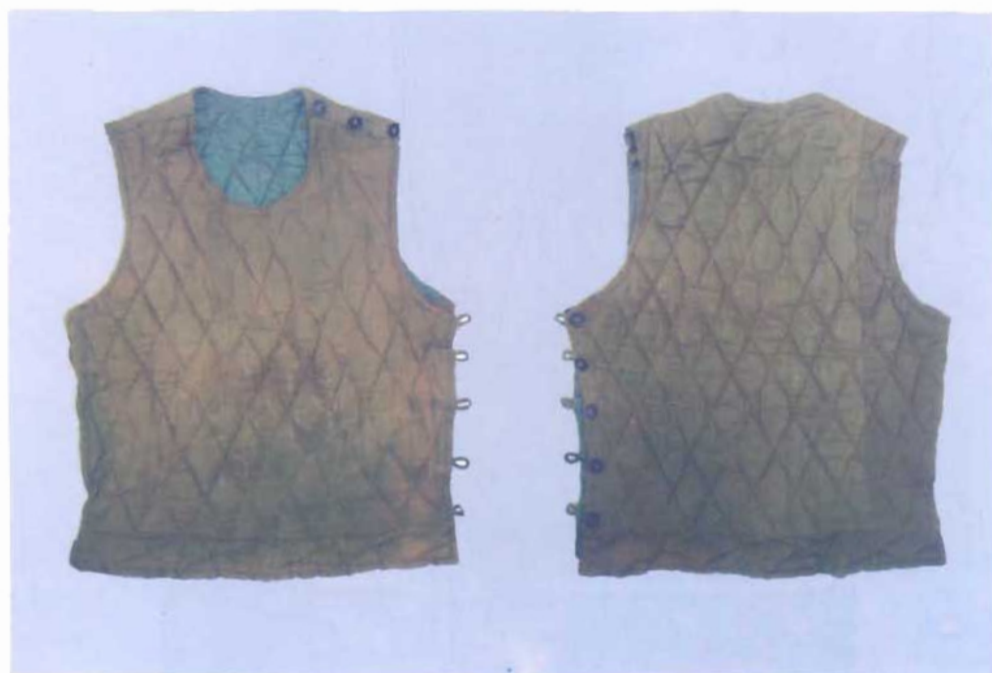
MỘT SỐ TRANG PHỤC
CÓ DẤU ẤN LỊCH SỬ



Hình 438. Quân phục 1946 đến 1954



Hình 439. Mũ lưới



Hình 440, 441. Áo chần thủ (phía trước, phía sau)



Hình 442. Mũ tai bèo



Hình 443. Mũ rơm



Hình 444. Dép cao su quai nhỏ



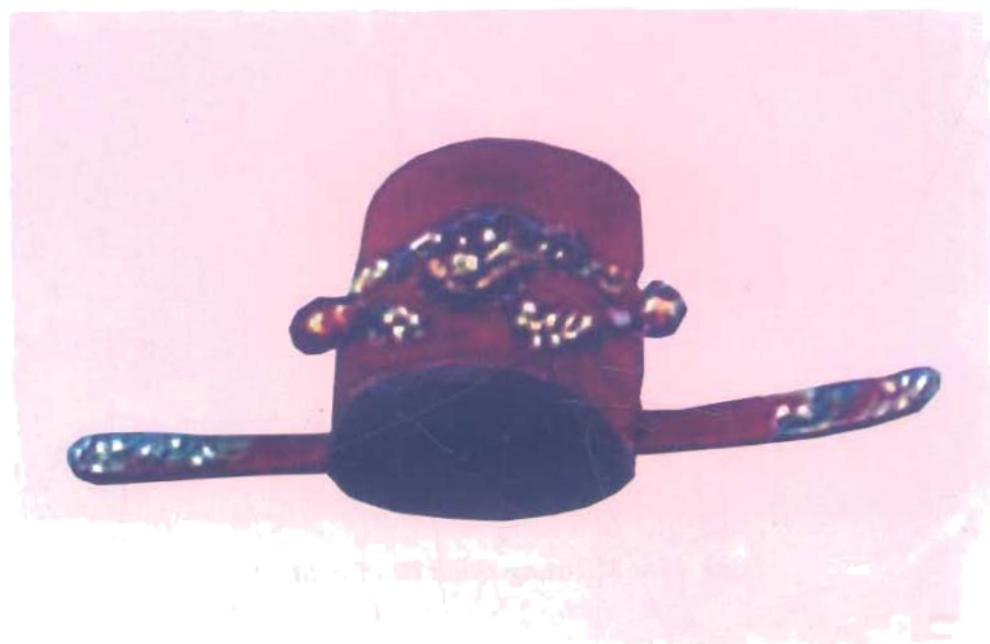
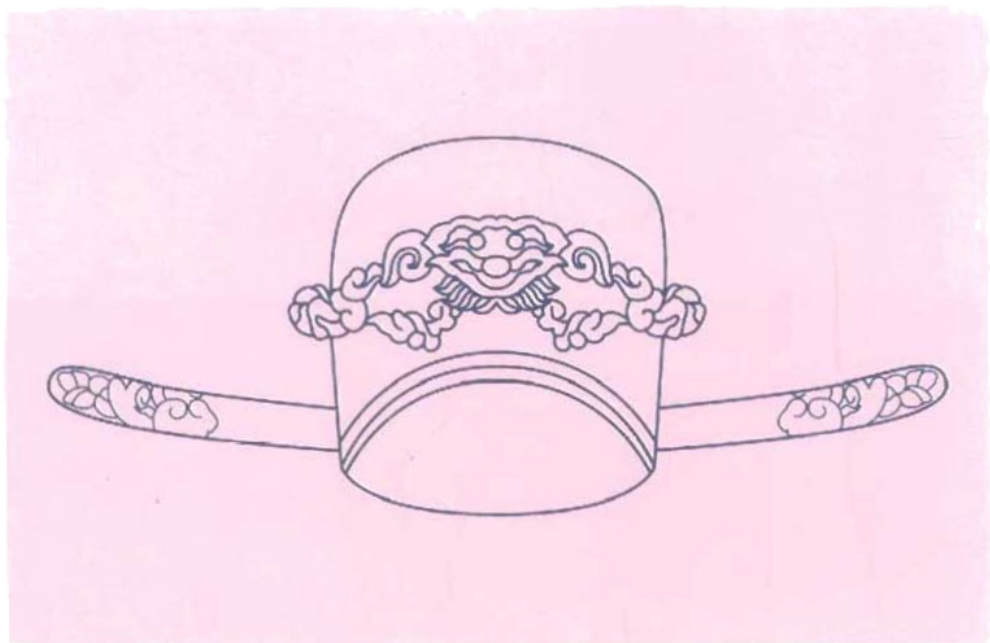
Hình 445. Dép cao su quai to

PHỤ LỤC 6

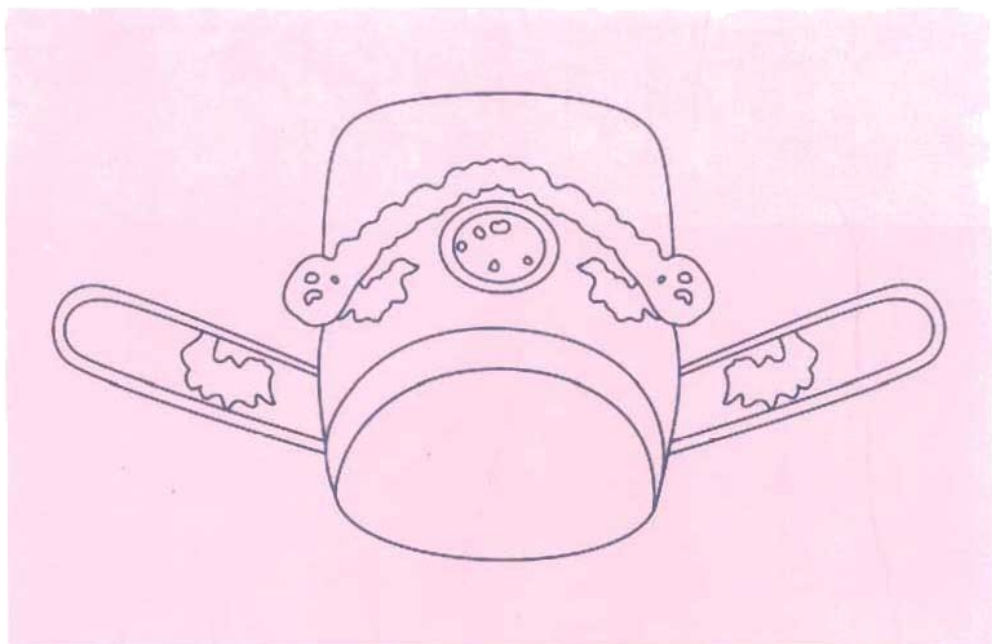
TỔNG HỢP CÁC LOẠI



Hình 446. Mũ xung thiên (thời Nguyễn)



Hình 447. Mũ phác đầu (Ngân bắc sơn)



Hình 448. Mũ phác dầu (Kim bác sơn)



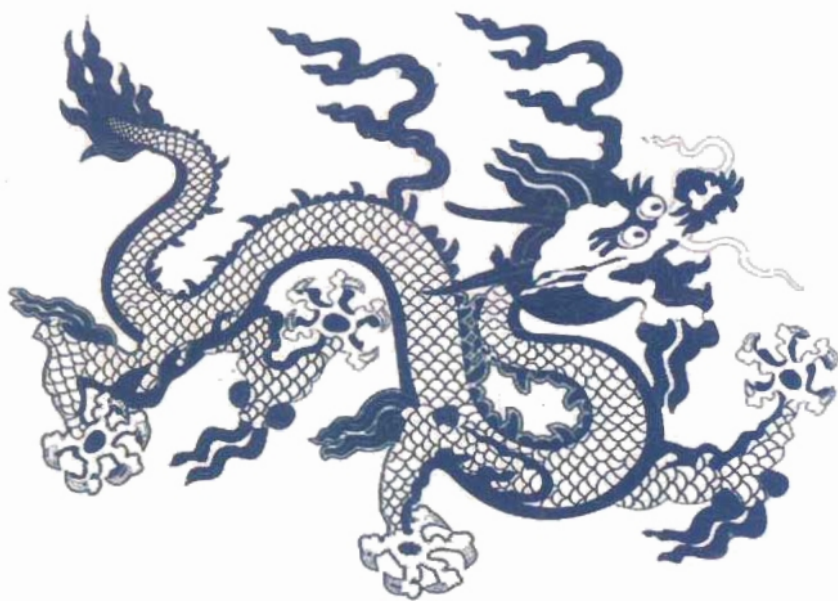
Hình 449. Áo tứ thân mệnh phụ mặc trong nghi lễ



Hình 450. Chi tiết phần thủy ba dưới vạt long bào của vua Lê Dụ Tông



Hình 451. Rồng trước ngực áo long bào (vua Lê Dụ Tông)



Hình 452. Rồng ở tay áo long bào (vua Lê Dụ Tông)



Hình 453. Hài phương



Hình 454. Mũ ni



Hình 455. Hài sảo



1. Bạch trạch



2. Kỳ lân



3. Sư tử



4. Hổ



5. Hùng (gấu)



6. Bí



7. Bư



8. Hải mã



9. Tê ngư

- Các tước công, hầu, bá, phò mã: bỏ tử thêu con kỳ lân và bạch trạch
- Nhất, nhị phẩm, thêu con sư tử
- Tam, tứ phẩm, thêu con hổ, con báo
- Ngũ phẩm, thêu con hùng, con bí
- Lục, thất phẩm, thêu con bư
- Bát, cửu phẩm, thêu con hải mã
- Hoa dạng thì có con tê ngư

Hình 456a. Các dạng bỏ tử thời Minh (Trung Quốc)
Bỏ tử phẩm phục quan võ



1. Tiên hạc



2. Cẩm kê



3. Khổng tước



4. Bạch nhạn



5. Cò



6. Uyên ương



7. Chim liêu



8. Chim thuận



9. Chim thước



10. Hoàng ly



11. Giải trãi

- Nhất, nhị phẩm, thêu con tiên hạc và con cẩm kê
- Tam, tứ phẩm, thêu con công, con nhạn bay trên đám mây
- Ngũ phẩm, thêu con bạch nhạn
- Lục, thất phẩm, thêu con cò, chim uyên ương, chim thước
- Bát, cửu phẩm và tạp chức, thêu chim liêu, chim thuận, hoàng ly
- Nha môn phong hiến (Quan Ngự sử), thêu con giải trãi

*Hình 456b. Các dạng bố tử thời Minh (Trung Quốc)
Bố tử phẩm phục quan văn*



Hình 457a. Họa tiết 12 chương trên long bào (Trung Quốc)



Hình 457b. Họa tiết 12 chương trên long bào (Trung Quốc)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Đồng Tháp 1998.
2. Trần Lâm Biền, *Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*, Nxb Văn hóa dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội 2001.
3. Nguyễn Khắc Cẩn - Nguyễn Ngọc Điệp (sưu tầm, biên soạn, chú giải, chuyển ngữ), *Việt Nam trong quá khứ qua tranh khắc Pháp*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội 1997.
4. Nguyễn Khắc Cẩn - Phạm Viết Thực, *Từ Đà Nẵng đến Điện Biên Phủ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội 1994.
5. Nguyễn Du Chi, *Hoa văn Việt Nam từ thời tiền sử đến nửa đầu thời kỳ phong kiến*, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội - Viện Mỹ thuật. Nxb Mỹ thuật Hà Nội, 2003.
6. Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, 1982.
7. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Sử học. 1961.
8. Nguyễn Lâm Cường, Mộ hợp chất cánh đồng đào Nhật Tân (Hà Nội). *Khảo cổ học*, số 3/2006.
9. Phan Đại Doãn - Nguyễn Quang Ngọc, *Những bàn tay tài hoa của cha ông*, Nxb Giáo dục, 1988.
10. Cao Huy Đình, *Người anh hùng làng Dóng*, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Văn học. Nxb Ban Khoa học xã hội, 1969.
11. Đỗ Bằng Đoàn - Đỗ Trọng Huề, *Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam*, Nxb Hoa Lư, 1968.

12. Lê Quý Đôn, *Vân đài loại ngữ*, Nxb Văn hóa (Viện Văn học), 1962.
13. Lê Quý Đôn toàn tập, tập I, *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, 1977.
14. Lê Quý Đôn toàn tập, tập II, *Kiến văn tiểu lục*, Nxb Khoa học xã hội, 1977.
15. Nguyễn Sĩ Giác (phiên âm và dịch nghĩa), *Đại Nam điển lệ (toát yếu)*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
16. Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*, Nxb Văn hóa (Viện Văn học), 1960; Nxb Trẻ, 1989.
17. Phạm Đình Hổ - Nguyễn Ấn, *Tang thương ngẫu lục*, Nxb Văn học, 1972.
18. Tô Hoài - Nguyễn Vinh Phúc, *Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Trẻ, 2000.
19. *Hà Nội thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội 1984.
20. Vũ Khiêu - Nguyễn Vinh Phúc, *Văn hiến Thăng Long*, Nxb Trẻ, 2004.
21. Lê Văn Lan - Phạm Văn Kính - Nguyễn Linh, *Những vết tích đầu tiên của thời đại đồ đồng thau ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, 1963.
22. *Lịch sử Việt Nam*, (tập I, tập II), Nxb Khoa học xã hội, 1971.
23. Ngô Sĩ Liên - Phạm Công Trứ, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, 1967; Nxb Văn hóa - Thông tin, 2004.
24. Trần Huy Liệu (chủ biên), *Lịch sử thủ đô Hà Nội*, Nxb Sử học, Viện Sử học, 1960.
25. *Lê triều hội điển*, A52, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
26. *Lê triều quan chế*, Viện Sử học và Nxb Văn hóa - Thông tin, 1977.
27. *Mỹ thuật thời Lý*, Nxb Văn hóa, 1973.
28. *Mỹ thuật thời Trần*, Nxb Văn hóa, 1977.
29. *Mỹ thuật thời Lê Sơ*, Nxb Văn hóa, 1978.
30. *Mỹ thuật thời Mạc*, Viện Mỹ thuật, 1993.
31. Lâm Bá Nam, *Nghề dệt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1999.

32. Thái Công Nguyên (chủ biên), *Bảo tàng Mỹ thuật cung đình Huế*, Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế xuất bản, Huế 1997.
33. Nguyễn Nghị (chủ biên), *Huế ngàn năm văn vật*, 1970.
34. Trần Nghĩa (dịch), *An Nam tức sự*, Giao Châu Cáo của Trần Phu. Tạp chí Văn học 1-1972.
35. Nhiều tác giả, *Lễ hội Thăng Long*, Nxb Hà Nội, 1998.
36. *Người Hà Nội thanh lịch*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1971.
37. Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ ca dao Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, 1978.
38. Nguyễn Hải Phong - Nguyễn Đức Bình - Trần Thị Biền - Tạ Xuân Bắc, *Hình tượng con người trong chạm khắc cổ Việt Nam*, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội - Viện Mỹ thuật, Nxb Mỹ thuật, 2002.
39. Tiên Đàm Nguyễn Tường Phượng, *Lược khảo binh chế Việt Nam qua các thời đại*, Nxb Văn hóa - Thông tin, 2002.
40. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Văn Sử Địa, 1957-1960.
41. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Nxb Khoa học xã hội, 1962-1977.
42. Vũ Quỳnh - Kiều Thư, *Lĩnh nam chích quái*, Nxb Văn hóa (Viện Văn học), 1960.
43. Viên Tài - (Hà Tấn Phát) - Văn Công, *Thọ mai gia lễ*, Nxb Hồng Dân, 1961.
44. Văn Tân - Nguyễn Linh - Lê Văn Lan - Nguyễn Đồng Chi - Hoàng Hưng, *Thời đại Hùng Vương*, Nxb Khoa học xã hội, 1976.
45. Hoàng Đạo Thúy, *Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội*, Hội Văn nghệ Hà Nội, 1971.
46. Hoàng Đạo Thúy, *Phố phường Hà Nội xưa*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội 2000.
47. *Tìm trong di sản văn hóa Việt Nam - Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Văn hóa - Thông tin, 2002.

48. Đoàn Thị Tình, *Trang phục Việt Nam* (dân tộc Việt), Nxb Mỹ thuật, 2006.
49. Bùi Thiện - Trần Lê Văn - Ngọc Vũ, *Nghề đẹp quê hương*, Ty Văn hóa Thông tin Hà Sơn Bình, 1977.
50. Nguyễn Trãi, *Dư địa chí*. Nxb Sử học, 1960.
51. Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Nxb Thuận Hóa - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2002.
52. Chu Quang Trứ, *Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc*, Nxb Mỹ thuật, 2001.
53. Cao Tảo, *Lịch triều tạp ký*. VHv 1321/TVKHXH.
54. *Từ điển Bách khoa* - 4 tập, Nxb Từ điển Bách khoa, 1995 - 2004.
55. Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội - Viện Mỹ thuật, *Bản rập họa tiết Mỹ thuật cổ Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội 2000.
56. Trịnh Quang Vũ, *Trang phục triều Lê Trịnh*, Nxb Từ điển Bách Khoa, 2008.
57. Bùi Văn Vương, *Tinh hoa nghề nghiệp cha ông*, Nxb Thanh niên, Hà Nội 1998.
58. Trần Quốc Vương - Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1960.
59. Trần Quốc Vương - Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội nghìn xưa*, Nxb Hà Nội, 1998.
60. Trần Quốc Vương - Đỗ Thị Hảo, *Làng nghề, phố nghề Thăng Long Hà Nội*, Nxb Hà Nội, 2000.
61. Lý Tế Xuyên, *Việt điện U Linh*, Nxb Văn hóa (Viện Văn học), 1960.
62. *Văn kiện đại hội V*, Nxb Sự thật 1982.
63. Các tư liệu khác từ Báo, tạp chí: Nhân dân, Quân đội nhân dân, Tiền phong, Phụ nữ, Dân tộc học, Hà Nội mới, Nam Phong, Ngày nay, Khảo cổ học, Văn học, Mỹ thuật, Văn hóa Nghệ thuật, Xưa và Nay, Heritage, Huế ngàn năm văn vật, Thông báo khoa học của: Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Hưng Yên, Bảo tàng Nam Định, Bảo tàng Mỹ thuật, của trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Tiếng Pháp

64. P. Huard et M. Durand, *Connaissance du VietNam*, École Française d' Extrême-orient, 1954.

65. Dumoutier Denange, Les petits métiers du Tonkin: “*Province de Hà Đông*”.

66. Les industries Familiales de Hà Đông, Hà Nội, 1932.

Tiếng Anh

67. *5000 years of Chinese Costumes*. Text Zhou Xun, Gao Chunming. Editing: The Chinese Costumes Research Group of the Shanghai School of Traditional Operas. (extract from Renmin Ribao 1984.)

Tiếng Trung

68. 中國織綉服飾全集 (第三集, 第四卷 歷代服飾卷上、下卷),
天津人民美術出版社。

Zhongguo Zhixiu Fushi Quanji (Di 3 ji, Di 4 Juan Lidai Fushu Juan shang, Juan xia), Tianjin Renmin Meishu Chubanshe. 2004.

69. 周錫保, 中國古代服飾史

Chu Tích Bảo, *Trung Quốc cổ đại phục sức sử*, Nxb Hý kịch Trung Quốc, Bắc Kinh, 1986.

70. Hình ảnh:

- Một số hình ảnh sưu tầm từ nghệ nhân Triệu Văn Mão, chuyên phục chế lụa cổ ở làng Vạn Phúc.

- Một số hình ảnh sưu tầm từ Lê Đức Nhân, nguyên Quyền Trưởng phòng Biên tập Văn học Nghệ thuật Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam.

- Ảnh: Lê Huy, Hà Trường, Nguyễn Bá Khoản, Nguyễn Duy Kiên, Nguyễn Đức Hòa, tư liệu của Viện Khoa học xã hội, wikipedia, houque.net, delcampe.net, nguyentl.free.fr, albert kahn và trên mạng Internet...

71. Hình vẽ minh họa: Đoàn Thị Tình, Nguyễn Đức Hòa và Nguyễn Kan Trường.

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	5
<i>Mở đầu</i>	9

Phần thứ nhất

TRANG PHỤC GIAI ĐOẠN PHONG KIẾN (1010-1802)	15
---	----

Chương I

TRANG PHỤC THỜI LÝ - TRẦN	18
---------------------------------	----

1. Trang phục trước thời Lý 18
2. Trang phục thời nhà Lý (1010 - 1225) 23
3. Trang phục thời nhà Trần (1225 - 1400) 63

Chương II

TRANG PHỤC THỜI LÊ

(HỒ - MAC - TRỊNH - TÂY SƠN)	90
------------------------------------	----

1. Trang phục thời nhà Hồ (1400 - 1407)..... 90
2. Trang phục thời nhà Lê (hậu Lê 1428 - 1527) -
Lê-Trịnh (Lê Trung Hưng 1593-1787)..... 93
3. Trang phục thời nhà Tây Sơn (1786 - 1802) 176

Phần thứ hai

TRANG PHỤC GIAI ĐOẠN NỬA PHONG KIẾN - NỬA THUỘC ĐỊA (1802 - 1945)	180
--	-----

Chương III

TRANG PHỤC THỜI NHÀ NGUYỄN (1802 - 1883)	183
--	-----

Chương IV

TRANG PHỤC THỜI THUỘC PHÁP (1883 - 1945)	254
--	-----

Phần thứ ba

TRANG PHỤC GIAI ĐOẠN VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA ...	294
--	-----

Chương V

TRANG PHỤC TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN GIẢI PHÓNG 1954	297
---	-----

- | | |
|--|-----|
| 1. Trang phục thời cách mạng (1945 - 1946) | 297 |
| 2. Trang phục thời tạm chiếm (1947 - 1954) | 309 |

Chương VI

TRANG PHỤC TỪ NGÀY GIẢI PHÓNG 1954 ĐẾN NAY	332
1. Trang phục thời hòa bình (1954 - 1975)	334
2. Trang phục thời thống nhất đất nước và đổi mới (1975 - 1986)	354
3. Trang phục thời đổi mới và hội nhập	383
<i>Lời kết</i>	398
<i>Phụ lục</i>	403
<i>Tài liệu tham khảo</i>	505

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

4 - TỐNG DUY TÂN, QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI

ĐT: (04) 38252916 - Fax. (04) 39289143

E-mail: nxbhanoi@yahoo.com.vn

TRANG PHỤC
THĂNG LONG - HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc - Tổng Biên tập
ThS. NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập:

PHẠM QUỐC TUẤN

Bìa:

TRỌNG KIÊN

Trình bày

PHẠM QUỐC TUẤN

Kỹ thuật vẽ tranh:

NGUYỄN THỊ DUYÊN

Sửa bản in:

QUÁCH THỊ HÒA

In 1.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật,
101A Nguyễn Khuyến, Đống Đa, Hà Nội. Quyết định xuất bản số: 241-
2010/CXB/28XH-24/HN. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2010.

TRANG PHỤC

THĂNG LONG
HÀ NỘI

Trang phục Thăng Long Hà Nội



0610100000007

34.000

ISBN 9786045500057